

Chương 1**CÁC CUỘC CÁCH MẠNG TƯ SẢN
(GIỮA THẾ KỈ XVI ĐẾN CUỐI THẾ KỈ XVIII)****BÀI 1. CÁCH MẠNG HÀ LAN GIỮA THẾ KỈ XVI****A. KIẾN THỨC CƠ BẢN****I. TÌNH HÌNH HÀ LAN GIỮA THẾ KỈ XVI****1. Sự phát triển kinh tế của Nê-đéc-lan**

- Đầu thế kỉ XVI, Nê-đéc-lan là một trong những vùng kinh tế phát triển nhất châu Âu:

+ Nhiều thành phố, hải cảng xuất hiện và trở thành trung tâm thương mại nổi tiếng như U-trếch, Am-xtéc-đam.

+ Nhiều ngân hàng được thành lập và đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế.

- Cùng với sự phát triển công thương nghiệp, giai cấp tư sản Nê-đéc-lan sớm hình thành, ngày càng có thế lực về kinh tế. Thợ thủ công và nông dân bị phá sản trở thành công nhân làm thuê. Xã hội tư bản Hà Lan hình thành.

2. Cuộc đấu tranh của nhân dân Nê-đéc-lan chống ách thống trị Tây Ban Nha

- Vương quốc Tây Ban Nha tăng cường kiểm soát và vơ vét của cải của nhân dân Nê-đéc-lan, đồng thời đàn áp những người theo Tôn giáo.

- Các tầng lớp nhân dân Nê-đéc-lan nổi dậy chống ách thống trị của Tây Ban Nha bằng nhiều hình thức khác nhau.

II. CUỘC CÁCH MẠNG BÙNG NỔ

Giai đoạn	Niên đại	Sự kiện chủ yếu
Giai đoạn I 1566-1572	Tháng 8 - 1566	- Nhân dân tấn công, đập phá nhà thờ Thiên Chúa giáo.
	Tháng 10 - 1566	- Phong trào lan rộng ra 12 tỉnh, chính quyền Tây Ban Nha phải nhượng bộ.
	Tháng 6 - 1567	- Chính quyền Tây Ban Nha phái 18000 quân sang chiếm đóng toàn bộ lãnh thổ Nê-đéc-lan.
	Tháng 4 - 1572	- Quân khởi nghĩa giải phóng nhiều vùng rộng lớn.
	4-11-1576	- Quân đội Tây Ban Nha tấn công giết chết 8000 người, phá hủy một trung tâm thương mại.

Giai đoạn II 1572-1648	23/01/1579	- Hội nghị U-trếch gồm đại biểu các tỉnh miền Bắc họp tuyên bố thành lập "Các tỉnh Liên Hiệp"
	Năm 1648	- Tây Ban Nha chính thức công nhận nền độc lập của "các tỉnh Liên Hiệp".

III. KẾT QUẢ VÀ Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA CÁCH MẠNG

1. Kết quả

- Chế độ thống trị của Tây Ban Nha bị lật đổ, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.
- Chỉ thay thế sự thống trị của Tây Ban Nha bằng sự áp bức bóc lột của tư sản, quý tộc trong nước.

2. Ý nghĩa

- Cách mạng tư sản Hà Lan là một chiến tranh giải phóng dân tộc đồng thời là cuộc cách mạng tư sản đầu tiên trên thế giới (vì cách mạng đánh đổ chế độ phong kiến ngoại bang, thành lập nước cộng hòa, xây dựng một xã hội tiến bộ hơn).
- Động lực cách mạng chủ yếu là quần chúng nhân dân, lãnh đạo cách mạng là giai cấp tư sản, chính quyền rơi vào tay giai cấp tư sản, liên kết với quý tộc.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Hãy khoanh tròn một chữ in hoa đứng trước câu trả lời đúng.

1. Nền kinh tế nào dưới đây được đánh giá là đặc điểm nổi bật nhất của Nê-đéc-lan trước khi bùng nổ cách mạng tư sản?

- Nền kinh tế phong kiến phát triển mạnh, khống chế toàn bộ hoạt động trong xã hội.
- Nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh không bị chế độ phong kiến kìm hãm.
- Nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh nhất châu Âu với nhiều thành phố và hải cảng lớn.
- Nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp và thủ công nghiệp.

2. Hãy nêu nguồn gốc xuất thân chủ yếu của giai cấp công nhân làm thuê ở Nê-đéc-lan.

- Giai cấp tư sản bị phá sản.
- Giai cấp nông dân bị tước đoạt ruộng đất.
- Tầng lớp tiểu tư sản bị thất nghiệp.
- Thợ thủ công và nông dân bị phá sản.

3. Trong các thế kỉ XII đến thế kỉ XIV, Nê-đéc-lan bị lệ thuộc vào vương quốc nào?

- Vương quốc Tây Ban Nha.
- Vương quốc Bồ Đào Nha.
- Vương quốc Bỉ.
- Vương quốc Anh.

4. Tại sao các tầng lớp nhân dân Nê-đéc-lan dùng thơ ca để chế giễu, đả kích nhà thờ Thiên Chúa giáo?

- Thiên Chúa giáo đang kìm hãm sự phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa.
- Thiên Chúa giáo là chỗ dựa vững chắc của chính quyền Tây Ban Nha.
- Thiên Chúa giáo ra sức đàn áp, bóc lột nhân dân Nê-đéc-lan.
- Thiên Chúa giáo đã trở nên lỗi thời, lạc hậu trong đời sống tinh thần của nhân dân Nê-đéc-lan.

5. Cuộc đấu tranh của nhân dân Nê-đéc-lan chống Tây Ban Nha bùng nổ vào thời gian nào?

- Tháng 6 năm 1566.
- Tháng 7 năm 1566.
- Tháng 8 năm 1566.
- Tháng 10 năm 1566.

6. Vì sao cuộc đấu tranh của nhân dân Nê-đéc-lan được gọi là "phong trào phá tượng Thánh"?

- Vì họ phá toàn bộ các tượng thánh dựng lên ở Nê-đéc-lan.
- Vì họ phá tất cả các nhà thờ Thiên Chúa giáo.
- Vì họ phá nhà thờ Thiên Chúa giáo, lùng bắt các giám mục.
- Tất cả đều đúng.

7. Trước sự xâm lược tàn bạo của quân đội Tây Ban Nha vào tháng 6-1567, quý tộc và tư sản lớp trên của Nê-đéc-lan tỏ thái độ như thế nào?

- Sẵn sàng thỏa hiệp với Tây Ban Nha đàn áp cách mạng.
- Hợp tác với quân khởi nghĩa chống lại Tây Ban Nha.
- Cầu cứu Anh, Pháp, lập quân đội để vừa chống Tây Ban Nha, vừa đàn áp quân khởi nghĩa.
- Đơn phương lập quân đội chống lại quân Tây Ban Nha.

8. Tháng 4 năm 1572 đã diễn ra sự kiện lịch sử tiêu biểu nào ở Nê-đéc-lan?

- Quân khởi nghĩa giải phóng nhiều vùng rộng lớn ở miền Bắc Nê-đéc-lan.
- Phong trào đấu tranh của nhân dân Nê-đéc-lan lan rộng ra 12 tỉnh.
- Quân Tây Ban Nha được phái sang chiếm đóng toàn bộ lãnh thổ Nê-đéc-lan.
- Tây Ban Nha chính thức công nhận nền độc lập của nhân dân Nê-đéc-lan.

9. Nhân dân Nê-đéc-lan thành lập Ủy ban quản lí xã hội gồm đa số đại biểu của giai cấp và tầng lớp nào?

- Tư sản và bình dân.
- Tư sản và quý tộc.
- Tư sản, quý tộc và bình dân.
- Công nhân, nông dân và thợ thủ công.

10. Tên nước Hà Lan chính thức ra đời vào thời gian nào?

- Năm 1572.
- Năm 1597.
- Năm 1648.
- Năm 1649.

BÀI 2. CUỘC CÁCH MẠNG TƯ SẢN ANH GIỮA THẾ KỈ XVII

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. NHỮNG TIỀN ĐỀ CỦA CÁCH MẠNG

1. Sự phát triển kinh tế

- Từ giữa thế kỉ XVI, quan hệ tiền tệ đã thâm nhập vào nông thôn Anh làm thay đổi cơ cấu kinh tế và phương thức kinh doanh:

+ Lãnh chúa phong kiến và một bộ phận nông dân chuyển sang nuôi cừ, bán lông cừu.

+ Nhiều công trường sản xuất len dạ xuất hiện.

+ Nhiều ngành công nghiệp lớn mạnh.

+ Nhiều ngân hàng ra đời.

+ Việc buôn bán phát đạt và do thương nhân nắm giữ.

2. Những biến đổi về xã hội

- Nông dân bị mất ruộng đất phải bán sức lao động cho tư bản.

- Một số địa chủ trở thành quý tộc mới.

- Mâu thuẫn xã hội gay gắt, dẫn tới cuộc đấu tranh chống chế độ phong kiến, tạo điều kiện cho kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển.

II. TIẾN TRÌNH CỦA CÁCH MẠNG (Tóm tắt theo bảng thống kê sau)

Giai đoạn	Niên đại	Sự kiện chủ yếu
Giai đoạn I 1642-1648	- Năm 1640	- Vua Sác-lơ I triệu tập Quốc hội, mầm móng cuộc nội chiến xuất hiện.
	- Tháng 1-1642	- Sác-lơ I chạy lên miền Bắc chuẩn bị lực lượng.
	- 22-8-1642	- Sác-lơ I tuyên chiến với Quốc hội - nội chiến bắt đầu.
	- 14-6-1645	- Quân đội nhà vua thất bại, Sác-lơ I bị bắt.
	- Mùa xuân 1648	- Sác-lơ I tiếp tục chiến tranh chống quốc hội nhưng bị thất bại - nội chiến kết thúc.
Giai đoạn 1649-1688	- 30-1-1649	- Sác-lơ I bị xử tử; nước Anh trở thành cộng hoà.
	- Năm 1653	- Ô.Crôm-oen trở thành Bảo hộ công; chế độ độc tài quân sự được thiết lập.
	- 03-9-1658	- Ô.Crôm-oen chết.
	- Năm 1660	- Con Sác-lơ I là Sác-lơ III lên ngôi vua.
	- Tháng 11-1688	- V.Ô-ran-giơ cùng 12.000 quân đổ bộ vào Anh, chế độ quân chủ lập hiến được xác lập.

III. TÍNH CHẤT VÀ Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA CÁCH MẠNG

1. Tính chất

- Cách mạng do quý tộc mới và tư sản lãnh đạo.

- Quân chúng nhân dân giữ vai trò quyết định thắng lợi cho cách mạng.

- Quý tộc mới và tư sản nắm chính quyền, không đáp ứng yêu cầu của nhân dân.

- Sự nhượng bộ của quý tộc mới và tư sản đã dẫn đến thành lập chế độ quân chủ lập hiến.

Vì vậy, cách mạng tư sản Anh là cuộc cách mạng tư sản không triệt để.

2. Ý nghĩa

- lật đổ chế độ phong kiến, mở đường cho chủ nghĩa tư bản ở Anh phát triển.

- Mở ra thời kì quá độ từ chế độ phong kiến sang chế độ tư bản.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Hãy khoanh tròn một chữ in hoa đứng trước câu trả lời đúng.

1. Từ thế kỉ XVI, quan hệ sản xuất nào đã thâm nhập vào nông thôn Anh, làm thay đổi cơ cấu kinh tế và phương thức kinh doanh?

A. Quan hệ kinh tế nông nghiệp.

B. Quan hệ kinh tế công nghiệp.

C. Quan hệ kinh tế tiền tệ.

D. Tất cả các quan hệ kinh tế trên.

2. Trong các ngành sản xuất ở Anh, ngành nào đóng vai trò quyết định nhất ở thế kỉ XVI?

A. Sản xuất thủ công nghiệp.

B. Sản xuất nông nghiệp.

C. Sản xuất len dạ.

D. Sản xuất và chế biến thủy tinh.

3. Vì sao người nông dân ở Anh phải ra thành thị bán sức lao động cho tư bản hay di cư sang Tây bán cầu?

A. Họ bị mất ruộng đất.

B. Họ bị bọn địa chủ bóc lột tàn nhẫn.

C. Họ muốn tìm cuộc sống no đủ hơn.

D. Tất cả các lí do trên.

4. Một số địa chủ phong kiến ở Anh chuyển sang kinh doanh theo lối tư bản chủ nghĩa, trở thành những tầng lớp nào?

A. Tư sản công nghiệp.

B. Tư sản nông nghiệp.

C. Địa chủ mới.

D. Quý tộc mới.

5. Trước cuộc cách mạng tư sản, ở Anh nảy sinh mâu thuẫn nào mới?

A. Mâu thuẫn giữa nông dân với quý tộc địa chủ.

B. Mâu thuẫn giữa quý tộc mới, giai cấp tư sản với chế độ quân chủ.

C. Mâu thuẫn giữa nông dân với quý tộc mới.

D. Mâu thuẫn giữa quý tộc địa chủ với tư sản.

6. Trong khoảng thời gian nào dưới đây đã diễn ra cuộc nội chiến ở Anh?

A. Tháng 01 - 1642.

B. Ngày 14 - 6 - 1645.

C. Ngày 22 - 8 - 1642.

D. Ngày 14 - 6 - 1642.

7. Cuộc nội chiến ở Anh thế kỉ XVI diễn ra giữa các thế lực nào?

- A. Vua Sác-lơ-I với quý tộc mới. B. Vua Sác-lơ- I với Quốc hội.
C. Quý tộc mới với nông dân. D. Tư sản với địa chủ phong kiến.

8. Sự kiện lịch sử nào chứng tỏ Cách mạng tư sản Anh đạt đến đỉnh cao?

- A. Năm 1649, Sác-lơ I bị xử tử.
B. Năm 1648, quân của Sác-lơ I bị Quốc hội đánh bại.
C. Năm 1658, quý tộc mới và tư sản chủ trương lập lại chế độ quân chủ.
D. Năm 1689, tư sản và quý tộc mới đưa Vin-hem Ô-ran-giơ lên ngôi vua.

9. Khi nước Anh trở thành nước cộng hòa, mọi quyền hành nằm trong tay giai cấp nào?

- A. Quý tộc mới và địa chủ phong kiến. B. Tư sản và nông dân.
C. Quý tộc mới và tư sản. D. Quý tộc mới, tư sản và nông dân.

10. Lực lượng nào là lực lượng chủ yếu tham gia vào Cách mạng tư sản Anh để chống lại chế độ phong kiến?

- A. Công nhân và nông dân. B. Nông dân và binh lính.
C. Quý tộc mới và tư sản. D. Nông dân và quý tộc mới.

11. Chế độ độc tài quân sự ở Anh được thiết lập vào thời gian nào? Do ai đứng đầu?

- A. Năm 1649. Do Sác-lơ I đứng đầu.
B. Năm 1660. Do Sác-lơ III đứng đầu.
C. Năm 1689. Do Vin-hem Ô-ran-giơ đứng đầu.
D. Năm 1653. Do Ô-li-vơ Crôm-oen đứng đầu.

12. Vai trò lãnh đạo cuộc cách mạng tư sản Anh thế kỉ XVII thuộc về giai cấp và tầng lớp nào?

- A. Quý tộc mới và nông dân. B. Tư sản và thợ thủ công.
C. Quý tộc mới và tư sản. D. Tất cả các giai cấp và tầng lớp trên.

13. Cách mạng tư sản Anh đã từng gây tiếng vang lớn ở châu Âu, nhưng vì sao nó lại là một cuộc cách mạng tư sản không triệt để?

- A. Không đáp ứng được nguyện vọng của quần chúng nhân dân.
B. Kết thúc bằng sự nhượng bộ của quý tộc mới và tư sản cầm quyền.
C. Lập ra chế độ quân chủ lập hiến.
D. Tất cả các lí do trên.

14. Cuộc cách mạng tư sản Anh diễn ra dưới hình thức nào?

- A. Nội chiến.
B. Chiến tranh giải phóng dân tộc.
C. Nội chiến kết hợp với chiến tranh giải phóng dân tộc.
D. Bạo động của giai cấp tư sản chống chế độ phong kiến.

15. Các Mác viết: "Thắng lợi của giai cấp tư sản có nghĩa là thắng lợi của chế độ xã hội mới, thắng lợi của chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa đối với chế độ phong kiến". Đó là ý nghĩa lịch sử của cuộc cách mạng tư sản nào?

- A. Cách mạng tư sản Hà Lan. B. Cách mạng tư sản Anh
C. Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ. D. Cách mạng tư sản Pháp.

16. Cách mạng tư sản Anh mang tính chất là cuộc cách mạng tư sản bảo thủ không triệt để bởi yếu tố nào sau đây?

- A. Là cuộc cách mạng chỉ đem lại thắng lợi cho giai cấp tư sản và quý tộc mới, quyền lợi của nông dân lao động không được đáp ứng.
B. Là cuộc cách mạng do giai cấp tư sản và quý tộc mới lãnh đạo.
C. Là cuộc cách mạng mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.
D. Là cuộc cách mạng đưa nước Anh trở thành nước cộng hòa.

BÀI 3

CHIẾN TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP Ở BẮC MỸ NỬA SAU THẾ KỈ XVIII

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. SỰ DI DÂN ĐẾN BẮC MỸ VÀ CHẾ ĐỘ THUỘC ĐỊA ANH

1. Sự xâm chiếm thuộc địa của Anh ở Bắc Mỹ

- Từ năm 1603 đến 1732, thực dân Anh lần lượt xâm chiếm và lập 13 thuộc địa ở Bắc Mỹ.
- Thế kỉ XVII – XVIII, thực dân Anh đã tiêu diệt và dồn đuổi người In-di-an vào rừng sâu phía tây để chiếm vùng đất phì nhiêu, rồi đưa người da đen từ châu Phi sang khai khẩn đồn điền.

2. Chế độ thực dân Anh ở Bắc Mỹ

- Về chính trị: các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ đặt dưới quyền của vua Anh, song lại có chế độ cai trị riêng.
- Về kinh tế: các thuộc địa là nguồn cung cấp nguyên liệu và là thị trường tiêu thụ hàng hoá của chính quốc, phải tuân theo các đạo luật của chính quốc.
- Hậu quả: Việc khai thác thuộc địa của Anh làm cản trở sự phát triển của xã hội Bắc Mỹ. Nhưng kinh tế hai miền vẫn phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa.

II. CUỘC CHIẾN TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP Ở BẮC MỸ

1. Nguyên nhân và diễn biến

* Nguyên nhân:

- Sau sự kiện "chè Bô-xton" (cuối năm 1773, nhân dân Cảng Bô-xton tấn công ba tàu chở chè của Anh).
- Từ 5- 9 đến 26 - 10 -1774, Đại hội lục địa lần thứ nhất của nhân dân các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ khai mạc tại Phi-la-đen-phi-a. Các đại biểu nhất trí yêu cầu vua Anh bãi bỏ chính sách hạn chế công thương nghiệp ở Bắc Mỹ. Vua Anh không chấp nhận mà còn trừng phạt.

* *Diễn biến:*

- Tháng 4-1775, chiến tranh bùng nổ, chỉ huy quân thuộc địa là Gioóc-giơ Oa-sinh-tơn. Lúc đầu, nghĩa quân chịu nhiều thất bại, vì lực lượng còn non yếu, tổ chức chưa chặt chẽ. Đến đầu năm 1776, nghĩa quân mới chiếm được Bô-xtơn.

- Ngày 10 -5-1776, Hội nghị lục địa lần thứ hai họp, tuyên bố cắt đứt quan hệ với Anh, củng cố lực lượng vũ trang dưới sự chỉ huy của Oa-sinh-tơn.

2. Tuyên ngôn độc lập và việc thành lập Hoa Kỳ

- Ngày 4-7-1776, Đại hội Phi-la-đen-phi-a thông qua Tuyên ngôn Độc lập, xác định quyền con người và quyền độc lập của các thuộc địa.

- Ngày 17-10-1777 nghĩa quân thắng lớn ở Xa-ra-tô-ga bắt 5000 tù binh, tiếp đó quân khởi nghĩa đánh thắng nhiều trận khác, buộc Anh phải kí hiệp ước Véc-xai 1783, công nhận nền độc lập của 13 thuộc địa.

III. TÍNH CHẤT VÀ Ý NGHĨA LỊCH SỬ

- *Tính chất*

+ Được tiến hành bằng cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc; nhưng thực chất là một cuộc cách mạng tư sản.

+ Đây là "cuộc chiến tranh giải phóng thực sự, cách mạng thực sự".

- *Ý nghĩa:*

+ Giải phóng Bắc Mĩ khỏi chính quyền Anh, thành lập quốc gia tư sản, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển ở Bắc Mĩ.

+ Góp phần thúc đẩy cách mạng chống phong kiến ở châu Âu, phong trào đấu tranh giành độc lập ở Mĩ La-tinh.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Hãy khoanh tròn một chữ in hoa đứng trước câu trả lời đúng.

1. Vì sao Bắc Mĩ trở thành nơi cạnh tranh đối với nước Anh?

- A. Do sự phát triển kinh tế của các thuộc địa.
- B. Do sự xâm nhập chủ nghĩa tư bản Anh vào Bắc Mĩ.
- C. Do sự cản trở của Bắc Mĩ đối với hàng hoá Anh.
- D. Tất cả các lí do trên.

2. Năm 1773 diễn ra sự kiện lịch sử nào tiêu biểu nhất ở Bắc Mĩ?

- A. Nhân dân thuộc địa họp đại hội ở Phi-la-đen-phi-a.
- B. Nhân dân Bô-xtơn tấn công tàu chở chè Anh.
- C. Chiến tranh bùng nổ giữa thực dân Anh và thuộc địa.
- D. Tất cả các sự kiện trên.

3. Tại Đại hội lục địa lần thứ nhất vào tháng 9 - 1774, các đại biểu yêu cầu vua Anh vấn đề gì?

- A. Rút quân đội khỏi Bắc Mĩ.
- B. Bỏ chính sách hạn chế công thương nghiệp ở Bắc Mĩ.
- C. Bỏ chính sách thuế khoá ở Bắc Mĩ.
- D. Trao trả nền độc lập cho Bắc Mĩ.

4. Chiến tranh giữa các thuộc địa với chính quốc bùng nổ vào thời gian nào?

- A. Tháng 4 năm 1775.
- B. Tháng 5 năm 1775.
- C. Tháng 7 năm 1776.
- D. Tháng 7 năm 1767.

5. Nội dung ở cột B cho phù hợp với cột A dưới đây cho đúng với cuộc chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ.

A	B
1- Nguyên nhân	A. Thị trường dân tộc được hình thành. B. Tuyên ngôn độc lập. C. Đại hội lục địa lần thứ nhất. D. Đại hội lục địa lần thứ hai. E. Hoà ước Véc-xai 1783.
2- Diễn biến	F. Sự phát triển kinh tế của thuộc địa làm cho Bắc Mĩ trở thành nơi cạnh tranh đối với Anh.
3- Kết quả, ý nghĩa	G. Hiến pháp thông qua. H. Tạo điều kiện cho kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển. I. Thắng lợi tại Xa-ra-tô-ga. K. Duy trì chế độ nô lệ.

6. Ngày 4 - 7 - 1776 ghi vào lịch sử nước Mĩ như thế nào?

- A. Ngày quốc khánh nước Mĩ.
- B. Các thuộc địa lần lượt tuyên bố tách khỏi nước Anh.
- C. Đại hội lục địa lần hai thành công.
- D. Tất cả các sự kiện trên.

7. Chiến thắng nào đã tạo nên bước ngoặt trong cuộc chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ?

- A. Chiến thắng Bô-xtơn.
- B. Chiến thắng Xa-ra-tô-ga.
- C. Chiến thắng I-oóc-tao.
- D. Tất cả các chiến thắng trên.

8. Với trận đánh quyết định nào làm cho toàn bộ quân Anh phải đầu hàng?

- A. Trận đánh ở Bô-xtơn.
- B. Trận đánh ở Xa-ra-tô-ga.
- C. Trận đánh ở I-oóc-tao.
- D. Trận đánh ở Oa-sinh-tơn.

9. Sự kiện lịch sử nào chứng tỏ Anh chính thức công nhận nền độc lập của 13 thuộc địa ở Bắc Mĩ?

- A. Kí kết hoà ước Véc-xai ở Pháp tháng 9 - 1783.
- B. Mĩ thông qua Hiến pháp năm 1787.
- C. Thông qua bản tuyên ngôn Độc lập ngày 4 - 7 - 1776.
- D. Chiến thắng Xa-ra-tô-ga ngày 17 - 10 - 1777.

10. Tại Hội nghị lục địa lần thứ hai đã tuyên bố vấn đề gì?

- A. Cắt đứt quan hệ với Anh, củng cố lực lượng vũ trang dưới sự chỉ huy của Oa-sinh-tơn.
- B. Thông qua bản Tuyên ngôn Độc lập của nước Mĩ.

- C. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc.
- D. Xóa bỏ mọi đặc quyền, đặc lợi của thực dân Anh ở Bắc Mĩ.

11. Mục tiêu của cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ là gì?

- A. Thành lập một nước cộng hoà.
- B. Mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển ở Mĩ.
- C. Giành độc lập, thoát khỏi sự lệ thuộc vào tư bản Anh.
- D. Tạo điều kiện cho nền kinh tế các thuộc địa phát triển.

12. Anh công nhận nền độc lập của 13 bang thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ bằng văn kiện nào?

- A. Hòa ước Mác xây.
- B. Hòa ước Brer-li-tốp.
- C. Hiệp ước Véc-xai.
- D. Hiệp định Giơ-ne-vơ.

BÀI 4

CÁCH MẠNG TƯ SẢN PHÁP CUỐI THẾ KỈ XVIII

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. NHỮNG TIỀN ĐỀ CỦA CÁCH MẠNG

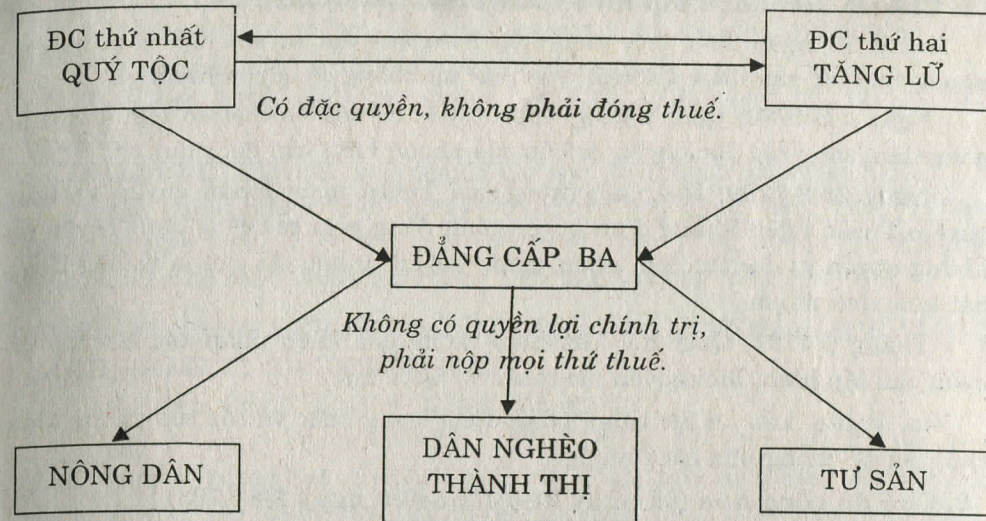
1. Tình hình kinh tế nước Pháp trước năm 1789

- Trước cách mạng, nông nghiệp Pháp kém phát triển. Biểu hiện:
 - + Công cụ và phương thức canh tác thô sơ, lạc hậu, năng suất thấp.
 - + Cư dân chủ yếu sống bằng nghề nông.
 - + Lãnh chúa, Giáo hội bóc lột nông dân nặng nề. Đời sống nông dân vô cùng khốn khổ. Nạn đói thường xuyên xảy ra.
- Công thương nghiệp trên đà phát triển:
 - + Nhiều thành thị mọc lên và ngày càng lớn mạnh.
 - + Công trường thủ công khá lớn.
 - + Phát triển nhất là các nghề dệt vải, tơ lụa, luyện kim, khai mỏ, chế tạo vũ khí.
- Thương nghiệp phát đạt, song việc giao lưu hàng hoá gặp nhiều khó khăn. Điều này đã cản trở việc hình thành thị trường dân tộc. Nhà nước độc quyền về lúa mì, muối và một số hàng hoá khác làm hạn chế đối với việc buôn bán với nhiều nước châu Âu.

2. Chế độ xã hội, chính trị

- Nước Pháp vẫn duy trì chế độ quân chủ chuyên chế, đứng đầu là vua Lu-I XVI, với chế độ đẳng cấp rất khắt khe. Xã hội chia thành ba đẳng cấp: tăng lữ, quý tộc và đẳng cấp thứ ba.
 - + Tăng lữ và quý tộc được hưởng mọi đặc quyền, không phải đóng thuế.
 - + Đẳng cấp thứ ba gồm tư sản, nông dân, bình dân thành thị. Nông dân chịu nhiều tầng áp bức bóc lột, tư sản có thể lực kinh tế nhưng không có quyền lực chính trị.

(Có thể minh họa theo sơ đồ)



- Đến cuối thế kỉ XVIII, do mâu thuẫn về quyền lợi kinh tế và địa vị chính trị giữa đẳng cấp thứ ba với đẳng cấp tăng lữ và quý tộc, nước Pháp lâm vào cuộc khủng hoảng xã hội sâu sắc, báo hiệu cuộc cách mạng đang đến gần.

3. Cuộc đấu tranh trên tư tưởng

- Thế kỉ XVIII, ở châu Âu được gọi là Thế kỉ Ánh sáng.
- Ở Pháp, trào lưu tư tưởng tiến bộ đó được gọi là *Triết học Ánh sáng*, tiêu biểu là Mông-te-xki-ơ, Vôn-te, Rút-xô.
- Nội dung của *Triết học Ánh sáng*:
 - + Phê phán sự thối nát của chế độ phong kiến và nhà thờ Ki-tô giáo.
 - + Đưa ra ý tưởng xây dựng nhà nước mới, tiến bộ.
- Tác dụng tư tưởng *Triết học Ánh sáng*: Dọn đường cho cách mạng bùng nổ, định hướng cho một xã hội mới tương lai.

4. Cách mạng 1789 bùng nổ

- Ngày 5-5-1789, vua Lu-I XVI triệu tập Hội nghị ba đẳng cấp tại cung điện Véc-xai nhưng đã bị đẳng cấp thứ ba phản đối.
- Ngày 17-6-1789, đại biểu đẳng cấp thứ ba, cùng một số quý tộc, tăng lữ họp tự tuyên bố là Quốc hội lập hiến.
- Nhà vua tập trung quân đội chống Quốc hội, gây nên làn sóng công phần trong quần chúng.
- Ngày 14-7-1789, quần chúng phá ngục Ba-xi, mở đầu cho cách mạng Pháp. Cách mạng thắng lợi mở đầu ở Pa-ri rồi lan nhanh ra các thành phố và nông thôn nước Pháp.

II. NỀN QUÂN CHỦ LẬP HIẾN, NỀN CỘNG HOÀ THỨ NHẤT. (1792)

1. Chế độ quân chủ lập hiến (14-7-1789 - 10-8-1792)

Thắng lợi ngày 14-7 đưa phái Lập hiến của đại tư sản lên cầm quyền, nhưng Lu-I VI vẫn được giữ ngôi vua mặc dù không có quyền hành gì.

- Ngày 4-8-1789, Quốc hội lập hiến tuyên bố xoá bỏ một số nghĩa vụ của nông dân, song các đặc quyền cơ bản của phong kiến vẫn được duy trì.

- Ngày 28-8-1789, Quốc hội thông qua Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền. Tuyên ngôn khẳng định quyền bình đẳng giữa các công dân. Tuyên bố những quyền tự do dân chủ, nhấn mạnh quyền tư hữu tài sản là thiêng liêng bất khả xâm phạm.

- Tháng 9-1791, Quốc hội Lập hiến thông qua Hiến pháp xác lập chế độ quân chủ lập hiến. Mọi quyền lực thuộc về Quốc hội.

Vua đã liên kết với lực lượng phản động trong nước và cầu cứu phong kiến châu Âu để chống phá cách mạng.

2. Chế độ cộng hòa (từ ngày 21-9-1792 đến ngày 2-6-1793)

- Ngày 20-4-1792, Pháp tuyên chiến với Áo. Chiến tranh nổ ra giữa nước Pháp cách mạng và liên minh phong kiến châu Âu. Vùng Bắc và Tây nước Pháp bị xâm chiếm.

- Trước tình hình "Tổ quốc lâm nguy" nhân dân nổi dậy lật đổ sự thống trị của phái Lập hiến, xoá bỏ chế độ phong kiến. Nhân dân đã tấn công vào Cung điện Tuy-lơ-ri, nơi ở của vua Lu-I XVI, bắt vua và hoàng hậu. Chế độ quân chủ bị lật đổ. Chính quyền chuyển sang tay tư sản công thương, thuộc phái Gi-rông-đanh.

- Quốc hội mới được bầu theo chế độ phổ thông đầu phiếu, được gọi là Quốc ước. Ngày 20-9-1792, quân Pháp đánh thắng quân xâm lược ở Van-mi.

- Ngày 21-1-1792, Quốc ước tuyên bố thủ tiêu chế độ quân chủ và tuyên bố thành lập nền cộng hoà đầu tiên của nước Pháp. Cách mạng phát triển sang giai đoạn mới – giai đoạn cộng hoà, do phái Gi-rông-đanh cầm quyền.

- Ngày 21-1-1793, Vua Lu-I VI bị xử tử vì tội phản quốc.

II. CHUYÊN CHÍNH DÂN CHỦ CÁCH MẠNG GIA-CÔ-BANH (1793 - 1794)

- Ngày 31-5-1793, quần chúng cách mạng Pa-ri xuống đường đòi bắt và xử những người phái Gi-rông-đanh phản bội Tổ quốc. Ngày 2-6-1793, Quốc dân quân, thợ thủ công bao vây Quốc ước, bắt giam những người cầm quyền Gi-rông-đanh.

- Chính quyền chuyển sang tay những người Gia-cô-banh, đứng đầu là Rô-be-spie. Cách mạng Pháp chuyển sang giai đoạn cao nhất. Giai đoạn chuyên chính Gia-cô-banh.

- Chính quyền Gia-cô-banh thực hiện các biện pháp để chống thù trong, giặc ngoài:

+ Trả lại cho nông dân những đất công bị quý tộc phong kiến chiếm, chia đất đai thành từng mảnh nhỏ bán cho nông dân;

+ Trưng thu lúa mì, qui định giá tối đa đối với các nhu yếu phẩm;

+ Quy định mức lương tối đa đối với công nhân.

- Tháng 6 -1793, quốc ước thông qua Hiến pháp mới, tiến bộ hơn Hiến pháp 1791.

- Ngày 23-8-1793, sắc lệnh tổng động viên toàn quốc được ban hành.

- Quần chúng phấn khởi hưởng ứng lệnh tổng động viên, quân đội cách mạng có tinh thần chiến đấu cao. Đến mùa xuân 1794, nước Pháp đã giành thắng lợi trong cuộc chiến đấu chống liên minh phong kiến châu Âu.

IV. CÁCH MẠNG KẾT THÚC, TÍNH CHẤT VÀ Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA CÁCH MẠNG TƯ SẢN PHÁP 1789

1. Cuộc đảo chính ngày 9 tháng Tét-mi-đô

- Ngày 9 tháng Tét-mi-đô (27-7-1794) những đại diện của tư sản phản cách mạng vũ trang bao vây Quốc ước, bắt Rô-be-spie cùng các bạn chiến đấu của ông. Hôm sau Rô-be-spie và nhiều nhà cách mạng Gia-cô-banh bị xử tử.

- Lật đổ phái Gia-cô-banh, tầng lớp tư sản phản cách mạng lên cầm quyền, tìm mọi cách tiêu diệt tận gốc nền chuyên chính Gia-cô-banh. Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII chấm dứt.

2. Tính chất và ý nghĩa của Cách mạng Pháp 1789

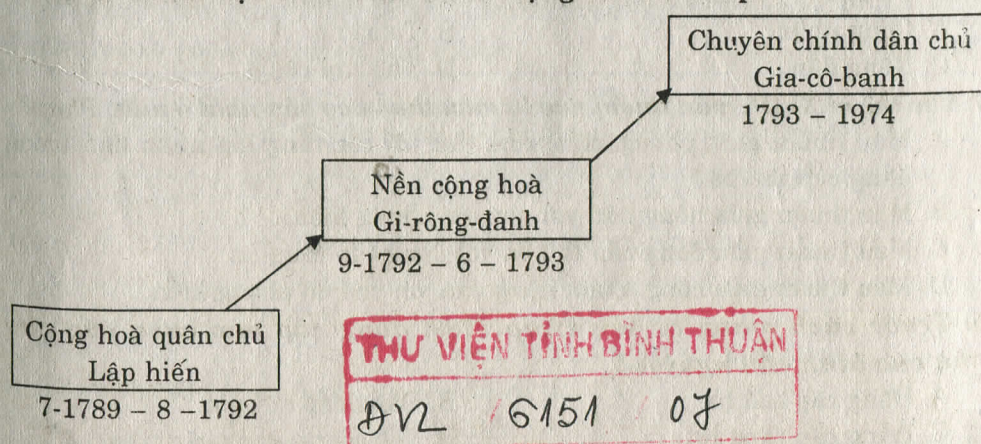
- Đây là cuộc cách mạng tư sản triệt để nhất:

Lật đổ nền quân chủ chuyên chế, tuyên bố chế độ tư sản cùng các quyền tự do dân chủ, xoá bỏ chế độ đẳng cấp và quan hệ ruộng đất phong kiến, mở đường cho kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển.

- Không chỉ có ý nghĩa đối với nước Pháp mà còn có ảnh hưởng to lớn đến nhiều nước khác: Mở ra thời đại thắng lợi và củng cố quyền thống trị của giai cấp tư sản trên phạm vi thế giới.

- Còn nhiều hạn chế: tiếp tục duy trì chế độ tư hữu, không giải phóng người lao động khỏi ách áp bức...

Sơ đồ minh họa tiến trình cách mạng tư sản Pháp.



B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Hãy khoanh tròn một chữ in hoa đứng trước câu trả lời đúng.

1. Vì sao trước cách mạng, nước Pháp là một nước nông nghiệp kém phát triển?

- A. Công cụ, kĩ thuật canh tác còn thô sơ.
- B. Đất đai bị bỏ hoang nhiều, năng suất cây trồng thấp.
- C. Một số địa chủ chuyển sang kinh doanh theo hướng tư bản chủ nghĩa.
- D. Quan hệ sản xuất phong kiến vẫn được duy trì với phương thức bóc lột cũ.

2. Điểm nổi bật nhất trong lĩnh vực công nghiệp ở Pháp vào cuối thế kỉ XVIII là:

- A. Sản xuất được nhiều mặt hàng mĩ phẩm.
- B. Công trường thủ công khá lớn, thu hút được đông đảo công nhân làm thuê.
- C. Công nghiệp nặng phát triển mạnh mẽ.
- D. Công nghiệp chế biến trở thành ngành kinh tế then chốt.

3. Trước khi cách mạng tư sản 1789 bùng nổ, nước Pháp theo thể chế chính trị nào?

- A. Quân chủ lập hiến.
- B. Cộng hòa tư sản.
- C. Quân chủ chuyên chế.
- D. Quân chủ lập hiến đan xen với quân chủ chuyên chế.

4. Trước cách mạng, ở Pháp đẳng cấp nào được hưởng đặc quyền, không phải đóng thuế?

- A. Đẳng cấp tăng lữ.
- B. Đẳng cấp quý tộc.
- C. Đẳng cấp thứ ba.
- D. Đẳng cấp tăng lữ và quý tộc.

5. Trong đẳng cấp thứ ba gồm có các giai cấp và tầng lớp nào của xã hội Pháp?

- A. Tư sản, nông dân.
- B. Tư sản, nông dân, công nhân.
- C. Tư sản, quý tộc phong kiến.
- D. Công nhân, nông dân và thợ thủ công.

6. Trước cách mạng, lực lượng nào chiếm số lượng đông đảo nhất ở nước Pháp?

- A. Công nhân.
- B. Tư sản.
- C. Nông dân.
- D. Thợ thủ công.

7. Vào thế kỉ XVIII, mâu thuẫn nào là mâu thuẫn cơ bản nhất ở nước Pháp?

- A. Mâu thuẫn giữa phong kiến, nhà thờ với các tầng lớp nhân dân trong đẳng cấp thứ ba.
- B. Mâu thuẫn giữa nông dân với quý tộc phong kiến.
- C. Mâu thuẫn giữa đẳng cấp thứ ba với đẳng cấp tăng lữ.
- D. Mâu thuẫn giữa công nhân, nông dân với chế độ phong kiến.

8. Trước cách mạng tư sản Pháp 1789, đẳng cấp nào cung cấp cho nhà vua kinh cầu nguyện?

- A. Đẳng cấp thứ ba.
- B. Đẳng cấp quý tộc.
- C. Đẳng cấp tăng lữ.
- D. Tất cả các đẳng cấp trên.

9. Vào thế kỉ XVIII, ở Pháp đã từng nổi lên ba nhà tư tưởng lớn, đó là những ai?

- A. Mông-te-xki-ơ, Vôn-te, Phu-ri-ê.
- B. Phu-ri-ê, Ô-oen, Vôn-te.
- C. Vôn-te, Rut-xô, Mông-te-xki-ơ.
- D. Mông-te-xki-ơ, Vôn-te, Rut-xô.

10. Ngoài tư tưởng Triết học Ánh sáng, ở Pháp còn có nhóm Bách khoa toàn thư. Ai là người lãnh đạo nhóm này?

- A. Mông-te-xki-ơ.
- C. Vôn-te.
- B. Mê-li-ê.
- D. Đì-nơ-rô.

11. Cách mạng 1789 ở Pháp thắng lợi, phái Lập hiến lên nắm quyền. Phái lập hiến thuộc tầng lớp nào?

- A. Tư sản công thương.
- B. Đại tư sản.
- C. Quý tộc mới.
- D. Đại địa chủ.

12. Ngày 28- 8- 1789 đã ghi dấu ấn trong lịch sử nước Pháp bằng sự kiện tiêu biểu gì?

- A. Công nhân, thợ thủ công đánh chiếm nhà tù Ba-xti.
- B. Bản Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền ra đời.
- C. Quốc hội lập hiến thông qua Hiến pháp mới.
- D. Quốc hội lập hiến tuyên bố xóa bỏ mọi nghĩa vụ của nông dân.

13. Chính sách nào dưới đây được đánh giá là chính sách tiến bộ nhất của phái Lập hiến trong Cách mạng tư sản Pháp?

- A. Tuyên bố xóa bỏ mọi nghĩa vụ của nông dân.
- B. Thông qua Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền.
- C. Thông qua Hiến pháp mới, xác định chế độ quân chủ lập hiến cho nước Pháp.
- D. Ban hành chế độ phổ thông đầu phiếu.

14. Sau ngày 10 - 8 - 1792 đến trước ngày 02 - 6 - 1793, phái nào lên nắm quyền lãnh đạo cách mạng Pháp?

- A. Phái Lập hiến.
- B. Phái Quân chủ lập hiến.
- C. Phái Gia-cô-banh.
- D. Phái Gi-rông-danh.

15. Phái Gia-cô-banh nắm quyền lãnh đạo cách mạng Pháp kể từ:

- A. Ngày 02 - 6 - 1793.
- B. Sau ngày 10 - 8 - 1792.
- C. Sau ngày 21 - 01 - 1793.
- D. Sau ngày 31 - 5 - 1793.

16. Hãy nối thời gian ở cột A cho phù hợp với sự kiện ở cột B sau đây về tiến trình cách mạng tư sản Pháp.

A	B
1. 5 - 5 - 1789	A. Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền ra đời.
2. 14 - 7 - 1789	B. Quốc hội lập hiến tuyên bố xóa bỏ một số nghĩa vụ của nông dân.
3. 4 - 8 - 1789	C. Hội nghị ba đẳng cấp được triệu tập.
4. 28 - 8 - 1789	D. Công nhân và thợ thủ công hạ ngục Ba-xti.
5. 20 - 4 - 1792	E. Cách mạng bước vào thời kì thoái trào.
6. 21 - 1 - 1793	F. Phái Gia-cô-banh lên nắm quyền lãnh đạo.
7. 2 - 6 - 1793	G. Vua Lu-i XVI bị xử tử.
8. 27 - 7 - 1794	H. Pháp tuyên chiến với Áo.

17. Trong các biện pháp dưới đây của phái Gia-cô-banh, biện pháp nào mang lại quyền lợi thiết thực nhất cho nông dân?

- A. Giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.
- B. Quy định giá bán tối đa các mặt hàng thiết yếu.
- C. Thực hiện chính sách trưng thu lúa mì.
- D. Quy định mức lương tối đa cho công nhân.

18. Nguyên nhân nào dẫn đến sự thất bại của phái Gia-cô-banh?

- A. Sự chống đối của tư sản phản cách mạng.
- B. Mâu thuẫn nội bộ phái cầm quyền, nhân dân xa rời chính phủ.
- C. Chỉ lo củng cố quyền lực.
- D. Tư sản phản cách mạng tiến hành đảo chính.

19. Vì sao tư sản phản cách mạng tiến hành cuộc đảo chính lật đổ phái Gia-cô-banh?

- A. Để tranh giành quyền lực.
- B. Để bảo vệ quyền lực của giai cấp tư sản.
- C. Do mâu thuẫn sâu sắc giữa phái Gia-cô-banh và tư sản phản cách mạng.
- D. Ngăn chặn cách mạng tiếp tục phát triển vì động chạm nhiều đến quyền lợi của giai cấp tư sản.

20. Yếu tố nào dưới đây là yếu tố cơ bản nhất chứng tỏ Cách mạng tư sản Pháp 1789 là cuộc cách mạng tư sản triệt để nhất?

- A. Cách mạng thi hành nhiều biện pháp kiên quyết để trừng trị bọn phản cách mạng.
- B. Cách mạng lật đổ chế độ phong kiến, giải quyết vấn đề ruộng đất cho nhân dân, đưa giai cấp tư sản lên cầm quyền.
- C. Thiết lập được nền cộng hòa tư sản.
- D. Cách mạng đã đạt tới đỉnh cao với nền chuyên chính dân chủ Gia-cô-banh.

Chương II.

CÁC NƯỚC ÂU - MỸ (THẾ KỈ XIX - ĐẦU THẾ KỈ XX)

BÀI 5

CHÂU ÂU TỪ CHIẾN TRANH NA-PÔ-LÊ-ÔNG ĐẾN HỘI NGHỊ VIÊN

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Chiến tranh Na-pô-lê-ông

- Sau khi Cách mạng tư sản Pháp thất bại, Na-pô-lê-ông đã tiến hành cuộc chiến tranh ở châu Âu, cuộc chiến tranh mang tính chất xâm lược.
- Na-pô-lê-ông đã từng đánh chiếm hàng loạt các nước châu Âu như: I-ta-li-a, Áo, Thụy Sĩ, Hà Lan, Anh... rồi tiến đánh các nước ở châu Á, châu Phi.
- Năm 1804, Na-pô-lê-ông lên ngôi Hoàng đế, thiết lập nền Đế chế thứ nhất (1804-1815).
- Khi trở thành Hoàng đế, Na-pô-lê-ông ra sức thực hiện tham vọng bá chủ của mình, đẩy mạnh chiến tranh xâm lược châu Âu mà đối thủ trước mắt là Anh, Áo, Nga.
- + Năm 1805, Na-pô-lê-ông đánh nước Anh nhưng bị thất bại.
- + Năm 1806, Na-pô-lê-ông đánh bại quân Áo, quân Phổ và tiến vào Béc-lin.
- + Năm 1807, Na-pô-lê-ông kí Hiệp ước với Nga và Phổ.
- Tháng 6 - 1812, Na-pô-lê-ông đánh Nga nhưng không chiếm được nước Nga, na-pô-lê-ông đành phải rút quân về nước.
- Thất bại ở Nga có ảnh hưởng đến số phận của nước Pháp và Na-pô-lê-ông. Quân Na-pô-lê-ông lần lượt thất bại trên các chiến trường châu Âu.

2. Hội nghị Viên và tình hình châu Âu

Chỉ cần nêu khái quát theo bảng thống kê sau:

1) Thời gian tiến hành Hội nghị	Từ năm 1814 đến năm 1815.
2) Mục đích Hội nghị	Thảo luận những điều kiện kí Hiệp ước Hoà bình và vẽ lại bản đồ châu Âu có lợi cho các nước thắng trận trong chiến tranh chống Na-pô-lê-ông.
3) Thực chất của Hội nghị	Đây là "Liên minh thần thánh", là liên minh phản động của các vua chúa phong kiến châu Âu, mạnh nhất là Tây Ban Nha.
4) Kết quả của Hội nghị.	- Không tính đến quyền lợi của nhân dân, các nước thắng trận tự ý lập lại bản đồ châu Âu. - Nước Nga được một phần lãnh thổ của Ba Lan. - Anh được chiếm giữ đảo Man-ta - một cứ điểm chiến lược quan trọng ở Địa Trung Hải và một số thuộc địa của Hà Lan. - Đất đai của Phổ và Áo cũng được mở rộng ra nhiều. - I-ta-li-a vẫn bị phân chia thành nhiều lãnh thổ khác nhau.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Hãy khoanh tròn một chữ in hoa đứng trước câu trả lời đúng.

1. Năm 1795, ở nước Pháp diễn ra sự kiện lịch sử nào gắn với tên tuổi của Na-pô-lê-ông?

- A. Na-pô-lê-ông dùng trọng pháo dẹp tan bọn bảo hoàng nổi loạn.
- B. Na-pô-lê-ông trở thành quân nhân chuyên nghiệp.
- C. Na-pô-lê-ông dùng lực lượng pháo binh đánh tan quân Anh chiếm đóng Tu-lông.
- D. Na-pô-lê-ông được Quốc ước phong tướng tài năng 24 tuổi.

2. Khi xây dựng kế hoạch chiếm toàn bộ châu Âu và phương Đông, Na-pô-lê-ông chọn nước nào làm điểm khởi đầu cho kế hoạch của mình?

- A. Nước Áo.
- B. Nước Anh.
- C. Nước I-ta-li-a.
- D. Nước Hà Lan.

3. Sau một thời gian chinh chiến ở châu Âu và phương Đông, Na-pô-lê-ông trở về Pa-ri vào thời gian nào?

- A. Tháng 7 - 1799.
- B. Tháng 9 - 1799.
- C. Tháng 10 - 1799.
- D. Tháng 11 - 1799.

4. Năm 1804 diễn ra sự kiện gì ở Pháp gắn liền với sự nghiệp của Na-pô-lê-ông?

- A. Na-pô-lê-ông nắm chính quyền ở Pháp.
- B. Na-pô-lê-ông lên ngôi Hoàng đế, thiết lập nền Đế chế thứ nhất.
- C. Na-pô-lê-ông xây dựng kế hoạch đặt chiếm toàn bộ châu Âu.
- D. Na-pô-lê-ông bị tử trận.

5. Thất bại thảm hại lần đầu tiên của quân đội Na-pô-lê-ông bởi sự kháng cự mãnh liệt của quân dân nước nào?

- A. Quân dân Nga.
- B. Quân dân Hà Lan.
- C. Quân dân Áo.
- D. Quân dân Bỉ.

6. Trận đánh lớn cuối cùng ở đâu đã làm cho quân đội Na-pô-lê-ông bị tiêu diệt và thất bại hoàn toàn?

- A. Trận ở Xanh Ê-len.
- B. Trận ở Mát-xcơ-va.
- C. Trận ở Buy-xen.
- D. Trận ở Oa-téc-lô

7. Hội nghị Viên do "Ủy ban bốn nước" thắng trận quyết định. Đó là bốn nước nào?

- A. Anh, Nga, Áo, Pháp.
- B. Anh, Pháp, Nga, Bỉ.
- C. Anh, Nga, Áo, Phổ.
- D. Anh, Nga, Áo, Bỉ.

8. Theo quyết định của Hội nghị Viên, ai là người được công nhận là vua nước Pháp?

- A. Lu-i XVII.
- B. Lu-i XVIII.
- C. Na-pô-lê-ông.
- D. Lu-i XIX.

BÀI 6.

CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP (Cuối thế kỉ XVIII - giữa thế kỉ XIX)

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Những tiền đề của cách mạng công nghiệp

- Thắng lợi của cách mạng tư sản, kinh tế Anh phát triển ngày càng mạnh mẽ, là nước đầu tiên tiến hành cách mạng công nghiệp, dựa trên những tiền đề:

- + Xâm chiếm thuộc địa, tích lũy được lượng tư bản khổng lồ.
- + Tước đoạt ruộng đất của nông dân, tạo được đội ngũ công nhân làm thuê.
- + Những tiến bộ về kĩ thuật và tổ chức sản xuất trong công trường thủ công.

- Cách mạng công nghiệp ở Anh bắt đầu từ những năm 60 của thế kỉ XIX và kết thúc vào những năm 40 của thế kỉ XX.

2. Sự phát minh và sử dụng máy móc

- + Năm 1764, Giem Ha-gri-vơ sáng chế ra máy kéo sợi Gien-ni.
- + Năm 1769, Ác-crai-tơ chế tạo ra máy kéo sợi chạy bằng hơi nước.
- + Năm 1779, Crôm-ton cải tiến máy kéo sợi tạo ra sản phẩm đẹp, bền hơn.
- + Năm 1785, Các-rai chế tạo máy dệt chạy bằng sức nước, năng suất tăng 40 lần.

+ Năm 1784, Giem Oát phát minh ra máy hơi nước và đưa vào sử dụng.

- Luyện kim: Năm 1735 phát minh ra phương pháp nấu than cốc luyện gang thép, năm 1784 lò luyện gang đầu tiên được xây dựng.

- Giao thông vận tải: Năm 1814, Xta-phen-xon chế tạo thành công đầu máy xe lửa.

- Giữa thế kỉ XIX Anh trở thành "công xưởng thế giới".

3. Cách mạng công nghiệp ở Pháp và Đức

a. Pháp

- Cách mạng công nghiệp bắt đầu từ năm 1830, cách mạng công nghiệp bắt đầu diễn ra và phát triển mạnh trong những năm 1830 - 1850.

- Tác động về kinh tế, xã hội:

- + Kinh tế Pháp vươn lên mạnh mẽ thứ hai thế giới.
- + Bộ mặt Pa-ri và các thành phố khác thay đổi rõ rệt.

b. Đức

- Cách mạng công nghiệp diễn ra vào những năm 40 của thế kỉ XIX với tốc độ nhanh kỉ lục.

- Trong công nghiệp, công nghiệp luyện kim, công nghiệp hoá chất tăng nhanh và có vai trò chủ đạo trong nền kinh tế Đức.

- Trong nông nghiệp, máy móc cũng thâm nhập và đưa vào sử dụng nhiều: máy cày, bừa, máy gặt, sử dụng phân bón.

- Đặc điểm cách mạng công nghiệp ở Đức: diễn ra với tốc độ phát triển nhanh đạt kỉ lục.

4. Hệ quả của cách mạng công nghiệp

- Về kinh tế:

+ Thay đổi bộ mặt các nước tư bản: nhiều trung tâm công nghiệp mới và thành thị đông dân ra đời.

+ Làm chuyển biến nền sản xuất nhỏ thủ công sang sản xuất lớn bằng máy móc, nâng cao năng suất lao động, làm ra khối lượng sản phẩm lớn cho xã hội.

+ Đưa các nước có nền kinh tế nông nghiệp sang nền kinh tế công nghiệp phát triển.

- Về xã hội:

+ Hình thành hai giai cấp mới là tư sản công nghiệp và vô sản công nghiệp.

+ Tư sản công nghiệp nắm tư liệu sản xuất và quyền thống trị.

+ Vô sản công nghiệp làm thuê, đời sống cơ cực dẫn đến đấu tranh giữa vô sản và với tư sản.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Hãy khoanh tròn một chữ in hoa đứng trước câu trả lời đúng.

1. Vì sao nước Anh là nước tiến hành cách mạng công nghiệp đầu tiên trên thế giới?

- A. Nước Anh nổ ra cuộc cách mạng tư sản sớm.
- B. Nước Anh có điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh sản xuất.
- C. Nước Anh thu được nhiều lợi nhuận trong cuộc phát kiến địa lí.
- D. Tất cả các lí do trên.

2. Điều kiện cần và đủ để nước Anh tiến hành cách mạng công nghiệp là gì?

- A. Tư bản, nhân công.
- B. Vốn, đội ngũ công nhân làm thuê.
- C. Tư bản, nhân công và sự phát triển khoa học kĩ thuật.
- D. Tư bản và các thiết bị máy móc

3. Cách mạng công nghiệp ở Anh bắt đầu vào thời gian nào?

- A. Từ cuối những năm 50 của thế kỉ XVIII.
- B. Từ đầu những năm 60 của thế kỉ XVIII.
- C. Từ đầu những năm 70 của thế kỉ XVII.
- D. Từ cuối những năm 60 của thế kỉ XVIII.

4. Ai là người sáng chế ra máy kéo sợi và lấy tên con gái mình đặt cho máy?

- A. Giem Oát.
- B. Giem Ha-gri-vơ.
- C. Ét-mơn Cát-ri.
- D. Xli-phen-xơn.

5. Đến giữa thế kỉ XIX, nước Anh được mệnh danh là gì?

- A. “Nước có nền công nghiệp phát triển nhất thế giới”.
- B. “Nước công nghiệp hiện đại”.

C. “Nước đi tiên phong trong công nghiệp”.

D. “Công xưởng của thế giới”.

6. Hãy nối nội dung ở cột B cho phù hợp với cột A về cách mạng công nghiệp ở Anh sau đây:

A	B
1/ Giem Ha-gri-vơ	A. Phát minh ra máy hơi nước.
2/ Ét-mơn Cát-ri	B. Chế tạo ra máy kéo sợi chạy bằng hơi nước.
3/ Giem Oát	C. Sáng chế ra máy kéo sợi.
4/ Xli-phen-xơn	D. Chế tạo máy dệt chạy bằng sức nước.
5/ Ác-crai-tơ	E. Chế tạo thành công đầu máy xe lửa.

7. Cách mạng công nghiệp ở Pháp bắt đầu phát triển từ thời gian nào?

- A. Những năm 20 của thế kỉ XIX.
- B. Những năm 30 của thế kỉ XIX.
- C. Những năm 50 của thế kỉ XIX.
- D. Những năm 30 của thế kỉ XVIII.

8. Cách mạng công nghiệp Pháp bắt đầu từ ngành công nghiệp nào?

- A. Công nghiệp luyện kim.
- B. Công nghiệp cơ khí.
- C. Công nghiệp hoá chất.
- D. Công nghiệp nhẹ.

9. Cách mạng công nghiệp ở Đức diễn ra vào những năm nào?

- A. Từ những năm 40 của thế kỉ XIX.
- B. Từ đầu những năm 60 của thế kỉ XVIII.
- C. Từ đầu những năm 70 của thế kỉ XVIII.
- D. Từ cuối những năm 30 của thế kỉ XIX.

10. Hệ quả xã hội của cách mạng công nghiệp ở các nước châu Âu từ cuối thế kỉ XVIII đến giữa thế kỉ XIX là gì?

- A. Làm thay đổi bộ mặt các nước tư bản châu Âu.
- B. Thúc đẩy những chuyển biến mạnh mẽ trong nông nghiệp và giao thông.
- C. Góp phần giải phóng nông dân, bổ sung lực lượng lao động cho thành phố.
- D. Hình thành giai cấp tư sản công nghiệp và vô sản công nghiệp.

11. Hãy nối nội dung ở cột B cho phù hợp với cột A về cách mạng công nghiệp ở châu Âu sau đây:

A	B
1/ Cách mạng công nghiệp Anh	A. Cách mạng công nghiệp bắt đầu từ các ngành công nghiệp nhẹ.
2/ Cách mạng công nghiệp Pháp	B. Chế tạo ra máy kéo sợi chạy bằng hơi nước đầu tiên.
3/ Cách mạng công nghiệp Đức	C. Từ năm 1850 đến năm 1860, sản lượng than, sắt, thép và độ dài đường sắt tăng hơn gấp đôi.
	D. Được mệnh danh là “công xưởng của thế giới”.
	E. Một hệ thống đại lộ, nhà ga, cửa hàng... được xây dựng thay thế các phố xá cũ chật hẹp.
	F. Hình thành hai giai cấp cơ bản: tư sản công nghiệp và vô sản công nghiệp.

12. Vì sao máy móc được sử dụng nhiều trong giao thông vận tải ở Anh đầu thế kỉ XIX?

- A. Do nhu cầu vận chuyển nguyên vật liệu, hàng hoá, khách hàng tăng.
- B. Do đường sắt đầu tiên được khánh thành ở Anh.
- C. Do Anh là nước khởi đầu cách mạng công nghiệp.
- D. Do Anh công nghiệp hoá việc sản xuất.

13. Ở Pháp cách mạng công nghiệp bắt đầu muộn (từ những năm 1830) nhưng lại phát triển nhanh, vì sao?

- A. Do Pháp tiếp thu những thành tựu kĩ thuật ở Anh.
- B. Nhờ đẩy mạnh sản xuất gang, sắt. Sử dụng nhiều máy hơi nước.
- C. Pháp có nền sản xuất tương đối phát triển.
- D. Câu A và B đúng.

14. Ở Đức, cách mạng công nghiệp bắt đầu muộn hơn (từ những năm 1840) song lại phát triển nhanh về tốc độ và năng suất bởi vì:

- A. Do Đức tiếp nhận những thành tựu kĩ thuật của Anh.
- B. Đức đẩy mạnh sản xuất gang, sắt.
- C. Sử dụng nhiều máy hơi nước.
- D. Đức có một nền sản xuất tương đối phát triển.

BÀI 7. HOÀN THÀNH CÁCH MẠNG TƯ SẢN Ở CHÂU ÂU VÀ MỸ (Giữa thế kỉ XIX)

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. CUỘC VẬN ĐỘNG THỐNG NHẤT Ở ĐỨC VÀ I-TA-LI-A

1. Cuộc đấu tranh thống nhất Đức

- Sự phát triển chủ nghĩa tư bản và con đường thống nhất ở nước Đức
 - + Giữa thế kỉ XIX, kinh tế tư bản chủ nghĩa Đức phát triển nhanh chóng, từ một nước nông nghiệp, nước Đức trở thành nước công nghiệp.
 - + Số lượng công nhân tăng nhanh.
 - + Sự phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa đặt ra một cách cấp thiết nhiệm vụ thống nhất đất nước.
 - + Đức tiến hành thống nhất bằng vũ lực “từ trên xuống” thông qua các cuộc chiến tranh với các nước khác.
- Quá trình thống nhất Đức được thực hiện qua các giai đoạn:
 - + Năm 1864, Phổ gây chiến với Đan Mạch.
 - + Năm 1866, Phổ gây chiến với Áo và giành thắng lợi, sau đó hoà với Áo để gây chiến tranh với Pháp.
 - + Năm 1867, Liên bang Bắc Đức thành lập do Phổ đứng đầu. Là kết quả bước đầu trên con đường thống nhất Đức của Bi-xmác.
 - + Năm 1870 - 1871, Bi-xmác gây chiến với Pháp thu phục các bang miền Nam hoàn thành thống nhất Đức.

Như vậy, việc thống nhất nước Đức được thực hiện bằng con đường “từ trên xuống”. Nó mang tính chất một cuộc cách mạng tư sản, tạo điều kiện cho kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển ở Đức. Nước Đức thống nhất dần dần bị quân phiệt hoá theo kiểu Phổ và trở thành một trung tâm gây chiến tranh ở châu Âu, lò lửa của hai cuộc chiến tranh thế giới.

2. Cuộc đấu tranh thống nhất I-ta-li-a

- Tình hình I-ta-li-a trước khi thống nhất:
 - + Đất nước bị phân tán chia xẻ thành 7 vương quốc nhỏ. Phần lớn các vương quốc theo chế độ quân chủ chuyên chế và chịu sự thống trị của đế quốc Áo. Nhân dân I-ta-li-a nhiều lần đấu tranh chống ách thống trị phong kiến và sự đô hộ của Áo để thống nhất đất nước. Năm 1848, một cuộc cách mạng tư sản nổ ra trên bán đảo I-ta-li-a nhưng bị thất bại.
 - Khoảng mười năm sau cách mạng 1848, chủ nghĩa tư bản bắt đầu phát triển ở miền Bắc, đặc biệt là Vương quốc Pi-ê-môn-tê. Vấn đề thống nhất đặt ra.
 - Giai cấp tư sản muốn dựa vào Pi-ê-môn-tê để loại Áo, thống nhất đất nước. Bá tước Ca-vua - Thủ tướng Pi-ê-môn-tê cũng tham vọng thống nhất I-ta-li-a “từ trên xuống”
 - Từ tháng 4-1859, Ca-vua dựa vào Pháp để gạt ảnh hưởng của Áo, giành chủ quyền ở miền Bắc và miền Trung I-ta-li-a.
 - Tháng 4-1860, khởi nghĩa của nhân dân ở Xi-xi-li-a cùng với đội quân “áo đỏ” của Ga-ra-ban-di thống nhất được miền Nam, sáp nhập vào Pi-ê-môn-tê. Vương quốc I-ta-li-a thành lập, do vua của Pi-ê-môn-tê làm Quốc vương, Ca-vua làm Thủ tướng.
 - Năm 1866, I-ta-li-a liên minh với Phổ chống Áo giải phóng được Vê-nê-xi-a.
 - Năm 1870, cuộc chiến tranh Pháp - Phổ bùng nổ, quân Pháp bị thất bại, Rô-ma thuộc về I-ta-li-a. Cuộc đấu tranh thống nhất I-ta-li-a hoàn thành.
 - Ý nghĩa:
 - + Mang tính chất một cuộc cách mạng tư sản, lật đổ sự thống trị của đế quốc Áo và các thế lực phong kiến.
 - + Mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.
- ### **III. CUỘC NỘI CHIẾN Ở MỸ (1861-1865) VÀ CẢI CÁCH NÔNG NÔ Ở NGÀ (1861)**
- #### **1. Nội chiến ở Mỹ**
- Sau cuộc Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ, nhiệm vụ của cách mạng tư sản chưa hoàn thành.
 - Giữa thế kỉ XIX kinh tế Mỹ đất có kinh tế phát triển nhanh chóng, dần dần nước Mỹ chia thành ba miền đất có kinh tế- xã hội khác nhau:
 - + Miền Bắc là vùng công nghiệp phát triển, hai giai cấp chính là tư sản và công nhân.
 - + Miền Nam là nơi kinh tế đồn điền chiếm ưu thế, chủ nô sử dụng nhân công lao động da đen ngày càng nhiều.
 - + Miền Tây là vùng nông nghiệp của chủ trại.

Nhờ điều kiện thuận lợi kinh tế phát triển nhanh chóng, đặc biệt là ngành công nghiệp và cả nông nghiệp. Song chế độ nô lệ cản trở nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển.

+ Mâu thuẫn giữa tư sản, trại chủ ở miền Bắc với chủ nô ở miền Nam ngày càng gay gắt.

+ Phong trào đấu tranh đòi thủ tiêu chế độ nô lệ ở miền Nam phát triển mạnh mẽ.

+ Phải thủ tiêu chế độ nô lệ ở miền Nam, giải phóng nô lệ, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển. Đó là nguyên nhân sâu xa của cuộc nội chiến.

+ Cuộc bầu cử tổng thống năm 1860, Lin-côn đại diện Đảng Cộng hoà trúng cử Tổng thống đe dọa quyền lợi của chủ nô ở miền Nam. Các chủ nô ở miền Nam tuyên bố tách khỏi liên bang, thành lập Hiệp bang riêng. Đó là nguyên nhân trực tiếp của cuộc nội chiến.

+ Ngày 12 - 4 - 1861, nội chiến bùng nổ - ưu thế thuộc về Hiệp bang.

+ Cuộc chiến tranh kéo dài 4 năm (4 - 1861 đến 4 - 1865).

+ Ngày 9 - 4 - 1865, nội chiến kết thúc, thắng lợi thuộc về quân Liên bang.

- *Ý nghĩa:*

+ Là cuộc cách mạng tư sản lần thứ hai ở Mĩ.

+ Xóa bỏ chế độ nô lệ ở miền Nam, tạo điều kiện cho chủ nghĩa tư bản phát triển.

+ Nền kinh tế Mĩ phát triển nhanh chóng sau nội chiến.

2. Cuộc cải cách nông nô ở Nga

* *Về kinh tế:*

- Nửa đầu thế kỉ XIX, Nga là một nước phong kiến lạc hậu so với các nước tư bản phương Tây.

- Đến giữa thế kỉ XX, Nga vẫn là một nước nông nghiệp, quan hệ phong kiến- nông nô chiếm địa vị thống trị.

+ Nông nô phải lao động cưỡng bức với năng suất rất thấp.

+ Công nghiệp không thể phát triển vì thiếu nhân công và thị trường.

* *Về chính trị:*

- Nga hoàng Ni-cô-lai tăng cường quyền thống trị chuyên chế.

- Nga lao vào cuộc chiến tranh làm cho quần chúng thêm căm thù. Nhiều cuộc đấu tranh của nông nô bùng nổ.

* *Quá trình cải cách:*

- Yêu cầu cải cách đặt ra cấp thiết do nhu cầu phát triển kinh tế và sự đe dọa nổi dậy của nông dân. Nga hoàng buộc phải tiến hành cải cách.

- Ngày 19-2-1861, Nga hoàng kí sắc luật giải phóng nông dân lệ thuộc địa chủ và một bản Tuyên ngôn về việc xóa bỏ chế độ nông nô.

- Tiếp theo cải cách ruộng đất là một số cải cách khác mà Chính phủ Nga hoàng buộc phải thực hiện. Luật cải cách ruộng đất và một số luật khác mang tính chất một cuộc cách mạng tư sản, để nước Nga tiến lên con đường tư bản chủ nghĩa.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Hãy khoanh tròn một chữ in hoa đứng trước câu trả lời đúng.

1. *Yêu cầu cơ bản đặt ra cho việc thống nhất nước Đức giữa thế kỉ XIX là gì?*

- A. Sự phát triển của kinh tế tư bản chủ nghĩa.
- B. Sự chia cắt lãnh thổ thành 38 lãnh địa.
- C. Sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế nông nghiệp.
- D. Tất cả các yêu cầu trên.

2. *Giai cấp, tầng lớp nào đứng ra lãnh đạo quá trình thống nhất nước Đức?*

- A. Giai cấp tư sản.
- B. Giai cấp vô sản.
- C. Tư sản và quý tộc phong kiến.
- D. Quý tộc quân phiệt.

3. *Con đường cơ bản để đi đến thống nhất nước Đức là con đường nào?*

- A. Quân chúng dùng vũ lực đấu tranh để thống nhất đất nước "từ dưới lên".
- B. Giai cấp địa chủ quân phiệt Phổ, dùng vũ lực để thống nhất đất nước "từ trên xuống".
- C. Giai cấp tư sản dùng vũ lực để thống nhất đất nước "từ dưới lên".
- D. Giai cấp tư sản cùng với quân Phiệt dùng vũ lực để thống nhất đất nước "từ trên xuống" và "từ dưới lên".

4. *Năm 1862, diễn ra sự kiện lịch sử quan trọng nào ở Phổ?*

- A. Phổ gây chiến tranh với Đan Mạch.
- B. Bi-xmác lên làm Thủ tướng Phổ, đảm nhận nhiệm vụ lãnh đạo công cuộc thống nhất đất nước.
- C. Phổ gây chiến tranh với Áo.
- D. Liên bang Bắc Đức được thành lập do Phổ đứng đầu.

5. *Liên bang Bắc Đức ra đời gồm có bao nhiêu quốc gia?*

- A. 10 Quốc gia ở Bắc Đức và 3 thành phố tự do.
- B. 16 Quốc gia ở Bắc Đức và 2 thành phố tự do.
- C. 18 Quốc gia ở Bắc Đức và 3 thành phố tự do.
- D. 18 Quốc gia ở Bắc Đức và 4 thành phố tự do.

6. *Vì sao khi tiến hành sáp nhập các quốc gia miền Nam - Phổ bị Pháp ngăn cản?*

- A. Các quốc gia miền Nam vốn là lãnh thổ của Pháp.
- B. Pháp không muốn có một quốc gia thống nhất hùng mạnh bên cạnh mình.
- C. Pháp muốn dùng các quốc gia miền Nam làm bàn đạp xâm lược Phổ.
- D. Tất cả các lí do trên đều đúng.

7. *Sự kiện nào chứng tỏ Bi-xmác đã hoàn thành công cuộc thống nhất đất nước?*

- A. Liên bang Bắc Đức được thành lập.
- B. Phổ sáp nhập các quốc gia miền Nam vào lãnh thổ của mình.
- C. Phổ lôi kéo các nước Nam Đức chống lại Pháp.
- D. Thắng lợi của Phổ trong cuộc chiến tranh Pháp - Phổ (1870 - 1871).

8. Cuộc cách mạng tư sản nổ ra trên bán đảo I-ta-li-a năm 1848 do giai cấp nào lãnh đạo?

- A. Giai cấp công nhân.
- B. Giai cấp nông dân.
- C. Phái tư sản cách mạng.
- D. Tư sản và quý tộc.

9. Vì sao đến khoảng năm 1849 vấn đề thống nhất I-ta-li-a được đặt ra?

- A. Chủ nghĩa tư bản phát triển mạnh mẽ.
- B. Đất nước bị chia cắt thành bảy nước.
- C. Phần lớn đất nước bị phụ thuộc đế quốc Áo.
- D. Tất cả các lí do trên.

10. Bá tước Ca-vua, Thủ tướng của Vương quốc Pi-ê-môn-tê, từ khi lên cầm quyền đã đề ra chủ trương:

- A. Lập ra Nhà nước quân chủ lập hiến.
- B. Thống nhất I-ta-li-a "từ trên xuống".
- C. Thống nhất I-ta-li-a "từ dưới lên".
- D. Mở mang kinh tế và xây dựng quân đội.

11. Từ tháng 4 - 1859, Ca-vua dựa vào thế lực nào để gạt ảnh hưởng của nước Áo, giành lại chủ quyền thống nhất một số vùng miền Bắc và miền Trung I-ta-li-a?

- A. Dựa vào quý tộc trong nước.
- B. Dựa vào giai cấp tư sản trong nước.
- C. Dựa vào thế lực nước ngoài đó, là Pháp.
- D. Dựa vào thế lực nước ngoài, đó là Anh.

12. Năm 1848, Ga-ri-ban-đi thành lập "Đội quân áo đỏ" để đấu tranh chống thế lực nào?

- A. Phong kiến cát cứ ở I-ta-li-a.
- B. Chế độ thống trị của Áo và phong kiến.
- C. Chế độ thống trị của Áo và tư sản.
- D. Chế độ quân chủ chuyên chế của Vương quốc Pi-ê-môn-tê.

13. I-ta-li-a đã hoàn thành đất nước được thống nhất vào thời gian nào?

- A. Năm 1866.
- B. Năm 1868.
- C. Năm 1870.
- D. Năm 1871.

14. Sau khi đất nước I-ta-li-a được thống nhất, chính quyền nằm trong tay:

- A. Giai cấp tư sản.
- B. Tầng lớp tiểu tư sản.
- C. Giai cấp công nhân và nông dân.
- D. Tư sản và quý tộc tư sản lớn.

15. Vì sao sau cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ, nhiệm vụ của cách mạng tư sản chưa hoàn thành?

- A. Chính quyền vẫn còn rơi vào tay phong kiến.
- B. Vấn đề ruộng đất chưa được giải quyết theo nguyện vọng của nhân dân.
- C. Chế độ nô lệ vẫn được duy trì ở miền Nam.
- D. Câu B và C đúng.

16. Đến giữa thế kỉ XIX, ở miền Bắc nước Mĩ có hai giai cấp chính, đó là:

- A. Chủ nô và nô lệ.
- B. Địa chủ phong kiến và nông dân.
- C. Tư sản và công nhân.
- D. Tư sản và nô lệ da đen.

17. Vì sao sự duy trì chế độ nô lệ đồn điền ở miền Nam đã cản trở sự phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa ở Mĩ?

- A. Các nhà tư bản chủ nghĩa ở miền Bắc cần thị trường và sức lao động.
- B. Nó ngăn cản sự thống nhất ở Mĩ.
- C. Nó tạo điều kiện cho chế độ phong kiến phục hồi ở Mĩ.
- D. Nó ngăn cản sự giao lưu giữa miền Bắc và miền Nam.

18. Cuộc nội chiến ở Mĩ diễn ra giữa các thế lực nào?

- A. Giai cấp tư sản tiến bộ ở miền Nam chống lại chế độ nô lệ ở miền Bắc.
- B. Giai cấp tư sản tiến bộ ở miền Bắc chống lại chế độ nô lệ ở miền Nam.
- C. Giai cấp phong kiến ở miền Nam chống lại chế độ nô lệ ở miền Bắc.
- D. Giai cấp tư sản và quý tộc tiến bộ ở miền Bắc chống lại chế độ phong kiến ở miền Nam.

19. Ngày 12 - 4 - 1861, giới chủ nô gây ra cuộc nội chiến nhằm mục đích gì?

- A. Chống lại Tổng thống Lin-côn - người của Đảng Cộng hòa.
- B. Thủ tiêu chế độ tư bản chủ nghĩa ở miền Bắc.
- C. Duy trì chế độ nô lệ đang có nguy cơ bị sụp đổ.
- D. Tăng cường thế lực của chế độ nô lệ đang phát triển ở miền Nam.

20. Cuộc nội chiến ở Mĩ kéo dài trong khoảng thời gian:

- A. Từ tháng 4 - 1861 đến tháng 9 - 1864.
- B. Từ tháng 6 - 1861 đến tháng 6 - 1865.
- C. Từ tháng 5 - 1861 đến tháng 4 - 1865.
- D. Từ tháng 4 - 1861 đến tháng 4 - 1865.

21. Vì sao nói: Cuộc nội chiến ở Mĩ có ý nghĩa như một cuộc cách mạng tư sản thứ hai sau chiến tranh giành độc lập?

- A. Giải phóng hoàn toàn nô lệ da đen, tạo điều kiện cho chủ nghĩa tư bản phát triển.
- B. Xóa bỏ chế độ phân biệt chủng tộc ở miền Nam, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.
- C. Xóa bỏ chế độ nô lệ đồn điền ở miền Nam, tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa.
- D. Tất cả các lí do trên.

22. Đến giữa thế kỉ XIX, quan hệ nào giữ địa vị thống trị ở Nga?

- A. Quan hệ giữa địa chủ phong kiến và nông dân công xã.
- B. Quan hệ giữa phong kiến và nông nô.
- C. Quan hệ giữa tư sản và công nhân.
- D. Quan hệ giữa quý tộc phong kiến với nông dân.

23. Giữa thế kỉ XIX, hầu hết ruộng đất ở Nga tập trung trong tay: -

- A. Quý tộc mới.
- B. Địa chủ phong kiến và nông dân.
- C. Quý tộc địa chủ và nông nô.
- D. Quý tộc địa chủ và Nhà nước chuyên chế.

24. Vì sao giữa thế kỉ XIX công nghiệp ở Nga không phát triển được?

- A. Vì thiếu nhân công tự do và thị trường trong nước.
- B. Vì bị kìm hãm bởi chế độ phong kiến.
- C. Vì thiếu nguyên, nhiên liệu phục vụ sản xuất công nghiệp.
- D. Vì giai cấp tư sản chưa hình thành ở Nga.

25. Yêu cầu nào trở nên bức thiết buộc Nga hoàng A-lếch-xan II phải quyết định tiến hành cải cách nông nô?

- A. Do nông nô đứng lên chống địa chủ quyết liệt.
- B. Do nông dân nổi dậy khắp nơi.
- C. Do nhu cầu phát triển kinh tế và sự đe dọa của những cuộc nổi dậy của nông dân.
- D. Do sức ép của quý tộc mới và giai cấp tư sản.

26. Bản Tuyên ngôn về việc xóa bỏ chế độ nông nô ở Nga được thông qua vào thời gian nào?

- A. Ngày 12 - 9 - 1861.
- B. Ngày 19 - 2 - 1861.
- C. Ngày 21 - 2 - 1861.
- D. Ngày 02 - 9 - 1861.

BÀI 8. CÁC NƯỚC TƯ BẢN CHUYỂN SANG GIAI ĐOẠN ĐẾ QUỐC CHỦ NGHĨA

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Sự tiến bộ về khoa học - kĩ thuật và sự phát triển của sức sản xuất

- Vào khoảng 30 năm cuối thế kỉ XIX, là thời kì chủ nghĩa tư bản "tự do" chuyển sang chủ nghĩa tư bản độc quyền.

- Kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển nhanh chóng do: Những tiến bộ về khoa học - kĩ thuật, đặc biệt là phát minh và sử dụng động cơ đốt trong và động cơ điện.

- Những phát minh lớn:

+ Động cơ đốt trong, được phát minh từ trước, đến thập niên 90, kĩ sư R. Đi-ê-den người Đức cải tiến mới ứng dụng rộng rãi. Việc sử dụng động cơ đốt trong tạo ra khả năng phát triển cho ngành ô tô và máy bay, đồng thời phục vụ cho ngành khai thác mỏ.

+ Về điện, trước tiên được sử dụng trong ngành điện thoại và điện báo. Năm 1879, Ê-đi-xon thí nghiệm thành công việc thắp sáng, bóng đèn điện ra đời.

+ Sử dụng lò cao Bét-xme đã làm tăng sản lượng thép, tạo nên bước chuyển biến quan trọng trong ngành luyện kim, chế tạo máy... Năm 1867, A.B. Nô-ben phát minh ra thuốc nổ. Các loại vật chất mới cũng bắt đầu đưa vào các ngành sản xuất.

+ Giao thông vận tải có những chuyển biến mạnh mẽ. Tàu hoả được cải tiến, mạng lưới đường sắt mở rộng khắp châu Âu. Ô tô, máy bay, tàu biển lần lượt ra đời và sử dụng trong giao thông.

*** Tác dụng:**

- Cho phép mở rộng sản xuất trên quy mô lớn, sản phẩm được sản xuất ra hàng loạt, được tiêu chuẩn hoá về kích thước, mẫu mã và chất lượng.

- Sản lượng nông nghiệp tăng nhanh nhờ sử dụng tiến bộ về khoa học - kĩ thuật.

- Đã làm thay đổi cơ bản nền sản xuất và cơ cấu kinh tế tư bản chủ nghĩa, đánh dấu bước tiến mới của chủ nghĩa tư bản ở giai đoạn này.

2. Sự xuất hiện chủ nghĩa tư bản độc quyền

- Nguyên nhân:

+ Do tiến bộ của khoa học- kĩ thuật sản xuất công nghiệp các nước Âu - Mĩ tăng nhanh dẫn đến tích tụ tư bản.

+ Các ngành kinh tế chuyển từ tự do cạnh tranh sang tổ chức độc quyền dưới nhiều hình thức: các ten, xanhdica, tởrôt.

+ Có nguồn nguyên liệu, đường giao thông và bến cảng thuận lợi, đã hình thành những trung tâm công nghiệp.

- Sự xuất hiện chủ nghĩa tư bản độc quyền:

+ Trong nông nghiệp: thực hiện công nghiệp hoá và chuyên môn hoá cao tạo nên những nguồn hàng hoá nông nghiệp dồi dào, cung cấp cho thị trường trong nước và thế giới.

+ Trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng: Một vài ngân hàng lớn khống chế mọi hoạt động kinh doanh của cả nước. Sự dung hợp giữa tư bản ngân hàng và tư bản công nghiệp trở thành tư bản tài chính, trong đó quyền lực nhất là tầng lớp đầu sỏ tài chính. Họ lập nên các "vương triều" tư bản như "vua dầu lửa" Rốc-phe-lơ, "vua thép" Moóc-gan, "vua ô tô" Pho.

+ Xuất khẩu tư bản: Tư bản tài chính còn đầu tư vốn ra nước ngoài đem lại lợi nhuận cao: năm 1990, nước Anh đầu tư ra vốn ra bên ngoài 2 tỉ li-vơ xtéc-ling, đến 1913 lên gần 4 tỉ.

+ Sự xâm lược thuộc địa: thu nguồn lợi từ xuất khẩu tư bản, nguồn tài nguyên, thị trường và nhân công rẻ mạt... các nước tư bản tăng cường xâm chiếm thuộc địa.

Như vậy, đến cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, sự xuất hiện các tổ chức độc quyền, sự ra đời của tư bản tài chính, sự tăng cường xuất khẩu tư bản và kéo theo nó là sự tranh chấp thuộc địa ngày càng căng thẳng... đã chuyển chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa đế quốc, đặc điểm nổi bật nhất chủ nghĩa tư bản độc quyền.

- Xuất hiện nhiều mâu thuẫn:

+ Mâu thuẫn giữa các nước đế quốc với nhau.

+ Mâu thuẫn giữa nhân dân thuộc địa với đế quốc.

+ Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản với công nhân và nhân dân lao động các nước tư bản.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Hãy khoanh tròn một chữ in hoa đứng trước câu trả lời đúng.

1. Vào thời gian nào chủ nghĩa tư bản "tự do" chuyển sang chủ nghĩa tư bản độc quyền?

- A. Khoảng 50 năm cuối thế kỉ XIX. B. Khoảng 40 năm cuối thế kỉ XIX.
C. Khoảng 30 năm cuối thế kỉ XIX. D. Khoảng 20 năm cuối thế kỉ XIX.

2. Những tiến bộ về khoa học - kĩ thuật trong nền kinh tế của thế giới tư bản chủ nghĩa những năm cuối thế kỉ XIX chủ yếu là:

- A. Phát minh và sử dụng động cơ đốt trong và động cơ điện.
B. Phát minh và sử dụng nhiệt lượng.
C. Phát minh ra sử dụng máy hơi nước.
D. Phát minh và sử dụng động cơ học.

3. Năm 1879, ai là người thí nghiệm thành công việc thắp sáng, để cho bóng đèn điện ra đời?

- A. R. Đi-ê-den. B. Ê-di-xơn.
C. Nô-ben. D. Tô-m-xơn.

4. Phát minh nổi tiếng của Nô-ben năm 1867 là gì?

- A. Bóng đèn điện. B. Động cơ đốt trong.
C. Thông tin vô tuyến điện. D. Thuốc nổ.

5. Năm 1903 được đánh dấu bằng sự kiện lịch sử gì trong lĩnh vực giao thông?

- A. Xuất hiện ô tô đầu tiên trên thế giới.
B. Xuất hiện tàu thủy đầu tiên trên thế giới.
C. Xuất hiện máy bay đầu tiên trên thế giới.
D. Xuất hiện tàu hỏa đầu tiên trên thế giới.

6. Sự xuất hiện các tổ chức độc quyền cac-ten, xanh-đi-ca và tơ-rót ở những nước nào?

- A. Cac-ten, xanh-đi-ca ở Đức và Pháp, tơ-rót ở Mỹ.
B. Tơ-rót ở Pháp, cac-ten ở Mỹ, xanh-đi-ca ở Đức.
C. Cac-ten, xanh-đi-ca ở Mỹ và Đức, tơ-rót ở Pháp.
D. Cac-ten ở Mỹ, xanh-đi-ca và tơ-rót ở Đức và Pháp.

7. Các điều kiện nào đã dẫn đến sự phân hóa giàu nghèo giữa các nước tư bản với nhau ở cuối thế kỉ XIX?

- A. Tài nguyên và nhân công. B. Trình độ sản xuất và tập trung tư bản.
C. Trình độ tổ chức và quản lí sản xuất. D. Nguyên liệu và kĩ thuật sản xuất.

8. Vào cuối thế kỉ XIX diễn ra quy luật gì trong nền kinh tế các nước tư bản chủ nghĩa?

- A. Quy luật cung - cầu. B. Quy luật giá trị.
C. Quy luật phát triển không đều. D. Quy luật cạnh tranh.

9. Sự tập trung sản xuất và tập trung tư bản làm tăng vai trò của ngành nào trong các nước tư bản chủ nghĩa?

- A. Ngành công nghiệp nặng. C. Ngành thương nghiệp.
B. Ngành ngân hàng. D. Ngành tài chính.

10. Sự dung hợp giữa tư bản ngân hàng với tư bản công nghiệp đã tạo ra tầng lớp tư bản nào?

- A. Tư bản thương nghiệp. B. Tư bản công nghiệp.
C. Tư bản ngân hàng. D. Tư bản tài chính.

11. Trong quá trình kinh doanh của mình, các tầng lớp tư bản tài chính đã làm gì?

- A. Xuất khẩu hàng hóa.
B. Xuất khẩu hàng hóa và xuất khẩu tài chính.
C. Xuất khẩu hàng hóa và xuất khẩu tư bản.
D. Xuất khẩu tài chính và xuất khẩu ngân hàng.

12. Vì sao các nước đế quốc tăng cường xâm lược các nước thuộc địa?

- A. Các nước thuộc địa có thị trường tiêu thụ mở rộng.
B. Các nước thuộc địa các thị trường tiêu thụ mở rộng, nhiều nguồn nguyên liệu và nhân công rẻ mạt.
C. Các nước thuộc địa còn lạc hậu nên dễ khai thác tài nguyên thiên nhiên.
D. Tất cả các lí do trên.

13. Chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa vào thời gian nào?

- A. Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX. B. Cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX.
C. Giữa thế kỉ XIX. D. Giữa thế kỉ XX.

14. Biểu hiện quan trọng nhất về sự xuất hiện chủ nghĩa đế quốc là gì?

- A. Sự xuất hiện các tầng lớp tư bản tài chính.
B. Sự ra đời của các tổ chức độc quyền.
C. Chiến tranh đế quốc nhằm phân chia thuộc địa.
D. Mâu thuẫn xã hội gay gắt.

BÀI 9.

CÁC NƯỚC TƯ BẢN

CHUYỂN SANG GIAI ĐOẠN ĐẾ QUỐC CHỦ NGHĨA (tiếp theo)

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. ANH VÀ PHÁP

1. Nước Anh

a. Tình hình kinh tế

- Từ cuối thập niên 70 thế kỉ XIX, Anh mất dần địa vị độc quyền công nghiệp, bị Mỹ và Đức vượt qua.
- Nguyên nhân của sự giảm sút:
 - + Máy móc xuất hiện sớm hơn các nước hàng mấy chục năm.
 - + Nhiều thiết bị cũ kĩ được tích lại.

- + Sự cạnh tranh quyết liệt của các nước tư bản mới phát triển (Mĩ, Đức).
- Tuy vậy, Anh vẫn chiếm ưu thế về tài chính, xuất cảng tư bản, thương mại, hải quân và thuộc địa.
- Vào cuối thế kỉ XIX, quá trình tập trung tư bản ở Anh cũng được đẩy mạnh. Nhiều tổ chức độc quyền được thành lập và kiểm soát các ngành kinh tế, chủ yếu là công nghiệp luyện kim, đóng tàu, khai thác mỏ.
- Công nghiệp: Quá trình tập trung tư bản diễn ra mạnh mẽ, nhiều tổ chức độc quyền ra đời chi phối toàn bộ đời sống kinh tế nước Anh.
- Nông nghiệp: Nước Anh lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng, Anh phải nhập khẩu lương thực.

b. Tình hình chính trị

- *Đối nội:* hai Đảng Tự do và Đảng Bảo thủ thay nhau cầm quyền tùy theo kết quả bầu cử Nghị viện. Hai đảng này cạnh tranh chính trị với nhau, khác nhau về biện pháp và những chính sách cụ thể, song đều bảo vệ quyền lợi của giai cấp tư sản, đàn áp phong trào quần chúng và đẩy mạnh xâm lược thuộc địa.
- *Đối ngoại:* Anh có hệ thống thuộc địa rộng lớn, được gọi là “đế quốc mà Mặt Trời không bao giờ lặn”. Đây là thời kì giai cấp tư sản Anh tăng cường mở rộng hệ thống thuộc địa đặc biệt ở châu Á và châu Phi.
- Đặc điểm đế quốc Anh: là *chủ nghĩa đế quốc thực dân*.

2. Nước Pháp

a. Tình hình kinh tế

- Trước năm 1870, Pháp là nước công nghiệp tiên tiến đứng thứ hai thế giới sau Anh. Sau năm 1871, kinh tế Pháp phát triển trong điều kiện khó khăn.
- *Nguyên nhân:*
 - + Pháp thất bại trong cuộc chiến tranh Pháp - Phổ do đó phải bồi thường chiến tranh.
 - + Nghèo tài nguyên và nhiên liệu, đặc biệt là than đá.
 - + Giai cấp tư sản chỉ chú trọng đến xuất cảng tư bản, không chú trọng phát triển công nghiệp trong nước.
- Tuy vậy, vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, công nghiệp Pháp cũng có nhiều tiến bộ đáng kể. Một số công ti độc quyền ra đời.
- Đặc điểm của tổ chức độc quyền Pháp là việc tập trung ngân hàng đạt mức cao. Pháp là nước thứ hai (sau Anh) về xuất khẩu tư bản.
- Đặc điểm: Tư bản Pháp phần lớn đưa vốn ra nước ngoài, cho các nước chậm tiến vay, với lãi suất lớn: Chủ nghĩa đế quốc Pháp là *chủ nghĩa đế quốc cho vay nặng lãi*.

b. Tình hình chính trị

- Sau Cách mạng tháng 9 - 1870, nước Pháp thành lập nên cộng hoà thứ ba, xu hướng phản động ngày càng thắng thế trong đời sống chính trị, thể hiện ở việc đàn áp các cuộc đấu tranh của nhân dân lao động và các vụ tham ô, bê bối chính trị.

- Về đối ngoại, sau chiến tranh Pháp - Đức (1870-1871), quan hệ giữa hai nước tiếp tục căng thẳng. Từ năm 1870 đến năm 1893, Pháp ở vào tình thế bị cô lập. Song Pháp vẫn tiến hành những cuộc chiến tranh xâm lược thuộc địa, chủ yếu ở khu vực châu Á và châu Phi.

II. ĐỨC VÀ MĨ

1. Nước Đức

a. Tình hình kinh tế

- Vào giữa thế kỉ XIX, Đức còn là một nước nông nghiệp, đa số dân cư tập trung ở nông thôn và các thành thị nhỏ. Sau khi thống nhất đất nước 1-1871, nền kinh tế Đức phát triển với tốc độ mau lẹ, vươn lên đứng đầu châu Âu và thứ hai thế giới.
- Đến cuối thế kỉ XIX, nhiều khu công nghiệp đồ sộ Đức xuất hiện. Quá trình tập trung sản xuất và tập trung tư bản ở Đức diễn ra mạnh mẽ. Từ đó dẫn đến sự ra đời của các công ti độc quyền lớn ở những ngành công nghiệp then chốt. Các công ti độc quyền Đức dưới hình thức các-ten và xanh-di-ca.
- Công nghiệp phát triển, quý tộc địa chủ Đức có điều kiện sử dụng máy móc và kĩ thuật mới trong nông nghiệp.

b. Tình hình chính trị

- Đức là một liên bang các quốc gia, trong đó quý tộc địa chủ liên kết chặt chẽ với tư bản độc quyền thống trị nhân dân, chống phong trào công nhân, chạy đua vũ trang và xâm chiếm thuộc địa.
- Chế độ chính trị ở Đức không phải là đại nghị tư sản mà thực chất là chế độ bán chuyên chế phục vụ giai cấp tư sản và quý tộc hoá tư sản, đi ngược lại quyền lợi của nhân dân.
- Đức bước vào con đường tư bản chủ nghĩa tương đối chậm, nên khi trở thành cường quốc công nghiệp thì phần lớn đất đai trên thế giới đã là thuộc địa hoặc nửa thuộc địa của Anh, Pháp... Vì vậy, Đức công khai đòi chia lại thị trường và thuộc địa thế giới. Ráo riết chạy đua vũ trang chuẩn bị gây chiến, dẫn đến mâu thuẫn giữa Đức với Anh và Pháp càng sâu sắc.
- Đặc điểm chủ đế quốc Đức: là *chủ nghĩa quân Phiệt hiếu chiến*.

2. Nước Mĩ

a. Tình hình kinh tế

- Sau cuộc nội chiến (1861-1865) chủ nghĩa tư bản phát triển nhanh chóng vượt bậc.
- *Nguyên nhân:*
 - + Việc giải phóng người nô lệ tạo nên nguồn lao động phong phú và năng động
 - + Nguồn nhập cư từ châu Á và châu Âu càng làm tăng thêm nhân công và trí tuệ cho các ngành sản xuất.
 - + Chế độ kinh tế đồn điền và trang trại cùng những đồng cỏ mênh mông làm cho nước Mĩ trở thành vựa lúa, nguồn cung cấp thịt và nguồn cung cấp nguyên liệu rất giàu có và đa dạng

+ Mĩ giàu nguyên liệu, nhiên liệu, nhất là mỏ vàng, mỏ than, dầu cùng nhiều khoáng sản khác.

+ Không bị ràng buộc bởi tàn dư chế độ phong kiến lạc hậu, không gặp trở ngại về quyền lực chính trị của giới quý tộc.

+ Công nghiệp Mĩ xây dựng muộn, có thể áp dụng kĩ thuật tiên tiến nên năng suất cao.

- Nhờ đó, chỉ từ năm 1865 đến năm 1894, Mĩ từ thứ tư nhảy lên đứng đầu thế giới về sản xuất công nghiệp.

- Quá trình cạnh tranh và khủng hoảng kinh tế đã thúc đẩy mạnh mẽ sự tập trung sản xuất và tư bản ở Mĩ. Sự ra đời các công ti độc quyền diễn ra nhanh chóng, hình thức chủ yếu là tờ-rót với những ông vua dầu lửa, vua ô tô, vua thép... chi phối mọi hoạt động kinh tế, chính trị nước Mĩ.

b. Tình hình chính trị

- Đứng đầu Chính phủ Mĩ là Tổng thống. Hai đảng tư sản: Cộng hoà và Dân chủ thay nhau lên cầm quyền.

- Mĩ chậm trễ trong việc xâm chiếm thị trường thế giới.

- Những năm 80 thế kỉ XIX trở đi, Mĩ lập tức vươn ra ngoài lãnh thổ của mình. Năm 1898, Mĩ gây chiến với Tây Ban Nha để cướp Phi-lip-pin, Cu Ba, can thiệp sâu vào nội bộ các nước Mĩ La-tinh. Thực hiện chính sách "mở cửa" để xâm nhập vào Trung Quốc.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Hãy khoanh tròn một chữ in hoa đứng trước câu trả lời đúng.

1. Vào những thập niên mới của thế kỉ XIX, nước Anh mất dần địa vị độc quyền công nghiệp, bị các nước nào vượt qua?

- A. Nước Pháp, Mĩ. C. Nước Mĩ, Nga.
B. Nước Mĩ, Đức. D. Nước Mĩ, Pháp, Đức.

2. Những thập niên cuối của thế kỉ XIX, giai cấp tư sản Anh chú trọng nhiều nhất đến vấn đề gì trong quá trình kinh doanh?

- A. Cải tiến kĩ thuật sản xuất để nâng cao năng suất lao động.
B. Đổi mới và phát triển công nghiệp.
C. Xuất khẩu tư bản sang các nước thuộc địa.
D. Tiếp nhận những thành tựu khoa học - kĩ thuật để thay đổi cơ cấu sản xuất.

3. Tuy mất địa vị độc quyền công nghiệp, Anh vẫn đứng đầu thế giới về:

- A. Tài chính và xuất khẩu tư bản.
B. Tài chính và xuất khẩu tư bản, thương mại, hải quan và thuộc địa.
C. Xuất khẩu tư bản và thuộc địa.
D. Xuất khẩu tư bản, thương mại và thuộc địa.

4. Vào cuối thế kỉ XIX, Anh chú ý phát triển các ngành công nghiệp nào?

- A. Luyện kim, đóng tàu, khai thác mỏ. B. Luyện kim, cơ khí, hóa chất.
C. Cơ khí, hóa chất, khai thác mỏ. D. Luyện kim, cơ khí, đóng tàu.

5. Việc xuất khẩu tư bản của Anh chủ yếu và đầu tiên đến khu vực nào?

- A. Các nước ở châu Phi và Mĩ La-tinh. B. Các nước ở Đông Nam Á.
C. Trung Quốc và các nước châu Á. D. Hoa Kì và các nước Mĩ La-tinh.

6. Cuối thế kỉ XIX, hai đảng thay nhau lên cầm quyền ở Anh, đó là:

- A. Đảng Tự do và Đảng Cộng hòa. B. Đảng Tự do và Công đảng.
C. Đảng Tự do và Đảng Bảo thủ. D. Đảng Dân chủ và Đảng Cộng hòa.

7. Chủ nghĩa đế quốc Anh được mệnh danh là:

- A. Chủ nghĩa đế quốc thực dân.
B. Chủ nghĩa đế quốc cho vay lãi.
C. Chủ nghĩa đế quốc quân phiệt và hiếu chiến.
D. Chủ nghĩa đế quốc bành trướng.

8. Từ sau năm 1871, công nghiệp của Pháp đứng sau các nước nào?

- A. Mĩ, Đức, Anh. B. Mĩ, Nga, Trung Quốc.
C. Đức, Nga, Mĩ. D. Nga, Pháp, Hà Lan.

9. Vào cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, một số ngành công nghiệp ở Pháp mới ra đời đạt được nhiều thành tựu, đó là:

- A. Khai thác mỏ, luyện kim.
B. Điện khí, hóa chất, chế tạo ô tô, điện ảnh.
C. Luyện kim, hóa chất, đóng tàu.
D. Khai thác mỏ, hóa chất, đóng tàu.

10. Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, nông dân Pháp bị phụ thuộc vào tầng lớp nào?

- A. Các nhà buôn nông sản và bọn chủ nợ.
B. Quý tộc mới và giai cấp tư sản.
C. Địa chủ phong kiến.
D. Các thương nhân châu Âu và quý tộc trong nước.

11. Đặc điểm của tổ chức độc quyền ở Pháp là gì?

- A. Tập trung tài chính đạt mức cao.
B. Tập trung ngân hàng đạt mức cao.
C. Xuất khẩu tư bản tài chính.
D. Tập trung tư sản vào sản xuất công nghiệp.

12. Chủ nghĩa đế quốc Pháp được mệnh danh là:

- A. Chủ nghĩa đế quốc thực dân.
B. Chủ nghĩa đế quốc ngân hàng.
C. Chủ nghĩa đế quốc cho vay lãi.
D. Chủ nghĩa đế quốc quân phiệt và hiếu chiến.

13. Sau khi Đế chế thứ hai sụp đổ, nền cộng hòa thứ mấy ở Pháp được thiết lập?

- A. Cộng hòa thứ nhất. B. Cộng hòa thứ hai.
C. Cộng hòa thứ ba. D. Cộng hòa thứ tư.

14. Từ năm 1870 đến năm 1893, Pháp tăng cường xâm lược các nước ở khu vực nào?

- A. Châu Á, châu Phi, châu Mĩ La-tinh. B. Châu Âu, châu Phi.
C. Châu Á, châu Mĩ La-tinh. D. Châu Á, châu Phi.

15. Sau Hiệp ước Véc-xai (1871), Đức có thêm điều kiện thuận lợi nào từ bên ngoài để xây dựng và mở rộng kinh doanh?

- A. Được các nước Anh, Pháp, Mĩ cho vay vốn.
B. Chiếm được 5 tỉ Phơ-răng và hai vùng An-dát, Lo-ren của Pháp.
C. Có thêm vùng nguyên liệu ở miền Tây Nam.
D. Được Anh, Pháp nhượng bộ một số thuộc địa.

16. Đến cuối thế kỉ XIX, công nghiệp Đức đứng thứ mấy ở châu Âu, sau nước nào?

- A. Đứng thứ hai, sau Mĩ.
B. Đứng thứ nhất, không sau nước nào cả.
C. Đứng thứ ba, sau Mĩ, Anh.
D. Đứng thứ tư, sau Mĩ, Anh, Pháp

17. Đến năm 1913, sản lượng gang thép của Đức gấp đôi nước nào?

- A. Gấp đôi nước Anh. C. Gấp đôi nước Mĩ.
B. Gấp đôi nước Pháp. D. Gấp đôi nước Tây Ban Nha.

18. Sự hình thành các công ti độc quyền của Đức dựa trên cơ sở:

- A. Tập trung sản xuất và tập trung ngân hàng.
B. Tập trung tư bản và tài chính.
C. Xuất khẩu tư bản.
D. Tập trung sản xuất và tư sản.

19. Các công ti độc quyền của Đức xuất hiện dưới hình thức phổ biến nào?

- A. Các-ten và tơ-rót. B. Tơ-rót và Xanh-đi-ca.
C. Các-ten và Xanh-đi-ca. D. Tất cả các hình thức trên.

20. Tầng lớp nào nắm lấy quyền thống trị ở Đức trong những năm cuối thế kỉ XIX?

- A. Quý tộc địa chủ và tư sản độc quyền.
B. Bọn quân phiệt hiếu chiến.
C. Tư sản công nghiệp và tư bản tài chính.
D. Tư sản độc quyền và tư sản công nghiệp.

21. Sau sự kiện nào chủ nghĩa tư bản ở Mĩ phát triển vượt bậc?

- A. Lin-côn lên làm Tổng thống năm 1860.
B. Kết thúc cuộc nội chiến 1861 - 1865.
C. Chiến tranh thế giới thứ nhất 1914 - 1918.
D. Chiến tranh Mĩ - Tây Ban Nha năm 1898.

22. Ngoài việc giải phóng người nô lệ tạo nên người lao động phong phú, Mĩ có thêm nguồn lao động từ đâu?

- A. Tốc độ gia tăng dân số rất nhanh.
B. Nô lệ bắt từ châu Phi.
C. Nông dân bị tước ruộng đất.
D. Nguồn người nhập cư từ châu Á và châu Âu.

23. Trong khoảng thời gian nào, kinh tế Mĩ từ hàng thứ tư nhảy lên đứng đầu thế giới?

- A. Từ năm 1865 đến năm 1890. B. Từ năm 1865 đến năm 1892.
C. Từ năm 1865 đến năm 1894. D. Từ năm 1860 đến năm 1870.

24. Hình thức độc quyền cao và phổ biến ở Mĩ là gì?

- A. Các-ten. B. Xanh-đi-ca.
C. Rốc-phen-lơ D. Tơ-rót

25. Hai đảng thay nhau lên nắm chính quyền ở Mĩ, đó là:

- A. Đảng Cộng hòa và Đảng Bảo thủ. B. Đảng Cộng hòa và Đảng Dân chủ.
C. Đảng Tự do và Đảng Dân chủ. D. Đảng Tự do và Đảng Cộng hòa.

26. Năm 1898, diễn ra sự kiện gì ở Mĩ trong việc xâm chiếm thị trường thế giới?

- A. Mĩ gây chiến với Tây Ban Nha để cướp Phi-lip-pin và Cu Ba.
B. Mĩ gây chiến với Bồ Đào Nha và mở rộng chiến tranh xâm lược Trung Quốc.
C. Mĩ dùng đô la để can thiệp vào các nước Mĩ La-tinh.
D. Mĩ đánh chiếm các nước ở Đông Nam Á.

**PHONG TRÀO CÔNG NHÂN
(GIỮA THẾ KỈ XIX – ĐẦU THẾ KỈ XX)**

**BÀI 10. PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CỦA CÔNG NHÂN
VÀO NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX**

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. SỰ RA ĐỜI VÀ TÌNH CẢNH CỦA GIAI CẤP VÔ SẢN CÔNG NGHIỆP

* Sự ra đời:

- Chủ nghĩa tư bản ra đời và phát triển dẫn đến sự ra đời của *giai cấp tư sản và vô sản*.

- Nguồn gốc giai cấp tư sản: Những chủ xưởng, chủ nhà máy, chủ hãng buôn, chủ đồn điền, quý tộc mới... Họ tích lũy tài sản thông qua bóc lột những người lao động nghèo khổ và tiến hành buôn bán nô lệ.

- Nguồn gốc giai cấp vô sản: Nông dân mất ruộng đất đi làm thuê, thợ thủ công phá sản. Giai cấp vô sản công nghiệp ra đời từ nửa cuối thế kỉ XVIII, trước tiên ở Anh, sau đó lần lượt ở các nước.

* Tình cảnh giai cấp vô sản:

- Do bị áp bức bóc lột nặng nề nên đời sống của công nhân hết sức cơ cực.
- Hoàn toàn không có tư liệu sản xuất, làm thuê bán sức lao động của mình để sinh sống.
- Lao động vất vả nhưng đồng lương chết đói, luôn bị đe dọa, bị sa thải.
- Mâu thuẫn giữa công nhân với tư sản ngày càng gay gắt, dẫn đến các cuộc đấu tranh.

II. PHONG TRÀO ĐẤU TRANH VÀO NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX

* Những cuộc đấu tranh đầu tiên:

- Lúc đầu do nhận thức còn hạn chế, nhiều công nhân đã tưởng rằng máy móc là nguồn gốc gây nên nỗi khổ của họ. Phong trào đập phá máy móc, đốt công xưởng là hình thức đấu tranh đầu tiên của giai cấp vô sản.

- Phong trào này nổ ra cuối thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XIX, trước hết ở Anh rồi lan sang các nước khác.

* Những cuộc đấu tranh sau này:

- Những năm 20 - 30 thế kỉ XIX, công nhân Anh đấu tranh đòi quyền tuyển cử.

- Ở Pháp, năm 1831, công nhân dệt Li-ông khởi nghĩa đòi tăng lương, giảm giờ làm.

- Năm 1834, thợ tơ Li-ông khởi nghĩa đòi thiết lập nền cộng hoà.

- Ở Anh từ năm 1836 - 1848 diễn ra phong trào "Hiến chương" đòi phổ thông đầu phiếu, tăng lương, giảm giờ làm.

- Ở Đức, năm 1844 công nhân Sơ-lê-din khởi nghĩa, phá huỷ nhà xưởng.

- Kết quả: Tất cả các phong trào đấu tranh của công nhân đều thất bại.

- Nguyên nhân thất bại: Thiếu sự lãnh đạo đúng đắn, chưa có đường lối chính sách rõ ràng.

- Ý nghĩa: Đánh dấu sự trưởng thành của công nhân, là tiền đề dẫn đến sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học.

* Những nhà xã hội không tưởng: Đại diện là Xanh-xi-mông, Phu-ri-ê và Ô-oen.

- Những mặt tích cực và hạn chế:

* Tích cực:

- + Nhận thức được mặt trái của chế độ tư sản là bóc lột người lao động.
- + Phê phán sâu sắc xã hội tư bản, dự đoán tương lai.

* Hạn chế:

+ Không vạch ra được lối thoát, không giải thích được bản chất của chế độ đó.

+ Không thấy được vai trò và sức mạnh của giai cấp công nhân.

- Ý nghĩa: là tư tưởng tiến bộ trong xã hội lúc đó, cổ vũ người lao động đấu tranh, là tiền đề ra đời chủ nghĩa Mác.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Hãy khoanh tròn một chữ in hoa đứng trước câu trả lời đúng.

1. Giai cấp tư sản ra đời từ những thành phần nào trong xã hội?

- A. Chủ công xưởng, nhà máy, chủ đồn điền.
- B. Chủ công xưởng, chủ đồn điền, công nhân giàu có.
- C. Chủ công xưởng, nhà máy, chủ đồn điền, quý tộc mới.
- D. Tất cả các thành phần trên.

2. Hàng ngũ những người vô sản chủ yếu bắt nguồn từ đâu?

- A. Nông dân bị phá sản, mất đất.
- B. Thợ thủ công bị thất nghiệp, phá sản.
- C. Nông dân và thợ thủ công bị phá sản.
- D. Nô lệ bị bắt ở các nước trong chiến tranh.

3. Giai cấp vô sản là giai cấp:

- A. Chỉ có rất ít tư liệu sản xuất.
- B. Hoàn toàn không có tư liệu sản xuất.
- C. Không có tài sản, chỉ có sức lao động.
- D. Chỉ có một ít tư liệu sản xuất và hoàn toàn không có tài sản.

4. Giai cấp vô sản công nghiệp thế giới ra đời sớm nhất ở nước nào?

- A. Nước Pháp.
- B. Nước Mỹ.
- C. Nước Đức.
- D. Nước Anh.

5. Phong trào đấu tranh đầu tiên của công nhân diễn ra dưới hình thức nào?

- A. Bỏ trốn tập thể để khỏi bị hành hạ.
- B. Đánh bọn chủ xưởng, bọn cai kí.
- C. Đập phá máy móc, đốt công xưởng.
- D. Đập phá máy móc, đánh chủ xưởng.

6. Phong trào đấu tranh tự phát của công nhân Anh diễn ra vào khoảng thời gian nào?

- A. Khoảng cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.
- B. Khoảng những năm 20-30 của thế kỉ XIX.
- C. Khoảng cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX.
- D. Khoảng những năm 1836 – 1848.

7. Trong những năm 20 - 30 của thế kỉ XIX, công nhân Anh đấu tranh đòi quyền lợi gì?

- A. Đòi tăng lương, giảm giờ làm.
- B. Đòi nghỉ ngày chủ nhật có lương
- C. Đòi quyền tuyển cử.
- D. Đòi Quốc hội Anh thông qua đạo luật cải cách tuyển cử.

8. "Sống trong lao động hoặc chết trong chiến đấu!", đó là khẩu hiệu đấu tranh của công nhân nước nào?

- A. Nước Anh. B. Nước Pháp. C. Nước Đức. D. Nước Mĩ.

9. Cuộc khởi nghĩa của công nhân thợ dệt ở Li-ông (Pháp) diễn ra vào năm nào?

- A. Năm 1832. B. Năm 1834. C. Năm 1843. D. Năm 1835.

10. Năm 1831, công nhân dệt thành phố Li-ông (Pháp) khởi nghĩa đòi quyền lợi gì?

- A. Thiết lập nền cộng hòa. B. Nghỉ ngày chủ nhật có lương.
- C. Được tự do bầu cử. D. Tăng lương, giảm giờ làm.

11. Ở Đức, để được làm việc trong các nhà máy công nhân phải đóng thuế đặc biệt cho bọn nào?

- A. Giai cấp tư sản. C. Bọn chủ nhà máy.
- B. Tầng lớp quý tộc mới. D. Bọn địa chủ.

12. Trong các cuộc đấu tranh dưới đây của công nhân, cuộc đấu tranh nào tồn tại lâu nhất?

- A. Khởi nghĩa Li-ông ở Pháp.
- B. Phong trào Hiến chương ở Anh.
- C. Khởi nghĩa Sơ-lê-din ở Đức.
- D. Khởi nghĩa Li-ông (Pháp) và phong trào Hiến chương (Anh).

13. Nguyên nhân nào dưới đây là nguyên nhân cơ bản nhất làm cho các cuộc đấu tranh của công nhân Anh, Pháp, Đức bị thất bại?

- A. Lực lượng công nhân còn rất ít.
- B. Giai cấp tư sản còn đang rất mạnh.
- C. Thiếu sự lãnh đạo đúng đắn và chưa có đường lối chính trị rõ ràng.
- D. Chưa có sự liên minh với giai cấp nông dân.

14. Ba nhà tư tưởng tiến bộ nhất của chủ nghĩa xã hội không tưởng là:

- A. Xanh xi-mông, Phu-ri-ê và Crôm-oen.
- B. Phu-ri-ê; Mông-te-xki-ơ và Ô-oen.

C. Xanh-xi-mông, Phu-ri-ê và Ru-xô.

D. Xanh-xi-mông, Phu-ri-ê và Ô-oen.

15. Hạn chế lớn nhất của các nhà chủ nghĩa xã hội không tưởng là gì?

- A. Chưa đánh giá đúng vai trò của giai cấp công nhân.
- B. Chưa đề ra được phương pháp đấu tranh cho giai cấp công nhân.
- C. Chưa thấy được bản chất của giai cấp tư sản.
- D. Chưa vạch ra con đường đúng để thủ tiêu việc bóc lột, xây dựng xã hội mới.

16. Sự kiện lịch sử nào ở thế kỉ XIX đã làm tiền đề cho chủ nghĩa xã hội khoa học ra đời?

- A. Sự phát triển của phong trào công nhân.
- B. Sự ra đời và hoạt động của chủ nghĩa xã hội không tưởng.
- C. Sự thành lập Quốc tế thứ nhất.
- D. Sự xuất hiện của Mác và Ăng-ghe-nơ.

BÀI 11. SỰ RA ĐỜI CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC - QUỐC TẾ THỨ NHẤT

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Các Mác và Ăng-ghe-nơ - những người sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học

- *Hoạt động của Mác:*

+ Mác sinh ngày 5 - 5 - 1818, tại thành phố Tơ-ri-ơ Đức, năm 1842 làm Tổng Biên tập báo Sông Ranh.

+ Năm 1843, sang Pa-ri rồi Béc-xen, xuất bản tạp chí Biên niên Pháp - Đức. Mác nhận thấy vai trò, sứ mệnh của giai cấp vô sản giải phóng loài người khỏi áp bức bóc lột.

- *Hoạt động của Ăng-ghe-nơ:*

+ Ăng-ghe-nơ sinh ngày 28 - 1/8 - 1820 ở thành phố Béc-mơ (Đức). Năm 1842, ông sang Anh làm thư kí hãng buôn và viết cuốn *Tình cảnh giai cấp công nhân Anh*, phê phán sự bóc lột của giai cấp tư sản, thấy được vai trò của giai cấp công nhân.

+ 1844, Ăng-ghe-nơ sang Pa-ri gặp C.Mác. Cuộc gặp gỡ đã mở đầu tình bạn cảm động và sự cộng tác chặt chẽ giữa hai nhà cách mạng vô sản vĩ đại, những người sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học.

- Mác và Ăng-ghe-nơ đã cùng nhau nghiên cứu lí luận và thành lập một tổ chức quốc tế của giai cấp vô sản.

+ Về lí luận: Hai ông xây dựng học thuyết chủ nghĩa xã hội khoa học.

+ Về tổ chức: Hai ông liên hệ với Đồng minh những người chính nghĩa, được thành lập ở Pa-ri năm 1836, sau đó trở thành Đồng minh những người cộng sản (6-1847). Đây là tổ chức đầu tiên của giai cấp vô sản quốc tế, nhằm "đoàn kết vô sản tất cả các nước" "...lật đổ giai cấp tư sản, thiết lập sự thống trị của giai cấp vô sản, thủ tiêu xã hội tư sản cũ".

- Tháng 12-1847, Tuyên ngôn Đảng Cộng sản ra đời, do C.Mác và Ăngghen soạn thảo.

* Nội dung:

+ Chủ nghĩa tư bản ra đời là một bước tiến, song nó chứa đựng nhiều mâu thuẫn và cuộc đấu tranh giữa tư bản và vô sản tất yếu nổ ra.

+ Khẳng định sứ mệnh lịch sử và vai trò của giai cấp vô sản là lãnh đạo cách mạng. Muốn cách mạng thắng lợi cần phải có chính đảng tiên phong của mình.

+ Trình bày một cách hệ thống những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa cộng sản, chứng minh quy luật tất yếu diệt vong của chế độ tư bản và thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản.

* Ý nghĩa:

+ Là văn kiện có tính chất cương lĩnh đầu tiên của chủ nghĩa xã hội khoa học, bước đầu kết hợp chủ nghĩa xã hội với phong trào công nhân.

+ Từ đây, phong trào công nhân đã có lý luận cách mạng soi đường.

II. QUỐC TẾ THỨ NHẤT

1. Hoàn cảnh ra đời

- Đến đầu năm 1848, chủ nghĩa tư bản xác lập trên phạm vi toàn thế giới. Mâu thuẫn giai cấp ngày càng gay gắt, dẫn đến cuộc đấu tranh của công nhân và nhân dân lao động trong những năm 1848 -1849 ở nhiều nước châu Âu, đặc biệt ở Pháp và Đức.

- Các cuộc đấu tranh của công nhân và nhân dân lao động lần lượt bị thất bại vì thiếu đoàn kết, chưa có tổ chức thống nhất...

- Ngày 28-9-1864, Quốc tế thứ nhất thành lập tại Luân Đôn với sự tham gia của C.Mác.

2. Hoạt động của Quốc tế thứ nhất

- Quốc tế thứ nhất chống các trào lưu xa lạ với lập trường của giai cấp công nhân.

- Truyền bá rộng rãi chủ nghĩa Mác.

- Chủ trương làm việc tám giờ.

- Hạn chế lao động của phụ nữ và trẻ em.

- Thời gian tồn tại của Quốc tế thứ nhất: từ tháng 9 - 1864 đến tháng 7 - 1876. Quốc tế thứ nhất tiến hành 5 đại hội.

- Đóng góp của Quốc tế thứ nhất cho phong trào công nhân:

+ Ủng hộ cuộc bãi công của công nhân.

+ Phản đối chính sách khủng bố, tàn sát các cuộc đấu tranh của công nhân.

- Vai trò :

+ Truyền bá rộng rãi chủ nghĩa Mác trong phong trào công nhân quốc tế.

+ Đoàn kết, thống nhất các lực lượng vô sản quốc tế dưới ngọn cờ chủ nghĩa Mác.

Quốc tế thứ nhất chính thức tuyên bố giải tán ngày 15-7-1876.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Hãy khoanh tròn một chữ in hoa đứng trước câu trả lời đúng.

1. Năm 23 tuổi, Mác đỗ tiến sĩ với luận án xuất sắc về đề tài gì?

A. Triết học Mác-Lê Nin.

B. Triết học Ánh sáng.

C. Triết học cổ đại La Mã.

D. Triết học cổ đại Hi Lạp.

2. Năm 1843, Mác rời nước Đức đi đến nước nào đầu tiên?

A. Nước Anh.

B. Nước Pháp.

C. Nước Bỉ.

D. Nước Hà Lan.

3. Trong tác phẩm nào của mình, Ăngghen miêu tả cụ thể, sinh động sự bóc lột tàn bạo của giai cấp tư sản đối với công nhân?

A. Biên niên Pháp - Đức.

B. Triết học cổ điển Đức.

C. Triết học cổ đại Hi Lạp.

D. Tình cảnh của giai cấp công nhân ở Anh.

4. Cuộc gặp gỡ đã mở đầu tình bạn cảm động của Mác và Ăngghen diễn ra vào thời gian nào? Ở đâu?

A. Vào năm 1844. Tại Luân Đôn (Anh).

B. Vào năm 1844. Tại Pa-ri (Pháp).

C. Vào năm 1845. Tại Pa-ri (Pháp).

D. Vào năm 1843. Tại Brúc-xen (Bỉ).

5. Tổ chức "Đồng minh những người chính nghĩa" được thành lập ở đâu? Vào thời gian nào?

A. Thành lập ở Pa-ri (Pháp). Vào năm 1836.

B. Thành lập ở Luân Đôn (Anh). Vào năm 1847.

C. Thành lập ở Pa-ri (Pháp). Vào năm 1847.

D. Thành lập ở Brúc-xen (Bỉ). Vào năm 1836.

6. Tổ chức "Đồng minh những người chính nghĩa" đổi tên thành "Đồng minh những người cộng sản vào thời gian nào?

A. Tháng 4 - 1847.

C. Tháng 6 - 1847.

B. Tháng 5 - 1847.

D. Tháng 7-1847.

7. "Đồng minh những người cộng sản" ra đời nhằm mục đích gì?

A. "Đoàn kết giai cấp vô sản tất cả các nước".

B. "Đoàn kết giai cấp vô sản và những người cộng sản các nước".

C. "Đoàn kết giai cấp vô sản và nhân dân các nước thuộc địa".

D. "Đoàn kết những người cộng sản tất cả các nước".

8. Cuối tháng 11 đầu tháng 12 năm 1847 diễn ra sự kiện lịch sử gì trong Đồng minh những người cộng sản?

A. Đại hội lần thứ nhất của Đồng minh những người cộng sản.

B. Đại hội lần thứ hai của Đồng minh những người cộng sản.

C. Đại hội lần thứ ba của Đồng minh những người cộng sản.

D. Đại hội lần thứ tư của Đồng minh những người cộng sản.

9. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản xác định vai trò của giai cấp vô sản như thế nào?

A. Cùng với nông dân lãnh đạo cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản.

B. Lãnh đạo cuộc đấu tranh, nhằm lật đổ ách thống trị của giai cấp tư sản và xây dựng chuyên chính vô sản.

- C. Lãnh đạo cuộc đấu tranh xóa bỏ áp bức, bóc lột.
- D. Lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

10. Chương I trong Tuyên ngôn Đảng Cộng sản nói về vấn đề gì?

- A. Vô sản và cộng sản.
- B. Quan hệ của những người cộng sản đối với các đảng đối lập.
- C. Tư sản và vô sản.
- D. Sách báo xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

11. Vào năm nào chủ nghĩa tư sản đã được xác lập trên phạm vi thế giới?

- A. Đầu năm 1848.
- B. Cuối năm 1848.
- C. Đầu năm 1849.
- D. Cuối năm 1849.

12. Vì sao các cuộc đấu tranh của công nhân và nhân dân lao động ở các nước tư bản chủ nghĩa trong những năm 1848 - 1849 cuối cùng bị thất bại?

- A. Thiếu sự liên minh giai cấp.
- B. Thiếu đoàn kết, chưa có đảng lãnh đạo.
- C. Chưa có tổ chức thống nhất.
- D. Thiếu đoàn kết, chưa có tổ chức thống nhất.

13. Quốc tế thứ nhất ban đầu có tên là gì?

- A. Hội liên hiệp giai cấp công nhân quốc tế.
- B. Hội liên hiệp lao động quốc tế.
- C. Hội liên hiệp công nhân lao động.
- D. I. ại liên hiệp những người cộng sản quốc tế.

14. Linh hồn của Quốc tế thứ nhất là ai?

- A. Ăng-ghen.
- B. Lê-nin.
- C. Các Mác.
- D. Xta-lin.

15. Trong quá trình tồn tại và hoạt động, Quốc tế thứ nhất chuẩn bị thành lập các chính đảng công nhân độc lập ở đâu?

- A. Châu Âu và châu Á.
- B. Châu Á và châu Mỹ La-tinh.
- C. Châu Âu và Bắc Mỹ.
- D. Châu Âu và châu Phi.

16. Quốc tế thứ nhất chính thức tuyên bố giải tán vào thời gian nào?

- A. Ngày 17- 5 - 1876.
- B. Ngày 18 - 6 - 1876.
- C. Ngày 25 - 7 - 1876.
- D. Ngày 15 - 7 - 1876.

BÀI 12. CÔNG XÃ PA-RI (1871)

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. CUỘC KHỞI NGHĨA 18-3-1871

- Nguyên nhân :

- + Cuộc chiến tranh Pháp - Phổ năm 1870, quân Pháp bị thất bại.
- + Ngày 4-9-1870, quân chúng công nhân và dân nghèo Pa-ri đứng lên khởi nghĩa, đòi thiết lập chế độ Cộng hoà và thành lập các đơn vị Quốc dân quân chuẩn bị lực lượng chống Phổ xâm lược.

+ Giai cấp tư sản thành lập chính phủ lâm thời nhưng không chống lại quân Đức xâm lược, tìm cách phá hoại cuộc kháng chiến của nhân dân.

- Diễn biến:

+ Sáng 18-3-1871, Chính phủ do Chi-e đứng đầu cho quân đánh chiếm đồi Mông-mác, nơi tập trung đại bác của Quốc dân quân. Quân chúng hỗ trợ cho Quốc dân quân bao vây quân Chính phủ. Âm mưu chiếm đồi Mông-mác của Chính phủ bị thất bại.

+ Trưa 18-3, các tiểu đoàn tập trung vào trung tâm thủ đô, chiếm các cơ quan chính phủ, nhà ga, sở Cảnh sát và toà Thị chính.

+ Chiều 18-3, cờ đỏ phát phới bay trên nóc hầm toà Thị chính. Tàn quân của Chính phủ phải rút về Véc-xai để củng cố lực lượng.

+ Ngày 26-3, tổ chức bầu cử Hội đồng Công xã. Ngày 28-3, Hội đồng Công xã làm lễ ra mắt, đánh dấu cuộc cách mạng thắng lợi.

II. CÔNG XÃ PA-RI - NHÀ NƯỚC VÔ SẢN ĐẦU TIÊN

- Ngày 26-3-1871, Công xã được thành lập, cơ quan cao nhất là Hội đồng Công xã được bầu theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu.

- Những việc làm của công xã:

+ Quân đội và bộ máy cảnh sát cũ bị giải tán, thay vào đó là các lực lượng vũ trang nhân dân, nhà thờ tách khỏi trường học, nhà trường không được dạy Kinh Thánh.

+ Thi hành nhiều chính sách tiến bộ khác: thực hiện quyền làm chủ của công nhân đối với những xí nghiệp chủ bỏ trốn, những xí nghiệp còn chủ thì kiểm soát chế độ tiền lương, bớt lao động ban đêm, cấm cúp phạt và đánh đập công nhân. Giải quyết nạn thất nghiệp, ra lệnh hoãn trả tiền thuê nhà, hoãn trả nợ. Thực hiện chế độ giáo dục bắt buộc, không mất tiền...

- Công xã Pa-ri là một nhà nước kiểu mới, do dân và vì dân.

III. CUỘC CHIẾN ĐẤU BẢO VỆ CÔNG XÃ PA-RI

- Từ tháng 4, quân Véc-xai bắt đầu tấn công Pa-ri, các trận chiến đấu diễn ra ác liệt, kéo dài suốt từ ngày 21 đến 28-5-1871, gọi là "Tuần lễ đẫm máu".

- Các chiến sĩ công xã đã chiến đấu anh dũng bảo vệ từng khu phố, từng căn nhà, từng tác đất. Tiêu biểu nhất là cuộc chiến đấu của gần 200 chiến sĩ cổ thủ trong nghĩa địa Cha La-se-dơ.

IV. NGUYÊN NHÂN THẤT BẠI VÀ Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA CÔNG XÃ PA-RI

- Nguyên nhân thất bại:

+ Giai cấp công nhân Pháp chưa đủ lực lượng để đánh bại hoàn toàn giai cấp tư sản.

+ Chưa có một chính đảng lãnh đạo.

+ Giai cấp tư sản và các thế lực phản động lại cấu kết với nhau để tiêu diệt cách mạng.

+ Công xã phạm sai lầm như bỏ lỡ thời cơ, thiếu kiên quyết trấn áp kẻ thù và chưa thực hiện được liên minh công nông.

- Ý nghĩa:

- + Đây là cuộc cách mạng vô sản đầu tiên nhằm xoá bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa và thiết lập nền chuyên chính vô sản.
- + Cổ vũ tinh thần cách mạng của giai cấp công nhân, thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình.
- + Để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý giá:
 - . Sự thử nghiệm đầu tiên về một nhà nước kiểu mới.
 - . Về sự cần thiết phải có sự lãnh đạo của Đảng Vô sản.
 - . Về thực hiện liên minh công nông.
 - . Về đập tan bộ máy nhà nước cũ, thiết lập nhà nước mới của dân.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Hãy khoanh tròn một chữ in hoa đứng trước câu trả lời đúng.

1. Cuộc chiến tranh Pháp - Phổ nổ ra vào thời gian nào?

- A. Ngày 2 - 9 - 1870.
- B. Ngày 18 - 7 - 1870.
- C. Ngày 19 - 7 - 1870.
- D. Ngày 7 - 9 - 1870.

2. Để chuẩn bị lực lượng chống quân Phổ xâm lược, quần chúng nhân dân Pa-ri đòi thành lập đơn vị nào.

- A. Cộng hòa.
- B. Quốc dân quân.
- C. Quân đội nhân dân.
- D. Vệ quốc quân.

3. Khi quân Phổ chuẩn bị tấn công vào nước Pháp, giai cấp tư sản Pháp thành lập chính phủ lâm thời với tên gọi là gì?

- A. "Chính phủ Lập quốc".
- B. "Chính phủ Vệ quốc".
- C. "Chính phủ Cứu quốc".
- D. "Chính phủ yêu nước".

4. Khi quân đội Đức tiến sâu vào đất Pháp và bao vây Pa-ri, chính phủ lâm thời tư sản ra lệnh cho nhân dân làm gì?

- A. Kiên quyết đứng lên chống Đức đến cùng.
- B. Giải tán lực lượng vũ trang.
- C. Hãy cứu nguy cho Tổ quốc.
- D. Chấm dứt phòng thủ đất nước.

5. Vì sao cuộc cách mạng ngày 18 - 3 - 1871 được gọi là cuộc cách mạng vô sản?

- A. Vì cuộc cách mạng này lật đổ chính quyền của giai cấp tư sản.
- B. Vì cuộc cách mạng này do giai cấp vô sản lãnh đạo.
- C. Vì cuộc cách mạng này đánh đuổi được quân Phổ và thiết lập nên chuyên chính vô sản.
- D. Vì cuộc cách mạng này thành lập nước bộ máy nhà nước của giai cấp vô sản.

6. Sau khi bị thất bại, tàn quân của Chính phủ tư sản rút chạy về đâu?

- A. Mông-mác.
- B. Véc-xai.
- C. Pa-ri.
- D. Xơ-dăng.

7. Ngày 26 - 3 - 1871, diễn ra sự kiện lịch sử gì ở Pháp?

- A. Quốc dân quân đánh chiếm các trụ sở của Chính phủ lâm thời.

- B. Lá cờ cách mạng phát tung bay trên nóc nhà Thị chính.
- C. Tổ chức bầu cử Hội đồng Công xã.
- D. Hội đồng Công xã làm lễ ra mắt trước quốc dân đồng bào.

8. Hội đồng Công xã Pa-ri tập trung các quyền lực nào?

- A. Quyền hành pháp.
- B. Quyền lập pháp.
- C. Quyền hành pháp và quyền hành pháp.
- D. Quyền hành pháp, lập pháp và tư pháp.

9. Đến ngày 1 - 5 - 1871, Hội đồng Công xã thành lập thêm ủy ban nào?

- A. Ủy ban Quân sự.
- B. Ủy ban An ninh.
- C. Ủy ban Đối ngoại.
- D. Ủy ban Cứu quốc.

10. "Tuần lễ đẫm máu" ở nước Pháp diễn ra trong khoảng thời gian nào?

- A. Từ 12 - 5 - 1871 đến 28 - 5 - 1871.
- B. Từ 21 - 5 - 1871 đến 28 - 5 - 1871.
- C. Từ 20 - 5 - 1871 đến 28 - 5 - 1871.
- D. Từ 19 - 5 - 1871 đến 27 - 5 - 1871.

11. Nguyên nhân nào cơ bản nhất làm cho Công xã Pa-ri bị thất bại?

- A. Giai cấp vô sản Pháp còn yếu.
- B. Họ chưa có chính đảng lãnh đạo.
- C. Chưa có nước liên minh công nông.
- D. Các thế lực phản động cấu kết với nhau để tiêu diệt cách mạng.

12. Bài học lớn nhất được rút ra từ Công xã Pa-ri là gì?

- A. Phải có sự lãnh đạo của Đảng Vô sản.
- B. Phải thực hiện liên minh công nông.
- C. Phải đập tan bộ máy nhà nước cũ, thiết lập nhà nước mới.
- D. Tất cả các bài học trên.

13. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến cuộc khởi nghĩa ngày 18-3-1871 của nhân dân Pa-ri là gì?

- A. Mâu thuẫn gay gắt không thể điều hoà giữa quần chúng nhân dân Pa-ri với Chính phủ tư sản.
- B. Bất bình trước thái độ vơ vạ của Chính phủ tư sản khi Phổ tấn công.
- C. Chống lại sự đầu hàng phản bội lợi ích dân tộc của tư sản Pháp để bảo vệ Tổ quốc.
- D. Chiếm cho quân đánh úp đòi Mông-mác.

14. Vì sao cuộc khởi nghĩa ngày 18-3-1871 được xem là một cuộc cách mạng vô sản?

- A. Lực lượng cách mạng là quần chúng nhân dân.
- B. Lật đổ chính quyền của giai cấp tư sản.
- C. Thành lập chính quyền của giai cấp vô sản.
- D. Cả ba ý trên đúng.

15. Trong các sắc lệnh sau đây của Công xã, sắc lệnh nào thể hiện tính ưu việt của Công xã ?

- A. Tách nhà thờ ra khỏi hoạt động của Nhà nước.
- B. Giao cho công nhân quản lí những xí nghiệp của bọn chủ bỏ trốn.
- C. Quy định về tiền lương tối thiểu, giảm lao động ban đêm, cấm cúp phạt, đánh đập công nhân.
- D. Thực hiện chế độ giáo dục bắt buộc, miễn học phí.

16. Vì sao nói Công xã Pa-ri là một Nhà nước kiểu mới?

- A. Công xã do nhân dân bầu ra theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu.
- B. Công xã đã ban bố và thi hành nhiều sắc lệnh phục vụ quyền lợi của nhân dân.
- C. Công xã giải phóng quân đội và bộ máy cảnh sát của chế độ cũ.
- D. Công xã vừa ban bố pháp lệnh vừa thi hành pháp lệnh.

17. Vì sao giai cấp tư sản điên cuồng chống lại Công xã?

- A. Công xã xoá hết mọi đặc quyền của giai cấp tư sản.
- B. Công xã tách nhà thờ ra khỏi Nhà nước
- C. Công xã thực sự là Nhà nước do dân và vì dân, đối lập với Nhà nước tư bản.
- D. Công xã ban bố các sắc lệnh phục vụ quyền tự do của nhân dân.

18. Công xã Pa-ri tồn tại trong bao nhiêu ngày?

- A. 70 ngày.
- B. 71 ngày.
- C. 72 ngày.
- D. 73 ngày.

19. Nội niên đại ở cột A cho phù hợp với sự kiện ở cột B.

Cột A	Cột B
1. 2-9-1870	a. Nhân dân Pa-ri khởi nghĩa lật đổ Na-pô-lê-ông, lập chế độ cộng hòa
2. 4-9-1870	b. Na-pô-lê-ông III và 10 vạn quân Pháp bị bắt tại Xơ-đăng
3. 18-3-1871	c. Nhân dân Pa-ri bầu Hội đồng Công xã
4. 26-3-1871	d. Quân Véc-xai bắt đầu tấn công Pa-ri
5. Đầu tháng 4-1871	e. Chi-e đánh úp đồi Mông-mác
6. 20-5-1871	f. Cuộc chiến đấu ở nghĩa địa Cha La-se-dơ
7. 27-5-1871	g. Quân Véc-xai tổng tấn công Pa-ri

BÀI 13.

PHONG TRÀO CÔNG NHÂN QUỐC TẾ

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. PHONG TRÀO CÔNG NHÂN QUỐC TẾ CUỐI THẾ KỈ XIX

- Nguyên nhân:

+ Từ thập niên 70 của thế kỉ XIX, chủ nghĩa tư bản phát triển mạnh mẽ ở châu Âu và Bắc Mĩ. Đội ngũ công nhân tăng về số lượng và chất lượng, có điều kiện sống tập trung.

+ Do sự bóc lột nặng nề của giai cấp tư sản, chính sách chạy đua vũ trang làm đời sống công nhân cực khổ. Nhiều cuộc đấu tranh của công nhân bùng nổ.

- Phong trào đấu tranh:

Phong trào công nhân đòi cải thiện đời sống, đòi quyền tự do dân chủ ngày càng lan rộng, đặc biệt ở các nước tư bản tiên tiến như Anh, Pháp, Đức, Mĩ.

+ Tiêu biểu gần 40 vạn công nhân Chi-ca-gô ngày 01-5-1886 đòi lao động 8 giờ đã buộc giới chủ phải nhượng bộ. Ngày đó đi vào lịch sử là ngày Quốc tế Lao động.

+ Nhiều đảng công nhân, đảng xã hội, nhóm công nhân tiến bộ được thành lập: Đảng Công nhân Xã hội Dân chủ Đức (1875), Đảng Công nhân Xã hội Mĩ (1876), Đảng Công nhân Pháp (1879), nhóm Giải phóng Lao động Nga (1883), Liên minh Xã hội Dân chủ ở Anh (1884)...

- Thực tế trên đặt ra yêu cầu phải thành lập một tổ chức Quốc tế mới để đoàn kết lực lượng công nhân các nước càng trở nên cấp thiết. Sau khi C. Mác qua đời (1883), vai trò lãnh đạo phong trào công nhân quốc tế thuộc về Ăng-ghe-n.

II. QUỐC TẾ THỨ HAI

- Ngày 14-7-1889, đại hội thành lập Quốc tế thứ hai tổ chức tại Pa-ri.

- Đại hội thông qua nhiều nghị quyết quan trọng:

+ Sự cần thiết phải thành lập chính đảng của giai cấp công nhân ở mỗi nước.

+ Đề cao đấu tranh chính trị, coi trọng đấu tranh hợp pháp.

+ Tăng cường phong trào quần chúng, đấu tranh giành chính quyền.

+ Đòi tăng lương, ngày làm việc tám giờ.

+ Lấy ngày 1-5 làm ngày Quốc tế Lao động.

- Quốc tế thứ hai tồn tại và hoạt động chủ yếu dưới hình thức đại hội.

- Từ năm 1898 – 1895, hoạt động của Quốc tế thứ hai gắn liền với vai trò của Ăng-ghe-n. Quốc tế thứ hai có những đóng góp trong phong trào công nhân thế giới: tiếp tục truyền bá chủ nghĩa Mác, đoàn kết phong trào công nhân các nước; thúc đẩy thành lập chính đảng vô sản,

- Năm 1895, khi Ăng-ghe-n qua đời, giai cấp công nhân thiếu sự lãnh đạo của vị lãnh tụ sáng suốt, chủ nghĩa cơ hội phát triển. Từ đó diễn ra cuộc đấu tranh giữa khuynh hướng cách mạng và khuynh hướng cơ hội. Do thiếu nhất trí về đường lối, chia rẽ về tổ chức, các đảng trong Quốc tế thứ hai xa dần đường lối đấu tranh cách mạng, thoả hiệp với giai cấp tư sản. Quốc tế thứ hai tan rã.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Hãy khoanh tròn một chữ in hoa đứng trước câu trả lời đúng.

1. Từ thập niên 20 của thế kỉ XIX, chủ nghĩa tư bản phát triển mạnh mẽ ở đâu?

- A. Tây Âu và châu Á.
- B. Châu Âu và Bắc Mỹ.
- C. Tất cả các nước châu Âu.
- D. Châu Âu và châu Mỹ.

2. Năm 1886, công nhân Pháp đứng lên đấu tranh đòi quyền lợi gì?

- A. Đòi tăng lương, giảm giờ làm.
- B. Đòi ngày làm việc tám giờ.
- C. Đòi các quyền tự do dân chủ.
- D. Đòi tăng lương và quyền dân chủ.

3. Từ thập niên 20 của thế kỉ XIX, phong trào công nhân nước nào diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ và quyết liệt nhất là:

- A. Phong trào công nhân ở Pháp.
- B. Phong trào công nhân ở Anh.
- C. Phong trào công nhân ở Đức.
- D. Phong trào công nhân ở Mỹ.

4. Ngày 1 - 5 - 1886 ở Mỹ diễn ra sự kiện gì gắn với phong trào đấu tranh của công nhân?

- A. Cuộc tổng bãi công của công nhân ở Si-ca-gô
- B. Cuộc bãi công của công nhân New-york.
- C. Cuộc tổng bãi công của công nhân Oa-sinh-ton.
- D. Cuộc tổng bãi công của công nhân ở Ca-li-phô-ni-a.

5. Hạn chế lớn nhất của phong trào công nhân thế giới của thế kỉ XIX là gì?

- A. Chưa liên minh chặt chẽ với nông dân.
- B. Chưa có sự thống nhất trong lãnh đạo và thiếu sự phối hợp đấu tranh.
- C. Chưa tiếp thu được chủ nghĩa Mác.
- D. Chưa xây dựng được một lực lượng hùng mạnh để đấu tranh.

6. Quốc tế thứ hai được thành lập vào thời gian nào? Ở đâu?

- A. Ngày 17 - 4 - 1889. Ở Pa-ri (Pháp).
- B. Ngày 14 - 7 - 1889. Ở Luân Đôn (Anh).
- C. Ngày 14 - 7 - 1889. Ở Pa-ri (Pháp).
- D. Ngày 17 - 4 - 1889. Ở Béc-lin (Đức).

7. Một trong những yêu cầu nào dưới đây đã dẫn đến thành lập Quốc tế thứ hai?

- A. Phong trào công nhân chưa phát triển mạnh.
- B. Các đảng công nhân được thành lập và sự cần thiết phải thống nhất.
- C. Chủ nghĩa tư bản đã thành lập tổ chức quốc tế của nó để chống lại phong trào công nhân.
- D. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã được truyền bá sâu rộng vào trong phong trào công nhân.

8. Câu nào dưới đây không phải là điều kiện và yêu cầu thành lập Quốc tế thứ hai?

- A. Phong trào công nhân chưa phát triển mạnh mẽ ở các nước tư bản chủ nghĩa.
- B. Các đảng công nhân được thành lập và sự cần thiết phải thống nhất.
- C. Phải đoàn kết các lực lượng công nhân để đấu tranh thắng lợi.
- D. Câu B và C đúng.

9. Quốc tế thứ hai quyết định lấy ngày 1 - 5 làm ngày Quốc tế Lao động nhằm:

- A. Để cho công nhân được làm việc, nghỉ ngơi cho đúng Luật Lao động quốc tế.
- B. Để cho công nhân được làm việc tám giờ.
- C. Để cho công nhân được hưởng mọi quyền lợi.
- D. Để đoàn kết và biểu dương lực lượng giai cấp vô sản thế giới.

10. Từ năm 1889 đến năm 1896, Quốc tế thứ hai tồn tại và hoạt động gắn với tên tuổi của ai?

- A. Các Mác.
- B. Ăng-ghe-n.
- C. Lê-nin.
- D. Xta-lin.

11. Trong những năm đầu thế kỉ XX, trong Quốc tế thứ hai diễn ra hai khuynh hướng nào?

- A. Khuynh hướng cách mạng và khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa.
- B. Khuynh hướng tư sản và vô sản.
- C. Khuynh hướng duy trì Quốc tế thứ hai và xóa bỏ Quốc tế thứ hai.
- D. Khuynh hướng đấu tranh giai cấp và phi giai cấp.

12. "Quốc tế thứ hai đã chết vì bị chủ nghĩa cơ hội đánh bại". Câu nói đó của ai.

- A. Các Mác.
- B. Ăng-ghe-n.
- C. Lê-nin.
- D. Hồ Chí Minh.

13. Vì sao phong trào công nhân cuối thế kỉ XIX vẫn tiếp tục phát triển?

- A. Mâu thuẫn giữa tư sản và vô sản ngày càng sâu sắc.
- B. Chủ nghĩa Mác đã được truyền bá sâu rộng trong phong trào công nhân.
- C. Ý thức giác ngộ của công nhân ngày càng cao.
- D. Cả 3 ý trên.

14. Kết quả lớn nhất của phong trào công nhân cuối thế kỉ XIX đạt được là gì?

- A. Chủ nghĩa Mác được truyền bá sâu rộng trong phong trào công nhân các nước.
- B. Chủ phải tăng lương, giảm giờ làm cho công nhân.
- C. Các tổ chức chính trị độc lập của giai cấp công nhân mỗi nước ra đời.
- D. Lấy ngày 1 - 5 hàng năm làm ngày Quốc tế Lao động.

15. Đảng Xã hội Dân chủ Đức ra đời vào năm nào?

- A. Năm 1875.
- B. Năm 1879.
- C. Năm 1883.
- D. Năm 1889.

16. Đảng Công nhân Pháp được thành lập vào năm nào?

- A. Năm 1875.
- B. Năm 1879.
- C. Năm 1883.
- D. Năm 1889.

17. Nhóm Giải phóng Lao động Nga được hình thành vào năm nào?

- A. Năm 1875.
- B. Năm 1879.
- C. Năm 1883.
- D. Năm 1889.

18. Đại hội thành lập Quốc tế thứ hai (1889) đã thông qua nhiều nghị quyết, theo em nghị quyết nào là quan trọng nhất với tình hình lúc đó?

- A. Phải thành lập chính đảng của giai cấp vô sản ở mỗi nước.
- B. Đấu tranh giành chính quyền.
- C. Đấu tranh đòi ngày làm 8 giờ.

D. Lấy ngày 1-5 hàng năm làm ngày đoàn kết và biểu dương lực lượng của giai cấp vô sản thế giới.

19. “Cương lĩnh khẳng định nhiệm vụ chủ yếu của Đảng là tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, đánh đổ chính quyền của giai cấp tư sản, thành lập chính quyền vô sản”, đây cương lĩnh của đảng nào ?

A. Đảng Xã hội Dân chủ Đức (1875).

B. Đảng Công nhân Pháp (1879).

C. Nhóm Giải phóng Lao động Nga (1883).

D. Đảng Công nhân Xã hội Dân chủ Nga (1903).

BÀI 14.

LÊ-NIN VÀ PHONG TRÀO CÔNG NHÂN NGÀ ĐẦU THẾ KỈ XX

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. V.I LÊ-NIN VÀ CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG CHỦ NGHĨA CƠ HỘI

1. Tình hình nước Nga sau cải cách nông nô

- Kinh tế tư bản ở Nga phát triển nhưng vẫn chậm chạp so với nhiều nước Âu-Mĩ.

- Đầu thế kỉ XX, Nga bước sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Đời sống công nhân và nhân dân vô cùng khổ.

- Phong trào chống Nga hoàng ngày một phát triển mạnh mẽ. Nhiều cuộc bãi công của công nhân nổ ra. Yêu cầu phải có chính đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo. Lê-nin giữ vai trò to lớn trong việc này.

2. Vài nét về tiểu sử và sự nghiệp cách mạng của Lê-nin

- V.Ia-di-mia I-lích U-li-a-nốp tức Lê-nin sinh ngày 22-4-1870 trong gia đình nhà giáo tiến bộ.

- Năm 1895, Lê-nin thống nhất các nhóm Mác-xít Xanh Pê-téc-bua thành một tổ chức chính trị, lấy tên là “Liên hiệp đấu tranh giải phóng giai cấp công nhân”. Đó là mầm mống của Đảng mácxít cách mạng.

- Năm 1898, tại Min-xơ, Đảng Công nhân Xã hội Dân chủ Nga tuyên bố thành lập nhưng không hoạt động.

- Năm 1900, Lê-nin cùng với các đồng chí của mình xuất bản báo Tia lửa nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác vào phong trào công nhân Nga.

- Năm 1903, Đại hội Đảng Công nhân Xã hội Nga được triệu tập ở Luân Đôn dưới sự chủ trì của Lê-nin để bàn về cương lĩnh, điều lệ Đảng. Hình thành hai phái Bôn-sê-vích - đa số và phái Mensêvích - thiểu số.

- Đầu thế kỉ XX các phái cơ hội trong Quốc tế thứ hai ủng hộ chính phủ tư sản, ủng hộ chiến tranh. Đảng Bôn-sê-vích do Lê-nin lãnh đạo kiên quyết chống chiến tranh đế quốc, trung thành với sự nghiệp vô sản.

- Lê-nin có nhiều đóng góp quan trọng về mặt lí luận thông qua những tác phẩm của mình.

II. CÁCH MẠNG NGÀ 1905-1907

1. Cách mạng bùng nổ

- Cuối năm 1904, ở Nga nhiều cuộc bãi công và biểu tình của quần chúng đã nổ ra với khẩu hiệu: “Đả đảo chế độ chuyên chế!”, “Đả đảo chiến tranh!” đã châm ngòi cho cách mạng.

- Ngày 9-1-1905, 14 vạn công nhân Pê-téc-bua và gia đình không vũ khí đến Cung điện mùa Đông để thỉnh cầu Nga hoàng cải thiện đời sống nhưng họ bị đàn áp. Đó là “ngày chủ nhật đẫm máu”. Công nhân dựng chiến lũy chiến đấu.

- Mùa hè 1905, phong trào lan rộng, lôi cuốn cả binh lính và nông dân Kì niệm 1-5-1905 đã biến thành cuộc biểu dương tình đoàn kết của công nhân toàn Nga. Tinh thần cách mạng tác động đến cả quân đội.

- Tháng 6-1905, thủy thủ trên chiến hạm “Pô-tem-kin” ở Ô-đéc-xa khởi nghĩa, làm chủ chiến hạm. Nông dân lại nổi dậy đưa yêu sách chính trị. Nhiều nơi các Xô viết đại biểu công nhân được thành lập.

- Từ mùa thu năm 1905, phong trào tiếp tục dâng cao, làm ngưng trệ mọi hoạt động kinh tế và giao thông trong cả nước.

- Tại Mát-xcơ-va, 12-1905 cuộc tổng bãi công biến thành khởi nghĩa vũ trang song bị thất bại. Đến cuối năm 1907, phong trào trong cả nước bị thất bại hoàn toàn.

2. Tính chất và ý nghĩa lịch sử

- *Tính chất:* là cuộc cách mạng dân chủ tư sản lần thứ nhất ở Nga. Đây là một cuộc cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.

- *Ý nghĩa:*

+ Giáng một đòn mạnh mẽ vào chế độ Nga hoàng, có ảnh hưởng đến phong trào đấu tranh đòi dân chủ ở các nước đế quốc.

+ Thức tỉnh nhân dân các nước phương Đông đấu tranh.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Hãy khoanh tròn một chữ in hoa đứng trước câu trả lời đúng.

1. Nước Nga bắt đầu chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa vào thời gian nào?

A. Cuối thế kỉ XIX.

C. Sau cuộc cải cách nông nô 1961.

B. Đầu thế kỉ XX.

D. Cuối thế kỉ XX.

2. Tình hình kinh tế nước Nga sau cuộc cải cách nông nô 1861 như thế nào?

A. Kinh tế phong kiến phát triển mạnh mẽ hơn so với kinh tế tư bản chủ nghĩa.

B. Kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh mẽ.

C. Kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển, thường bị cản trở bởi chế độ chuyên chế Nga hoàng và tàn dư của chế độ nông nô.

D. Kinh tế tư bản chủ nghĩa chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.

3. Mùa thu năm 1895, Lê-nin thống nhất những nhóm mác-xít Pê-téc-bua thành một tổ chức chính trị duy nhất, lấy tên là gì?

- A. Liên hiệp Đấu tranh Giải phóng các dân tộc Nga.
- B. Liên hiệp Đấu tranh Giải phóng giai cấp Công nhân.
- C. Liên hiệp Cách mạng Nga.
- D. Liên hiệp Giải phóng Công nhân.

4. Lê-nin bị bắt và bị đày đi Xi-bia trong khoảng thời gian nào?

- A. 1895 - 1905.
- B. 1895 - 1904.
- C. 1890 - 1900.
- D. 1895 - 1900.

5. Năm 1900, Lê-nin cùng các đồng chí của mình xuất bản tờ báo lấy tên là:

- A. Tia sáng.
- B. Tia lửa.
- C. Ánh sáng.
- D. Phá xiềng xích.

6. Đảng Công nhân Xã hội Dân chủ Nga được thành lập vào thời gian nào? Ở đâu?

- A. Năm 1903 ở Luân Đôn (Anh).
- B. Năm 1905 ở Pa-ri (Pháp).
- C. Năm 1900 ở Mát-xcơ-va (Liên Xô).
- D. Năm 1903 ở Pê-téc-bua (Nga).

7. Tính tiên phong của Đảng Công nhân Xã hội Dân chủ Nga được thể hiện như thế nào?

- A. Lãnh đạo nhân dân kiên quyết chống chế độ Nga hoàng.
- B. Lãnh đạo nhân dân kiên quyết chống chế độ tư bản, phong kiến.
- C. Lãnh đạo nhân dân kiên quyết chống chế độ tư bản, phong kiến.
- D. Lãnh đạo công nhân chống chế độ tư bản và Nga hoàng.

8. “Ngày chủ nhật đẫm máu” trong cuộc cách mạng 1905 - 1907 ở Nga là ngày nào?

- A. Ngày 1 - 9 - 1905.
- B. Ngày 9 - 1 - 1905.
- C. Ngày 1 - 5 - 1905.
- D. Ngày 5 - 1 - 1907.

9. Tháng 6 - 1905 diễn ra sự kiện lịch sử gì trong cuộc cách mạng 1905 - 1907 ở Nga?

- A. 40 vạn công nhân ở Pê-téc-bua biểu tình.
- B. Binh lính và nông dân Nga dậy chống Nga hoàng.
- C. Cuộc tổng bãi công của công nhân ở Mát-xcơ-va.
- D. Thủy thủ trên chiến hạm Pô-tem-kim khởi nghĩa.

10. Cách mạng 1905 - 1907 ở Nga lên đến đỉnh cao vào thời gian nào?

- A. Tháng 5 - 1905.
- B. Tháng 6 - 1905.
- C. Tháng 10 - 1905.
- D. Tháng 12 - 1905.

11. Đầu thế kỉ XX, Lê-nin thành lập một chính đảng cho giai cấp công nhân Nga. Chính đảng đó có gì mới?

- A. Chính đảng của những người lao động Nga.
- B. Đấu tranh vì quyền lợi của vô sản Nga.
- C. Kết hợp chủ nghĩa Mác với phong trào công nhân.
- D. Lần đầu tiên giai cấp vô sản Nga có chính đảng.

12. Chính đảng vô sản kiểu mới lần đầu tiên trên thế giới là:

- A. Đảng Xã hội Pháp.
- B. Đảng Xã hội Dân chủ Đức.

C. Đảng Cộng hòa Mĩ.

D. Đảng Công nhân Xã hội Dân chủ Nga.

13. Trong Đảng Công nhân Xã hội Dân chủ Nga, phái đa số theo Lê-nin được gọi là gì?

- A. Bôn-sê-vích.
- B. Men-sê-vích.
- C. Lê-nin-nít.
- D. Những người Nga tích cực.

14. Mục tiêu của Đảng Công nhân Xã hội Dân chủ Nga là gì?

- A. lật đổ chính quyền Nga hoàng.
- B. lật đổ tư sản Nga giành chính quyền về tay Xô viết.
- C. lật đổ chế độ Nga hoàng, lật đổ chính quyền tư sản, thành lập chuyên chính vô sản.
- D. Chống chiến tranh đế quốc.

15. Những điểm nào chứng tỏ Đảng Công nhân Xã hội Dân chủ Nga là đảng kiểu mới?

- A. Triệt để đấu tranh vì quyền lợi của công nhân và nhân dân lao động.
- B. Chống chủ nghĩa cơ hội, tuân theo nguyên lí của chủ nghĩa Mác.
- C. Dựa vào quần chúng nhân dân và lãnh đạo nhân dân đấu tranh cách mạng.
- D. Cả 3 ý trên đúng.

16. Trong các nội dung mà Cương lĩnh của Đảng Công nhân Xã hội Dân chủ Nga nêu ra, nội dung nào mang lại quyền lợi cho người nông dân?

- A. Làm cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- B. Đánh đổ chính quyền tư sản, thành lập chuyên chính vô sản.
- C. Thi hành những cải cách dân chủ.
- D. Giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.

17. Nguyên nhân cơ bản dẫn đến phong trào cách mạng trong những năm 1905 - 1907 ở Nga là gì?

- A. Nước Nga lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng.
- B. Số công nhân thất nghiệp ngày càng tăng.
- C. Tiền lương công nhân giảm sút, điều kiện sống tồi tệ.
- D. Hậu quả của cuộc chiến tranh Nga-Nhật.

18. Lực lượng tham gia trong phong trào cách mạng 1905 - 1907 ở Nga là:

- A. Công nhân, nông dân.
- B. Công nhân, nông dân, binh lính.
- C. Công nhân, nông dân, tiểu tư sản.
- D. Công nhân, nông dân, tư sản.

19. Sự kiện nào sau đây được xem là đỉnh cao của cuộc cách mạng 1905 - 1907 ở Nga?

- A. Cuộc đấu tranh “Ngày chủ nhật đẫm máu” (9-1-1905) của 14 vạn công nhân Pê-téc-bua.
- B. Cuộc nổi dậy phá dinh cơ của địa chủ phong kiến (5-1905) của nông dân.
- C. Cuộc khởi nghĩa của thủy thủ trên chiến hạm Pô-tem-kim (6-1905).
- D. Cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Mát-xcơ-va (12 - 1905).

CÁC NƯỚC CHÂU Á (TỪ GIỮA THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX)

Bài 15.

NHẬT BẢN

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN CẦN NẮM

I. NHẬT BẢN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX

Đến giữa thế kỉ XIX, chế độ Mạc phủ ở Nhật Bản đứng đầu là tướng quân (Sô-gun) đã lâm vào tình trạng khủng hoảng, suy yếu nghiêm trọng.

- Về kinh tế:

+ Trong nông nghiệp, nông dân không có ruộng đất, các lãnh chúa phong kiến phát canh thu tô. Địa chủ bóc lột nhân dân rất nặng nề.

+ Thủ công nghiệp phát triển mạnh ở nhiều lãnh địa phía tây nam. Song tình trạng cát cứ làm xuất hiện hàng rào thuế quan đã ảnh hưởng đến sự phát triển công thương nghiệp.

- Về xã hội:

+ Chính phủ Sô-gun vẫn duy trì chế độ đẳng cấp: Tầng lớp Đại-my-ô là những quý tộc phong kiến lớn quản lí các vùng lãnh địa trong nước. Họ có quyền lực tuyệt đối trong các lãnh địa của họ. Tầng lớp Vô sĩ, không có ruộng đất, chỉ phục vụ cho các Đại-my-ô.

- Do bị áp bức bóc lột nặng nề, nên nhân dân lao động, chủ yếu là nông dân, thị dân liên tiếp nổi dậy chống phong kiến.

- Về chính trị:

+ Đến giữa thế kỉ XIX Nhật Bản vẫn là một quốc gia phong kiến. Nhà vua được tôn là Thiên hoàng, có vị trí tối cao nhưng quyền hành thực tế thuộc về Tướng quân (thuộc dòng họ Tô-kư-ga-ôa) đóng ở phủ chúa - Mạc phủ.

Giữa lúc mâu thuẫn giai cấp trong nước ngày càng gay gắt, chế độ Mạc phủ khủng hoảng nghiêm trọng thì các nước tư bản phương Tây, trước tiên là Mĩ, dùng áp lực quân sự đòi Nhật Bản phải "mở cửa".

Như vậy, đến giữa thế kỉ XIX, Nhật Bản đã lâm vào một cuộc khủng hoảng trầm trọng, đứng trước sự lựa chọn: hoặc tiếp tục con đường trì trệ, bảo thủ để các nước đế quốc xâm xé; hoặc canh tân, cải cách xóa bỏ chế độ phong kiến, đưa Nhật Bản hòa nhập với nền kinh tế tư bản phương Tây.

II. CUỘC DUY TÂN MINH TRỊ

* Nguyên nhân:

- Những hiệp ước bất bình đẳng mà Mạc phủ kí với nước ngoài làm cho các tầng lớp xã hội phản ứng mạnh mẽ.

- Phong trào đấu tranh chống Sô-gun nổ ra sôi nổi vào những năm 60 của thế kỉ XIX đã làm sụp đổ chế độ Mạc phủ.

* Nội dung cải cách Minh Trị:

- Tháng 1-1868, sau khi lên ngôi, Thiên hoàng Minh Trị (May-gi-i) đã thực hiện một loạt cải cách tiến bộ nhằm đưa Nhật Bản thoát khỏi tình trạng phong kiến lạc hậu. Đó là cuộc Duy tân Minh Trị, được tiến hành trên tất cả các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa, giáo dục, ...

Về hành chính: xóa bỏ tình trạng cát cứ. Tổ chức chính phủ theo kiểu châu Âu. Ban hành Hiến pháp 1889.

Về kinh tế: chính phủ đã thi hành các chính sách thống nhất tiền tệ, thống nhất thị trường, xóa bỏ sự độc quyền ruộng đất của giai cấp phong kiến, tăng cường phát triển tư bản chủ nghĩa ở nông thôn, xây dựng cơ sở hạ tầng, đường sá, cầu cống, phục vụ giao thông liên lạc ...

Về quân sự: quân đội được tổ chức và huấn luyện theo kiểu phương Tây, chế độ nghĩa vụ thay cho chế độ trưng binh. Công nghiệp đóng tàu chiến được chú trọng phát triển, ngoài ra còn tiến hành sản xuất vũ khí, đạn dược và mời chuyên gia quân sự nước ngoài ...

Về văn hóa-giáo dục: thi hành chính sách giáo dục bắt buộc, chú trọng nội dung khoa học-kĩ thuật, trong chương trình giảng dạy, cử những học sinh giỏi đi du học ở phương Tây ...

- Kết quả: đưa nước Nhật thoát khỏi số phận bị các nước tư bản phương Tây xâm lược. Nhật Bản trở thành nước tư bản chủ nghĩa ở châu Á.

III. NHẬT BẢN CHUYỂN SANG CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC

- Sau chiến tranh Trung- Nhật (1894-1895), kinh tế Nhật phát triển mạnh mẽ. Nhiều công ty độc quyền xuất hiện như Mít-xuít, Mít-su-bi-si ... giữ vai trò to lớn, bao trùm lên đời sống kinh tế, chính trị của nước Nhật.

- Đầu thế kỉ XX, Nhật thi hành chính sách xâm lược và bành trướng. Chiến tranh Nga-Nhật (1904-1905), Nhật thắng Nga. Năm 1914, Nhật dùng vũ lực mở rộng ảnh hưởng ở Trung Quốc và chiếm Sơn Đông. Nhật trở thành đế quốc hùng mạnh ở châu Á.

- Cùng với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản là sự bản cùng hóa của quần chúng nhân dân lao động.

- Chủ nghĩa đế quốc Nhật được gọi là chủ nghĩa đế quốc phong kiến quân phiệt, hiếu chiến.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Hãy khoanh tròn một chữ in hoa đứng trước câu trả lời đúng.

1. Chế độ Mạc phủ được xác lập vào năm nào?

A. Năm 1602.

C. Năm 1604.

B. Năm 1603.

D. Năm 1605.

2. Vì sao trong quá trình thống trị đất nước, chế độ phong kiến Nhật Bản Tô-kư-ga-ôa không đáp ứng được yêu cầu phát triển đất nước?

A. Vì không có điều kiện phát triển công nghiệp.

B. Vì rơi vào tình trạng bế tắc, suy thoái.

- C. Vì không ứng dụng thành tựu khoa học kĩ thuật của các nước phương Tây.
D. Tất cả các lí do trên.

3. Nửa đầu thế kỉ XIX, thủ công và thương nghiệp của Nhật Bản bị cản trở bởi:

- A. Sự xâm nhập hàng hóa của phương Tây.
B. Nhà nước phong kiến không đầu tư cho lĩnh vực này.
C. Tình trạng cát cứ làm xuất hiện hàng rào thuế quan.
D. Sự cạnh tranh quyết liệt của phương Tây.

4. Hai đẳng cấp trong xã hội Nhật Bản nửa đầu thế kỉ XIX, đó là hai đẳng cấp nào?

- A. Tầng lớp quý tộc phong kiến và tầng lớp võ sĩ.
B. Tầng lớp tăng lữ và quý tộc mới.
C. Tầng lớp võ sĩ và nông dân công xã.
D. Tầng lớp quý tộc phong kiến và nông nô.

5. Ý nào dưới đây không phải là nguyên nhân sâu xa làm cho chế độ Mạc phủ Tô-ku-ga-ca sụp đổ?

- A. Mâu thuẫn giữa nhân dân lao động, chủ yếu là nông dân, với chế độ phong kiến - đại diện là chính quyền Sô-gun.
B. Mâu thuẫn giữa quý tộc mới với chính quyền Sô-gun.
C. Mâu thuẫn giữa Thiên hoàng và Tướng quân.
D. Chính quyền Tô-ku-ga-ô kí các hiệp ước bất bình đẳng với Mĩ và các nước tư bản khác.

6. Chính quyền phong kiến của Sô-gun thống trị Nhật Bản trong khoảng thời gian nào?

- A. Từ năm 1603 đến năm 1686.
B. Từ năm 1605 đến năm 1868.
C. Từ năm 1603 đến năm 1868.
D. Từ năm 1603 đến năm 1886.

7. Năm 1858 diễn ra sự kiện lịch sử gì ở Nhật Bản?

- A. Hạm đội Mĩ bắn phá uy hiếp vùng ven biển Nhật Bản.
B. Hiệp ước Nhật - Mĩ được kí kết.
C. Hiệp ước Nhật - Anh được kí kết.
D. Hiệp ước Nhật - Pháp được kí kết.

8. Chính sách đối ngoại của chính quyền Tô-ku-ga-ô đối với Mĩ và các nước phương Tây như thế nào?

- A. Hợp tác toàn diện với Mĩ và phương Tây.
B. Cấm tuyệt đối Mĩ và phương Tây vào buôn bán trên đất nước Nhật.
C. Đuổi người Mĩ và phương Tây ra khỏi đất nước Nhật.
D. "Mở cửa" với những điều kiện không bình đẳng với Mĩ và phương Tây.

9. Thiên hoàng Minh Trị thành lập chính phủ mới vào thời gian nào?

- A. Tháng 12 - 1866.
B. Ngày 1 - 3 - 1868.
C. Ngày 3 - 1 - 1868.
D. Ngày 5 - 1 - 1868.

10. Theo hiến pháp 1889, chế độ nào dưới đây được thiết lập ở Nhật Bản?

- A. Chế độ quân chủ chuyên chế.
B. Chế độ quân chủ lập hiến.
C. Chế độ cộng hòa.
D. Tất cả các chế độ trên.

11. Cơ quan nào trong Quốc hội của Nhật Bản được Thiên hoàng tự chọn?

- A. Thượng viện.
B. Hạ viện.
C. Chính phủ.
D. Tòa thẩm phán.

12. Lịch sử gọi cuộc cải cách của Minh Trị trên lĩnh vực kinh tế là gì?

- A. Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ nhất ở Nhật Bản.
B. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất ở Nhật Bản.
C. Cuộc cải cách kinh tế lần thứ nhất ở Nhật Bản.
D. Cuộc cách mạng công nghệ lần thứ nhất ở Nhật Bản.

13. Trong cải cách giáo dục, nội dung nào được tăng cường trong chương trình giảng dạy ở Nhật Bản?

- A. Nội dung về khoa học và kĩ thuật.
B. Nội dung về pháp luật.
C. Nội dung về công nghiệp hóa và hiện đại hóa.
D. Nội dung về giáo lí của các tôn giáo.

14. Nhật Bản xác định biện pháp chủ yếu để vươn lên trong thế giới tư bản chủ nghĩa là gì?

- A. Chạy đua vũ trang với các nước tư bản chủ nghĩa.
B. Mở rộng lãnh thổ ra bên ngoài.
C. Tăng cường tiềm lực kinh tế và quốc phòng.
D. Tiến hành chiến tranh giành giật thuộc địa, mở rộng lãnh thổ.

15. Trong thời gian nào, tỉ trọng công nghiệp trong nền kinh tế quốc dân ở Nhật Bản tăng từ 19% lên 42%?

- A. Từ năm 1868 đến năm 1898.
B. Từ năm 1868 đến năm 1900.
C. Từ năm 1900 đến năm 1914.
D. Từ năm 1906 đến năm 1912.

16. Năm 1914, Nhật Bản dùng vũ lực để mở rộng khu vực ảnh hưởng của mình ở đâu?

- A. Triều Tiên.
B. Trung Quốc.
C. Đông Nam Á.
D. Việt Nam.

17. Đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc Nhật là gì?

- A. Chủ nghĩa quân phiệt và hiếu chiến.
B. Chủ nghĩa đế quốc thực dân.
C. Chủ nghĩa đế quốc phong kiến.
D. Chủ nghĩa đế quốc phong kiến quân Phiệt.

18. Đảng Xã hội Dân chủ Nhật Bản được thành lập vào năm nào?

- A. Năm 1900.
B. Năm 1910.
C. Năm 1901.
D. Năm 1905.

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. TÌNH HÌNH ẤN ĐỘ NỬA SAU THẾ KỈ XIX

- Từ đầu thế kỉ XVII, cuộc tranh giành quyền lực giữa các chúa phong kiến trong nước làm cho Ấn Độ suy yếu. Lợi dụng cơ hội này, các nước tư bản phương Tây, chủ yếu là Anh và Pháp, đua tranh xâm lược Ấn Độ. Đến giữa thế kỉ XVIII, thực dân Anh đã hoàn thành việc xâm lược và đặt ách cai trị ở Ấn Độ.

- Về kinh tế, thực dân Anh mở rộng công cuộc khai thác Ấn Độ một cách quy mô, ra sức vơ vét các nguồn nguyên liệu và bóc lột công nhân rẻ mạt để thu lợi nhuận. Ấn Độ trở thành thuộc địa quan trọng nhất của nền công nghiệp Anh.

- Về chính trị-xã hội, Chính phủ Anh nắm quyền cai trị trực tiếp Ấn Độ. Để làm chỗ dựa vững chắc cho nền thống trị của mình, thực dân Anh đã thực hiện chính sách chia để trị, mua chuộc tầng lớp có thế lực trong giai cấp phong kiến bản xứ. Đồng thời, Anh còn tìm cách khơi sâu sự cách biệt về chủng tộc, tôn giáo và đẳng cấp trong xã hội để dễ bề cai trị.

II. CUỘC KHỞI NGHĨA XI-PAY (1857-1859)

- Mâu thuẫn giữa các tầng lớp nhân dân Ấn Độ với thực dân Anh ngày càng sâu sắc. Sự kiện mở đầu cho phong trào đấu tranh nửa sau thế kỉ XIX là cuộc khởi nghĩa của quân đội Xi-pay và nhân dân ở Mi-rút bùng nổ ngày 10-5-1857.

- Xi-pay là tên gọi những đơn vị binh lính Ấn Độ đánh thuê cho đế quốc Anh. Mặc dù là một trong những công cụ xâm lược và thống trị của thực dân, nhưng binh lính người Ấn cũng không tránh khỏi bị sĩ quan người Anh đối xử tồi tệ. Tinh thần dân tộc và tín ngưỡng của họ bị xúc phạm nghiêm trọng khi họ phải dùng đạn pháo có bọc giấy tẩm mỡ bò, mỡ lợn. Muốn bắn loại đạn pháo này, họ phải dùng răng để xé các loại giấy bôi mỡ đó, trong khi những người lính Xi-pay theo đạo Hin-đu (kiêng thịt bò) và người theo đạo Hồi (kiêng thịt lợn). Vì thế họ đã chống lệnh của sĩ quan Anh nổi dậy khởi nghĩa.

- Rạng ngày 10-5-1857, ở Mi-rút (gần Đê-li), khi thực dân Anh sắp áp giải 85 binh lính Xi-pay trái lệnh, thì ba trung đoàn Xi-pay nổi dậy khởi nghĩa. Nông dân các vùng phụ cận cũng tham gia nghĩa quân, vây bắt bọn chỉ huy Anh. Thừa thắng, nghĩa quân tiến về Đê-li. Cuộc khởi nghĩa nhanh chóng lan rộng khắp miền Bắc và một phần miền Tây Ấn Độ. Nghĩa quân đã lập được chính quyền, giải phóng một số thành phố lớn. Cuộc khởi nghĩa duy trì được khoảng hai năm thì bị thực dân Anh dốc toàn lực để đàn áp dã man.

III. ĐẢNG QUỐC ĐẠI VÀ PHONG TRÀO DÂN TỘC (1905-1908)

- Từ giữa thế kỉ XIX, giai cấp tư sản và tầng lớp trí thức Ấn Độ đã dần dần đóng vai trò quan trọng. Tư sản Ấn Độ muốn được tự do phát triển kinh

tế và đòi hỏi được tham gia chính quyền, nhưng bị thực dân Anh kìm hãm bằng mọi cách.

- Cuối năm 1885, Đảng Quốc dân Đại hội (Quốc đại) thành lập. Đó là chính đảng đầu tiên của giai cấp tư sản Ấn Độ. Nó đánh dấu một giai đoạn mới, giai đoạn giai cấp tư sản Ấn Độ bước lên vũ đài chính trị.

- Trong 20 năm đầu (1885-1905), Đảng Quốc đại chủ trương dùng phương pháp ôn hòa để đòi chính phủ thực dân tiến hành cải cách và không tán thành phương pháp đấu tranh bằng bạo lực. Giai cấp tư sản Ấn Độ chỉ yêu cầu Anh nới rộng các điều kiện cho họ được tham gia các hội đồng tự trị, giúp đỡ họ phát triển kĩ nghệ, thực hiện một số cải cách về mặt giáo dục, xã hội. Tuy vậy, thực dân Anh vẫn tìm cách hạn chế hoạt động của Đảng Quốc đại.

- Thất vọng trước thái độ thỏa hiệp của những người cầm đầu Đảng Quốc đại và chính sách hai mặt của chính quyền Anh, một phái dân chủ cấp tiến do B.Ti-lắc đứng đầu đã hình thành, thường được gọi là phái "cực đoan". Phái này phản đối thái độ thỏa hiệp của phái "ôn hòa", đòi hỏi có thái độ kiên quyết chống Anh.

- Tháng 7-1905, chính quyền Anh thi hành chính sách chia để trị, ban hành đạo luật chia đôi xứ Ben-gan: miền Đông theo đạo Hồi và miền Tây theo đạo Ấn. Điều đó làm bùng lên phong trào đấu tranh chống thực dân Anh, đặc biệt ở Bom-bay và Can-cút-ta. Ngày 6-10-1905, đạo luật chia cắt Ben-gan bắt đầu có hiệu lực, nhân dân coi đó là ngày quốc tang. Hơn 10 vạn người kéo đến bờ sông Hằng, dòng sông linh thiêng của người Ấn, làm lễ tuyên thệ và hát vang bài "Kính chào Người-Mẹ hiền Tổ quốc" để tỏ ý thống nhất. Khắp nơi vang lên khẩu hiệu "Ấn Độ của người Ấn Độ".

- Tháng 6-1908, thực dân Anh bắt Ti-lắc và kết án ông sáu năm tù. Vụ án Ti-lắc thổi bùng lên một đợt đấu tranh mới. Hàng vạn công nhân Bom-bay tiến hành tổng bãi công sáu ngày (để trả lời sáu năm tù của Ti-lắc), xây dựng chiến lũy, thành lập các đơn vị chiến đấu chống lại quân Anh. Các thành phố khác cũng hưởng ứng, cuộc đấu tranh lên đỉnh cao buộc thực dân Anh phải thu hồi đạo luật chia cắt Ben-gan.

- Cao trào 1905-1908 thể hiện tinh thần đấu tranh bất khuất của nhân dân Ấn Độ chống chủ nghĩa thực dân Anh. Phong trào này do một bộ phận giai cấp tư sản lãnh đạo, mang đậm ý thức dân tộc, thực hiện mục tiêu đấu tranh vì một nước Ấn Độ độc lập và dân chủ. Đây là nét khác biệt chính so với những phong trào đấu tranh trước đó, đánh dấu sự thức tỉnh của nhân dân Ấn Độ, hòa chung vào trào lưu dân chủ của nhiều nước châu Á những năm đầu thế kỉ XX.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Hãy khoanh tròn một chữ in hoa đứng trước câu trả lời đúng.

1. Lợi dụng cơ hội nào các nước phương Tây đua tranh xâm lược Ấn Độ?

- A. Cuộc tranh giành quyền lực giữa các chúa phong kiến trong nước làm cho Ấn Độ suy yếu.
- B. Phong trào nông dân chống chế độ phong kiến Ấn Độ làm cho Ấn Độ suy yếu.
- C. Mâu thuẫn giữa chế độ phong kiến với đông đảo nông dân ở Ấn Độ.
- D. Kinh tế và văn hóa Ấn Độ bị suy thoái.

2. Cuộc chiến tranh giữa hai nước nào trong những năm 1746 - 1763 ngay trên đất nước Ấn Độ?

- A. Anh và Mĩ.
- B. Anh và Pháp.
- C. Anh và Nhật.
- D. Trung Quốc và Pháp.

3. Đến thế kỉ nào Anh đã độc chiếm và cai trị Ấn Độ?

- A. Đầu thế kỉ XVIII.
- B. Giữa thế kỉ XVIII.
- C. Cuối thế kỉ XVIII.
- D. Đầu thế kỉ XIX.

4. Thực dân Anh đã thi hành chính sách nhượng bộ tầng lớp có thế lực trong giai cấp phong kiến ở Ấn Độ nhằm:

- A. xoa dịu tinh thần đấu tranh của họ.
- B. Cầu kết với họ để đàn áp nhân dân Ấn Độ.
- C. Làm chỗ dựa vững chắc cho nền thống trị của mình.
- D. Biến họ thành tay sai đắc lực cho mình.

5. Cuộc khởi nghĩa của binh lính Xi-pay và nhân dân ở Mi-rút (Ấn Độ) diễn ra vào thời gian nào?

- A. Ngày 5 - 10 - 1857.
- B. Ngày 5 - 7 - 1857.
- C. Ngày 10 - 5 - 1858.
- D. Ngày 10 - 5 - 1857.

6. Nguyên nhân sâu xa làm bùng nổ khởi nghĩa của binh lính Xi-pay là gì?

- A. Binh lính Xi-pay bị sĩ quan Anh bạc đãi, khinh rẻ.
- B. Binh lính Xi-pay bị thực dân Anh đàn áp dã man.
- C. Binh lính Xi-pay căm thù sự thống trị của thực dân Anh ở Ấn Độ.
- D. Binh lính Xi-pay bị thực dân Anh bắt đi làm bia đỡ đạn trong cuộc chiến tranh với Pháp trên đất Ấn Độ.

7. Cuộc khởi nghĩa của binh lính Xi-pay tồn tại trong thời gian nào?

- A. Từ 1857 đến 1858.
- B. Từ 1858 đến 1859.
- C. Từ 1857 đến 1859.
- D. Từ 1857 đến 1860.

8. Vì sao cuộc khởi nghĩa của binh lính Xi-pay mang tính chất dân tộc?

- A. Vì nó giải quyết mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Ấn Độ với thực dân Anh cướp nước để giành độc lập.
- B. Vì nó giải phóng dân tộc Ấn Độ khỏi ách thống trị của thực dân Anh.
- C. Vì nó cùng nhân dân Ấn Độ đấu tranh chống thực dân Anh xâm lược.
- D. Tất cả đều đúng.

9. Cuộc khởi nghĩa Xi-pay bị thất bại là do "thiếu sự lãnh đạo, thiếu sự hiểu biết về quân sự". Câu nói đó của ai?

- A. Của Các Mác.
- B. Của Ăng-ghe-n.
- C. Của Lê-nin.
- D. Của Hồ Chí Minh.

10. Đảng Quốc đại được thành lập vào năm nào? Đó là đảng của giai cấp nào ở Ấn Độ?

- A. Thành lập năm 1858. Đảng của giai cấp vô sản Ấn Độ.
- B. Thành lập năm 1885. Đảng của giai cấp tư sản Ấn Độ.
- C. Thành lập năm 1885. Đảng của tầng lớp quý tộc mới ở Ấn Độ.
- D. Thành lập năm 1884. Đảng của giai cấp phong kiến ở Ấn Độ.

11. Trong 20 năm đầu (1885 - 1905), Đảng Quốc đại chủ trương dùng phương pháp gì để đòi chính phủ Anh thực hiện cải cách ở Ấn Độ?

- A. Dùng phương pháp bạo lực.
- B. Dùng phương pháp thương lượng.
- C. Dùng phương pháp ôn hòa.
- D. Dùng phương pháp đấu tranh chính trị.

12. Một phái dân chủ cấp tiến do Ti-lắc đứng đầu đã tách ra khỏi Đảng Quốc đại, thường gọi là:

- A. "Phái cấp tiến".
- B. "Phái cực đoan".
- C. "Phái ôn hòa".
- D. "Phái đấu tranh".

13. Theo đạo luật chia đôi xứ Ben-gan của Anh, thì miền Đông Ấn Độ theo đạo nào?

- A. Theo đạo Phật.
- B. Theo đạo Ấn Độ.
- C. Theo đạo Hồi.
- D. Theo đạo Thiên chúa.

14. Với việc ban hành đạo luật chia đôi xứ Ben-gan đã làm bùng lên phong trào đấu tranh chống thực dân Anh ở đâu?

- A. Ở Bom-bay và Ben-gan.
- B. Ở Can-cút-ta và Ben-gan.
- C. Ở Bom-bay và sông Hằng.
- D. Ở Bom-bay và Can-cút-ta.

15. Ngày 16 - 10 - 1905, khắp nơi trên đất nước Ấn Độ vang lên khẩu hiệu gì để chống thực dân Anh?

- A. "Ấn Độ của người Hồi giáo".
- B. "Ấn Độ của người Ben-gan".
- C. "Ấn Độ của người Ấn Độ".
- D. "Ấn Độ của người Pa-ki-xtan".

16. Ti-lắc bị khai trừ ra khỏi Đảng Quốc đại vào thời gian nào?

- A. Cuối năm 1907.
- B. Tháng 6 - 1908.
- C. Tháng 7 - 1905.
- D. Tháng 10 - 1906.

17. Đỉnh cao nhất của phong trào giải phóng dân tộc ở Ấn Độ trong những năm đầu thế kỉ XX là phong trào nào?

- A. Phong trào đấu tranh của công nhân Can-cút-ta năm 1905.
- B. Phong trào đấu tranh của công nhân Bom-bay năm 1908.
- C. Phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân ở sông Hằng năm 1905.
- D. Phong trào đấu tranh của công nhân ở Can-cút-ta năm 1908.

TRUNG QUỐC

- C. Một bộ phận giai cấp tư sản.
D. Một bộ phận quý tộc mới.

I. TRUNG QUỐC TRƯỚC SỰ XÂM LƯỢC CỦA CÁC NƯỚC ĐẾ QUỐC

- Trung Quốc là một nước rộng lớn và đông dân nhất châu Á.
- Giàu tài nguyên khoáng sản.
- Có nền văn hoá lâu đời.

Vì vậy, từ thế kỉ XVIII và nhất là sang thế kỉ XIX, Trung Quốc trở thành “miếng mồi” cho các đế quốc phân chia, xâm xé.

2. Tiến trình xâm lược

- Các nước tư bản phương Tây, trước tiên là Anh, tìm mọi cách đòi chính quyền Mãn Thanh phải “mở cửa”, đòi tự do buôn bán thuốc phiện - món hàng mang lại lợi nhuận lớn cho bọn tư bản.

- Viện cơ chính quyền Mãn Thanh tịch thu và đốt thuốc phiện của các tàu buôn Anh, thực dân Anh đã tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Trung Quốc. Cuộc chiến tranh thuốc phiện bắt đầu từ tháng 6-1840 và kết thúc vào tháng 8-1842. Chính quyền Mãn Thanh phải kí Hiệp ước Nam Kinh, chấp nhận các điều khoản theo yêu cầu của thực dân Anh.

- Sau chiến tranh thuốc phiện, các nước đế quốc từng bước xâm xé Trung Quốc. Đến cuối thế kỉ XIX, Đức đã chiếm tỉnh Sơn Đông; Anh chiếm vùng châu thổ sông Dương Tử; Pháp chiếm vùng Vân Nam, Quảng Tây, Quảng Đông; Nga, Nhật chiếm đóng vùng Đông Bắc...

II. PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CỦA NHÂN DÂN TRUNG QUỐC TỪ GIỮA THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX

- ### 1. Phong trào nông dân Thái Bình Thiên quốc (1851-1864):

- Nguyên nhân: Trước nguy cơ xâm lược của các nước đế quốc và sự hèn yếu của triều đình Mãn Thanh, từ giữa thế kỉ XIX nhân dân Trung Quốc tiếp tục nổi dậy đấu tranh chống thực dân, phong kiến. Tiêu biểu nhất là cuộc khởi nghĩa Thái Bình Thiên quốc.

- *Diễn biến:* Dưới sự lãnh đạo của Hồng Tú Toàn, phong trào nổ ra ngày 1-1-1851 ở Kim Điền - Quảng Tây, sau đó lan rộng ra khắp các địa phương trong cả nước. Đây là một phong trào nông dân lớn nhất trong lịch sử Trung Quốc. Cuộc khởi nghĩa kéo dài suốt 14 năm, từ năm 1851 đến năm 1864, đã giành được một chính quyền ở Thiên Kinh và thi hành nhiều chính sách cải cách.

- Ý nghĩa: Lần đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc, chính sách ruộng đất bình quân, chính sách xã hội, thực hiện nam nữ bình đẳng được đề ra.

2. Phong trào Duy tân

- *Nguyên nhân*: cuối thế kỉ XIX, trong bối cảnh các nước đế quốc tăng cường xâm xé Trung Quốc, một số người tiến bộ thuộc giai cấp phong kiến Trung Quốc chủ trương tiến hành cải cách để hồng cứu vận tình thế. Đó là cuộc vận động Duy tân năm Mậu Tuất (1898).

- *Lãnh đạo*: do hai nhà nho yêu nước Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu lãnh đạo.

- *Diễn biến của phong trào*:

+ Phong trào hoạt động chủ yếu trong các tầng lớp quan lại, sĩ phu có ý thức tiếp thu tư tưởng tiên tiến mà không đi sâu vào quần chúng nhân dân lao động, không dựa vào lực lượng nhân dân. Vì vậy, cuộc vận động Duy tân đã nhanh chóng thất bại khi nó vấp lại sự chống đối mạnh mẽ của phái thủ cựu trong giai cấp phong kiến, do Từ Hi Thái hậu cầm đầu.

+ Ngày 21-9-1898, khi phong trào Duy tân mới diễn ra hơn 100 ngày, Từ Hi Thái hậu làm cuộc chính biến, ra lệnh bắt vua Quang Tự, tịch thu ấn, tín; bắt và xử tử những người lãnh đạo phái Duy tân.

- *Tính chất*: phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa, chống phong kiến không triệt để.

3. Phong trào Nghĩa Hoà đoàn

- Sự hình thành và phát triển phong trào: Bùng nổ ở Sơn Đông, phong trào nhanh chóng lan rộng ra Trực Lệ, Sơn Tây.

- *Mục tiêu*: Nghĩa quân tấn công các sứ quán nước ngoài ở Bắc Kinh. Ngay sau đó, liên quân tám nước (Anh, Nhật, Đức, Mĩ, Nga, Pháp, Áo-Hung, I-ta-li-a) tiến vào Bắc Kinh đàn áp phong trào. Nghĩa Hoà Đoàn đã anh dũng chiến đấu chống quân xâm lăng, nhưng cuối cùng đã bị đánh bại vì thiếu sự lãnh đạo, thiếu vũ khí.

- *Thái độ của nhà Mãn Thanh*: Một lần nữa đầu hàng đế quốc, kí Hiệp ước Tân Sửu (1901). Trung Quốc phải trả một khoản tiền lớn để bồi thường chiến tranh và buộc phải để cho các nước đế quốc được quyền đóng quân ở Bắc Kinh. Với Hiệp ước Tân Sửu, Trung Quốc đã thực sự biến thành nước nửa thuộc địa, nửa phong kiến.

III. TÔN TRUNG SƠN VÀ TRUNG QUỐC ĐỒNG MINH HỘI

1. Vài nét về Tôn Trung Sơn

- Sinh năm 1866 ở Quảng Đông trong một gia đình nông dân.
- Năm 13 tuổi học ở Hô-nô-lư-lu (Ha-oai), sau đó học ở Hương Cảng, Quảng Châu. Đi nhiều nước trên thế giới.

- Ông nhìn thấy sự thối nát của chính quyền Mãn Thanh, sớm nảy sinh tư tưởng lật đổ triều Thanh, xây dựng một xã hội mới.

2. Trung Quốc Đồng minh hội

- *Hoàn cảnh*: Đầu năm 1905, phong trào đấu tranh chống đế quốc, chống phong kiến của nhân dân Trung Quốc đã lan rộng khắp các tỉnh. Hoa kiều ở nước ngoài cũng nhiệt liệt hưởng ứng phong trào. Trước tình hình đó, Tôn

Trung Sơn từ châu Âu về Nhật Bản, thống nhất lực lượng thành một chính đảng. Tháng 8-1905, Trung Quốc Đồng minh hội - chính đảng của giai cấp tư sản ra đời.

- *Thành phần*: tham gia tổ chức này có trí thức tư sản, tiểu tư sản, địa chủ, thân sĩ bất bình với nhà Thanh.

- *Cương lĩnh chính trị của Đồng minh hội*: dựa trên học thuyết Tam dân của Tôn Trung Sơn là "Dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc".

- *Mục tiêu của Hội*: đánh đổ Mãn Thanh, khôi phục Trung Hoa, thành lập Dân quốc, thực hiện quyền bình đẳng về ruộng đất cho dân cày.

- *Tác dụng*: Dưới sự lãnh đạo của Đồng minh hội, phong trào cách mạng Trung Quốc phát triển theo con đường dân chủ tư sản. Tôn Trung Sơn và nhiều nhà hoạt động cách mạng khác đã tích cực chuẩn bị mọi mặt cho một cuộc khởi nghĩa vũ trang.

IV. CÁCH MẠNG TÂN HỘI (1911)

- Ngày 9-5-1911, chính quyền Mãn Thanh ra sắc lệnh "Quốc hữu hóa đường sắt", thực chất là trao quyền kinh doanh đường sắt cho các nước đế quốc, bán rẻ quyền lợi dân tộc. Sự kiện này đã gây nên một làn sóng căm phẫn công khai trong quần chúng nhân dân và trong tầng lớp tư sản, trở thành ngòi pháo mìn đầu cho cách mạng.

- Ngày 10-10-1911, Đồng minh hội phát động khởi nghĩa ở Vũ Xương, cuộc khởi nghĩa thắng lợi nhanh chóng và lan rộng ra tất cả các tỉnh miền Nam và miền Trung Trung Quốc.

- Ngày 29-12-1911, Quốc dân đại hội (gồm đại biểu các tỉnh cách mạng) họp ở Nam Kinh, bầu Tôn Trung Sơn làm Đại Tổng thống đứng đầu chính phủ lâm thời. Tại đại hội này, Hiến pháp lâm thời được thông qua, công nhận sự bình đẳng và quyền tự do dân chủ của mọi công dân, nhưng không đề cập đến vấn đề ruộng đất của nông dân đã được ghi trong cương lĩnh của Đồng minh hội.

- Trước thắng lợi bước đầu của cách mạng, một số phần tử lãnh đạo Đồng minh hội đã hoảng sợ, tìm cách hạn chế sự phát triển của phong trào, thương lượng với triều đình Mãn Thanh. Kết quả là vua Thanh thoái vị, nhưng Viên Thế Khải - một đại thần của triều đình Mãn Thanh lên làm Tổng thống. Tôn Trung Sơn buộc phải từ chức (tháng 2-1913). Trên thực tế, cách mạng đến đây chấm dứt. Các thế lực phong kiến quân phiệt lên nắm chính quyền.

- *Tính chất*: là cuộc cách mạng dân chủ tư sản không triệt để.

- *Ý nghĩa lịch sử*:

+ Lật đổ triều đại Mãn Thanh, chấm dứt chế độ quân chủ chuyên chế phong kiến lâu đời, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển, có ảnh hưởng nhất định đối với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở một số nước châu Á.

+ Song Cách mạng Tân Hợi đã không thủ tiêu thực sự giai cấp phong kiến, không đụng chạm đến các nước đế quốc xâm lược và không giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Hãy khoanh tròn một chữ in hoa đứng trước câu trả lời đúng.

1. Cuộc chiến tranh thuốc phiện do thực dân Anh gây ra ở Trung Quốc diễn ra vào thời gian nào?

- A. Tháng 6 - 1840 đến tháng 7 - 1842. B. Tháng 8 - 1840 đến tháng 6 - 1842.
C. Tháng 6 - 1840 đến tháng 8 - 1842. D. Tháng 6 - 1840 đến tháng 6 - 1842.

2. Hiệp ước Nam Kinh (1842) mà chính quyền Mãn Thanh kí với thực dân Anh đã đưa đến hậu quả gì ở Trung Quốc?

- A. Biến Trung Quốc thành một nước thuộc địa của thực dân Anh.
B. Biến Trung Quốc từ một nước phong kiến độc lập trở thành một nước nửa phong kiến, nửa thuộc địa.
C. Biến Trung Quốc thành một nước thuộc địa của thực dân Anh và các nước phương Tây.
D. Biến Trung Quốc thành một nước phụ thuộc Anh.

3. Đến cuối thế kỉ XIX, Đức xâm chiếm vùng nào ở Trung Quốc?

- A. Tỉnh Đông Sơn. B. Vùng châu thổ sông Dương Tử.
C. Vùng Đông Bắc. D. Thành phố Bắc Kinh.

4. Cuộc khởi nghĩa Thái Bình Thiên quốc nổ ra vào thời gian nào? Ở đâu?

- A. Ngày 01 - 11 - 1851. Ở Quảng Tây (Trung Quốc).
B. Ngày 11 - 01 - 1852. Ở Quảng Đông (Trung Quốc).
C. Ngày 11 - 01 - 1851. Ở Quảng Tây (Trung Quốc).
D. Ngày 01 - 11 - 1851. Ở Thiên Kinh (Trung Quốc).

5. Cuộc khởi nghĩa Thái Bình Thiên quốc do ai lãnh đạo?

- A. Khang Hữu Vi. C. Tôn Trung Sơn.
B. Lương Khải Siêu. D. Hồng Tú Toàn.

6. Cuộc khởi nghĩa Thái Bình Thiên quốc kéo dài bao nhiêu năm?

- A. 20 năm. B. 15 năm. C. 14 năm. D. 24 năm.

7. Ngày 19 - 1864, diễn ra sự kiện lịch sử gì ở Trung Quốc?

- A. Cuộc khởi nghĩa Thái Bình Thiên quốc bị thất bại.
B. Cuộc vận động Duy tân của Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu.
C. Từ Hi Thái hậu làm cuộc chính biến, ra lệnh bắt vua Quang Tự.
D. Cuộc khởi nghĩa vũ trang của nông dân chống đế quốc diễn ra ở miền Bắc Trung Quốc.

8. Ai là người đứng đầu cuộc vận động Duy tân năm Mậu Tuất (1898) ở Trung Quốc?

- A. Khang Hữu Vi. C. Vua Quang Tự.
B. Lương Khải Siêu. D. Từ Hi Thái hậu.

9. Phong trào Nghĩa Hòa đoàn nổ ra ở vùng nào của Trung Quốc?

- A. Sơn Đông. C. Nam kinh.
B. Sơn Tây. D. Bắc Kinh.

10. Mục tiêu đấu tranh của phong trào Nghĩa Hòa đoàn ở Trung Quốc là:

- A. Chống triều đình phong kiến Mãn Thanh.
B. Chống sự xâm lược của các nước đế quốc.
C. Chống lại Từ Hi Thái hậu vì ra lệnh bắt vua Quang Tự.
D. Chống lại các thế lực phong kiến cát cứ ở Trung Quốc.

11. Với Điều ước Tân Sửu mà Lí Hồng Chương thay mặt triều đình Mãn Thanh kí với các nước đế quốc làm cho Trung Quốc trở thành:

- A. Một nước độc lập, có chủ quyền.
B. Một nước tư bản chủ nghĩa lệ thuộc vào các nước đế quốc.
C. Một nước nửa thuộc địa, nửa phong kiến.
D. Một nước thuộc địa của các nước đế quốc.

12. Sự bành trướng của chủ nghĩa tư bản vào Trung Quốc đã phá vỡ nền kinh tế nào trong nước?

- A. Kinh tế thủ công nghiệp và kinh tế nông nghiệp.
B. Kinh tế tư bản chủ nghĩa.
C. Kinh tế công thương nghiệp.
D. Kinh tế thủ công nghiệp và kinh tế gia đình của nông dân.

13. Giai cấp tư sản Trung Quốc ra đời và lớn mạnh lên vào thời gian nào?

- A. Ra đời cuối thế kỉ XVIII và lớn mạnh vào cuối thế kỉ XIX.
B. Ra đời cuối thế kỉ XIX và lớn mạnh vào cuối thế kỉ XX.
C. Ra đời cuối thế kỉ XIX và lớn mạnh vào đầu thế kỉ XX.
D. Ra đời đầu thế kỉ XX và lớn mạnh cuối thế kỉ XX.

14. Khi giai cấp tư sản ở Trung Quốc ra đời và lớn lên, bị chèn ép bởi thế lực nào?

- A. Chế độ phong kiến Mãn Thanh.
B. Bọn quý tộc mới và triều đình phong kiến Mãn Thanh.
C. Bọn thực dân xâm lược vào Trung Quốc.
D. Bọn thực dân và triều đình phong kiến Mãn Thanh.

15. Ai là người đại diện ưu tú và lãnh tụ kiệt xuất của phong trào cách mạng theo khuynh hướng dân chủ tư sản ở Trung Quốc?

- A. Khang Hữu Vi. C. Tôn Trung Sơn.
B. Lương Khải Siêu. D. Mao Trạch Đông.

16. Tháng 9 - 1905, chính đảng của giai cấp tư sản Trung Quốc ra đời có tên gọi là:

- A. Trung Quốc Đồng minh hội.
B. Trung Quốc Liên minh hội.
C. Đảng Dân chủ Tư sản Trung Quốc.
D. Đảng Dân chủ Tư sản kiểu mới Trung Quốc.

17. Học thuyết Tam dân của Tôn Trung Sơn là gì?

- A. "Đánh đuổi đế quốc, xóa bỏ ngôi vua, thiết lập dân quyền".
B. "Dân tộc độc lập, quân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc".

- C. "Dân tộc độc lập, dân quyền hạnh phúc, dân sinh tự do".
D. "Tự do dân chủ, cơm áo, hòa bình".

18. Ngày 5 - 5 - 1911, chính quyền Mãn Thanh ra sắc lệnh gì?

- A. "Quốc hữu hóa các xí nghiệp của giai cấp tư sản".
B. "Quốc hữu hóa các hệ thống giao thông".
C. "Quốc hữu hóa đường sắt".
D. "Quốc hữu hóa đường bộ".

19. Ngày 10 - 10 - 1911, diễn ra sự kiện gì ở Trung Quốc?

- A. Quốc dân đại hội họp ở Nam Kinh bầu Tôn Trung Sơn làm Đại Tổng thống.
B. Đồng minh hội phát động khởi nghĩa ở Vũ Xương.
C. Đồng minh hội phát động khởi nghĩa ở miền Nam.
D. Triều đình Mãn Thanh bị sụp đổ.

20. Ngày 12 - 2 - 1912, diễn ra sự kiện gì ở Trung Quốc?

- A. Khởi nghĩa Vũ Xương.
B. Tôn Trung Sơn được bầu làm Đại Tổng Thống.
C. Hoàng đế Phổ Nghi từ ngôi, nền quân chủ Mãn Thanh sụp đổ.
D. Tôn Trung Sơn từ chức Đại Tổng thống.

21. Cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc chấm dứt vào thời gian nào?

- A. Ngày 29 - 12 - 1911.
B. Ngày 12 - 2 - 1912.
C. Tháng 2 - 1913.
D. Tháng 3 - 1913.

22. Sự kiện nào chứng tỏ cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc chấm dứt?

- A. Nền quân chủ Mãn Thanh sụp đổ.
B. Tôn Trung Sơn từ chức Đại Tổng thống, trao quyền cho Viên Thế Khải.
C. Khởi nghĩa ở Vũ Xương bị thất bại.
D. Triều đình Mãn Thanh cấu kết với đế quốc đàn áp cách mạng.

23. Trung Quốc Đồng minh hội là tổ chức của giai cấp nào?

- A. Tư sản.
B. Vô sản.
C. Công nhân, nông nhân.
D. Phong kiến.

24. Học thuyết Tam dân do ai khởi xướng?

- A. Khang Hữu Vi.
B. Lương Khải Siêu.
C. Tôn Trung Sơn.
D. Tưởng Giới Thạch.

25. Cương lĩnh của Đồng minh hội là gì?

- A. Đánh đổ triều đình phong kiến Mãn Thanh giành ruộng đất cho dân cày.
B. Đánh đổ sự thống trị của các nước đế quốc giành độc lập.
C. Đánh đổ Mãn Thanh, khôi phục Trung Hoa, thành lập Dân quốc thực hiện quyền bình đẳng về ruộng đất.
D. Đánh đổ chế độ phong kiến và đánh đổ đế quốc.

26. Ý nghĩa cơ bản nhất của Cách mạng Tân Hợi (1911) là gì?

- A. Là cuộc cách mạng tư sản đầu tiên nổ ra ở Trung Quốc.
B. Cách mạng lật đổ chế độ phong kiến, lập chế độ cộng hòa.
C. Mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển ở Trung Quốc.
D. Ảnh hưởng đến phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á.

27. Điểm nào sau đây là cơ bản nhất chứng tỏ Cách mạng Tân Hợi (1911) là một cuộc cách mạng tư sản không triệt để?

- A. Không nêu vấn đề đánh đổ đế quốc và không tích cực chống phong kiến.
B. Chưa đụng chạm đến giai cấp địa chủ phong kiến.
C. Không giải quyết được vấn đề ruộng đất cho nông dân.
D. Không giải quyết được vấn đề mâu thuẫn của một xã hội nửa thuộc địa nửa phong kiến.

28. Nối niên đại ở cột A với sự kiện ở cột B cho phù hợp.

Cột A	Cột B
1. 1840-1842	A. Chiến tranh Trung-Nhật
2. 1894-1895	B. Anh tiến hành chiến tranh thuốc phiện
3. 1851-1864	C. Cuộc vận động Duy tân
4. 1898	D. Phong trào Thái Bình Thiên quốc
5. Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX	E. Phong trào Nghĩa Hòa đoàn
6. 8-1905	F. Khởi nghĩa ở Vũ Xương thắng lợi
7. 10-10-1911	G. Trung Quốc Đồng minh hội thành lập Học thuyết Tam dân
8. 29-12-1911	H. Viên Thế Khải làm Tổng thống thay Tôn Trung Sơn
9. 2-1912	I. Trung Hoa dân quốc thành lập

Bài 18.

CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á (CUỐI THẾ KỈ XIX - ĐẦU THẾ KỈ XX)

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. QUÁ TRÌNH XÂM LƯỢC CỦA CHỦ NGHĨA THỰC DÂN VÀO CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á

Từ giữa thế kỉ XIX, các nước thực dân phương Tây mở rộng và hoàn thành việc xâm lược các nước Đông Nam Á.

- Ở In-đô-nê-xi-a, ngay từ thế kỉ XV, XVI thực dân Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Hà Lan, đã có mặt và từng bước chiếm lĩnh thị trường. Đến thế kỉ XIX, Hà Lan hoàn thành việc xâm chiếm và thiết lập ách thống trị thực dân trên đất nước này.

- Phi-líp-pin bị thực dân Tây Ban Nha thống trị ngay từ thế kỉ XVI. Sau cuộc chiến tranh với Tây Ban Nha năm 1898, đế quốc Mĩ liền tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Phi-líp-pin (1899-1902) và biến quần đảo này thành thuộc địa của Mĩ.

- Ở Miến Điện (nay là Mi-an-ma), thực dân Anh đã tiến hành ba cuộc chiến tranh xâm lược. Năm 1885, Anh thôn tính Miến Điện rồi sáp nhập nước này thành một tỉnh của Ấn Độ thuộc Anh.

- Mã Lai (nay là Ma-lai-xi-a) sớm bị các nước tư bản nhòm ngó, can thiệp. Đến đầu thế kỉ XX, Mã Lai hoàn toàn trở thành thuộc địa của Anh.

- Ba nước: Việt Nam, Lào, Cao Miên (Cam-pu-chia) là đối tượng xâm lược của thực dân Pháp. Đến cuối thế kỉ XIX, Pháp đã hoàn thành quá trình xâm lược và bắt đầu thi hành chính sách bóc lột, khai thác thuộc địa.

- Vương quốc Xiêm (Thái Lan) trong nửa sau thế kỉ XIX trở thành vùng tranh chấp của đế quốc Anh và Pháp. Với chính sách ngoại giao mềm dẻo, khôn khéo của vua Ra-ma V, Xiêm là nước duy nhất ở Đông Nam Á giữ được nền độc lập tương đối về chính trị.

II. PHONG TRÀO CHỐNG THỰC DÂN HÀ LAN CỦA NHÂN DÂN IN-ĐÔ-NÊ-XI-A

- Ở In-đô-nê-xi-a, sau cuộc khởi nghĩa do Đi-pô-nê-gô-rô lãnh đạo trong những năm 1825-1830 bị thất bại, nhân dân đảo A-chê đã anh dũng chiến đấu chống lại 3.000 quân Hà Lan đổ bộ lên vùng này vào tháng 10-1873.

- Phong trào đấu tranh của nông dân nổ ra mạnh mẽ. Điển hình là cuộc khởi nghĩa nông dân do Sa-min lãnh đạo vào khoảng năm 1890.

- Cuối thế kỉ XIX-đầu thế kỉ XX, xã hội In-đô-nê-xi-a có nhiều biến đổi. Việc đầu tư bóc lột của tư bản Hà Lan ngày càng mạnh mẽ, về khách quan đã tạo nên những tiền đề xã hội cho giai cấp công nhân và giai cấp tư sản ra đời. Ý thức dân tộc phát triển.

- Phong trào công nhân cũng sớm hình thành với sự ra đời của các tổ chức: Hiệp hội công nhân đường sắt (1905), Hiệp hội công nhân xe lửa (1918)... tháng 12-1914, Liên minh xã hội dân chủ In-đô-nê-xi-a ra đời nhằm tuyên truyền chủ nghĩa Mác trong công nhân, đặt cơ sở cho Đảng cộng sản ra đời (tháng 5-1920). Giai cấp tư sản dân tộc, tầng lớp trí thức tiếp thu tư tưởng dân chủ tư sản châu Âu đóng vai trò nhất định trong phong trào yêu nước ở In-đô-nê-xi-a đầu thế kỉ XX.

III. PHONG TRÀO CHỐNG THỰC DÂN Ở PHI-LÍP-PIN

- Từ giữa thế kỉ XVI, Phi-líp-pin đã trở thành thuộc địa của Tây Ban Nha. Mâu thuẫn giữa nhân dân Phi-líp-pin với thực dân Tây Ban Nha ngày càng trở nên gay gắt.

- Năm 1872, nhân dân Ca-vi-tô nổi lên khởi nghĩa, hô vang khẩu hiệu "Đảo bọn Tây Ban Nha!", tấn công vào các đồn trú, làm chủ thành phố Ca-vi-tô trong ba ngày. Cuối cùng cuộc khởi nghĩa đã bị thất bại, những người lãnh đạo bị bắt và bị xử tử.

- Đến những năm 90 của thế kỉ XIX, ở Phi-líp-pin xuất hiện hai xu hướng chính trong phong trào giải phóng dân tộc.

+ Thứ nhất là xu hướng cải cách của Hô-xê Ri-dan. Năm 1892, Hô-xê Ri-dan thành lập "Liên minh Phi-líp-pin", thu nạp nhiều trí thức yêu nước, địa chủ và tư sản tiến bộ cùng một số dân nghèo. Hoạt động của Liên minh đã thức

tỉnh tinh thần dân tộc trong các tầng lớp nhân dân, có ý thức như một sự chuẩn bị tư tưởng cho cao trào cách mạng sau này.

+ Thứ hai là xu hướng bạo động của Bô-ni-pha-xi-ô. Tháng 7-1892 Bô-ni-pha-xi-ô tách khỏi Liên minh Phi-líp-pin, thành lập "Liên hiệp những người con yêu quý của nhân dân"- viết tắt là KATIPUNAN.

- Ngày 18-8-1896, Bô-ni-pha-xi-ô phát lệnh khởi nghĩa với khẩu hiệu "Chiến thắng hay là chết!", được nhân dân hưởng ứng nhiệt liệt. Phong trào kháng chiến chống thực dân lan rộng toàn quần đảo. Nhiều vùng giải phóng đã thiết lập chính quyền nhân dân do KATIPUNAN lãnh đạo, chia ruộng đất cho nông dân, tiến tới thành lập nền cộng hòa. Nhưng sau đó, Bô-ni-pha-xi-ô bị sát hại, KATIPUNAN tan rã.

- Tháng 4-1898, Mĩ gây chiến với Tây Ban Nha dưới danh nghĩa ủng hộ cuộc đấu tranh chống thực dân của nhân dân Phi-líp-pin. Tháng 6-1898, Mĩ đưa A-ghi-nan-đô lên làm Tổng thống nước Cộng hòa Phi-líp-pin. Sau khi Tây Ban Nha thua trận, quân Mĩ đổ bộ chiếm Ma-ni-la và nhiều nơi trên quần đảo. Nghĩa quân Phi-líp-pin chuyển mũi nhọn đấu tranh sang chống Mĩ xâm lược. Cuộc kháng chiến của nhân dân Phi-líp-pin chống Mĩ diễn ra trong tình trạng không cân sức, kéo dài đến năm 1902 thì bị dập tắt. Từ đây, Phi-líp-pin trở thành thuộc địa của Mĩ.

- Cuộc cách mạng năm 1896 ở Phi-líp-pin là cuộc cách mạng mang tính chất tư sản chống đế quốc đầu tiên ở Đông Nam Á, đánh dấu sự thức tỉnh của nhân dân Phi-líp-pin trong cuộc đấu tranh giành độc lập cho Tổ quốc.

IV. PHONG TRÀO CHỐNG THỰC DÂN PHÁP CỦA NHÂN DÂN CAM-PU-CHIA

- Vào thế kỉ XIX, trong quá trình tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam, thực dân Pháp đã từng bước xâm chiếm Cam-pu-chia và Lào.

- Năm 1863, Pháp gây áp lực buộc vua Cam-pu-chia là Nô-rô-dôm phải chấp nhận quyền bảo hộ của chúng. Sau khi gạt bỏ ảnh hưởng của Xiêm đối với triều đình Phnôm Pênh, Pháp buộc vua Nô-rô-dôm phải kí Hiệp ước 1884, biến Cam-pu-chia thành thuộc địa của Pháp.

- Ách thống trị của thực dân Pháp đã gây nên nổi bất bình trong hoàng tộc và các tầng lớp nhân dân. Nhiều cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp diễn ra sôi nổi trong cả nước.

- Mở đầu là cuộc khởi nghĩa lớn của Hoàng thân Si-vô-tha, kéo dài hơn 30 năm (1861-1892).

- Cuộc khởi nghĩa của A-cha-xoa (1863-1866) diễn ra ở các tỉnh giáp với biên giới Việt Nam, đã gây cho thực dân Pháp nhiều tổn thất to lớn.

- Cuộc khởi nghĩa của Pu-côm-bô (1866-1867) không chỉ thể hiện tinh thần anh dũng, bất khuất của nhân dân Cam-pu-chia mà còn là biểu tượng về liên minh chiến đấu của nhân dân hai nước Việt Nam và Cam-pu-chia trong cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược.

V. PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CHỐNG THỰC DÂN PHÁP CỦA NHÂN DÂN LÀO ĐẦU THẾ KỈ XX

- Năm 1865, nhiều đoàn thám hiểm người Pháp đi ngược sông Mê Công lên thượng nguồn để thăm dò khả năng xâm nhập Lào, gây sức ép buộc triều đình Luông Pha-băng phải công nhận nền thống trị của Pháp. Tiến hành đàm phán với Xiêm thừa nhận quyền cai trị của Pháp ở Lào. Như vậy, Lào thực sự biến thành thuộc địa của Pháp từ năm 1893. Ngay từ đầu thế kỉ XX, nhân dân Lào đã tiến hành nhiều cuộc đấu tranh bất khuất trên toàn lãnh thổ để chống lại ách nô dịch tàn bạo của thực dân Pháp.

- Mở đầu là cuộc khởi nghĩa của nhân dân Lào dưới sự chỉ huy của Pha-ca-đuốc (1901-1903). Phong trào đã phát triển nhanh chóng, giải phóng Xa-van-na-khet, mở rộng sang cả đường 9, biên giới Lào-Việt.

- Đặc biệt kiên cường là cuộc khởi nghĩa trên cao nguyên Bô-lô-ven kéo dài 37 năm (1901-1973) do Ong Kẹo và Com-ma-đam chỉ huy. Thực hiện chiến thuật đánh du kích, nghĩa quân của hai ông đã gây cho địch nhiều tổn thất.

- Sau khi Ong Kẹo mất, Com-ma-đam tiếp tục chỉ huy nghĩa quân chiến đấu. Tháng 9-1936, ông bị thương và hi sinh trong một trận đánh lớn ở Phù Luông. Ba người con của Com-ma-đam vẫn cùng nghĩa quân chiến đấu cho đến tháng 7-1937 mới bị bắt.

- Cuộc khởi nghĩa của Chậu Pa-chay diễn ra trên địa bàn Bắc Lào và Tây Bắc Việt Nam, kéo dài hơn bốn năm (1918-1922).

Nhìn chung, những cuộc nổi dậy chống thực dân Pháp ở ba nước Đông Dương cuối thế kỉ XIX-đầu thế kỉ XX, mặc dù rất sôi nổi, quyết liệt, thể hiện tinh thần đấu tranh bất khuất vì độc lập tự do của mỗi dân tộc, song đều thất bại. Các phong trào này đều mang tính tự phát, do sĩ phu tiến bộ hay nông dân lãnh đạo, thiếu đường lối đúng đắn và thiếu tổ chức vững vàng. Những cuộc nổi dậy đó biểu lộ tinh thần yêu nước và tình đoàn kết của nhân dân ba nước Đông Dương trong cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp.

VI. XIÊM (THÁI LAN) GIỮA THẾ KỈ XIX-ĐẦU THẾ KỈ XX

- Vào giữa thế kỉ XIX, vương quốc Xiêm đứng trước sự đe dọa xâm nhập của thực dân phương Tây, nhất là Anh và Pháp. Triều đại Ra-ma thiết lập năm 1752 theo đuổi chính sách đóng cửa, ngăn cản thương nhân và giáo sĩ phương Tây vào Xiêm. Đến thời vua Mông Kút (Ra-ma IV-ở ngôi từ năm 1851-1868) chủ trương mở cửa buôn bán với bên ngoài, dùng thế lực các nước tư bản kiềm chế lẫn nhau để bảo vệ nền độc lập của đất nước.

- Năm 1868, Chu-la-long-con lên ngôi (Ra-ma V, ở ngôi từ năm 1868 đến năm 1910) ra lệnh xóa bỏ hoàn toàn chế độ nô lệ vì nợ, giải phóng số đông người lao động được tự do làm ăn sinh sống. Đồng thời, xóa bỏ cho nông dân nghĩa vụ lao dịch ba tháng trên các công trường nhà nước, giảm nhẹ thuế ruộng. Những biện pháp trên đã có tác dụng tích cực đối với sản xuất nông nghiệp: nâng cao năng suất lúa, tăng nhanh lượng gạo xuất khẩu. Việc xuất khẩu gỗ tẻch cũng được đẩy mạnh.

- Nhà nước khuyến khích tư nhân bỏ vốn kinh doanh công thương nghiệp, xây dựng nhà máy xay xát lúa gạo, nhà máy cưa, mở hiệu buôn bán và ngân hàng.

- Năm 1892, Ra-ma V đã tiến hành hàng loạt cải cách theo khuôn mẫu của các nước phương Tây như cải cách hành chính, cải cách tài chính, quân đội, trường học..., tạo cho nước Xiêm một bộ mặt mới theo hướng phát triển tư bản chủ nghĩa.

- Ra-ma V đặc biệt quan tâm đến hoạt động ngoại giao. Nhờ chính sách ngoại giao mềm dẻo, nước Xiêm vừa lợi dụng được vị trí nước "đệm" giữa hai thế lực đế quốc Anh-Pháp, vừa cắt nhượng một số vùng đất phụ thuộc để giữ gìn chủ quyền của đất nước. Nhờ vậy, Xiêm không bị rơi vào tình trạng trở thành thuộc địa như các nước trong khu vực, vẫn giữ được độc lập mặc dù chịu sự lệ thuộc về chính trị, kinh tế vào Anh và Pháp.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Hãy khoanh tròn một chữ in hoa đứng trước câu trả lời đúng.

1. Các nước thực dân phương Tây mở rộng và hoàn thành việc xâm lược các nước Đông Nam Á vào thời gian nào?

- A. Đầu thế kỉ XIX.
- B. Giữa thế kỉ XIX.
- C. Cuối thế kỉ XIX.
- D. Đầu thế kỉ XX.

2. Đến giữa thế kỉ XIX, thực dân nào đã hoàn thành việc xâm chiếm và thiết lập sự thống trị ở In-đô-nê-xi-a?

- A. Thực dân Tây Ban Nha.
- B. Thực dân Bồ Đào Nha.
- C. Thực dân Hà Lan.
- D. Thực dân Anh.

3. Tây Ban Nha đã thống trị nước nào ở Đông Nam Á ngay từ giữa thế kỉ XVI?

- A. Miếu Điện.
- B. Mã Lai.
- C. Thái Lan.
- D. Phi-lip-pin.

4. Mã Lai hoàn toàn trở thành thuộc địa của thực dân Anh vào thời gian nào?

- A. Cuối thế kỉ XIX.
- B. Đầu thế kỉ XX.
- C. Cuối thế kỉ XVIII.
- D. Đầu thế kỉ XIX.

5. Cuối thế kỉ XX, thực dân Pháp hoàn thành quá trình xâm lược các nước nào ở Đông Nam Á?

- A. Thái Lan, Việt Nam, Cam-pu-chia.
- B. Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia, Thái Lan.
- C. Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia
- D. Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia, Xin-ga-po.

6. Vì sao cuối thế kỉ XIX, Xiêm (Thái Lan) trở thành vùng tranh chấp của Anh và Pháp nhưng lại là nước duy nhất ở Đông Nam Á giữ được nền độc lập tương đối về chính trị?

- A. Do chính sách ngoại giao mềm dẻo khôn khéo của Ra-ma V.
- B. Do cải cách chính trị của Ra-ma IV.

C. Do Xiêm (Thái Lan) đã bước sang thời kì tư bản chủ nghĩa.

D. Do Xiêm (Thái Lan) được sự giúp đỡ của Mĩ.

7. Nét nổi bật về sự phân hóa xã hội ở In-đô-nê-xi-a cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX là gì?

A. Sự hình thành giai cấp vô sản mới.

B. Sự hình thành hai giai cấp mới, đó là công nhân và tư sản.

C. Sự hình thành các tầng lớp xã hội mới, đó là quý tộc và tư sản mại bản.

D. Sự đan xen tồn tại nhiều giai cấp và tầng lớp trong xã hội.

8. Trong các cuộc khởi nghĩa dưới đây, cuộc khởi nghĩa nào là tiêu biểu nhất của nông dân In-đô-nê-xi-a chống lại Hà Lan?

A. Khởi nghĩa Đi-pô-gô-rô (1825 - 1830).

B. Khởi nghĩa Xu-ma-tơ-ra (1873 - 1909).

C. Khởi nghĩa do Sa-min lãnh đạo (1884 - 1886).

D. Khởi nghĩa Ca-li-man-tan (đầu năm 1890).

9. Năm 1905, diễn ra sự kiện lịch sử gì gắn liền với phong trào đấu tranh của công nhân ở In-đô-nê-xi-a?

A. Hiệp hội Công nhân Đường sắt được thành lập.

B. Hiệp hội Công nhân Xe lửa ra đời.

C. Liên minh Xã hội Dân chủ In-đô-nê-xi-a thành lập.

D. Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a ra đời.

10. Giai cấp tư sản dân tộc, tầng lớp trí thức In-đô-nê-xi-a tiếp thu tư tưởng dân chủ tư sản ở đâu để hoạt động yêu nước?

A. Ở Trung Quốc.

B. Ở Nga.

C. Ở châu Âu.

D. Ở các nước Đông Nam Á.

11. Vào năm nào, nhân dân Ca-vi-tô ở Phi-líp-pin nổi lên khởi nghĩa, hô vang khẩu hiệu "Đả đảo bọn Tây Ban Nha"?

A. Năm 1782.

C. Năm 1873.

B. Năm 1872.

D. Năm 1782.

12. Vào thời gian nào ở Phi-líp-pin xuất hiện hai xu hướng chính trong phong trào giải phóng dân tộc?

A. Những năm 80 của thế kỉ XIX.

B. Những năm 70 của thế kỉ XIX.

C. Những năm 90 của thế kỉ XIX.

D. Những năm 30 của thế kỉ XX.

13. Năm 1892 diễn ra sự kiện lịch sử gì ở Phi-líp-pin?

A. "Liên minh Phi-líp-pin" thành lập.

B. "Liên hiệp những người con yêu quý của nhân dân" Phi-líp-pin thành lập.

C. Hô-xê Ri-dan bị xử tử ở Ma-ni-la.

D. Bô-ni-pha-xi-ô phát lệnh khởi nghĩa với khẩu hiệu "Chiến thắng hay là chết".

14. Mĩ gây chiến với Tây Ban Nha, can thiệp sâu vào Phi-líp-pin vào thời gian nào?

A. Ngày 28 - 8 - 1896.

C. Tháng 6 - 1898.

B. Tháng 4 - 1898.

D. Tháng 8 - 1898.

15. Cuộc cách mạng tháng 8 - 1896 ở Phi-líp-pin được gọi là:

A. Cuộc cách mạng vô sản đầu tiên ở Đông Nam Á chống chủ nghĩa đế quốc.

B. Cuộc cách mạng giải phóng dân tộc do tư sản và quý tộc mới lãnh đạo.

C. Cuộc cách mạng tư sản chống đế quốc đầu tiên ở Đông Nam Á.

D. Cuộc cách mạng dân chủ tư sản đầu tiên trên thế giới.

16. Cam-pu-chia chính thức trở thành thuộc địa của Pháp từ năm nào?

A. Năm 1863.

C. Năm 1884.

B. Năm 1864.

D. Năm 1885.

17. Cuộc khởi nghĩa của Hoàng thân Si-vô-tha diễn ra trong thời gian nào?

A. Từ năm 1861 đến năm 1882.

B. Từ năm 1863 đến năm 1866.

C. Từ năm 1861 đến năm 1892.

D. Từ năm 1866 đến năm 1867.

18. Trong ba cuộc khởi nghĩa: Si-vô-tha, A-cha-xoa và Pu-côm-bô, cuộc khởi nghĩa nào diễn ra lâu nhất?

A. Khởi nghĩa Si-vô-tha.

B. Khởi nghĩa A-cha-xoa.

C. Khởi nghĩa Pu-côm-bô.

19. Qua ba cuộc khởi nghĩa của nhân dân Cam-pu-chia chống thực dân Pháp cuối thế kỉ XIX, cuộc khởi nghĩa nào có sự phối hợp chiến đấu với nhân dân Việt Nam?

A. Khởi nghĩa Si-vô-tha.

B. Khởi nghĩa A-cha-xoa.

C. Khởi nghĩa Pu-côm-bô.

D. Khởi nghĩa A-cha-xoa và Pu-côm-bô.

20. Lào thực sự biến thành thuộc địa của Pháp từ năm nào?

A. Từ năm 1884.

C. Từ năm 1865.

B. Từ năm 1885.

D. Từ năm 1893.

21. Thực dân Pháp xâm chiếm Lào khi nào?

A. Sau khi xâm chiếm Thái Lan và Cam-pu-chia.

B. Sau khi đã hoàn thành việc bình định quân sự Việt Nam và Cam-pu-chia.

C. Sau khi đặt chân đến Việt Nam, Cam-pu-chia.

D. Sau khi xâm chiếm xong hàng loạt các nước Đông Nam Á.

22. Mở đầu cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Lào là cuộc khởi nghĩa nào?

A. Khởi nghĩa do Ong Kẹo chỉ huy.

B. Khởi nghĩa của Com-ma-đam.

C. Khởi nghĩa của Pa-chay.

D. Khởi nghĩa của Pha-ca-đuốc.

23. Trong các cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp của nhân dân Lào, cuộc khởi nghĩa nào giải phóng Xa-va-na-khet mở rộng sang cả đường 9 - biên giới Việt Lào?

A. Khởi nghĩa dưới sự chỉ huy của Pha-ca-đuốc.

B. Khởi nghĩa do Ong Kẹo chỉ huy.

C. Khởi nghĩa do ba người con của Com-ma-đam chỉ huy.

D. Khởi nghĩa của Pa-chay.

24. Cuộc khởi nghĩa nào của nhân dân Lào diễn ra trên địa bàn Bắc Lào và Tây Bắc Việt Nam?

- A. Khởi nghĩa Pha-ca-đuốc.
- B. Khởi nghĩa Ong Kẹo.
- C. Khởi nghĩa Com-ma-đam.
- D. Khởi nghĩa Pa-chay.

25. Vào giữa thế kỉ XIX, Vương quốc Xiêm đứng trước sự đe dọa xâm nhập của nước nào?

- A. Nước Anh, Pháp, Mĩ.
- B. Nước Anh, Pháp, Tây Ban Nha.
- C. Nước Mĩ, Hà Lan, Pháp.
- D. Nước Anh và Pháp.

26. Triều đại nào của Vương quốc Xiêm đã theo đuổi chính sách đóng cửa, ngăn cản thương nhân và giáo sĩ phương Tây vào Xiêm?

- A. Triều đại Ra-ma.
- B. Triều đại Ra-ma IV.
- C. Triều đại Ra-ma V.
- D. Tất cả các triều đại trên.

27. Trong chính sách đối ngoại của mình, Ra-ma V mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước nào?

- A. Các nước Anh, Pháp.
- B. Các nước Âu - Mĩ.
- C. Các nước Anh, Pháp, Hà Lan.
- D. Các nước Mĩ - Nhật Bản.

28. Ra-ma V ở ngôi vua trong thời gian nào?

- A. 1868 - 1892.
- B. 1886 - 1892.
- C. 1868 - 1910.
- D. 1868 - 1912.

Chương V.

CÁC NƯỚC CHÂU PHI, MĨ LA-TINH THỜI CẬN ĐẠI

BÀI 19.

CHÂU PHI

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. VÀI NÉT VỀ CHÂU PHI TRƯỚC THỜI KÌ BỊ XÂM LƯỢC

- Là lục địa lớn, giàu tài nguyên, có nền văn hoá lâu đời. Thời cận đại, châu Phi có hai miền chính: Bắc Phi và Nam Phi.

+ Bắc Phi kéo dài từ Bắc Xa-ha-ra đến Địa Trung Hải, theo đạo Hồi, có một số nơi vẫn còn chế độ bộ lạc, quan hệ phong kiến.

+ Nam Phi bao gồm vùng đất từ Nam Xa-ha-ra đến mũi Hảo Vọng. Quan hệ phong kiến là chủ yếu. Nhiều nơi còn tàn tích của chế độ bộ lạc và nô lệ.

- Từ nửa sau thế kỉ XIX, cuộc sống yên ổn, tài nguyên phong phú và nền văn hoá lâu đời của họ đã bị thực dân châu Âu xâm phạm, phá hoại, cướp bóc và đàn áp.

II. CÁC NƯỚC ĐẾ QUỐC XÂM LƯỢC CHÂU PHI

- Vào những năm 70 - 80 thế kỉ XIX, các nước tư bản phương Tây đua nhau xâm lược châu Phi:

+ Năm 1882, Anh độc chiếm Ai Cập, kiểm soát kênh đào Xuy-ê, chiếm Nam Phi, Ni-giê-ri-a...

+ Năm 1883, Pháp chiếm Tuy-ni-di và nam Ca-mơ-run, Xa-ha-ra...

+ Năm 1884, Đức chiếm bắc Ca-mơ-run, Tô-gô, tây Nam Phi...

- Đến đầu thế kỉ XX, việc phân chia thuộc địa giữa các đế quốc ở châu Phi, căn bản hoàn thành.

III. CÁC CUỘC ĐẤU TRANH TIÊU BIỂU CỦA NHÂN DÂN CHÂU PHI CHỐNG THỰC DÂN

- Ở An-giê-ri: Cuộc khởi nghĩa của Áp-đen Ca-đê kéo dài từ năm 1830 đến năm 1847. Thực dân Pháp phải mất nhiều thời gian mới chinh phục được nước này.

- Ở Ai Cập: Từ 1879 đến 1882, diễn ra phong trào "Ai Cập trẻ". Các nước đế quốc phải can thiệp mạnh mới ngăn chặn được cuộc đấu tranh yêu nước của nhân dân Ai Cập.

- Ở Xu-đăng: Từ năm 1877 - 1898, diễn ra cuộc khởi nghĩa của Mô-ha-mét. Thực dân Anh được các nước đế quốc giúp đỡ mới dập tắt được phong trào.

- Ở Ê-ti-ô-pi: Từ năm 1885 đến 1896, đã đấu tranh chống thực dân I-t-li-a và là một trong những nước giữ được độc lập ở châu Phi.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

- Hãy khoanh tròn một chữ in hoa đứng trước câu trả lời đúng.
1. Thời kì cổ đại người ta chỉ mới biết đến vùng nào ở châu Phi?
- A. Nam Phi. C. Trung Phi.
B. Bắc Phi. D. Bắc Phi và Nam Phi.
2. Mầm mống của chế độ tư bản chủ nghĩa xuất hiện sớm nhất ở vùng nào thuộc châu Phi?
- A. Bắc Phi. C. Nam Phi.
B. Tây Phi. D. Tây Xu-đăng và Ma-đa-ga-xoa.
3. Ở nhiều miền thuộc Tây Xu-đăng và Ma-đa-ga-xoa, quan hệ xã hội chủ yếu là:
- A. Quan hệ phong kiến và quan hệ tư bản chủ nghĩa.
B. Quan hệ tư bản chủ nghĩa.
C. Quan hệ của chế độ bộ lạc và nô lệ.
D. Quan hệ của chế độ phong kiến.
4. Vì sao châu Phi trở thành đối tượng xâm lược của thực dân phương Tây?
- A. Châu Phi có vị trí chiến lược quan trọng, thị trường rộng lớn.
B. Châu Phi nghèo nàn lạc hậu.
C. Châu Phi có vị trí chiến lược quan trọng, thị trường rộng lớn, nhân công rẻ mạt và tài nguyên phong phú.
D. Châu Phi là ngã ba đường giao lưu quốc tế.
5. Các nước tư bản phương Tây đua nhau xâm lược châu Phi vào khoảng thời gian nào?
- A. Những năm 50 - 60 của thế kỉ XIX. B. Những năm 70 - 80 của thế kỉ XIX.
C. Những năm 80 - 90 của thế kỉ XIX. D. Những năm 20 - 30 của thế kỉ XX.
6. Trong các nước tư bản phương Tây, nước nào chiếm nhiều diện tích nhất ở châu Phi?
- A. Nước Pháp. B. Nước Anh. C. Nước I-ta-li-a. D. Nước Đức.
7. Cuộc khởi nghĩa của Áp-đen Ca-đê là cuộc khởi nghĩa nước nào của châu Phi?
- A. Nước Xu-đăng. B. Nước Ai Cập. C. Nước Ê-ti-ô-pi. D. Nước An-giê-ri.
8. Cuộc khởi nghĩa của Áp-đen Ca-đê kéo dài trong khoảng thời gian nào?
- A. Từ năm 1830 đến năm 1840. B. Từ năm 1803 đến năm 1847.
C. Từ năm 1830 đến năm 1847. D. Từ năm 1847 đến năm 1850.
9. Cuộc khởi nghĩa Áp-đen Ca-đê chống lại bọn thực dân xâm lược nào?
- A. Thực dân Anh. C. Thực dân Tây Ban Nha.
B. Thực dân Pháp. D. Thực dân Bồ Đào Nha.
10. Phong trào "Ai Cập trẻ" đã lôi cuốn được các giai cấp và tầng lớp nào tham gia?
- A. Một số giai cấp tư sản và tiểu tư sản tiến bộ.
B. Một số thanh niên yêu nước, căm thù thực dân.

- C. Một số tiểu tư sản và trí thức ở thành thị.
D. Một số trí thức và sĩ quan yêu nước.
11. Phong trào đấu tranh của nhân dân Xu-đăng từ năm 1877 đến năm 1898 chống lại bọn thực dân nào?
- A. Thực dân Anh. C. Thực dân Tây Ban Nha.
B. Thực dân Pháp. D. Thực dân Bồ Đào Nha.
12. Nét nổi bật nhất trong cuộc đấu tranh của nhân dân châu Phi chống thực dân Phương Tây là:
- A. Cuộc đấu tranh của nhân dân An-giê-ri.
B. Cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của nhân dân Xu-đăng.
C. Cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của nhân dân Ê-ti-ô-pi.
D. Cuộc đấu tranh của nhân dân Ai Cập.
13. Năm 1885 diễn ra sự kiện lịch sử gì ở Ê-ti-ô-pi?
- A. Quân xâm lược I-ta-li-a bị thất bại ở Ê-ti-ô-pi.
B. I-ta-li-a tiến sâu vào nội địa, đánh chiếm một số vùng ở Ê-ti-ô-pi.
C. Quân đội I-ta-li-a bị thất bại ở A-dua.
D. Quân đội Ê-ti-ô-pi đã chiến thắng quân đội thực dân Anh.
14. Hai nước ở châu Phi giữ được nền độc lập của mình trước sự xâm lược của thực dân phương Tây là:
- A. Xu-đăng và Ê-ti-ô-pi. B. Ê-ti-ô-pi và Li-bê-ri-a.
C. An-giê-ri và Ai Cập. D. An-giê-ri và Ê-ti-ô-pi.

BÀI 20. KHU VỰC MĨ LA-TINH

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. CHẾ ĐỘ THỰC DÂN Ở KHU VỰC MĨ LA-TINH

- Châu Mĩ La-tinh là khu vực thuộc Trung và Nam Mĩ, phần lớn cư dân ở đây nói tiếng Tây Ban Nha hay Bồ Đào Nha. Cư dân bản địa lâu đời là người In-đi-an, chủ nhân của nền văn hoá May-a, văn hoá In-ca, A-dơ-tếch.
- Từ thế kỉ XV, thực dân châu Âu - chủ yếu là Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha đã làm chủ hầu hết vùng này.
- Thực dân phương Tây tàn sát dân bản địa, dồn đuổi vào rừng sâu, chiếm đất lập đồn điền để trồng lúa mì, ngô, khoai tây, cà phê, thuốc lá... Thực dân châu Âu đưa người nô lệ da đen từ châu Phi sang đây lao động trong các đồn điền. Trải qua vài ba chục thế kỉ, trên châu lục này đã xuất hiện những cộng đồng người da trắng, da đen và thổ dân da đỏ.
- Đến thế kỉ XIX, dân số trong các thuộc địa Tây Ban Nha tăng lên đáng kể, ý thức dân tộc dần dần hình thành, nhu cầu phát triển kinh tế, văn hoá riêng biệt đã thúc đẩy cuộc đấu tranh chống thực dân để thiết lập các quốc gia độc lập.

II. PHONG TRÀO ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC ĐẦU THẾ KỈ XIX (Tóm tắt theo bảng dưới đây)

Niên đại	Tên nước	Tên phong trào	Năm giành độc lập
1791	Ha-i-ti	Phong trào đấu tranh của người da đen do Tú-t-xanh Lu-véc-tuy-a lãnh đạo	1803
1810	Mê-hi-cô	Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc do Mi-sen Hi-đan-gô lãnh đạo	1821
1810	Ác-hen-ti-na	Khởi nghĩa vũ trang	1816
1822	Bra-xin	Đấu tranh chống thực dân Bồ Đào Nha	1822

Nhận xét: Qua hai thập niên đầu thế kỉ XIX đấu tranh sôi nổi quyết liệt, các quốc gia ở Mĩ La-tinh lần lượt hình thành. Đây là một thắng lợi to lớn của nhân dân Mĩ La-tinh trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân.

III. CÁC NƯỚC MĨ LA-TINH SAU KHI GIÀNH ĐỘC LẬP VÀ CHÍNH SÁCH BÀNH TRƯỚNG CỦA MĨ

1. Các nước Mĩ La-tinh sau khi giành độc lập

- Sau khi giành độc lập, các nước Mĩ La-tinh có những bước tiến về kinh tế, xã hội.
- Dân số càng tăng nhanh do việc di dân của người da trắng, việc nhập cư của người da đen và do sự tăng dân số tự nhiên.

2. Chính sách bành trướng của Mĩ

- Năm 1823, Mĩ đưa ra học thuyết Môn-rô: "Châu Mĩ của người châu Mĩ".
- Năm 1889, tổ chức "Liên minh dân tộc các nước cộng hoà châu Mĩ" được thành lập, gọi tắt là "Liên Mĩ".
- Năm 1898, Mĩ gây chiến với Tây Ban Nha, chiếm Ha-oai, Cu Ba, Pu-éc-tô Ri-cô.
- Từ thế kỉ XIX, Mĩ áp dụng chính sách "cái gậy lớn" và "Ngoại giao đồng đô-la" để chiếm kênh đào Pa-na-ma và một số nước ở Mĩ La-tinh. Chính quyền Oa-sinh-tơn biến châu Mĩ La-tinh thành "sân sau" của nước Mĩ.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Hãy khoanh tròn một chữ in hoa đứng trước câu trả lời đúng.

1. Từ thế kỉ XV, nước nào đi đầu trong việc xâm chiếm vùng Trung và Nam Mĩ?

- A. Bồ Đào Nha B. Tây Ban Nha C. I-ta-li-a. D. Hà Lan

2. Thế kỉ XV, Bồ Đào Nha chiếm nước nào ở châu Mĩ La-tinh?

- A. Mê-hi-cô và Bra-xin. B. Bra-xin và Ác-hen-ti-na.
C. Bra-xin. D. Tất cả các nước trên.

3. Vào thế kỉ XV, Guy-a-na bị chia cắt thành ba thuộc địa của các nước:

- A. Anh, Pháp, Hà Lan. B. Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Bỉ.
C. Anh, Pháp, Tây Ban Nha. D. Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Pháp.

4. Cư dân ở Trung và Nam Mĩ trong quá trình bị thực dân phương Tây xâm lược họ nói tiếng của nước nào?

- A. Nói tiếng Anh và Pháp.
B. Nói tiếng Tây Ban Nha hay Bồ Đào Nha.

C. Nói tiếng Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha.

D. Nói tiếng Anh hay tiếng Pháp.

5. Đầu thế kỉ XX, dân số ở Mĩ La-tinh trong các thuộc địa của nước nào tăng lên đáng kể?

- A. Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha. B. Anh và Pháp.
C. Tây Ban Nha và Anh. D. Tây Ban Nha.

6. Từ cuối thế kỉ XVIII, dưới ảnh hưởng của cuộc cách mạng tư sản nào làm cho phong trào đấu tranh chống thực dân của Mĩ La-tinh phát triển mạnh mẽ?

- A. Cuộc chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mĩ.
B. Cuộc cách mạng tư sản Pháp.
C. Cuộc cải cách nông nô ở Nga.
D. Cuộc chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mĩ và cách mạng tư sản Pháp.

7. Năm 1791, ở Ha-i-ti bùng nổ cuộc đấu tranh của người da đen dưới sự lãnh đạo của ai?

- A. Linh mục Mi-sen Hi-đan-gô. B. Tú-t-xanh Lu-véc-tuy-a.
C. Xan Mác-tanh D. Xi-môn Bô-li-va.

8. Năm 1821, diễn ra sự kiện lịch sử gì ở Mê-hi-cô?

- A. Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc diễn ra với quy mô lớn.
B. Cuộc khởi nghĩa của linh mục Mi-sen Hi-đan-gô lôi cuốn hàng vạn nông dân tham gia.
C. Mê-hi-cô tuyên bố thành lập nền cộng hòa.
D. Cuộc đấu tranh của nông dân Mê-hi-cô giành thắng lợi.

9. Bra-xin thoát khỏi sự thống trị của Bồ Đào Nha vào năm nào?

- A. Năm 1822. B. Năm 1823. C. Năm 1821. D. Năm 1810.

10. Sau khi giành được độc lập, Bra-xin xây dựng đất nước theo thể chế chính trị như thế nào?

- A. Theo thể chế cộng hòa tư sản. B. Theo thể chế quân chủ.
C. Theo thể chế quân chủ lập hiến. D. Theo thể chế dân chủ tư sản.

11. Năm 1823, Mĩ đưa ra học thuyết gì ở Mĩ La-tinh?

- A. "Liên minh dân tộc các nước cộng hòa châu Mĩ".
B. "Châu Mĩ của người châu Mĩ".
C. "Châu Mĩ của người Bắc Mĩ".
D. "Cái gậy lớn" và "Ngoại giao đồng đô-la".

12. Năm 1898, Mĩ gây chiến với nước nào để chiếm Ha-oai, Cu Ba, Pu-éc-tô-ri-cô?

- A. Tây Ban Nha. B. Bồ Đào Nha. C. Anh. D. Pháp.

13. Từ năm 1914 đến năm 1916, diễn ra sự kiện lịch sử gì ở Mê-hi-cô?

- A. Tây Ban Nha tranh chấp Mê-hi-cô với Mĩ.
B. Bồ Đào Nha mở cuộc tấn công tái chiếm Mê-hi-cô.
C. Mĩ kiểm soát chặt chẽ Mê-hi-cô.
D. Mĩ hai lần đem quân đánh Mê-hi-cô.

14. Chính quyền Oa-sinh-tơn đã không chế khu vực Mĩ La-tinh làm thành:

- A. Khu căn cứ quân sự của Mĩ. B. Thuộc địa kiểu mới của Mĩ.
C. "Sân sau êm đềm" của Mĩ. D. "Hậu phương an toàn" của Mĩ.

CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914-1918)

Bài 21. CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914-1918)

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. SỰ QUAN HỆ QUỐC TẾ CUỐI THẾ KỈ XIX - ĐẦU THẾ KỈ XX

- Sự phát triển không đều về kinh tế và chính trị của chủ nghĩa tư bản cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX đã làm thay đổi sâu sắc so sánh lực lượng giữa các nước đế quốc.

- Các "đế quốc già" (Anh, Pháp) với hệ thống thuộc địa mệnh mông, các "đế quốc trẻ" (Mĩ, Đức, Nhật) đang vươn lên mạnh mẽ về kinh tế nhưng lại có quá ít thuộc địa.

- Mâu thuẫn giữa các đế quốc về vấn đề thuộc địa là không tránh khỏi và ngày càng trở nên gay gắt. Vì vậy, ngay từ cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, các cuộc chiến tranh giành thuộc địa đã nổ ra ở nhiều nơi.

- Trong cuộc đua giành giật thuộc địa, đế quốc Đức là kẻ hung hăng nhất vì Đức có tiềm lực kinh tế và quân sự nhưng lại ít thuộc địa. Thái độ của Đức đã làm quan hệ quốc tế ở châu Âu ngày càng căng thẳng, đặc biệt là quan hệ giữa các nước đế quốc với nhau.

II. SỰ HÌNH THÀNH HAI KHỐI QUÂN SỰ. NGUYÊN NHÂN CỦA CHIẾN TRANH

1. Sự hình thành hai khối quân sự

- Năm 1882, Đức cùng Áo-Hung và I-ta-li-a thành lập liên minh tay ba, được gọi là *phe Liên minh*. Sau này, I-ta-li-a rời khỏi Liên minh chống lại Đức.

- Đối phó với âm mưu của Đức, Anh, Pháp, Nga tuy có tranh chấp về thuộc địa nhưng phải nhân nhượng lẫn nhau, kí những bản hiệp ước tay đôi: Pháp-Nga (1890), Anh-Pháp (1904), Anh-Nga (1907), hình thành *phe Hiệp ước*.

- Như vậy, đến đầu thế kỉ XX, ở châu Âu đã hình thành hai khối quân sự đối đầu nhau.

+ Phe Liên minh (1882) gồm Đức, Áo-Hung, I-ta-li-a >> Phe Hiệp ước (1890- 1907) gồm Anh, Pháp, Nga.

2. Nguyên nhân chiến tranh

- Cả hai tập đoàn đều ôm mộng xâm lược, cướp đoạt lãnh thổ và thuộc địa của nhau, điên cuồng chạy đua vũ trang. Chính mâu thuẫn giữa các nước đế quốc về vấn đề thuộc địa, mà trước tiên là giữa đế quốc Anh và đế quốc Đức, là nguyên nhân cơ bản dẫn đến chiến tranh.

- Tình hình căng thẳng ở Ban-căng từ năm 1912 đến năm 1913 tạo cơ hội cho chiến tranh bùng nổ.

- Duyên cớ chiến tranh: Ngày 28-6-1914, Thái tử Áo-Hung bị một người Xéc-bi ám sát tại Bô-xni-a. Giới quân phiệt Đức, Áo bèn chớp cơ hội đó để gây ra chiến tranh.

- Ngày 28-7-1914, Áo-Hung tuyên chiến với Xéc-bi. Ngày 1-8, Đức tuyên chiến với Nga. Ngày 3-8, tuyên chiến với Pháp. Ngày 4-8, Anh tuyên chiến với Đức. Chiến tranh đế quốc đã bùng nổ và nhanh chóng lan rộng thành chiến tranh thế giới.

III. GIAI ĐOẠN THỨ NHẤT CỦA CHIẾN TRANH (1914-1916)

- Đức tập trung phần lớn binh lực ở mặt trận phía Tây và ngay trong đêm 3-8 đã tràn vào Bỉ, rồi đánh thọc sang Pháp. Pa-ri bị uy hiếp, quân Pháp có nguy cơ bị tiêu diệt.

- Năm 1915, Đức dồn binh lực sang mặt trận phía Đông cùng quân Áo-Hung tấn công Nga quyết liệt, định đè bẹp Nga.

- Trong năm thứ hai của cuộc chiến tranh (1915), cả hai bên đều ở thế cầm cự.

- Năm 1916, thấy không tiêu diệt được quân Nga, Đức lại chuyển trọng tâm hoạt động về mặt trận phía Tây, mở chiến dịch Vec-doong. Quân Đức vẫn không hạ nổi thành Véc-doong.

- Chiến cuộc năm 1916 không đem lại ưu thế cho bên nào mà vẫn duy trì thế cầm cự. Từ cuối năm 1916 trở đi, Đức, Áo từ thế chủ động đã chuyển sang phòng ngự ở hai mặt trận.

- *Hậu quả:*

+ Tình trạng khốn cùng của nhân dân lao động tăng lên không ngừng.

+ Đói, rét, bệnh tật và những tai họa do chiến tranh đem đến ngày càng nhiều.

+ Mâu thuẫn xã hội trong các nước tham chiến trở nên vô cùng gay gắt.

+ Chỉ mới hơn hai năm chiến tranh, đã có gần 6 triệu người chết và hơn 10 triệu người bị thương.

+ Phong trào công nhân, phong trào quần chúng phản đối chiến tranh phát triển nhanh chóng.

IV. GIAI ĐOẠN THỨ HAI CỦA CHIẾN TRANH (1917-1918)

- Tháng 2-1917, cuộc cách mạng dân chủ tư sản thành công. Chế độ Nga hoàng bị lật đổ nhưng Chính phủ lâm thời trong tay giai cấp tư sản vẫn tiếp tục theo đuổi chiến tranh.

- Lúc này, Đức gây ra cuộc "chiến tranh tàu ngầm" làm cho Anh bị nhiều thiệt hại. Viện cớ tàu ngầm Đức tấn công cả tàu buôn cập bến các nước phe "Hiệp ước", Mĩ nhảy vào vòng chiến.

- Ngày 2-4-1917, Mĩ tuyên chiến với Đức. Sự tham chiến của Mĩ có lợi hơn cho phe Anh-Pháp-Nga.

- Tháng 10-1917 (theo lịch Nga), nhân dân Nga dưới sự lãnh đạo của Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích đứng lên làm cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước Xô viết ra đời. Để đối phó với các thế lực đế quốc đang bao vây, nhà nước Xô viết buộc phải kí với Đức Hoà ước Bơ-rét Li-tốp (ngày 3-3-1918). Nước Nga ra khỏi chiến tranh đế quốc.

- Đầu năm 1918, tranh thủ thời cơ quân Mĩ chưa sang đến châu Âu, quân Đức mở liên tiếp bốn đợt tấn công với quy mô lớn trên mặt trận Pháp. Một lần nữa, Chính phủ Pháp chuẩn bị rời khỏi Pa-ri.

- Tháng 7-1918, 65 vạn quân Mĩ đổ bộ vào châu Âu, Mĩ trực tiếp tham chiến khi cả hai phe bị thiệt hại quá nhiều, hết sức mệt mỏi. Mĩ trở thành người đứng đầu phe Hiệp ước thay Anh. Pháp và Anh quay lại phản công mạnh mẽ quân Đức trên các mặt trận.

- Từ cuối tháng 9-1918, quân Đức liên tiếp thất bại, bỏ chạy khỏi lãnh thổ Pháp và Bỉ. Các nước đồng minh của Đức cũng bị tấn công liên tiếp, buộc phải đầu hàng: Bun-ga-ri (ngày 29-9), Thổ Nhĩ Kỳ (ngày 30-10), Áo-Hung (ngày 2-11).

- Ngày 11-11-1918, Đức kí Hiệp định đầu hàng không điều kiện. Chiến tranh kết thúc bằng sự thất bại của phe Liên minh.

V. KẾT CỤC CỦA CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

- Tổn thất về sức người và của: khoảng 1.500 triệu người dân bị lôi cuốn vào vòng khói lửa, 10 triệu người chết, trên 20 triệu người bị thương, nền kinh tế châu Âu bị kiệt quệ.

- Mĩ được hưởng nhiều lợi, nhiều nước tư bản đế quốc trở thành con nợ của Mĩ.

- Cách mạng tháng Mười Nga và việc thành lập nhà nước Xô viết, đánh dấu bước chuyển lớn trong cục diện chính trị thế giới.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Hãy khoanh tròn một chữ in hoa đứng trước câu trả lời đúng.

1. Vì sao đến cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX có sự xuất hiện các đế quốc "già" và đế quốc "trẻ"?

- A. Sự cạnh tranh quyết liệt giữa các nước tư bản chủ nghĩa.
- B. Sự phát triển không đều về kinh tế và chính trị của chủ nghĩa tư bản.
- C. Sự tranh chấp thị trường và thuộc địa của các nước tư bản chủ nghĩa.
- D. Tất cả các lí do trên.

2. Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, những đế quốc nào được liệt vào danh sách đế quốc "già"?

- A. Anh, Pháp, Đức.
- B. Anh, Pháp, Mĩ.
- C. Mĩ, Đức.
- D. Anh, Pháp.

3. Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, những đế quốc nào thuộc về đế quốc "trẻ"?

- A. Anh, Pháp, Mĩ.
- B. Mĩ, Đức, Nhật.
- C. Mĩ, Đức, Pháp.
- D. Anh, Đức, Nhật.

4. Mâu thuẫn chủ yếu giữa các nước đế quốc thể hiện ở lĩnh vực nào?

- A. Về vấn đề tranh chấp quyền lực.
- B. Về vấn đề cạnh tranh trong việc xuất khẩu hàng hóa.
- C. Về vấn đề thuộc địa và thị trường ở các nước.
- D. Về vấn đề áp dụng thành tựu khoa học - kĩ thuật.

5. Đế quốc nào được mệnh danh là kẻ "con hổ đói đến bàn tiệc muộn".

- A. Đế quốc Mĩ.
- B. Đế quốc Đức.
- C. Đế quốc Nhật Bản.
- D. Đế quốc Anh.

6. Trong cuộc đấu tranh giành thuộc địa, đế quốc nào tỏ ra hung hãn nhất? Vì sao?

- A. Đế quốc Nhật. Vì Nhật sản xuất được nhiều hàng hóa nhưng không có thị trường tiêu thụ.
- B. Đế quốc Mĩ. Vì Mĩ muốn thực hiện chính sách làm bá chủ thế giới.
- C. Đế quốc Anh. Vì Anh có nhiều thuộc địa nên cố giữ cho được thuộc địa khỏi rơi vào tay các đế quốc khác.
- D. Đế quốc Đức. Vì Đức có tiềm lực kinh tế và quân sự nhưng lại ít thuộc địa.

7. Phe Liên minh được thành lập vào năm nào? Gồm những nước nào?

- A. Năm 1882. Gồm các nước Đức, Áo - Hung, I-ta-li-a.
- B. Năm 1882. Gồm các nước Anh, Pháp, Nga.
- C. Năm 1883. Gồm các nước Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản.
- D. Năm 1890. Gồm Anh, Pháp, I-ta-li-a.

8. Phe Hiệp ước gồm những nước nào?

- A. Đức, Áo - Hung, I-ta-li-a.
- B. Anh, Pháp, Nga.
- C. Đức, Áo, Anh.
- D. Anh, Pháp, Nhật.

9. Nguyên nhân cơ bản gây ra cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất là mâu thuẫn trước tiên giữa các đế quốc nào?

- A. Giữa đế quốc Anh với đế quốc Đức.
- B. Giữa đế quốc Đức với đế quốc Áo - Hung.
- C. Giữa đế quốc I-ta-li-a với đế quốc Anh, Pháp.
- D. Giữa đế quốc Anh, Pháp với đế quốc Đức.

10. Duyên cớ của Chiến tranh thế giới thứ nhất là gì?

- A. Áo - Hung tuyên chiến với Xéc-bi.
- B. Hoàng thân kế thừa ngôi vua Áo - Hung bị ám sát.
- C. Đức tuyên chiến với Nga.
- D. Anh tuyên chiến với Đức, Áo.

11. Mở đầu cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất, Đức dự định đánh bại nước nào một cách chớp nhoáng?

- A. Nước Nga.
- B. Nước Bỉ.
- C. Nước Pháp.
- D. Nước Anh.

12. Nhờ đâu quân Pháp có điều kiện phản công quân Đức cứu nguy cho Pa-ri?

- A. Quân Anh tấn công quân Đức ở mặt trận phía Đông.
- B. Quân Nga tấn công quân Đức ở mặt trận phía Đông.
- C. Quân Anh chặn đường biển không cho quân Đức tăng viện binh để chiếm Pa-ri.
- D. Quân đội Pháp dựa vào lực lượng quần chúng nhân dân phản công quân Đức.

13. Chưa hạ được quân Pháp, năm 1915, Đức dồn binh lực tấn công nước nào?

- A. Nước Anh.
- B. Nước Nga.
- C. Nước Áo - Hung.
- D. Nước Bỉ.

14. Trận Véc-dong ở Pháp kéo dài trong khoảng thời gian nào?

- A. Từ tháng 4 đến tháng 12 - 1916.
- B. Từ năm 1914 đến năm 1916.
- C. Từ tháng 3 đến tháng 12 - 1916.
- D. Từ tháng 2 đến tháng 12 - 1916.

15. Tháng 2 - 1917, Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích ở Nga nêu khẩu hiệu gì?

- A. "Biến chiến tranh đế quốc thành phong trào cách mạng".
- B. "Biến chiến tranh đế quốc thành cách mạng vô sản".
- C. "Biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến cách mạng".
- D. "Biến chiến tranh đế quốc thành chiến tranh giải phóng dân tộc".

16. Mĩ chính thức nhảy vào cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất vào thời gian nào?

- A. Tháng 2 năm 1917.
- B. Tháng 4 năm 1917.
- C. Tháng 3 năm 1917.
- D. Tháng 6 năm 1917.

17. Lấy cớ gì Mĩ tuyên chiến với Đức, bước vào cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất?

- A. Tàu ngầm Đức tấn công vào tàu buôn của Mĩ.
- B. Tàu ngầm Đức gây cho Anh nhiều thiệt hại.
- C. Tàu ngầm Đức vi phạm quyền tự do thương mại trên biển.
- D. Tàu ngầm Đức tấn công phe Hiệp ước.

18. Tháng 11 - 1917, diễn ra sự kiện lịch sử gì ở Nga?

- A. Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga thắng lợi.
- B. Nga ra khỏi cuộc chiến tranh đế quốc.
- C. Nga đánh bại cuộc tấn công của Đức trên lãnh thổ của mình.
- D. Nga kí với Đức Hoà ước Bơ-rét-li-tốp.

19. Trong nửa đầu năm 1918, Đức tranh thủ thời cơ nào đã liên tiếp mở bốn đợt tấn công lớn trên mặt trận Pháp?

- A. Nga rút khỏi chiến tranh.
- B. Mĩ chưa đưa quân sang châu Âu.
- C. Mĩ thay Anh đứng đầu phe Hiệp ước.
- D. Pháp bị phe Hiệp ước cô lập.

20. Mĩ chính thức đưa 65 vạn quân đổ bộ vào châu Âu thời gian nào?

- A. Tháng 3 năm 1918.
- B. Tháng 5 năm 1918.
- C. Tháng 6 năm 1918.
- D. Tháng 7 năm 1918.

21. Nhờ đâu Pháp và Anh quay lại phản công Đức trên khắp các mặt trận?

- A. Mĩ trực tiếp tham chiến ở châu Âu và trở thành người đứng đầu phe Hiệp ước.
- B. Mĩ đã liên tiếp đánh bại quân đội Đức.
- C. Các nước đồng minh của Đức bị tấn công liên tiếp phải đầu hàng.
- D. Mĩ trực tiếp viện trợ cho Anh, Pháp cả về sức người và sức của.

22. Ngày 03 - 10 - 1918, diễn ra sự kiện lịch sử gì gắn với nước Đức trong Chiến tranh thế giới thứ nhất?

- A. Đức liên tiếp bị thất bại, bỏ chạy khỏi lãnh thổ Pháp và Bỉ.
- B. Các nước đồng minh của Đức đã đầu hàng.
- C. Một chính phủ mới của Đức được thành lập.
- D. Cuộc cách mạng ở Đức bùng nổ.

23. Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc vào thời gian nào?

- A. Ngày 6 - 11 - 1918.
- B. Ngày 01 - 11 - 1918.
- C. Ngày 11 - 11 - 1918.
- D. Ngày 15 - 11 - 1918.

24. Chiến tranh thế giới thứ nhất với sự thất bại của phe Liên minh. Đúng hay sai?

- A. Đúng
- B. Sai

Chương VII. NHỮNG THÀNH TỰU VĂN HOÁ THỜI CẬN ĐẠI

Bài 22 NHỮNG THÀNH TỰU VĂN HOÁ THỜI CẬN ĐẠI

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. sự phát triển của văn hoá trong buổi đầu thời cận đại

* *Bối cảnh:*

- Từ thế kỉ XVI đến cuối thế kỉ XVIII, chế độ phong kiến đang trên đà suy tàn, giáo lí của Kitô giáo đã trở nên lỗi thời, gây cản trở cho sự phát triển của xã hội, điều đó đã tạo điều kiện để các ngành văn học, nghệ thuật, tư tưởng mới lần lượt ra đời, có vai trò nhất định trong việc tấn công vào dinh lũy của chế độ phong kiến: phê phán mạnh mẽ nhà thờ Kitô giáo và tố cáo những tội ác, sự suy đồi của nền quân chủ chuyên chế; đồng thời hình thành quan điểm, tư tưởng của con người tư sản, góp phần vào cuộc đấu tranh nhằm lật đổ chế độ phong kiến.

- Những nhà văn hoá tiến bộ trong thời kì này trở thành những chiến sĩ tiên phong trên mặt trận văn hoá, tư tưởng chống chế độ phong kiến.

* *Thành tựu:*

- Về văn học:

+ Pi-e Coóc-nay, đại biểu xuất sắc của nền bi kịch cổ điển Pháp. Tác phẩm nổi tiếng nhất của ông là *Lơ Xít*, đề cập đến cuộc đấu tranh giữa dục vọng và lí trí, giữa tình cảm và nghĩa vụ...

+ La Phông-tên, là nhà thơ Pháp nổi tiếng. các tác phẩm ngụ ngôn của ông có ý nghĩa giáo dục đối với mọi lứa tuổi, mọi thời đại.

+ Mô-li-ê là tác giả hài kịch nổi tiếng của chủ nghĩa cổ điển Pháp.

- Về âm nhạc:

+ Có Bét-tô-ven nhà soạn nhạc thiên tài người Đức.

+ Có Mô-da nhà soạn nhạc vĩ đại người Áo.

- Về hội hoạ: có nhà hoạ sĩ, hoạ đồ nổi tiếng Rem-bran người Hà Lan.

- Về tư tưởng: có trào lưu tư tưởng Ánh sáng, có vai trò quan trọng đối với thắng lợi của Cách mạng tư sản Pháp.

2. Những thành tựu văn học, nghệ thuật từ đầu thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX

* *Về văn học:*

Tác giả	Tác phẩm nổi tiếng	Nội dung
Vích-to Huy-gô	Nhà thờ Đức Bà Pa-ri, Những người khốn khổ.	Thể hiện lòng yêu thương vô hạn đối với những người đau khổ, mong tìm những giải pháp đem lại hạnh phúc cho họ.

Lép Tôn-xtôi	Chiến tranh và Hoà bình, An-na Ka-rê-ni-a, Phục sinh.	Phê phán trật tự xã hội Nga hoàng, ca ngợi phẩm chất của nhân dân Nga trong cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
Gô-gôn	Những linh hồn chết.	Phản ánh đầy đủ, chân xác tình hình nước Nga phong kiến.
Mác Tuên	Những người I-nô-xăng đi du lịch, Những cuộc phiêu lưu của Tôm Xoay-ơ.	Miêu tả cuộc sống chân thực của xã hội Mĩ thế kỉ XIX, thể hiện lòng yêu thương con người, trước hết là nhân dân lao động nghèo khổ.
Lỗ Tấn	Nhật kí người điên, AQ chính truyện.	Chống lễ giáo và đạo đức phong kiến.
Hô-xê Ri-dan	Đụng đụng vào tôi.	Tố cáo tội ác của kẻ xâm lược và miêu tả cuộc kháng chiến giành độc lập của nhân dân Phi-líp-pin.

* *Về nghệ thuật:*

- Cung điện Véc-xai được hoàn thành vào năm 1708, trở thành một công trình kiến trúc đặc sắc.

- Nhiều tác phẩm mỹ thuật nổi tiếng được trưng bày ở các bảo tàng lớn đều được xây dựng vào thời cận đại.

- Nhiều hoạ sĩ, điêu khắc nổi tiếng thời kì này như: Rô-danh, Rơ-noa..

* *Về âm nhạc:* nổi bật là Trai-cốp, một trong những nhà điển hình của nền âm nhạc hiện thực thế giới lúc bấy giờ.

3. Trào lưu tư tưởng tiến bộ và sự ra đời, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX

- *Hoàn cảnh:*

+ Từ giữa thế kỉ XIX chủ nghĩa tư bản bước vào giai đoạn phát triển, gây ra nhiều đau khổ cho nhân dân lao động. Một số nhà tư tưởng tiến bộ đương thời đã nghĩ đến xây dựng một xã hội mới, không có tư hữu, không có bóc lột. tiêu biểu là Xanh Xi-mông, Phu-ri-ê, Ô-oen. Song họ chỉ là những nhà không tưởng.

+ Tiếp đó là sự xuất hiện của các hà triết học Hê-ghen và Phoi-ơ-bách đã có ảnh hưởng nhất định đến Mác và Ăng-ghen.

+ Khoa kinh tế - Chính trị cổ điển Anh cũng có tác động mạnh đến tư tưởng của Mác và Ăng-ghen.

+ Cùng với sự phát triển của phong trào công nhân, học thuyết chủ nghĩa xã hội khoa học ra đời, do Mác, Ăng-ghen sáng lập.

- *Cơ sở hình thành chủ nghĩa xã hội khoa học:*

+ Thành tựu khoa học xã hội và khoa học tự nhiên của loài người.

+ Nổi bật nhất là định luật bảo toàn và chuyển hoá năng lượng, học thuyết về tế bào, định luật tiến hoá của các giống loài, các trào lưu triết học cổ điển Đức, học thuyết kinh tế - chính trị ở Anh và lí luận về chủ nghĩa xã hội ở Pháp.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Hãy khoanh tròn một chữ in hoa đứng trước câu trả lời đúng.

1. Trong bối cảnh lịch sử từ giữa thế kỉ XVI đến cuối thế kỉ XVIII được gọi là

- A. Buổi đầu thời cận đại. B. Kết thúc thời cận đại.
C. Trung kì thời cận đại. D. Buổi đầu thời hiện đại.

2. Ai là đại biểu xuất sắc nhất của nền bi kịch cổ đại ở Pháp thế kỉ XVII?

- A. Lơ Xít. B. Pi-e Coóc- nây.
C. La Phông tên. D. Mô-li-e.

3. Nhà thơ nổi tiếng ở Pháp thế kỉ XVII là ai?

- A. Mô-li-e. B. Pu-skin. C. Ban-dắc. D. La Phông tên.

4. Trong sự phát triển chung của văn hoá châu Âu thời cận đại đã xuất hiện một thiên tài Bét-tô-ven. Ông là ai?

- A. Nhà văn học vĩ đại người Áo.
B. Nhà bi kịch nổi tiếng người Pháp.
C. Nhà soạn nhạc thiên tài người Đức.
D. Nhà hoạ sĩ nổi tiếng người Ba Lan.

5. Những ai được xem như “những người đi trước dọn đường cho Cách mạng Pháp 1789 thắng lợi”.

- A. Mông-téc-ki-ơ, Rút-xô.
B. Mông-téc-ki-ơ, Rút-xô, Vôn-te.
C. Mông-téc-ki-ơ, Rút-xô, Vôn-te, Mê-li-ê.
D. Các nhà Triết học Ánh sáng thế kỉ XVII-XVIII.

6. Từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX là thời kì đánh dấu:

- A. Sự khủng hoảng của chế độ phong kiến.
B. Sự thắng lợi hoàn toàn của chủ nghĩa tư bản đối với chế độ phong kiến trên phạm vi toàn thế giới.
C. Sự phát triển của chủ nghĩa thực dân phương Tây.
D. Tất cả đều đúng.

7. Hai tác phẩm nổi tiếng như “Nhà thờ Đức Bà Pa-ri” và “Những người khốn khổ” của tác giả nào?

- A. Ban-dắc. B. Vích-to Huy-gô.
C. Lép Tôn-xtôi. D. Mác-xim Goóc-ki.

8. Hành động cụ thể thể hiện chủ nghĩa nhân đạo của Vích-to Huy-gô là

- A. Cứu vớt con người bằng lòng tin.
B. Kêu gọi người giàu giúp đỡ người nghèo.

C. Dùng tình thương để cải tạo xã hội.

D. Câu B và C đúng.

9. Ai là người được Lê-nin đánh giá là “tấm gương phản chiếu cách mạng Nga”?

- A. Gô-gôn. B. Lép Tôn-xtôi.
C. Mác-xim Goóc-ki. D. Vích-to Huy-gô.

10. Tác phẩm nào của Gô-gôn đã phản ánh đầy đủ, chân xác tình hình nước Nga phong kiến?

- A. Chiến tranh và Hoà bình. B. Những người khốn khổ.
C. Những linh hồn chết. D. Nhật kí người điên.

11. Tác phẩm nổi tiếng AQ chính truyện của nhà văn nào?

- A. Hô-xê Mác-ti. B. Lỗ Tấn.
C. Hô-xê Ri-dan. D. Lép Tôn-xtôi.

12. Hê-ghen là một nhà triết học nổi tiếng của Đức, ông theo quan điểm nào dưới đây:

- A. Duy vật biện chứng. B. Duy tâm chủ quan.
C. Duy tâm khách quan. D. Duy vật chủ quan.

13. Quan điểm triết học của Phoi-ơ-bách là

- A. Duy vật biện chứng. B. Duy tâm chủ quan.
C. Duy tâm khách quan. D. Duy vật siêu hình.

14. Các đại biểu nổi tiếng của khoa kinh tế - chính trị ở Anh là

- A. Hê-ghen và Phoi-ơ-bách. B. Adam Xmit và Ri-các-đô.
C. Xanh-xi-mông và Phu-ri-ê. D. Adm Xmit và Phu-ri-ê.

15. Học thuyết của chủ nghĩa xã hội khoa học ra đời, do ai sáng lập

- A. Các Mác và Ăng-ghen. B. Các Mác và Lê-nin.
C. Lê-nin và Xta-lin. D. Hê-ghen và Phoi-ơ-bách.

16. Các tác gia kinh điển của chủ nghĩa xã hội khoa học xây dựng học thuyết của mình trên quan điểm lập trường của:

- A. Giai cấp công nhân. B. Giai cấp tư sản.
C. Giai cấp nông dân. D. Tầng lớp tiểu tư sản.

Bài 23.

ÔN TẬP LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. THẮNG LỢI CỦA CÁCH MẠNG TƯ SẢN VÀ XÁC LẬP CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

1. Nguyên nhân bùng nổ các cuộc cách mạng tư sản thời cận đại

- Nguyên nhân chung:

+ Sự hình thành mầm mống của lực lượng sản xuất chủ nghĩa tư bản trong lòng chế độ phong kiến.

+ Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất tư bản chủ nghĩa với quan hệ sản xuất phong kiến ngày càng gay gắt.

- *Duyên cớ*: Không giống nhau giữa các nước. Ví dụ: cách mạng tư sản Anh do vua Sác-lơ I tập hợp lực lượng chống Quốc hội; Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mĩ nổ ra nhân sự kiện “chè Bô-xton”...

2. Hình thức của các cuộc cách mạng cũng không giống nhau

Chiến tranh giải phóng dân tộc (Hà Lan); Nội chiến (Cách mạng tư sản Anh); Chiến tranh cách mạng bảo vệ Tổ quốc (Bắc Mĩ); Đấu tranh thống nhất đất nước (Đức, I-ta-li-a); Cải cách (Nga, Nhật Bản)...

3. Những sự kiện lịch sử chính

Thời gian	Sự kiện	Kết quả
8-1566	Cách mạng Hà Lan	Lật đổ ách thống trị của vương quốc Tây Ban Nha.
1640-1688	Cách mạng tư sản Anh	Mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển, đem lại quyền lợi cho quý tộc mới và tư sản.
1775-1783	Chiến tranh giành độc lập của các thuộc Anh ở Bắc Mĩ.	Giành độc lập, Hợp chủng quốc Hoa Kì ra đời.
1789-1794	Cách mạng tư sản Pháp	Lật đổ chế độ phong kiến, đưa giai cấp tư sản lên cầm quyền, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.
Những năm 60 thế kỉ XVIII	Cách mạng công nghiệp.	Máy móc ra đời.
2-1848	Tuyên ngôn Đảng Cộng sản.	Là văn kiện quan trọng của chủ nghĩa xã hội khoa học.
28-9-1864	Quốc tế thứ nhất thành lập.	Truyền bá học thuyết Mác.
1871	Công xã Pa-ri.	Nhà nước vô sản đầu tiên trên thế giới.
Cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX	- Chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc. - Phong trào công nhân quốc tế - Cách mạng 1905-1907 ở Nga.	- Sự hình thành các công ti độc quyền. - Các tổ chức chính trị độc lập của công nhân các nước ra đời. Quốc tế hai. - Thất bại.
1911	Cách mạng Tân Hợi (Trung Quốc).	Thành lập Trung Hoa dân quốc.
1-1868	Cuộc Duy tân Minh Trị.	Nhật Bản phát triển tư bản chủ nghĩa.
1914-1918	Chiến tranh thế giới thứ nhất.	Thuộc địa thế giới được chia lại.

II. NHỮNG MÂU THUẪN CƠ BẢN CỦA CHẾ ĐỘ TƯ BẢN CHỦ NGHĨA, PHONG TRÀO CÔNG NHÂN, PHONG TRÀO CHỐNG THỰC DÂN XÂM LƯỢC

1. Những mâu thuẫn cơ bản

- Mâu thuẫn giữa tư sản, các tầng lớp nhân dân với chế độ phong kiến ngày càng gay gắt dẫn đến những cuộc cách mạng tư sản.
- Mâu thuẫn giữa tư sản và vô sản.

2. Phong trào đấu tranh của công nhân ngày càng phát triển

- Chủ nghĩa xã hội khoa học ra đời đã dẫn dắt phong trào đấu tranh của công nhân ngày càng giành được thắng lợi.
- Những năm cuối thế kỉ XIX, phong trào công nhân thế giới phát triển với các cuộc đấu tranh mạnh mẽ diễn ra ở nhiều nước tư bản, sự ra đời của các tổ chức quần chúng và các đảng của giai cấp công nhân, việc thành lập và hoạt động của Quốc tế thứ nhất, Quốc tế thứ hai... đã đưa đến thắng lợi trong Công xã Pa-ri, phong trào công nhân Si-ca-gô ở Mĩ, Cách mạng 1905-1907 ở Nga, đỉnh cao là Cách mạng tháng Mười Nga 1917.

3. Phong trào chống thực dân xâm lược

- Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân của nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc cũng diễn ra sôi nổi.
- Các cuộc đấu tranh này cuối cùng bị thất bại do thiếu đường lối đấu tranh đúng đắn, không có giai cấp tiên tiến lãnh đạo.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Hãy khoanh tròn một chữ in hoa đứng trước câu trả lời đúng.

- 1. Cuộc cách mạng tư sản đầu tiên trong lịch sử là cuộc cách mạng nào?**
- A. Cách mạng tư sản Anh.
B. Cách mạng tư sản Hà Lan.
C. Cách mạng tư sản Pháp.
D. Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ.
- 2. Sự kiện nào kết thúc thời kì lịch sử thế giới cận đại?**
- A. Cách mạng tư sản Pháp.
B. Cách mạng tháng Mười Nga.
C. Chiến tranh thế giới lần thứ nhất.
D. Cách mạng tháng Hai ở Nga.
- 3. Trong các cuộc cách mạng tư sản ở châu Âu, cuộc cách mạng nào triệt để nhất?**
- A. Cách mạng tư sản Hà Lan.
B. Cách mạng tư sản Anh.
C. Cách mạng tư sản Pháp.
D. Cách mạng tư sản Đức.
- 4. Cuộc cách mạng tư sản Hà Lan diễn ra trong khoảng thời gian nào?**
- A. Từ năm 1566 đến năm 1572.
B. Từ năm 1567 đến năm 1572.
C. Từ năm 1568 đến năm 1648.
D. Từ năm 1566 đến năm 1648.

5. Cuộc cách mạng tư sản Anh giữa thế kỉ XVII diễn ra dưới hình thức nào?

- A. Một cuộc nội chiến.
- B. Một cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc.
- C. Cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc kết hợp với nội chiến.
- D. Một cuộc cải cách theo hướng tư bản chủ nghĩa.

6. Trong các thế kỉ XVII - XIX có khoảng bao nhiêu cuộc khởi nghĩa của nô lệ da đen ở Bắc Mỹ?

- A. 300 cuộc khởi nghĩa.
- B. 250 cuộc khởi nghĩa.
- C. 100 cuộc khởi nghĩa.
- D. 150 cuộc khởi nghĩa.

7. Cuộc chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ giống với cách mạng tư sản Hà Lan ở điểm nào?

- A. Đều là cuộc nội chiến kết hợp với chiến tranh giải phóng dân tộc.
- B. Đều là cuộc cách mạng tư sản chống lại chế độ phong kiến, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.
- C. Đều là cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc.
- D. Đều có cùng kẻ thù là thực dân Anh và bọn phong kiến.

8. Nền Cộng hòa thứ nhất ở Pháp được thành lập và tồn tại trong khoảng thời gian nào?

- A. Từ năm 1789 đến năm 1792.
- B. Từ năm 1792 đến năm 1798.
- C. Từ năm 1793 đến năm 1799.
- D. Từ năm 1792 đến năm 1799.

9. "Như một cây chổi khổng lồ quét sạch mọi rác rưởi ở châu Âu". Câu nói đó gắn với cuộc cách mạng tư sản nào thời cận đại?

- A. Cách mạng tư sản Hà Lan.
- B. Cách mạng tư sản Anh.
- C. Cách mạng tư sản Pháp.
- D. Tất cả các cuộc cách mạng trên.

10. Điểm chung giống nhau về lực lượng cách mạng của cách mạng tư sản Hà Lan, cách mạng tư sản Anh và cách mạng tư sản Pháp là:

- A. Tư sản và quý tộc mới.
- B. Quần chúng nhân dân.
- C. Tư sản và công nhân.
- D. Tư sản, quý tộc mới, công nhân và nông dân.

11. Cách mạng tư sản Pháp từ khi bùng nổ đến khi đạt đỉnh cao diễn ra trong khoảng thời gian nào?

- A. Từ năm 1789 đến năm 1793.
- B. Từ năm 1789 đến năm 1792.
- C. Từ năm 1789 đến năm 1795.
- D. Từ năm 1789 đến năm 1794.

12. Cách mạng công nghiệp ở Anh và quá trình công nghiệp hóa ở châu Âu diễn ra vào thời gian nào?

- A. Thế kỉ XVII.
- B. Thế kỉ XVIII.
- C. Thế kỉ XIX.
- D. Thế kỉ XX.

13. Hệ quả xã hội của cuộc cách mạng công nghiệp ở Anh, Pháp, Đức cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX là gì?

- A. Giai cấp tư sản hình thành và ngày càng có thế lực trong xã hội.
- B. Chủ nghĩa tư bản đã trở thành chủ nghĩa đế quốc.
- C. Sự phân chia xã hội thành hai giai cấp đối lập nhau - giai cấp tư sản và giai cấp vô sản.
- D. Xã hội phân hóa giàu nghèo rõ nét.

14. Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, tình hình các nước tư bản chủ nghĩa ở Âu - Mỹ như thế nào?

- A. Các nước Âu - Mỹ ra sức cạnh tranh với nhau quyết liệt.
- B. Các nước Âu - Mỹ đã phát triển mạnh mẽ về kinh tế và ổn định về chính trị.
- C. Các nước Âu - Mỹ chuyển lên giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.
- D. Các nước Âu - Mỹ lần lượt lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế.

15. Vào giữa thế kỉ XIX, nước nào được mệnh danh là "con hổ đói đến bàn tiệc muộn"?

- A. Nước Anh.
- B. Nước Pháp.
- C. Nước Mỹ.
- D. Nước Đức.

16. Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, chủ nghĩa đế quốc nước nào được gọi là chủ nghĩa đế quốc cho vay lãi?

- A. Nước Anh.
- B. Nước Pháp.
- C. Nước Đức.
- D. Nước Mỹ.

17. Vì sao cho trong chế độ tư bản chủ nghĩa vẫn chứa đựng nhiều mâu thuẫn?

- A. Chế độ tư bản chủ nghĩa vẫn là chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, thay thế hình thức bóc lột này bằng hình thức bóc lột khác.
- B. Chế độ tư bản chủ nghĩa là một bước thụt lùi so với chế độ phong kiến.
- C. Chế độ tư bản chủ nghĩa là bước đầu của chủ nghĩa đế quốc, gây chiến tranh xâm lược các nước thuộc địa.
- D. Tất cả các lí do trên.

18. Mâu thuẫn cơ bản trong xã hội tư bản chủ nghĩa là gì?

- A. Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp phong kiến.
- B. Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp nông dân.
- C. Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp công nhân.
- D. Tất cả các mâu thuẫn trên.

19. "Sống trong lao động hoặc chết trong chiến đấu!", đó là khẩu hiệu đấu tranh của công nhân nước nào ở nửa đầu thế kỉ XIX?

- A. Nước Anh.
- B. Nước Pháp.
- C. Nước Đức.
- D. Nước Mỹ.

20. Phong trào đấu tranh tiêu biểu nhất của công nhân nước Đức nửa đầu thế kỉ XIX là phong trào nào?

- A. Phong trào Li-ông.
- B. Phong trào Hiến chương.
- C. Phong trào Sơ-lê-din.
- D. Tất cả các phong trào đó.

21. "Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại", đó là chủ trương của:

- A. Quốc tế thứ nhất.
- B. Quốc tế thứ hai.
- C. Mác và Ăng-ghe-n trong Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản.
- D. Quốc tế thứ ba.

22. Một cuộc tấn công "chọc trời" của giai cấp vô sản diễn ra vào ngày 18 - 3 - 1871, đó là sự kiện nào?

- A. Phong trào Hiến chương ở Anh.
- B. Phong trào Sơ-lê-din ở Đức.
- C. Phong trào Li-ông ở Pháp.
- D. Công xã Pa-ri (Pháp).

23. "Ngày chủ nhật đẫm máu" gắn với sự kiện lịch sử nước nào đầu thế kỉ XX?

- A. Cách mạng Đức.
- B. Cách mạng Nga.
- C. Công xã Pa-ri (Pháp).
- D. Phong trào đấu tranh của công nhân Anh.

24. Vì sao cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, Nhật Bản thoát khỏi số phận một nước thuộc địa của phương Tây?

- A. Nhờ Nhật Bản có tốc độ phát triển kinh tế nhanh.
- B. Nhờ Nhật Bản đã xóa bỏ chế độ phong kiến.
- C. Nhờ cuộc cải cách Minh trị.
- D. Nhờ Nhật Bản không có thị trường rộng lớn như các nước ở châu Á.

25. Số phận chung của Ấn Độ và Trung Quốc giữa thế kỉ XIX là gì?

- A. Bị thực dân Pháp xâm lược.
- B. Bị thực dân Anh xâm lược.
- C. Bị thực dân Tây Ban Nha can thiệp sâu vào nội bộ.
- D. Bị thực dân Bồ Đào Nha thôn tính.

26. Nước nào ở Đông Nam Á không bị rơi vào tình trạng thuộc địa của chủ nghĩa tư bản phương Tây vào cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX?

- A. In-đô-nê-xi-a.
- B. Phi-lip-pin.
- C. Thái Lan.
- D. Mã Lai.

Phần hai

LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI (1917-1945)

Chương VIII

CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGÀ NĂM 1917 VÀ CÔNG CUỘC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở LIÊN XÔ (1921-1941)

Bài 24. CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGÀ NĂM 1917 VÀ CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ CÁCH MẠNG (1917-1921)

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGÀ NĂM 1917

1. Tình hình nước Nga trước cách mạng

- Đầu thế kỉ XX, Nga vẫn là một nước quân chủ chuyên chế, đứng đầu là Nga hoàng Ni-cô-lai II.

- Sự tồn tại của chế độ quân chủ và những tàn tích phong kiến đã kìm hãm nặng nề sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga.

- Năm 1914, Nga hoàng đã đẩy nhân dân Nga vào cuộc chiến tranh đế quốc, gây nên những hậu quả nghiêm trọng cho đất nước.

- Phong trào phản đối chiến tranh, đòi lật đổ chế độ Nga hoàng lan rộng khắp trong nước. Chính phủ Nga hoàng ngày càng tỏ ra bất lực, không còn khả năng tiếp tục thống trị được nữa. Nước Nga đã tiến sát tới một cuộc cách mạng.

2. Cách mạng dân chủ tư sản tháng hai

- Tháng 2-1917 (theo lịch Nga), cuộc cách mạng dân chủ tư sản bùng nổ ở Nga.

+ Cuộc biểu tình ngày 23-2 của 9 vạn nữ công nhân ở Thủ đô Pê-tơ-rô-grát.

+ Ngày 27-2, phong trào nhanh chóng lan rộng toàn thành phố và chuyển từ tổng bãi công chính trị sang khởi nghĩa vũ trang. Quân khởi nghĩa chiếm được các công sở, bắt các tướng tá của Nga hoàng. Chế độ quân chủ chuyên chế sụp đổ.

- Tin thắng lợi của cuộc khởi nghĩa ở Thủ đô đã bay nhanh khắp trong nước. Chỉ trong vòng 8 ngày, trên phạm vi cả nước, quần chúng nhân dân đã vùng dậy lật đổ chế độ cũ. Nước Nga trở thành nước cộng hòa.

- Cách mạng dân chủ tư sản tháng Hai thắng lợi. Tuy nhiên, một tình hình chính trị phức tạp chưa từng có đã diễn ra ở nước Nga. Đó là tình trạng hai chính quyền song song tồn tại.

- Hai chính quyền này đại diện cho lợi ích của các giai cấp khác nhau nên không thể cùng tồn tại. Trước tình hình đó, Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vich đã chuẩn bị kế hoạch tiếp tục làm cách mạng, lật đổ Chính phủ tư sản lâm thời.

3. Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười

- Tháng 4-1917, Lê-nin thông qua Luận cương tháng Tư, chỉ ra mục tiêu, đường lối chuyển biến từ cách mạng dân chủ tư sản sang cách mạng xã hội chủ nghĩa.

- Ngày 7-10, Lê-nin từ Phần Lan về Pê-tơ-rô-grát, trực tiếp chỉ đạo cách mạng.

- Cuộc khởi nghĩa bắt đầu đêm 24-10 (6-11). Các đội Cận vệ đã nhanh chóng chiếm được những vị trí then chốt ở Thủ đô. Đêm 25-10 (7-11), quân khởi nghĩa chiếm cung điện Mùa Đông. Chính phủ tư sản lâm thời sụp đổ.

- Tiếp theo thắng lợi ở Pê-tơ-rô-grát, chính quyền Xô viết được thành lập ở Mát-xcơ-va. Đầu năm 1918, cách mạng xã hội chủ nghĩa giành được thắng lợi trên đất nước Nga rộng lớn.

II. CUỘC ĐẤU TRANH XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN XÔ VIẾT

1. Xây dựng chính quyền Xô viết

- Ngay trong đêm 25-10 (7-11), Đại hội Xô viết toàn Nga lần thứ hai khai mạc ở điện Xmô-nui đã tuyên bố thành lập chính quyền Xô viết do Lê-nin đứng đầu. Nhiệm vụ hàng đầu của chính quyền Xô viết là đập tan bộ máy nhà nước cũ của giai cấp tư sản và địa chủ, khẩn trương xây dựng bộ máy nhà nước mới của những người lao động.

- Các cơ quan trung ương và Xô viết các địa phương được thành lập, chính quyền tư sản, địa chủ các cấp đều bị bãi bỏ.

- Cuối tháng 11-1917, chính quyền Xô viết bước đầu quốc hữu hoá các nhà máy, xí nghiệp của giai cấp tư sản. Tháng 12-1917, Hội đồng kinh tế quốc dân tối cao được thành lập.

2. Cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền Xô viết

- Cuối năm 1918, quân đội 14 nước đế quốc cấu kết với lực lượng phản cách mạng trong nước mở cuộc tấn công vũ trang nhằm tiêu diệt nước Nga Xô viết non trẻ. Trong suốt ba năm (1918-1920), nhân dân Xô viết đã tập trung toàn bộ sức lực tiến hành cuộc chiến đấu chống thù trong, giặc ngoài trong những điều kiện vô cùng khó khăn để giữ vững chính quyền Xô viết.

- Từ năm 1919 nước Nga thực hiện Chính sách cộng sản thời chiến nhằm huy động tối đa mọi nguồn của cải, nhân lực của đất nước phục vụ cho cuộc chiến đấu chống thù trong, giặc ngoài. Vừa chiến đấu, vừa xây dựng. Hồng quân và nhân dân Xô viết đã từng bước đẩy lùi các cuộc tấn công của lực lượng phản cách mạng trong và ngoài nước. Năm 1920, chiến sự chấm dứt, Nhà nước Xô viết được bảo vệ và giữ vững.

3. Ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Mười

- Cách mạng tháng Mười đã làm thay đổi hoàn toàn vận mệnh đất nước và số phận của hàng triệu con người ở Nga. Một kỉ nguyên mới đã mở ra cho lịch sử nước Nga: Giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc được giải phóng khỏi mọi ách áp bức, bóc lột, đứng lên làm chủ đất nước và vận mệnh của mình.

- Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười đã làm thay đổi cục diện thế giới cổ vũ mạnh mẽ và để lại nhiều bài học quý giá cho phong trào cách mạng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Hãy khoanh tròn một chữ in hoa đứng trước câu trả lời đúng.

1. Đầu thế kỉ XX, đứng đầu Nhà nước quân chủ chuyên chế ở Nga là ai?

- A. Nga hoàng Ni-cô-lai I. C. Nga hoàng Ni-cô-lai III.
B. Nga hoàng Ni-cô-lai II. D. Nga hoàng đại đế.

2. Nga hoàng tham gia Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918) đã đẩy nước Nga vào tình trạng:

- A. Khủng hoảng trầm trọng về kinh tế.
B. Nạn thất nghiệp tăng nhanh, nạn đói xảy ra trầm trọng.
C. Khủng hoảng trầm trọng về kinh tế, chính trị - xã hội.
D. Bị các nước đế quốc thôn tính.

3. Đầu thế kỉ XX, nước Nga đứng trước tình thế gì?

- A. Bùng nổ cuộc cách mạng để xóa bỏ chế độ Nga hoàng.
B. Các nước đế quốc lần lượt thôn tính Nga.
C. Chính phủ Nga hoàng sắp bị sụp đổ.
D. Kinh tế bị khủng hoảng trầm trọng.

4. Ngày 23 - 2 - 1917 diễn ra sự kiện lịch sử gì ở Nga?

- A. Cuộc bãi công của công nhân nổ ra khắp thành phố.
B. Hơn 66 nghìn binh lính đã đứng về phía cách mạng.
C. Cuộc biểu tình của 90 nghìn nữ công nhân ở Pê-ti-rô-grát.
D. Nga hoàng Ni-cô-lai II tuyên bố thoái vị.

5. Giai cấp tư sản Nga thành lập Chính phủ lâm thời vào thời gian nào?

- A. Tháng 2 - 1917. C. Tháng 4 - 1917.
B. Tháng 3 - 1917. D. Tháng 6 - 1917.

6. Cách mạng tháng Hai năm 1917 ở Nga đã giải quyết được nhiệm vụ chính gì?

- A. Đưa nước Nga thoát khỏi cuộc chiến tranh đế quốc.
B. Đánh bại chế độ Nga hoàng và giai cấp tư sản.
C. Giải quyết được vấn đề ruộng đất, một vấn đề cấp thiết của nông dân.
D. Lật đổ chế độ Nga hoàng.

7. Sau Cách mạng tháng Hai, cục diện hai chính quyền song song tồn tại ở Nga, đó là chính quyền nào?

- A. Chính phủ lâm thời của giai cấp tư sản và các Xô viết của giai cấp vô sản.
B. Chính phủ Cộng hòa của giai cấp tư sản và chính phủ công nông của giai cấp vô sản.

- C. Chính phủ lập hiến của giai cấp tư sản và chính phủ chuyên chế của Nga hoàng.
D. Chính phủ dân chủ tư sản và chính phủ dân chủ vô sản.
- 8. Đại biểu của các Xô viết ở Nga là những thành phần nào?**
A. Công nhân, nông dân và thợ thủ công.
B. Công nhân, nông dân và binh lính.
C. Tư sản, quý tộc mới và binh lính.
D. Tư sản, công nhân, nông dân.
- 9. Văn kiện nào của Lê-nin chỉ ra mục tiêu và đường lối chuyển từ cách mạng dân chủ tư sản sang cách mạng xã hội chủ nghĩa?**
A. Báo Tia lửa.
B. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Bôn-sê-vích do Lê-nin khởi thảo.
C. Luận cương tháng Tư.
D. Luận cương tháng Mười.
- 10. Cách mạng tháng Hai năm 1917 ở Nga là một cuộc cách mạng gì?**
A. Cách mạng dân chủ tư sản.
B. Cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.
C. Cách mạng giải phóng dân tộc.
D. Cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân.
- 11. Để chuyển toàn bộ chính quyền về tay các Xô viết, trong 8 tháng đầu (từ tháng 2 đến tháng 9) Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích chủ trương đấu tranh bằng phương pháp gì?**
A. Đấu tranh hòa bình.
B. Đấu tranh bạo lực.
C. Đấu tranh vũ trang.
D. Kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.
- 12. Trải qua 8 tháng đầu đấu tranh, mục tiêu của Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích là gì?**
A. lật đổ chính phủ lâm thời của giai cấp tư sản.
B. Chuyển cách mạng dân chủ tư sản sang cách mạng xã hội chủ nghĩa.
C. Tập hợp lực lượng quần chúng đông đảo để đủ sức lật đổ giai cấp tư sản.
D. Tất cả các mục tiêu trên.
- 13. Ngày 7 - 10 - 1917, diễn ra sự kiện lịch sử gì ở Nga?**
A. Lê-nin thông qua Luận cương tháng Mười.
B. Lê-nin bí mật từ Pê-rô-rô-grát về Mat-xcơ-va, trực tiếp chỉ đạo cách mạng.
C. Quân khởi nghĩa tấn công vào cung điện Mùa Đông.
D. Lê-nin bí mật từ Phần Lan về Pê-tơ-rô-grát, trực tiếp chỉ đạo cách mạng.
- 14. Cuộc khởi nghĩa ở Pê-tơ-rô-grát giành được thắng lợi vào thời gian nào?**
A. Ngày 07 - 10 - 1917.
B. Ngày 20 - 10 - 1917.
C. Ngày 24 - 10 - 1917.
D. Ngày 25 - 10 - 1917.

- 15. Tiếp theo thắng lợi ở Pê-tơ-rô-grát, chính quyền Xô viết được thành lập ở đâu?**
A. Xta-lin-grát.
B. Mát-xcơ-va.
C. Điện Xmô-nui.
D. Toàn nước Nga.
- 16. Sau thắng lợi của Cách mạng tháng Mười, nhiệm vụ hàng đầu của chính quyền Xô viết là gì?**
A. Đập tan bộ máy Nhà nước cũ của giai cấp tư sản và địa chủ, xây dựng bộ máy Nhà nước mới.
B. Đập tan chính phủ lâm thời của giai cấp tư sản.
C. Tiến hành công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.
D. Đấu tranh chống thù trong, giặc ngoài để bảo vệ chính quyền Xô viết.
- 17. Đại hội Xô viết toàn Nga lần thứ nhất khai mạc vào thời gian nào? Ở đâu?**
A. Khai mạc vào đêm 26 - 10 - 1917. Tại Pê-tơ-rô-grát.
B. Khai mạc vào đêm 25 - 10 - 1917. Tại Mát-xcơ-va.
C. Khai mạc vào đêm 25 - 10 - 1917. Tại điện Xmô-nui.
D. Khai mạc vào đêm 24 - 10 - 1917. Tại Mát-xcơ-va.
- 18. Tại Đại hội Xô viết toàn Nga, các sắc lệnh nào được thông qua?**
A. Sắc lệnh bánh mì và Sắc lệnh ruộng đất.
B. Sắc lệnh hòa bình và Sắc lệnh ruộng đất.
C. Sắc lệnh hòa bình và Sắc lệnh bánh mì.
D. Sắc lệnh hòa bình, Sắc lệnh bánh mì và Sắc lệnh ruộng đất.
- 19. Hội đồng kinh tế quốc dân tối cao ở Nga được thành lập vào thời gian nào?**
A. Tháng 11 - 1917.
B. Tháng 2 - 1918.
C. Tháng 12 - 1918.
D. Tháng 12 - 1917.
- 20. Khó khăn lớn nhất của nước Nga Xô viết từ năm 1918 đến năm 1920 là gì?**
A. Nền kinh tế bị kiệt quệ do chiến tranh tàn phá.
B. Chính quyền Xô viết mới thành lập, còn quá non trẻ.
C. 14 nước đế quốc cấu kết với bọn phản động trong nước mở cuộc tấn công vũ trang vào nước Nga.
D. Bọn phản động trong nước ngóc đầu dậy chống chính quyền cách mạng.
- 21. Trong hoàn cảnh đất nước bị bao vây, từ năm 1919 nước Nga thực hiện chính sách gì?**
A. Chính sách kinh tế mới.
B. Chính sách quốc phòng toàn dân.
C. Chính sách cộng sản thời chiến.
D. Chính sách tổng động viên.
- 22. "Giống như Mặt trời chói lọi, Cách mạng tháng Mười Nga chiếu sáng nhất năm châu, thức tỉnh hàng triệu hàng triệu người bị áp bức, bóc lột trên Trái Đất...". Câu nói đó của ai?**
A. Lê-nin.
B. Hồ Chí Minh.
C. Xta-lin.
D. Mao Trạch Đông.

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN**I. CHÍNH SÁCH KINH TẾ MỚI VÀ CÔNG CUỘC KHÔI PHỤC KINH TẾ (1921-1925)****1. Nước Nga Xô viết sau chiến tranh**

- Năm 1921, nước Nga Xô viết bước vào thời kì hòa bình xây dựng đất nước trong hoàn cảnh cực kì khó khăn:

- + Nền kinh tế quốc dân bị tàn phá nghiêm trọng.
- + Tình hình chính trị không ổn định, các lực lượng phản cách mạng điên cuồng chống phá, gây bạo loạn ở nhiều nơi.

- Nước Nga rơi vào tình trạng khủng hoảng về kinh tế - chính trị, đe dọa sự tồn tại của chính quyền Xô viết.

2. Chính sách kinh tế mới

- Nhằm khắc phục khủng hoảng, nhanh chóng hàn gắn vết thương chiến tranh và phát triển kinh tế. Đại hội lần thứ X Đảng Bôn-sê-vich vào tháng 3-1921 quyết định chuyển Chính sách cộng sản thời chiến sang Chính sách kinh tế mới.

- Nội dung Chính sách kinh tế mới:

- + Thay chế độ trưng thu lương thực thừa bằng thuế lương thực.
- + Cho phép tư nhân xây dựng những xí nghiệp nhỏ, khuyến khích tư bản nước ngoài đầu tư kinh doanh ở Nga.

+ Nhà nước nắm các mạch máu kinh tế.

+ Tư nhân được tự do buôn bán, trao đổi.

- Ý nghĩa:

- + Đưa nước Nga thoát khỏi khủng hoảng về kinh tế - chính trị.
- + Thể hiện sự chuyển đổi kịp thời, đầy sáng tạo từ nền kinh tế.
- + Chính sách kinh tế mới còn mang ý nghĩa quốc tế sâu sắc đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một số nước trên thế giới.

3. Sự thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết

- Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của V.I. Lê-nin, Đại hội lần thứ nhất các Xô viết toàn liên bang diễn ra cuối tháng 12-1922 đã tuyên bố thành lập Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết (gọi tắt là Liên Xô), gồm bốn nước cộng hòa Xô viết đầu tiên là Nga, U-crai-na, Bê-lô-rút-xi-a và ngoại Cáp-ca-dơ.

- Ngày 21-1-1924, V.I. Lê-nin, lãnh tụ vĩ đại của giai cấp vô sản, người đứng đầu Đảng và Nhà nước Xô viết, qua đời. Đó là một tổn thất to lớn đối với nhân dân Liên Xô, giai cấp công nhân quốc tế và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Sau khi Lê-nin mất, Xta-lin lên thay, tiếp tục lãnh đạo công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước Liên Xô trong những năm 1924-1953.

II. CÔNG CUỘC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở LIÊN XÔ (1925-1941)**1. Những kế hoạch 5 năm đầu tiên**

- Sau khi hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế, nhân dân Liên Xô bước vào thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội với nhiệm vụ trọng tâm là công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

- Công cuộc công nghiệp hóa ngày càng mở rộng đòi hỏi phải có những kế hoạch dài hạn với những mục tiêu cụ thể cho từng thời kì. Đó là những kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế - xã hội.

- Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1928-1932) và kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1933-1937) đều được hoàn thành trước thời hạn.

2. Những thành tựu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội

- Qua hai kế hoạch 5 năm, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, đưa Liên Xô từ một nước nông nghiệp lạc hậu trở thành một cường quốc công nghiệp xã hội chủ nghĩa. Năm 1937, sản lượng công nghiệp chiếm 77,4% tổng sản lượng quốc dân.

- Trong nông nghiệp, công cuộc tập thể hóa nông nghiệp đã đưa 93% số nông hộ với trên 90% diện tích canh tác vào nền nông nghiệp tập thể hóa, có quy mô sản xuất lớn và cơ sở vật chất - kĩ thuật được cơ giới hóa.

- Về văn hóa-giáo dục: Liên Xô đã thanh toán nạn mù chữ, xây dựng hệ thống giáo dục thống nhất, hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học trong cả nước và thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở ở các thành phố.

- Cùng với những biến đổi về kinh tế, cơ cấu giai cấp xã hội cũng thay đổi. Các giai cấp bóc lột bị xóa bỏ, chỉ còn lại hai giai cấp lao động là công nhân, nông dân tập thể và tầng lớp trí thức mới xã hội chủ nghĩa.

- Từ năm 1937, nhân dân Liên Xô tiếp tục thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ ba, nhưng công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội tạm thời bị gián đoạn bởi cuộc chiến tranh xâm lược của phát xít Đức tháng 6-1941.

3. Quan hệ ngoại giao của Liên Xô

- Sau Cách mạng tháng Mười, chính quyền Xô viết đã từng bước xác lập quan hệ ngoại giao với một số nước láng giềng ở châu Á và châu Âu.

- Tuy nhiên, tồn tại trong vòng vây thù địch của chủ nghĩa tư bản thế giới, Liên Xô đã kiên trì và bền bỉ đấu tranh trong quan hệ quốc tế, từng bước phá vỡ chính sách bao vây, cô lập về kinh tế và ngoại giao của các nước đế quốc.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Hãy khoanh tròn một chữ in hoa đứng trước câu trả lời đúng.

1. Nước Nga Xô viết bước vào thời kì hòa bình, xây dựng đất nước từ năm nào?

- A. Năm 1920. B. Năm 1921. C. Năm 1922. D. Năm 1924.

2. Nước Nga Xô viết đã từng trải qua bao nhiêu năm chiến tranh đế quốc và nội chiến?

- A. Bốn năm chiến tranh đế quốc và ba năm nội chiến.
B. Năm năm chiến tranh đế quốc và ba năm nội chiến.

C. Bốn năm chiến tranh đế quốc và hai năm nội chiến.

D. Ba năm chiến tranh đế quốc và bốn năm nội chiến.

3. Thiệt hại trong cuộc chiến tranh đế quốc và nội chiến ở nước Nga Xô viết như thế nào so với năm 1913?

A. Bằng 1/5 toàn bộ tài sản quốc gia năm 1913.

B. Bằng 1/2 toàn bộ tài sản quốc gia năm 1913.

C. Bằng 1/3 toàn bộ tài sản quốc gia năm 1913.

D. Bằng 1/4 toàn bộ tài sản quốc gia năm 1913.

4. Đại hội lần thứ X của Đảng Bôn-sê-vích Nga vào thời gian nào?

A. Tháng 2 - 1920.

C. Tháng 4 - 1922.

B. Tháng 3 - 1921.

D. Tháng 5 - 1924.

5. Trong chính sách kinh tế mới đã thay thế chế độ tương thu lương thực thừa bằng:

A. Thuế lương thực nộp bằng tiền.

B. Thuế lương thực nộp bằng công lao động.

C. Thuế lương thực nộp bằng hiện vật.

D. Thuế lương thực nộp hàng tháng.

6. Từ việc quốc hữu hóa các xí nghiệp, nhà máy của tư sản trong chính sách cộng sản thời chiến, đến khi thực hiện chính sách kinh tế mới được thay đổi như thế nào?

A. Trả hết toàn bộ nhà máy, xí nghiệp cho giai cấp tư sản.

B. Cho phép tư nhân được thuê hoặc xây dựng những xí nghiệp loại nhỏ (dưới 20 công nhân).

C. Khuyến khích tư bản nước ngoài vào xây dựng nhà máy, xí nghiệp trong nước.

D. Xây dựng các nhà máy, xí nghiệp do giai cấp vô sản quản lí.

7. Chính sách kinh tế mới ở Nga được bắt đầu từ ngành nào?

A. Công nghiệp.

C. Thương nghiệp

B. Thủ công nghiệp.

D. Nông nghiệp

8. Nội dung nào sau đây không phải là nội dung của chính sách kinh tế mới?

A. Thay thế chế độ trưng thu lương thực thừa bằng thuế cố định.

B. Nhà nước tập trung khôi phục công nghiệp nặng.

C. Nhà nước kiểm soát toàn bộ nền công nghiệp.

D. Nhà nước nắm các mạch máu kinh tế.

9. Liên bang Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Xô viết được thành lập vào thời gian nào?

A. Tháng 12 năm 1924.

C. Tháng 12 năm 1922.

B. Tháng 12 năm 1925.

D. Tháng 4 năm 1922.

10. Bốn nước đầu tiên trong Liên bang Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Xô viết là:

A. Nga, U-crai-na, Bê-la-rút-xi-a và Ngoại Cáp-ca-dơ.

B. Nga, Bê-la-rút-xi-a, Ca-dắc-xtan và Ngoại Cáp-ca-dơ.

C. Nga, U-crai-na, E-xtô-ni-a; U-crai-na và Lít-va.

D. Nga, U-crai-na, Lít-va, Bê-la-rút-xi-a.

11. Ngày 21 - 01- 1924 diễn ra sự kiện gì ở Liên Xô?

A. Đại hội lần thứ X của Đảng Bôn-sê-vích.

B. Đại hội lần thứ nhất các Xô viết toàn Liên bang Nga.

C. Lê-nin qua đời.

D. Liên Xô hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế.

12. Người kế tục cương vị lãnh đạo Đảng và Nhà nước Liên Xô từ năm 1924 đến năm 1953 là ai?

A. A-xta-kha-nốp.

C. Goóc-ba-chốp.

B. Xta-lin.

D. Vran-ghen.

13. Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất ở Liên Xô được tiến hành trong khoảng thời gian nào?

A. Từ năm 1926 đến năm 1930.

B. Từ năm 1927 đến năm 1931.

C. Từ năm 1928 đến năm 1932.

D. Từ năm 1933 đến năm 1937.

14. Nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất ở Liên Xô trong lĩnh vực nông nghiệp là gì?

A. Biến Liên Xô từ một nước nông nghiệp thành một nước công nghiệp.

B. Tiến hành tập thể hóa nông nghiệp.

C. Thực hiện công nghiệp hóa nông nghiệp.

D. Tất cả các nhiệm vụ trên.

15. Điểm giống nhau về thời gian trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất và lần thứ hai ở Liên Xô là:

A. Đều thực hiện trong 5 năm.

B. Đều hoàn thành kế hoạch trước thời hạn.

C. Đều hoàn thành trước thời hạn 6 tháng.

D. Đều hoàn thành trước thời hạn 9 tháng.

16. Năm 1937, sản lượng công nghiệp Liên Xô chiếm bao nhiêu % trong tổng sản phẩm quốc dân?

A. 87,4%.

B. 77,4%.

C. 80%.

D. 90%.

17. Liên Xô bước vào thời kì chiến tranh chống phát xít Đức vào thời gian nào?

A. Tháng 5 - 1942.

C. Tháng 6 - 1941.

B. Tháng 5 - 1941.

D. Tháng 6 - 1942.

18. Từ năm 1922 đến năm 1925, Liên Xô đã được các cường quốc nào đặt quan hệ ngoại giao?

A. Đức, Anh, I-ta-li-a, Pháp, Nhật.

B. Đức, Mĩ, Anh, Pháp.

C. Mĩ, Anh, Pháp, I-ta-li-a, Trung Quốc.

D. Đức, Anh, Pháp, Mĩ, Nhật.

CÁC NƯỚC TƯ BẢN CHỦ NGHĨA GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918-1939)

Bài 26

KHÁI QUÁT CÁC NƯỚC TƯ BẢN CHỦ NGHĨA GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 - 1939)

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. CÁC NƯỚC TƯ BẢN CHỦ NGHĨA TRONG NHỮNG NĂM 1918 - 1929

1. Những nét chung

- Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc, các nước tư bản tổ chức Hội nghị Véc-xai (1919-1920) và Hội nghị Oa-sinh-tơn để phân chia quyền lợi. Trật tự Véc - Oa hình thành.

- Mười năm sau chiến tranh, các nước tư bản phát triển qua 2 giai đoạn:

+ Giai đoạn 1918 - 1923: Các nước tư bản (trừ Mĩ) lâm vào tình trạng khủng hoảng.

+ Giai đoạn 1924 - 1929: Các nước tư bản bước vào thời kỳ ổn định và tăng trưởng nhưng có sự phát triển không đồng đều giữa các nước.

2. Phong trào cách mạng (1918 - 1929) ở các nước tư bản

- Những năm 1918 - 1923, một phong trào cách mạng đã bùng nổ ở các nước tư bản.

- Nguyên nhân:

+ Do hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ nhất, châu Âu là chiến trường chính, toàn bộ gánh nặng của chiến tranh đè lên vai những người lao động.

+ Do ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga.

- Đặc điểm nổi bật của phong trào:

+ Mang tính quần chúng rộng lớn.

+ Không dừng lại ở yêu sách kinh tế.

+ Thể hiện tính tích cực về chính trị, thành lập các nước Cộng hoà Xô viết.

- Những năm 1924 - 1929, phong trào công nhân tạm thời lắng xuống. Tuy thế các cuộc đấu tranh đòi cải thiện điều kiện làm việc, chế độ tiền lương, đòi tự do dân chủ vẫn tiếp diễn.

3. Quốc tế Cộng sản thành lập

- Hoàn cảnh:

+ Trong những năm 1918 - 1923, các Đảng Cộng sản lần lượt được thành lập ở các nước.

+ Sự phát triển nhanh chóng của phong trào cách mạng thế giới.

+ Trước tình đó, đòi hỏi phải có một tổ chức quốc tế để tập hợp lực lượng và chỉ đạo phong trào theo một đường lối đúng đắn.

+ Đáp ứng yêu cầu đó, tháng 3 năm 1919, Đại hội thành lập Quốc tế Cộng sản được tiến hành tại Mát-xcơ-va.

- Hoạt động:

+ Quốc tế Cộng sản tồn tại và hoạt động từ năm 1919 đến năm 1943.

+ Quốc tế Cộng sản tiến hành 7 Đại hội, đề ra đường lối cách mạng phù hợp với từng thời kỳ phát triển của cách mạng thế giới. Tiêu biểu là hai Đại hội:

* Đại hội lần II (1920), thông qua Luận cương về vai trò của Đảng Cộng sản, Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa do Lê-nin khởi thảo.

* Đại hội lần VII (1935), chỉ rõ nguy cơ của chủ nghĩa phát xít và kêu gọi các đảng cộng sản thành lập mặt trận thống nhất nhằm đấu tranh chống phát xít, chống chiến tranh.

- Năm 1943, Quốc tế Cộng sản tuyên bố giải tán.

II. CÁC NƯỚC TƯ BẢN CHỦ NGHĨA TRONG NHỮNG NĂM 1929 - 1939

1. Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 và hậu quả của nó

- Nguyên nhân:

+ Do sản xuất ào ạt, chạy đua theo lợi nhuận, hàng hoá ế thừa, ứ đọng.

+ Nhu cầu và sức mua của người dân không gia tăng tương ứng.

+ Cung vượt quá cầu, sự mất cân bằng về kinh tế trong nội bộ từng nước và sự phát triển không đồng đều giữa các nước tư bản chủ nghĩa.

- Quá trình khủng hoảng:

+ Tháng 10-1929, khủng hoảng nổ ra ở Mĩ, sau đó lan ra toàn bộ thế giới tư bản.

+ Đây là cuộc khủng hoảng thừa, khủng hoảng trầm trọng nhất, kéo dài nhất trong lịch sử các nước tư bản chủ nghĩa.

- Hậu quả:

+ Tàn phá kinh tế, gây ra hậu quả nghiêm trọng về chính trị xã hội.

+ Hàng chục vạn công nhân thất nghiệp, nông dân mất ruộng đất, sống trong cảnh nghèo đói, túng quẫn.

+ Nhiều cuộc đấu tranh của những người thất nghiệp diễn ra ở khắp các nước.

+ Đe dọa sự tồn tại của chủ nghĩa tư bản.

- Biện pháp giải quyết:

+ Đối với Anh, Pháp, Mĩ: tiến hành cải cách kinh tế- xã hội, đổi mới quá trình quản lý, tổ chức sản xuất.

+ Đối với Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản tìm kiếm lối thoát bằng hình thức thống trị mới. Đó là thiết lập các chế độ độc tài phát xít - nền chuyên chính khủng bố công khai của những thế lực phản động nhất, hiếu chiến nhất.

2. Phong trào Mặt trận nhân dân chống phát xít và nguy cơ chiến tranh

- Tháng 7 - 1935, Quốc tế Cộng sản tiến hành Đại hội lần thứ VII chỉ đạo cho các Đảng Cộng sản thành lập Mặt trận nhân dân chống phát xít.

- Thực hiện chủ trương của Quốc tế Cộng sản, Mặt trận nhân dân chống phát xít được thành lập ở Pháp, I-ta-li-a, Tiệp Khắc, Hi Lạp, Tây Ban Nha...

+ Mặt trận nhân dân Tây Ban Nha thành lập vào tháng 2-1936.

+ Mặt trận nhân dân Pháp thành lập 5-1936.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Hãy khoanh tròn một chữ in hoa đứng trước câu trả lời đúng.

1. Theo hệ thống Véc-xai - Oa-sinh-ton, các nước tư bản nào thu được nhiều lợi lộc?

A. Anh, Pháp, Mĩ, Ba Lan.

B. Anh, Pháp, Mĩ, I-ta-li-a, Nhật Bản.

C. Anh, Pháp, Mĩ, Tây Ban Nha.

D. Mĩ, Pháp, I-ta-li-a, Bồ Đào Nha.

2. Trong những năm 1918 - 1923, phần lớn các nước tư bản chủ nghĩa tình hình kinh tế như thế nào?

A. Ổn định và phát triển.

B. Tương đối ổn định.

C. Lậm vào tình trạng khủng hoảng.

D. Khủng hoảng trầm trọng và kéo dài.

3. Sự khủng hoảng về chính trị của các nước tư bản chủ nghĩa trong những năm 1918 - 1923 biểu hiện như thế nào?

A. Cao trào cách mạng bùng lên mạnh mẽ ở châu Âu cũng như nhiều nước thuộc địa và phụ thuộc.

B. Mâu thuẫn giữa các nước tư bản chủ nghĩa ngày càng gay gắt.

C. Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân chống chủ nghĩa tư bản ngày càng quyết liệt.

D. Tất cả các biểu hiện trên.

4. Các nước tư bản chủ nghĩa đạt mức tăng trưởng cao về kinh tế trong thời kì nào?

A. Những năm 1918 - 1923

C. Những năm 1929 - 1933

B. Những năm 1924 - 1929

D. Những năm 1918 - 1929

5. Năm 1924, nước nào được xem là thời kì hoàng kim nhất trong các nước tư bản chủ nghĩa?

A. Nước Anh.

B. Nước Pháp.

C. Nước Mĩ.

D. Nước Nhật.

6. Vì sao trong những năm 1918 - 1923, phong trào cách mạng đã bùng nổ mạnh mẽ ở châu Âu?

A. Do hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ nhất.

B. Do mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp công nhân trở nên gay gắt.

C. Do ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917.

D. Câu A và C đúng.

7. Đại hội thành lập Quốc tế Cộng sản được tiến hành ở đâu? Vào thời gian nào?

A. Ở Mat-xơ-va (Liên Xô). Vào tháng 3 năm 1919.

B. Ở Luân Đôn (Anh). Vào tháng 3 năm 1919.

C. Ở Pa-ri (Pháp). Vào tháng 5 năm 1920.

D. Ở Mát-xơ-va (Liên Xô). Vào tháng 7 năm 1919.

8. Linh hồn của Quốc tế Cộng sản là ai?

A. Các Mác.

B. Ăng-ghen.

C. Lê-nin.

D. Xta-lin.

9. Quốc tế Cộng sản tồn tại trong thời gian nào?

A. Từ năm 1919 đến năm 1940.

B. Từ năm 1920 đến năm 1945.

C. Từ năm 1923 đến năm 1943.

D. Từ năm 1919 đến năm 1943.

10. Trong thời gian tồn tại, Quốc tế Cộng sản tiến hành bao nhiêu lần đại hội?

A. Năm lần đại hội.

C. Bảy lần đại hội.

B. Sáu lần đại hội.

D. Tám lần đại hội.

11. Đại hội lần thứ II của Quốc tế Cộng sản vào năm nào?

A. Năm 1920.

B. Năm 1921.

C. Năm 1925.

D. Năm 1930.

12. Luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa được thông qua Đại hội lần thứ mấy của Quốc tế Cộng sản?

A. Đại hội lần thứ nhất.

C. Đại hội lần thứ ba.

B. Đại hội lần thứ hai.

D. Đại hội lần thứ bảy.

13. Trước biến đổi của tình hình thế giới như thế nào mà Quốc tế Cộng sản triệu tập Đại hội lần thứ VII?

A. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới.

B. Phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản phát triển mạnh.

C. Chủ nghĩa phát xít hình thành, nguy cơ chiến tranh thế giới bùng nổ.

D. Chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.

14. Trước biến đổi của hình hình thế giới, Quốc tế Cộng sản đã đề ra chủ trương gì cho các đảng cộng sản ở các nước?

A. Phải đứng lên chống chủ nghĩa đế quốc.

B. Phải thành lập mặt trận nhân dân ở mỗi nước.

C. Phải lãnh đạo phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân ở mỗi nước.

D. Phải gương cao hơn nữa ngọn cờ giải phóng dân tộc ở mỗi nước.

15. Cuộc khủng hoảng kinh tế trong thế giới tư bản chủ nghĩa bùng nổ vào thời gian nào? Ở đâu?

A. Tháng 10 - 1929. Ở Anh.

B. Tháng 12 - 1929. Ở Pháp.

C. Tháng 10 - 1929. Ở Mĩ.

D. Tháng 11 - 1929. Ở Đức.

16. Đặc điểm của cuộc khủng hoảng kinh tế (1929 - 1933) là gì?

A. Là cuộc khủng hoảng thừa, khủng hoảng trầm trọng và kéo dài nhất trong lịch sử các nước tư bản chủ nghĩa.

B. Là cuộc khủng hoảng thiếu, diễn ra lâu nhất trong lịch sử các nước tư bản chủ nghĩa.

- C. Là cuộc khủng hoảng diễn ra nhanh nhất trong lịch sử các nước tư bản chủ nghĩa.
- D. Là cuộc khủng hoảng thừa, diễn ra nhanh nhất trong các nước tư bản chủ nghĩa.

17. Biện pháp để giải quyết khủng hoảng kinh tế (1929 - 1933) của các nước Anh, Pháp, Mĩ như thế nào?

- A. Phát xít hóa bộ máy Nhà nước, gây chiến tranh xâm lược các nước thuộc địa.
- B. Tiến hành cải cách kinh tế - xã hội và đổi mới quá trình quản lí, tổ chức sản xuất.
- C. Toàn kiểm soát thoát bằng những hình thức thống trị mới.
- D. Tất cả các biện pháp trên.

18. Biện pháp giải quyết khủng hoảng kinh tế (1929 - 1933) của các nước Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản như thế nào?

- A. Thiết lập các chế độ độc tài phát xít gây chiến tranh.
- B. Tiến hành cải cách kinh tế - xã hội.
- C. Tiêu hủy hàng hóa để giữ giá thị trường.
- D. Hiệp thương với Anh, Pháp, Mĩ để cùng giải quyết khủng hoảng.

19. Sau cuộc khủng hoảng kinh tế (1929 - 1933) đã hình thành hai khối để quốc đối lập, đó là:

- A. Mĩ, Anh, Pháp đối lập với Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản.
- B. Mĩ, Đức, Anh đối lập với I-ta-li-a, Nhật, Pháp.
- C. Mĩ, I-ta-li-a, Nhật đối lập với Anh, Pháp, Đức.
- D. Đức, Áo - Hung, I-ta-li-a đối lập với Anh, Pháp, Mĩ.

20. Mặt trận nhân dân Pháp được thành lập vào thời gian nào?

- A. Tháng 6 -1936.
- B. Tháng 5 -1936.
- C. Tháng 7 -1935.
- D. Tháng 2 -1936.

21. Mặt trận nhân dân Pháp do ai đứng đầu?

- A. Đờ-gôn.
- B. Gô-đa.
- C. Pê-tanh.
- D. Lê-ông Bơ-lun.

22. Tháng 2 -1936, Mặt trận nước nào được thành lập?

- A. Nước Pháp.
- B. Nước Đức.
- C. Nước Tây Ban Nha.
- D. Nước Bồ Đào Nha.

BÀI 27

NƯỚC ĐỨC GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918-1939)

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. NƯỚC ĐỨC TRONG NHỮNG NĂM 1918-1928

1. Nước Đức và cao trào cách mạng 1918-1923

- Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, nước Đức bại trận, hoàn toàn suy sụp về kinh tế, chính trị và quân sự. Mâu thuẫn xã hội ngày càng gay gắt dẫn tới sự bùng nổ cuộc cách mạng dân chủ tư sản tháng 11-1918.

- Tháng 6-1919, Chính phủ Đức phải kí Hòa ước Véc-xai với những điều khoản hết sức nặng nề. Việc thực hiện những điều khoản của Hòa ước làm cho đất nước vốn đã kiệt quệ sau bốn năm chiến tranh trở nên hoàn toàn rối loạn.

- Trong bối cảnh đó, phong trào cách mạng tiếp tục dâng cao trong những năm 1919-1923. Đảng Cộng sản Đức (thành lập tháng 12-1918) đã trực tiếp lãnh đạo phong trào. Đỉnh cao của phong trào là cuộc nổi dậy của công nhân vùng Ba-vi-e tháng 4-1919, dẫn đến sự thành lập nước Cộng hòa Xô viết Ba-vi-e. Cuộc khởi nghĩa vũ trang của công nhân Hăm-buốc tháng 10-1923 là âm hưởng cuối cùng của cơn bão táp cách mạng vô sản ở Đức.

2. Những năm ổn định tạm thời 1924-1929

- Cuối năm 1923, nước Đức đã vượt qua được thời kì khủng hoảng kinh tế và chính trị sau chiến tranh.

- Về chính trị, chế độ cộng hòa Vai-ma được củng cố, quyền lực của giới tư bản độc quyền được tăng cường. Chính phủ tư sản thi hành chính sách đàn áp phong trào đấu tranh của công nhân. Các đảng tư sản công khai tuyên truyền tư tưởng phục thù cho nước Đức.

- Về đối ngoại, vị trí quốc tế của nước Đức dần dần được phục hồi với việc nước này tham gia Hội Quốc liên, kí kết một số hiệp ước với các nước tư bản châu Âu và Liên Xô.

II. NƯỚC ĐỨC TRONG NHỮNG NĂM 1929-1939

1. Khủng hoảng kinh tế và quá trình Đảng Quốc xã lên cầm quyền

- Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới cuối năm 1929 đã giáng đòn nặng nề vào nền kinh tế Đức. Mâu thuẫn xã hội và cuộc đấu tranh của quần chúng lao động đã dẫn tới cuộc khủng hoảng chính trị trầm trọng. Giai cấp tư sản cầm quyền không đủ sức mạnh để duy trì chế độ cộng hòa tư sản, đưa đất nước vượt qua cuộc khủng hoảng đó.

- Trong bối cảnh ấy, các thế lực phản động, hiếu chiến, tập hợp trong Đảng Công nhân Quốc gia Xã hội (gọi tắt là Đảng Quốc xã), ngày càng mở rộng ảnh hưởng trong quần chúng. Đứng đầu là Hít-le, ra sức tuyên truyền

kích động chủ nghĩa phục thù, chủ nghĩa chống cộng và phân biệt chủng tộc. Chủ trương phát xít hóa bộ máy nhà nước, thiết lập chế độ độc tài khủng bố công khai.

- Ngày 30-1-1933, Tổng thống Hin-den-bua chỉ định Hít-le làm Thủ tướng và thành lập chính phủ mới, mở ra một thời kì đen tối trong lịch sử nước Đức.

2. Nước Đức trong thời kì phát xít Hít-le (1933-1939)

- Từ năm 1933, Chính phủ Hít-le ráo riết thiết lập nền chuyên chính độc tài, công khai khủng bố các đảng phái dân chủ tiến bộ, trước hết là Đảng Cộng sản Đức.

- Tháng 2-1933, chính quyền phát xít vu cáo những người cộng sản đốt cháy nhà Quốc hội, đặt Đảng Cộng sản ra ngoài pháp luật và bắt giam 10 vạn đảng viên cộng sản.

- Năm 1934, Hin-den-bua qua đời, Hít-le tuyên bố hủy bỏ Hiến pháp Vai-ma, tự xưng là Quốc trưởng suốt đời. Nền cộng hòa Vai-ma hoàn toàn sụp đổ.

- Về kinh tế, chính quyền phát xít tiến hành tổ chức nền kinh tế theo hướng tập trung, mệnh lệnh, phục vụ nhu cầu quân sự. Các ngành công nghiệp dần dần được phục hồi và hoạt động hết sức khẩn trương, đặc biệt là công nghiệp quân sự. Các ngành giao thông vận tải, xây dựng đường sá được tăng cường để giải quyết nạn thất nghiệp và phục vụ nhu cầu quân sự. Nền kinh tế Đức đã thoát khỏi khủng hoảng.

- Về đối ngoại, chính quyền Hít-le tăng cường các hoạt động chuẩn bị chiến tranh.

+ Tháng 10-1933, nước Đức tuyên bố rút khỏi Hội Quốc liên để được tự do hành động.

+ Năm 1935, Hít-le ban hành lệnh tổng động viên quân dịch, tuyên bố thành lập đội quân thường trực và bắt đầu triển khai các hoạt động quân sự ở châu Âu.

+ Đến năm 1938, với đội quân 1,5 triệu người cùng 30000 xe tăng và khoảng 4000 máy bay, nước Đức đã trở thành một trại lính khổng lồ, đủ sức tiến hành các kế hoạch gây chiến tranh xâm lược.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Hãy khoanh tròn một chữ in hoa đứng trước câu trả lời đúng.

1. Cách mạng Đức bùng nổ vào thời gian nào? Với sự kiện gì?

- A. Ngày 11- 3 - 1918, với cuộc khởi nghĩa của thủy thủ ở Ki-en.
- B. Ngày 3 - 11 -1918, với cuộc khởi nghĩa của thủy thủ ở Ki-en.
- C. Ngày 5 -11 - 1918, với cuộc khởi nghĩa lật đổ vua Ven-hem II.
- D. Ngày 11 - 11 - 1918, với cuộc khởi nghĩa ở Vai-ma.

2. Thắng lợi của cách mạng năm 1918 ở Đức đã làm sụp đổ chế độ nào?

- A. Chế độ quân chủ chuyên chế.
- B. Chế độ cộng hòa tư sản
- C. Chế độ quân chủ lập hiến
- D. Chế độ quân phiệt hiếu chiến.

3. Tháng 6 - 1919 diễn ra sự kiện gì làm cho nước Đức trở nên rối loạn?

- A. Quốc hội lập hiến thông qua Hiến pháp mới
- B. Thiết lập nền cộng hòa Vai-ma
- C. Ký kết Hòa ước Véc-xai
- D. Ký kết Hòa ước Oa-sinh-ton.

4. Đảng Cộng sản Đức được thành lập vào thời gian nào?

- A. Tháng 12 - 1920.
- B. Tháng 4 - 1919.
- C. Tháng 2 - 1920.
- D. Tháng 12 - 1918.

5. Tháng 4 - 1919 diễn ra sự kiện lịch sử gì ở Đức?

- A. Công nhân Thành phố Mui-xích nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền.
- B. Đảng Cộng sản Đức được thành lập.
- C. Khởi nghĩa vũ trang ở Hăm-buốc bùng nổ.
- D. Nền Cộng hòa Vai-ma thành lập.

6. Đỉnh cao của cao trào cách mạng (1918 - 1923) ở Đức là sự kiện lịch sử nào?

- A. Khởi nghĩa của công nhân Thành phố Mui-ních
- B. Sự ra đời của nước Cộng hòa Ba-vi-e
- C. Khởi nghĩa vũ trang của Hăm-buốc
- D. Nền cộng hòa Vai-ma thành lập.

7. Nước Đức đã vượt qua thời kì khủng hoảng về kinh tế và chính trị từ năm nào?

- A. Cuối năm 1923.
- B. Cuối năm 1924.
- C. Đầu năm 1925.
- D. Cuối năm 1925.

8. Với sự ủng hộ và tiếp sức của các nước nào, giai cấp tư sản Đức đã thu được những trận mưa vàng?

- A. Nước Anh, Pháp.
- B. Nước Mĩ, Anh, Pháp.
- C. Nước Mĩ, Anh.
- D. Nước I-ta-li-a, Nhật.

9. Đến năm 1929, sản lượng công nghiệp ở Đức như thế nào?

- A. Vượt qua Anh, Mĩ, đứng đầu thế giới.
- B. Vượt qua Anh, Pháp đứng đầu châu Âu.
- C. Vượt qua Anh, I-ta-li-a đứng thứ hai châu Âu.
- D. Vượt qua Mĩ, đứng đầu thế giới.

10. Biểu hiện nào dưới đây là biểu hiện cơ bản nhất về việc Đức dần dần phục hồi vị trí của mình trong quan hệ quốc tế?

- A. Tham gia vào tổ chức Liên hiệp quốc.
- B. Tham gia vào Hội Quốc liên.
- C. Ký kết một số hiệp ước với các nước tư bản châu Âu.
- D. Ký kết một số hiệp ước với Liên Xô.

11. Đảng Công nhân Quốc gia Xã hội Đức gọi tắt là Đảng Quốc xã được thành lập vào năm nào?

- A. Năm 1919. B. Năm 1920. C. Năm 1923. D. Năm 1924.

12. Đảng Quốc xã Đức đã lợi dụng điều gì để kích động chủ nghĩa phẫn thù, chủ nghĩa chống cộng và phân biệt chủng tộc?

- A. Tâm lí bất mãn của người Đức đối với nền Cộng hòa Vai-ma.
B. Sự bất mãn của người Đức đối với cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933.
C. Sự căm thù của người Đức đối với việc nước Đức bị thất bại trong Chiến tranh thế giới thứ nhất.
D. Tâm lí bất mãn của người dân Đức đối với Hòa ước Véc-xai.

13. Đảng Quốc xã Đức đã đề ra chủ trương gì khi nước Đức lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng?

- A. Tiến hành những cải cách kinh tế - xã hội để khắc phục hậu quả khủng hoảng.
B. Thành lập mặt trận nhân dân để đoàn kết các lực lượng yêu nước, cùng nhau xây dựng đất nước.
C. Quân sự hóa nền kinh tế để đi đến gây chiến tranh với các nước đế quốc khác.
D. Phát xít hóa bộ máy nhà nước, thiết lập chế độ độc tài khủng bố công khai.

14. Thời kì đen tối trong lịch sử nước Đức gắn liền với sự kiện gì?

- A. Năm 1932, sản xuất công nghiệp Đức giảm 47%.
B. Năm 1919, Đảng Quốc xã Đức thành lập.
C. Năm 1933, Hít-le làm Thủ tướng nước Đức.
D. Năm 1933, Hin-đen-bua làm Tổng thống nước Đức.

15. Đức tuyên bố rút ra khỏi hội Quốc liên vào thời gian nào?

- A. Tháng 7 – 1933. C. Tháng 3 – 1933.
B. Tháng 10 – 1933. D. Đầu năm 1934.

16. Ngày 25 - 11 - 1936, Đức kí với Nhật hiệp ước gì?

- A. "Chống quốc tế cộng sản". B. "Phòng thủ chung châu Âu".
C. "Phòng thủ chung châu Á". D. "Chống các Đảng cộng sản".

Bài 28

NƯỚC MĨ GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918-1939)

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. NƯỚC MĨ TRONG NHỮNG NĂM 1918-1929

1. Tình hình kinh tế

- Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, Mĩ trở thành nước tư bản giàu mạnh nhất. Cùng với lợi thế đó, việc cải tiến kĩ thuật, thực hiện phương pháp sản xuất dây chuyền và mở rộng quy mô sản xuất đã đưa nền kinh tế Mĩ bước vào thời kì phồn vinh trong thập niên 20 của thế kỉ XX.

- Mặc dù đạt mức tăng trưởng cao nhưng sự phát triển kinh tế chạy theo lợi nhuận, theo công nghiệp tự do thái quá đã đưa đến sự phát triển không đồng bộ giữa các ngành công nghiệp, giữa công nghiệp với nông nghiệp, và nói chung, không có kế hoạch dài hạn cho sự cân đối giữa sản xuất và tiêu dùng.

2. Tình hình chính trị, xã hội

- Thời kì tăng trưởng cao của kinh tế Mĩ trong thập niên 20 gắn liền với sự cầm quyền của các tổng thống thuộc Đảng Cộng hòa.

- Phong trào đấu tranh của công nhân diễn ra sôi nổi trong các ngành công nghiệp than, luyện thép, vận tải đường sắt... Tháng 5-1921, Đảng Cộng sản Mĩ được thành lập trên cơ sở hợp nhất Đảng Cộng sản công nhân Mĩ và Đảng Cộng sản Mĩ ra đời trước đó (1910), đánh dấu bước phát triển của phong trào công nhân Mĩ.

II. NƯỚC MĨ TRONG NHỮNG NĂM 1929-1939

1. Cuộc khủng hoảng kinh tế (1929-1933) ở Mĩ

- Trong khi giai cấp tư sản Mĩ hết lời ca ngợi sự phồn vinh của nền kinh tế thì cuộc khủng hoảng kinh tế chưa từng thấy bất ngờ bùng nổ vào tháng 10-1929, chấm dứt thời kì hoàng kim của kinh tế Mĩ.

- Cuộc khủng hoảng bắt đầu trong lĩnh vực ngân hàng. Ngày 29-10-1929 là ngày hoảng loạn chưa từng có trong lịch sử thị trường chứng khoán Niu Oóc. Khủng hoảng phá huỷ nghiêm trọng sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và thương nghiệp của nước Mĩ.

2. Chính sách mới của Tổng thống Mĩ Ph.Ru-dơ-ven

- Để đưa nước Mĩ thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng, Tổng thống Ph.Ru-dơ-ven đã thực hiện chính sách mới. Chính sách mới đã giải quyết được một số vấn đề cơ bản của nước Mĩ trong cơn khủng hoảng nguy kịch. Nhà nước tư sản đã tăng cường vai trò của mình trong việc cứu trợ người thất nghiệp, tạo thêm nhiều việc làm mới, khôi phục sản xuất, xoa dịu mâu thuẫn giai cấp và góp phần làm cho nước Mĩ duy trì được chế độ dân chủ tư sản. Chính vì thế, Ph.Ru-dơ-ven là Tổng thống duy nhất trong lịch sử nước Mĩ suốt bốn nhiệm kì.

- Về đối ngoại, Chính phủ Ru-dơ-ven đề ra Chính sách lảng giềng thân thiện nhằm cải thiện quan hệ với các nước Mĩ La-tinh, vốn được Mĩ coi là "sân sau" của mình, và thiết lập ngoại giao với Liên Xô.

- Đối với các vấn đề quốc tế, trước nguy cơ của chủ nghĩa phát xít và chiến tranh bao trùm toàn thế giới, Quốc hội Mĩ đã thông qua hàng loạt đạo luật để giữ vai trò trung lập trong các cuộc xung đột quân sự bên ngoài nước Mĩ. Chính sách đó đã góp phần khuyến khích chủ nghĩa phát xít tự do hành động, gây ra cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Hãy khoanh tròn một chữ in hoa đứng trước câu trả lời đúng.

- Nước Mĩ tham gia Chiến tranh thế giới thứ nhất vào thời gian nào?**
A. Tháng 4 - 1917. C. Tháng 5 - 1916.
B. Tháng 2 - 1916. D. Không hề tham gia.
- Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, nền kinh tế của Mĩ như thế nào?**
A. Bị tàn phá nặng nề.
B. Vẫn giữ được mức bình thường như trước chiến tranh.
C. Bị khủng hoảng trầm trọng.
D. Đạt mức tăng trưởng cao.
- Kinh tế Mĩ bước vào thời kì hoàng kim nhất trong thời gian nào?**
A. Trong thập niên 40 của thế kỉ XX.
B. Trong thập niên 30 của thế kỉ XX.
C. Trong thập niên 20 của thế kỉ XX.
D. Trong thập niên 10 của thế kỉ XX.
- Tháng 5 - 1921, diễn ra sự kiện lịch sử gì ở nước Mĩ có liên quan đến phong trào đấu tranh của công nhân nước này?**
A. Đảng Công nhân Cộng sản Chủ nghĩa Mĩ thành lập.
B. Đảng Cộng sản Mĩ ra đời.
C. Đảng Cộng hòa Mĩ thành lập.
D. Phong trào đấu tranh của công nhân Mĩ lên đến đỉnh cao.
- Nước Mĩ đạt tới thời kì phồn vinh về kinh tế trong những năm (1924 - 1929) nhờ đâu?**
A. Nhờ sự cạnh tranh quyết liệt giữa các tập đoàn tư bản.
B. Nhờ thu lợi nhuận trong chiến tranh.
C. Nhờ "chủ nghĩa tự do" trong phát triển kinh tế.
D. Nhờ nhận được bồi thường sau chiến tranh.
- Cuộc khủng hoảng kinh tế ở Mĩ diễn ra vào thời gian nào? Bắt đầu trong lĩnh vực gì?**
A. Ngày 29 - 10 - 1929. Trong lĩnh vực ngân hàng.
B. Ngày 25 - 10 - 1929. Trong lĩnh vực tài chính.
C. Ngày 26 - 10 - 1929. Trong lĩnh vực công nghiệp.
D. Ngày 29 - 10 - 1929. Trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.
- Cuộc khủng hoảng kinh tế ở Mĩ đạt đến đỉnh cao nhất vào năm nào?**
A. Năm 1929. C. Năm 1932.
B. Năm 1931. D. Năm 1933.
- Tổng thống nào của Mĩ thực hiện chính sách mới để giải quyết khủng hoảng?**
A. Ru-dơ-ven. C. Tơ-ru-man.
B. Ai-xen-hao. D. Ken-nơ-đi.

9. Đạo luật nào giữ vai trò quan trọng nhất trong các đạo luật giải quyết khủng hoảng kinh tế của Mĩ?

- A. Đạo luật về ngân hàng. B. Đạo luật về tài chính.
C. Đạo luật phục hưng công nghiệp. D. Đạo luật phục hưng thương mại.

10. Ai là tổng thống duy nhất nước Mĩ được chức suốt bốn nhiệm kì liên?

- A. Tơ-ru-man. B. Ai-xen hao. C. Giôn-xơn. D. Ru-dơ-ven.

11. Chính sách đối ngoại của Mĩ trong những thập niên 20 của thế kỉ XX là:

- A. "Chính sách láng giềng thân thiện".
B. "Chính sách đu đưa bên miệng hố chiến tranh".
C. "Chính sách mở cửa và hội nhập".
D. "Chính sách chiến lược toàn cầu".

12. Mĩ đã tiến hành cải thiện quan hệ với các nước ở khu vực nào?

- A. Khu vực châu Âu. C. Khu vực châu Phi.
B. Khu vực Mĩ La-tinh. D. Khu vực Đông Nam Á.

13. Trong chính sách đối ngoại của mình ở những năm 20 của thế kỉ XX, Mĩ thiết lập quan hệ ngoại giao với nước nào?

- A. Trung Quốc. C. Đức.
B. Nhật Bản. D. Liên Xô.

14. Mĩ đã thực hiện chính sách gì đối với các vấn đề quốc tế, trước nguy cơ chủ nghĩa phát xít và chiến tranh bao trùm thế giới?

- A. Chính sách thực lực nước Mĩ.
B. Chính sách trung lập trong các cuộc xung đột quân sự bên ngoài nước Mĩ.
C. Chính sách chạy đua vũ trang.
D. Tất cả các chính sách trên.

Bài 29

NHẬT BẢN GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918-1939)

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. NƯỚC NHẬT TRONG NHỮNG NĂM 1918-1929

1. Những năm đầu sau chiến tranh (1918-1923)

- Nước Nhật là nước thứ hai sau Mĩ thu được nhiều lợi trong Chiến tranh thế giới thứ nhất. Lợi dụng sự suy giảm khả năng kinh tế của các nước tư bản châu Âu trong chiến tranh, Nhật Bản đã tăng cường sản xuất hàng hóa và xuất khẩu. Nhờ những đơn đặt hàng quân sự, sản xuất công nghiệp của Nhật tăng trưởng rất nhanh. Trong khi đó nông nghiệp bị kìm hãm bởi tàn dư phong kiến. Đời sống của người lao động không được cải thiện.

- Phong trào đấu tranh của công nhân và nông dân bùng lên mạnh mẽ những năm sau chiến tranh.

+ Mùa thu 1918, quần chúng nhân dân nổi dậy đánh phá các kho thóc, mở đầu cuộc "Bạo động lúa gạo".

+ Những cuộc bãi công của công nhân cũng lan rộng ở các trung tâm công nghiệp lớn như Kô-bê, Na-gô-i-a, Ô-xa-ka ... chỉ riêng năm 1919 đã có 2388 cuộc bãi công của công nhân.

+ Trên cơ sở sự phát triển của phong trào công nhân, tháng 7-1922 Đảng Cộng sản Nhật Bản được thành lập.

2. Những năm ổn định tạm thời (1924-1929)

- Về kinh tế:

+ Năm 1926, sản lượng công nghiệp mới phục hồi trở lại và vượt mức trước chiến tranh. Nhưng chưa đầy một năm sau, mùa xuân 1927, cuộc khủng hoảng tài chính lại bùng nổ ở Thủ đô Tô-ki-ô làm 30 ngân hàng phá sản.

+ Nền công nghiệp chủ yếu dựa vào xuất khẩu của Nhật ngày càng gặp khó khăn trong việc cạnh tranh với Mĩ và các nước Tây Âu.

- Về chính trị:

+ Những năm đầu thập niên 20 của thế kỉ XX, Chính phủ Nhật đã thi hành một số cải cách chính trị (như ban hành luật bầu cử phổ thông cho nam giới, cắt giảm ngân sách quốc phòng...) và giảm bớt căng thẳng trong quan hệ với các cường quốc bên ngoài.

+ Trong những năm cuối thập niên 20, Chính phủ của tướng Ta-na-ca đã thực hiện chính sách đối nội và đối ngoại hiếu chiến.

II. NƯỚC NHẬT TRONG NHỮNG NĂM 1929-1933

1. Khủng hoảng kinh tế (1929-1933)

- Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929-1933) đã giáng một đòn nặng nề vào kinh tế Nhật:

+ Sản xuất công nghiệp giảm sút.

+ Khủng hoảng xảy ra nghiêm trọng, nhất là trong nông nghiệp.

+ Thị trường trong và ngoài nước bị thu hẹp.

- Khủng hoảng kinh tế đẩy mạnh quá trình tập trung sản xuất, tăng cường quyền lực của các tập đoàn tư bản lớn.

2. Quá trình quân phiệt hóa bộ máy nhà nước

- Nhằm khắc phục những hậu quả của cuộc khủng hoảng và giải quyết khó khăn do thiếu nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ hàng hóa, giới cầm quyền Nhật chủ trương quân phiệt hóa bộ máy nhà nước, gây chiến tranh xâm lược, bành trướng ra bên ngoài.

- Cùng với việc quân phiệt hóa bộ máy nhà nước, tăng cường chạy đua vũ trang, giới cầm quyền Nhật Bản đẩy mạnh cuộc chiến tranh xâm lược Trung Quốc.

3. Nhân dân Nhật đấu tranh chống chủ nghĩa quân phiệt

- Trong những năm 30 của thế kỉ XX, cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa quân phiệt của nhân dân Nhật Bản mà hạt nhân lãnh đạo là Đảng Cộng sản diễn ra sôi nổi dưới nhiều hình thức. Từ những cuộc biểu tình phản đối chính

sách xâm lược của giới cầm quyền đã dẫn đến phong trào thành lập Mặt trận nhân dân, tập hợp đông đảo các tầng lớp xã hội. Cuộc đấu tranh của nhân dân Nhật Bản đã góp phần làm chậm lại quá trình quân phiệt hóa bộ máy nhà nước ở nước này.

- Từ năm 1929, những cuộc bãi công của công nhân đã bùng nổ ở những khu công nghiệp lớn và trở thành cuộc chiến chống chính phủ.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Hãy khoanh tròn một chữ in hoa đứng trước câu trả lời đúng.

1. Chiến tranh thế giới thứ nhất có tác dụng như thế nào đối với kinh tế Nhật Bản?

A. Kìm hãm sự phát triển kinh tế Nhật Bản.

B. Biến Nhật Bản thành bãi chiến trường.

C. Kinh tế Nhật Bản vẫn giữ nước bình thường như trước chiến tranh.

D. Thúc đẩy nền kinh tế Nhật Bản phát triển mạnh mẽ.

2. Nhờ đâu mà sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, sản xuất công nghiệp Nhật Bản tăng trưởng rất nhanh?

A. Nhờ đơn đặt hàng quân sự của các nước.

B. Nhờ tiền bồi thường chiến phí của các nước.

C. Nhờ Nhật Bản nhanh chóng áp dụng thành tựu khoa học kĩ thuật tiên tiến.

D. Nhờ đơn đặt hàng của Mĩ.

3. Nhật Bản làm vào cuộc khủng hoảng kinh tế trong thời gian nào?

A. Những năm 1920 – 1929.

C. Những năm 1919 – 1920.

B. Những năm 1929 – 1933.

D. Những năm 1920 – 1921.

4. Trong những thập niên 20 của thế kỉ XX, những tàn dư phong kiến ở Nhật Bản đã kìm hãm sự phát triển của:

A. Kinh tế công nghiệp.

C. Kinh tế thủ công nghiệp.

B. Kinh tế nông nghiệp.

D. Kinh tế thương nghiệp.

5. Đảng Cộng sản Nhật được thành lập vào thời gian nào?

A. Tháng 6 – 1922.

C. Tháng 7 – 1922.

B. Tháng 7 – 1921.

D. Tháng 8 – 1922.

6. Đến năm 1926, tình hình về sản lượng công nghiệp ở Nhật Bản như thế nào?

A. Mới phục hồi trở lại và vượt mức trước chiến tranh.

B. Phát triển với tốc độ "thần tốc".

C. Phát triển gấp 3 lần so với trước chiến tranh.

D. Tụt hậu hơn nhiều so với trước chiến tranh.

7. Nền công nghiệp chủ yếu dựa và xuất khẩu của Nhật gặp phải sự cạnh tranh quyết liệt của các nước nào?

A. Mĩ và các nước Tây Âu.

B. Anh, Pháp, Đức, I-ta-li-a.

C. Trung Quốc, Thái Lan, Ấn Độ.

D. Mĩ, Anh, Pháp, Trung Quốc.

8. **Khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 diễn ra nghiêm trọng nhất trong ngành nào của Nhật Bản?**

- A. Ngành công nghiệp nặng.
- B. Ngành công nghiệp nhẹ.
- C. Ngành nông nghiệp.
- D. Ngành tài chính và ngân hàng.

9. **Khó khăn lớn nhất của Nhật Bản trong thời kì khủng hoảng kinh tế (1929 - 1933) là gì?**

- A. Thiếu nhân công để sản xuất công nghiệp.
- B. Thiếu nguyên liệu và thị trường tiêu thụ hàng hóa.
- C. Sự cạnh tranh quyết liệt của Mĩ và Tây Âu.
- D. Thiếu nguồn vốn để đầu tư vào sản xuất.

10. **Giới cầm quyền của Nhật đã đề ra chủ trương gì để giải quyết khủng hoảng kinh tế (1929 - 1933)?**

- A. Quân sự hóa nền kinh tế phục vụ chiến tranh.
- B. Phát xít hóa nền kinh tế.
- C. Quân phiệt hóa bộ máy nhà nước, gây chiến tranh xâm lược bành trướng ra bên ngoài.
- D. Tất cả các chủ trương trên.

11. **Điểm nào dưới đây là điểm khác nhau giữa quá trình phát xít hóa ở Nhật so với Đức?**

- A. Thông qua sự chuyển đổi từ chế độ dân chủ tư sản đại nghị sang chế độ chuyên chế độc tài phát xít.
- B. Thông qua việc quân phiệt hóa bộ máy nhà nước.
- C. Thông qua việc xâm lược các nước.
- D. Gây chiến tranh để chia lại thị trường ở các nước thuộc địa.

12. **Nhật đánh chiếm Đông Bắc và biến vùng đất này thành thuộc địa của Nhật vào thời gian nào?**

- A. Tháng 9 - 1931.
- B. Tháng 9 - 1933.
- C. Tháng 7 - 1936.
- D. Tháng 6 - 1931.

13. **Hạt nhân lãnh đạo cuộc đấu tranh của nhân dân Nhật Bản chống lại chủ nghĩa quân phiệt Nhật là tổ chức nào?**

- A. Phái "sĩ quan trẻ".
- B. Phái "sĩ quan già".
- C. Các Viện quý tộc.
- D. Đảng Cộng sản Nhật.

14. **Cuộc đấu tranh của nhân dân Nhật Bản có tác dụng như thế nào đối với quá trình quân phiệt hóa bộ máy nhà nước ở Nhật?**

- A. Làm phá sản quá trình quân phiệt hóa.
- B. Làm chậm lại quá trình quân phiệt hóa.
- C. Làm tăng nhanh quá trình quân phiệt hóa.
- D. Làm chuyển đổi quá trình quân phiệt hóa sang phát xít hóa.

Chương X

CÁC NƯỚC CHÂU Á GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918-1939)

Bài 30

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG Ở TRUNG QUỐC VÀ ẤN ĐỘ (1918-1939)

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. PHONG TRÀO CÁCH MẠNG Ở TRUNG QUỐC (1919-1939)

1. Phong trào Ngũ tứ và sự thành lập Đảng Cộng sản Trung Quốc

- Phong trào Ngũ tứ bùng nổ ngày 4-5-1919 nhằm phản đối âm mưu xâm lược Trung Quốc của các nước đế quốc.

- Phong trào Ngũ tứ đã mở đầu cao trào cách mạng chống đế quốc và chống phong kiến ở Trung Quốc.

- Lần đầu tiên giai cấp công nhân Trung Quốc xuất hiện trên vũ đài chính trị như một lực lượng cách mạng độc lập. Phong trào Ngũ tứ đánh dấu bước chuyển của cách mạng Trung Quốc từ cách mạng dân chủ cũ sang cách mạng dân chủ mới.

- Từ sau phong trào Ngũ tứ, việc truyền bá chủ nghĩa Mác-Lê-nin vào Trung Quốc phát triển nhanh chóng, sâu rộng. Tháng 7-1921, Đảng Cộng sản Trung Quốc được thành lập, đánh dấu bước ngoặt quan trọng của cách mạng Trung Quốc. Từ đây, giai cấp vô sản Trung Quốc đã có chính đảng của mình để từng bước nắm ngọn cờ lãnh đạo cách mạng.

2. Chiến tranh Bắc phạt (1926-1927) và Nội chiến Quốc-Cộng (1927-1937)

- Chiến tranh Bắc phạt:

+ Trong những năm 1926-1927, Đảng Cộng sản hợp tác với Quốc dân đảng đã tiến hành cuộc chiến tranh cách mạng nhằm đánh đổ các tập đoàn quân phiệt Bắc Dương, đang chia nhau thống trị các vùng khác nhau ở miền Bắc Trung Quốc (trong lịch sử thường gọi là Chiến tranh Bắc phạt).

+ Quân cách mạng đã giải phóng vùng đất rộng lớn, chiếm các thành phố Nam Kinh, Thượng Hải. Sau đó, Tưởng Giới Thạch tiến hành cuộc chính biến ở Thượng Hải, rồi thành lập chính phủ tại Nam Kinh. Đến tháng 7-1927, chính quyền rơi vào tay Tưởng Giới Thạch. Cuộc chiến tranh Bắc phạt thất bại.

- Cuộc Nội chiến Quốc - Cộng:

+ Sau chiến tranh Bắc phạt, quần chúng cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã tiến hành cuộc chiến đấu chống Chính phủ Quốc dân đảng, được gọi là Nội chiến Quốc-Cộng, diễn ra trong những năm 1927-1937.

+ Quân đội Tưởng Giới Thạch đã tổ chức bốn lần vây quét lớn nhằm tiêu diệt căn cứ địa cách mạng của Đảng Cộng sản, nhưng đều bị thất bại.

+ Để bảo toàn lực lượng, tháng 10-1934 Hồng quân công nông phải tiến hành cuộc phá vây, rút khỏi căn cứ địa cách mạng, tiến lên phía bắc, trong lịch sử gọi là cuộc vạn lý trường chinh. Trên đường trường chinh, tại Hội nghị Tuần Nghĩa (tháng 1-1935), Mao Trạch Đông trở thành người lãnh đạo Đảng Cộng sản Trung Quốc.

+ Tháng 7-1937, Nhật xâm lược Trung Quốc, Đảng Cộng sản đề nghị Quốc dân đảng đình chỉ nội chiến để chống Nhật.

II. PHONG TRÀO ĐỘC LẬP DÂN TỘC Ở ÁN ĐỘ (1918-1939)

1. Phong trào độc lập trong những năm 1918-1929

- Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, chính quyền thực dân tăng cường bóc lột thuộc địa, ban hành những đạo luật phản động nhằm củng cố bộ máy thống trị của mình, đã làm cho những mâu thuẫn xã hội ngày càng căng thẳng. Một làn sóng đấu tranh chống thực dân Anh dâng cao khắp Ấn Độ trong những năm 1918-1922.

- Phong trào đấu tranh diễn ra dưới nhiều hình thức phong phú, lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nông dân, công nhân và thị dân tham gia. Giữ vai trò lãnh đạo phong trào là Đảng Quốc đại, đứng đầu là M.Găng-đi. Ông kêu gọi đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân bằng các biện pháp hòa bình. Phong trào bất bạo động, bất hợp tác do M.Găng-đi và Đảng Quốc đại lãnh đạo, được các tầng lớp nhân dân Ấn Độ hưởng ứng.

- Tháng 12-1925, Đảng Cộng sản Ấn Độ được thành lập, góp phần thúc đẩy phong trào đấu tranh chống thực dân Anh diễn ra mạnh mẽ.

2. Phong trào độc lập dân tộc trong những năm 1929-1939

- Những hậu quả nặng nề của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929-1933) đã làm bùng lên làn sóng đấu tranh mới của nhân dân Ấn Độ. Phong trào kéo dài trong suốt những năm 30 thông qua các chiến dịch bất hợp tác với thực dân Anh, do M.Găng-đi và Đảng Quốc đại khởi xướng.

- Tháng 9-1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Chính quyền Anh tuyên chiến ở châu Âu và tuyên bố Ấn Độ là một bên tham chiến. Phong trào cách mạng ở Ấn Độ chuyển sang một thời kì mới.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Hãy khoanh tròn một chữ in hoa đứng trước câu trả lời đúng.

1. Do ảnh hưởng của sự kiện lịch sử nào đã dẫn đến sự bùng nổ phong trào Ngũ tứ ở Trung Quốc năm 1919?

- A. Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga.
- B. Chiến tranh thế giới lần thứ nhất kết thúc.
- C. Thắng lợi của cách mạng Ấn Độ trong việc chống thực dân Anh.
- D. Câu A và B đều đúng.

2. Lực lượng chính tham gia vào phong trào Ngũ tứ ngay từ ngày đầu bùng nổ là:

- A. Công nhân, nông dân, tiểu tư sản.
- B. Sinh viên yêu nước ở Bắc Kinh.
- C. Tư sản dân tộc và nông dân.
- D. Tất cả các tầng lớp nhân dân.

3. Phong trào Ngũ tứ mở đầu cho cao trào cách mạng ở Trung Quốc chống các thế lực nào?

- A. Đế quốc và phong kiến.
- B. Đế quốc và tư sản mại bản.
- C. Tư sản và phong kiến.
- D. Tất cả các thế lực trên.

4. Phong trào Ngũ tứ đã đánh dấu bước chuyển của cách mạng Trung Quốc từ:

- A. Cách mạng tư sản sang cách mạng vô sản.
- B. Từ cách mạng dân chủ sang cách mạng dân tộc.
- C. Từ cách mạng dân chủ cũ sang cách mạng dân chủ mới.
- D. Từ cách mạng tư sản cũ sang cách mạng tư sản mới.

5. Tác dụng lớn nhất của phong trào Ngũ tứ ở Trung Quốc là gì?

- A. Tạo điều kiện cho chủ nghĩa Mác – Lê-nin được truyền bá vào Trung Quốc.
- B. Tạo điều kiện cho tư tưởng Cách mạng tháng Mười Nga thấm sâu vào Trung Quốc.
- C. Thúc đẩy phong trào công nhân phát triển ở Trung Quốc.
- D. Dẫn đến sự thành lập Đảng Cộng sản Trung Quốc vào năm 1921.

6. Sau phong trào Ngũ tứ, giai cấp nào nắm lấy ngọn cờ lãnh đạo cách mạng Trung Quốc?

- A. Giai cấp tư sản.
- B. Giai cấp vô sản.
- C. Giai cấp nông dân.
- D. Tầng lớp trí thức tiểu tư sản.

7. Từ năm 1926 - 1927, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc chiến tranh cách mạng nhằm:

- A. Đánh đổ các tập đoàn phản động ở Bắc Kinh.
- B. Đánh đổ các tập đoàn quân phiệt ở Nam Kinh.
- C. Đánh đổ tập đoàn Quốc dân đảng ở Đài Loan.
- D. Đánh đổ các tập đoàn quân phiệt Bắc Dương.

8. Sau chiến tranh Bắc phạt, Trung Quốc bước vào thời kì nội chiến kéo dài trong khoảng thời gian nào?

- A. Từ năm 1926 đến năm 1936.
- B. Từ năm 1926 đến năm 1937.
- C. Từ năm 1927 đến năm 1937.
- D. Từ năm 1921 đến năm 1931.

9. Vì sao Đảng Cộng sản Trung Quốc và tập đoàn Quốc dân Đảng của Tưởng Giới Thạch đình chỉ nội chiến vào năm 1937?

- A. Cuộc nội chiến đã gây ra nhiều tổn thất cho dân tộc và đất nước Trung Quốc.
- B. Trung Quốc đang đứng trước nguy cơ bị xâm lược của các nước đế quốc.
- C. Trung Quốc còn phải đối phó với mặt trận ở phía Bắc trước sự nổi loạn của các thế lực phản động.
- D. Trung Quốc đứng trước nguy cơ xâm lược của Nhật.

10. Thực dân Anh đã trút toàn bộ gánh nặng chi phí chiến tranh cho các nước thuộc địa, nhất là Ấn Độ trong thời điểm nào?

- A. Trước Chiến tranh thế giới thứ nhất.
- B. Trong Chiến tranh thế giới thứ nhất.
- C. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.
- D. Trong cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933.

11. Ở Ấn Độ, làn sóng đấu tranh chống thực dân Anh dâng cao trong khoảng thời gian nào?

- A. Những năm 1919 - 1923.
- B. Những năm 1918 - 1939.
- C. Những năm 1918 - 1933.
- D. Những năm 1918 - 1922.

12. Cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Pen-giáp (Ấn Độ) năm 1918 đã thu hút các thành phần nào tham gia?

- A. Công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản.
- B. Nông dân, thị dân và đặc biệt là công nhân.
- C. Tư sản, quý tộc mới và công nhân.
- D. Công nhân, nông dân, tư sản dân tộc.

13. Tháng 12/1925 diễn ra sự kiện lịch sử gì tiêu biểu nhất có tác dụng quyết định đến phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở Ấn Độ?

- A. Đảng Quốc đại được thành lập.
- B. Đảng Bảo thủ ra đời.
- C. Đảng Cộng sản thành lập.
- D. Đảng Cộng hòa ra đời.

14. Suốt thập niên 30 của thế kỉ XX, phong trào đấu tranh chống thực dân Anh ở Ấn Độ diễn ra dưới hình thức nào?

- A. Bất hợp tác với thực dân Anh.
- B. Bạo động chống thực dân Anh.
- C. Bất bạo động.
- D. Thương lượng với thực dân Anh để thực dân Anh trao trả độc lập cho Ấn Độ.

Bài 31

CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918-1939)

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. TÌNH HÌNH CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

1. Tình hình kinh tế, chính trị-xã hội

- Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, chính sách khai thác và bóc lột thuộc địa của thực dân phương Tây đã tác động mạnh mẽ đến tình hình các nước Đông Nam Á. Những chuyển biến quan trọng về kinh tế, chính trị, xã hội đã diễn ra ở hầu khắp các nước trong khu vực.

- Cùng với những chuyển biến trong nước, thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga và cao trào cách mạng thế giới đã tác động mạnh mẽ đến phong trào độc lập dân tộc ở Đông Nam Á.

2. Khái quát chung về phong trào độc lập dân tộc ở Đông Nam Á

- Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào độc lập dân tộc phát triển ở hầu khắp các nước Đông Nam Á. So với những năm đầu thế kỉ XX, phong trào dân tộc tư sản có những bước tiến rõ rệt cùng với sự lớn mạnh của giai cấp tư sản dân tộc.

- Từ thập niên 20, giai cấp vô sản trẻ tuổi ở Đông Nam Á bắt đầu trưởng thành. Hàng loạt các Đảng Cộng sản được thành lập, mở đầu là Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a (tháng 5-1920). Tiếp theo, trong năm 1930, các Đảng Cộng sản lần lượt ra đời ở Việt Nam, Mã Lai, Xiêm và Phi-líp-pin.

II. PHONG TRÀO ĐỘC LẬP DÂN TỘC Ở IN-ĐÔ-NÊ-XI-A

1. Phong trào độc lập dân tộc trong thập niên 20 của thế kỉ XX

- Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, sự phát triển của phong trào công nhân và việc truyền bá chủ nghĩa Mác-Lê nin vào In-đô-nê-xi-a đã dẫn tới việc thành lập Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a vào tháng 5-1920.

- Đảng Cộng sản đã lãnh đạo cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Gia-va và Xu-ma-tơ-ra trong những năm 1926-1927. Cuộc khởi nghĩa thất bại nhưng đã làm rung chuyển nền thống trị của thực dân Hà Lan ở In-đô-nê-xi-a.

- Từ năm 1927, sau thất bại của Đảng Cộng sản, quyền lãnh đạo phong trào cách mạng chuyển vào tay Đảng Dân tộc của giai cấp tư sản, đứng đầu là Ác-mét-xu-các-nô. Với chủ trương đoàn kết các lực lượng dân tộc, chống đế quốc, đấu tranh bằng con đường hòa bình, bằng phong trào bất hợp tác với chính quyền thực dân, Đảng Dân tộc đã nhanh chóng trở thành lực lượng dẫn dắt phong trào giải phóng dân tộc ở In-đô-nê-xi-a.

2. Phong trào độc lập dân tộc trong thập niên 30 của thế kỉ XX

- Đầu thập niên 30, phong trào đấu tranh chống thực dân Hà Lan tiếp tục bùng nổ lan rộng khắp các đảo In-đô-nê-xi-a, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của các thủy binh ở cảng Su-ra-bay-a vào năm 1933.

- Sau khi khủng bố tàn khốc những người khởi nghĩa, chính quyền thực dân tăng cường đàn áp, bắt giữ các lãnh tụ Đảng Dân tộc và đặt Đảng ra ngoài vòng pháp luật.

- Cuối thập niên 30, trước nguy cơ của chủ nghĩa phát xít, những người cộng sản đã kết hợp với Đảng In-đô-nê-xi-a, thành lập Mặt trận thống nhất chống phát xít với tên gọi Liên minh chính trị In-đô-nê-xi-a.

III. PHONG TRÀO CHỐNG THỰC DÂN FÁP Ở LÀO VÀ CAM-PU-CHIA

1. Phong trào chống Pháp trong những năm 20 của thế kỉ XX

- Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, thực dân Pháp tăng cường chính sách khai thác thuộc địa, nhất là ở các nước Đông Dương, chính sách khai thác

tàn bạo và chế độ thuế khóa, lao dịch nặng nề đã làm bùng nổ phong trào đấu tranh chống Pháp ở các nước Đông Dương.

- Ở Lào, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Ong Kẹo và Kom-ma-dam tiếp diễn trong hơn 30 năm đầu thế kỉ XX.

- Ở Cam-pu-chia, tiêu biểu là cuộc nổi dậy của nông dân Công-pông-chơ-năng.

2. Phong trào chống Pháp trong những năm 30 của thế kỉ XX

- Từ năm 1930, sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (từ tháng 10-1930 là Đảng Cộng sản Đông Dương) đã mở ra thời kì mới của phong trào cách mạng ở Đông Dương. Những cơ sở bí mật đầu tiên của Đảng đã được thành lập ở Lào và Cam-pu-chia. Sau thất bại của phong trào Xô viết Nghệ-Tĩnh ở Việt Nam, thực dân Pháp tập trung lực lượng, đàn áp dã man những người cộng sản, phá vỡ các cơ sở cách mạng ở hai nước này.

- Trong những năm 1936-1939, Mặt trận Dân chủ Đông Dương được thành lập, tập hợp các tầng lớp nhân dân đấu tranh chống bọn phản động thuộc địa, chống phát xít, chống chiến tranh. Tháng 9-1940, phong trào cách mạng Lào, Cam-pu-chia chuyển sang giai đoạn chống phát xít Nhật và thực dân Pháp.

IV. CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG THỰC DÂN ANH Ở MÃ LAI VÀ MIẾN ĐIỆN

1. Phong trào chống thực dân Anh ở Mã Lai

- Từ đầu thế kỉ XX phong trào đấu tranh chống thực dân Anh đã lan rộng trên khắp bán đảo Mã Lai. Ách áp bức bóc lột nặng nề của chủ nghĩa thực dân, gánh nặng nợ nần chồng chất đã làm bùng nổ những cuộc đấu tranh của nông dân người Mã Lai bản địa và người Mã Lai gốc Hoa, gốc Ấn. Giai cấp tư sản dân tộc thông qua tổ chức Đại hội toàn Mã Lai đã lên tiếng đấu tranh đòi dùng tiếng Mã Lai trong nhà trường, đòi thực hiện tự do dân chủ trong kinh doanh. Nhiều cuộc bãi công lớn của công nhân bùng nổ đòi tăng lương, cải thiện điều kiện làm việc.

- Tháng 4-1930, Đảng Cộng sản Mã Lai được thành lập. Sự kiện này đã tác động đến sự phát triển của phong trào công nhân. Trong những năm 1934-1936, các cuộc tổng bãi công của công nhân liên tiếp diễn ra, chính quyền thực dân buộc phải đi đến thỏa thuận tăng lương cho công nhân.

2. Phong trào chống thực dân Anh ở Miến Điện

- Vào đầu thế kỉ XX, các nhà sư trẻ đứng đầu là Ôt-ta-ma đã khởi xướng phong trào bất hợp tác, không đóng thuế và tẩy chay hàng hóa Anh. Phong trào lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia.

- Trong thập niên 30, học sinh, sinh viên Miến Điện đã phát động Phong trào Tha-kin (phong trào của những người làm chủ đất nước) đòi cải cách quy chế đại học, thành lập trường học riêng cho Miến Điện, đòi tách Miến Điện ra khỏi Ấn Độ và được quyền tự trị. Trước áp lực đấu tranh mạnh mẽ của quần chúng, năm 1937 Miến Điện được tách ra khỏi Ấn Độ, chấm dứt hơn nửa thế kỉ là một tỉnh của Ấn Độ thuộc Anh.

V. CUỘC CÁCH MẠNG NĂM 1932 Ở XIÊM (THÁI LAN)

- Mặc dù là nước duy nhất ở Đông Nam Á không bị rơi vào tình trạng thuộc địa, nhưng trên thực tế nước Xiêm cũng không giữ được trọn vẹn nền độc lập của mình và phải phụ thuộc về nhiều mặt vào Anh và Pháp. Sự bất mãn của các tầng lớp trong xã hội đối với chế độ quân chủ Ra-ma VII ngày một tăng.

- Mùa hè năm 1932, một cuộc cách mạng đã nổ ra ở Băng Cốc dưới sự lãnh đạo của giai cấp tư sản, đứng đầu là Phi-đi Pha-nô-mi-ông.

- Cách mạng năm 1932 đã thay thế chế độ quân chủ chuyên chế bằng chế độ quân chủ lập hiến, tạo điều kiện tiến hành các cải cách theo hướng tư sản, mở ra một thời kì phát triển mới của Xiêm.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Hãy khoanh tròn một chữ in hoa đứng trước câu trả lời đúng.

1. Trong những thập niên đầu thế kỉ XX, các nước Đông Nam Á bị cuốn vào hệ thống kinh tế của chủ nghĩa tư bản thế giới như thế nào?

A. Kinh tế phát triển mạnh mẽ theo hướng tư bản chủ nghĩa.

B. Kinh tế hội nhập với các nước tư bản chủ nghĩa.

C. Trở thành thị trường tiêu thụ hàng hóa và là nơi cung cấp nguyên liệu cho các nước tư bản chủ nghĩa.

D. Tất cả đều đúng.

2. Những thập niên đầu thế kỉ XX, kinh tế Đông Nam Á hội nhập vào các nước tư bản chủ nghĩa. Đặc điểm của sự hội nhập này người ta gọi là :

A. Sự hội nhập bình đẳng và hai bên cùng có lợi.

B. Sự hội nhập cưỡng chế.

C. Sự hội nhập đa phương.

D. Sự hội nhập mở cửa.

3. Đặc trưng cơ bản về thể chế chính trị ở các nước Đông Nam Á những thập niên đầu thế kỉ XX là gì?

A. Trở thành thuộc địa, hoặc nửa thuộc địa, nửa phong kiến.

B. Bị chính quyền thực dân khống chế.

C. Tồn tại chế độ quân chủ chuyên chế.

D. Tồn tại chế độ cộng hòa tư sản.

4. Giai cấp nào ở Đông Nam Á lớn mạnh cùng với sự phát triển của kinh tế công thương nghiệp?

A. Giai cấp công nhân.

B. Giai cấp nông dân.

C. Giai cấp tư sản dân tộc.

D. Giai cấp tư sản mại bản.

5. Mục tiêu đấu tranh của giai cấp tư sản dân tộc ở các nước Đông Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất là:

A. Khai trí để chấn hưng quốc gia.

B. Giành độc lập dân tộc.

C. Đòi quyền tự do trong kinh doanh.

D. Đòi các quyền dân sinh dân chủ.

6. Đảng Cộng sản nước nào được thành lập đầu tiên ở Đông Nam Á?

- A. Đảng Cộng sản Việt Nam. B. Đảng Cộng sản Phi-lip-pin.
C. Đảng Cộng sản Mã Lai. D. Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a.

7. Trong năm 1930, Đảng Cộng sản lần lượt ra đời ở các nước nào thuộc Đông Nam Á?

- A. Đảng Cộng sản Việt Nam, Mã Lai, Xiêm, Phi-lip-pin.
B. Đảng Cộng sản Việt Nam, In-đô-nê-xi-a, Xiêm.
C. Đảng Cộng sản Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia, In-đô-nê-xi-a.
D. Đảng Cộng sản Việt Nam, Phi-lip-pin, Xin-ga-po.

8. Phong trào đấu tranh của giai cấp nào diễn ra sôi nổi ở In-đô-nê-xi-a trong những năm 1920 - 1925?

- A. Công nhân, nông dân và tư sản dân tộc.
B. Tư sản dân tộc, tiểu tư sản.
C. Công nhân, nông dân.
D. Công nhân, nông dân và tiểu tư sản.

9. Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a đã phát động khởi nghĩa vũ trang ở Gia-va và Xu-ma-tơ-ra vào thời gian nào?

- A. Những năm 1920 - 1925. C. Những năm 1922 - 1926.
B. Những năm 1922 - 1924. D. Những năm 1926 - 1927.

10. Từ năm 1927, quyền lãnh đạo cách mạng ở In-đô-nê-xi-a chuyển vào tay giai cấp nào?

- A. Giai cấp công nhân. C. Giai cấp nông dân.
B. Giai cấp tư sản dân tộc. D. Giai cấp địa chủ phong kiến.

11. Năm 1927, Ác-nét Xu-các-nô là lãnh tụ của đảng nào ở In-đô-nê-xi-a?

- A. Đảng Cộng sản. C. Đảng Dân tộc.
B. Đảng Quốc đại. D. Đảng Bảo thủ.

12. Phong trào cách mạng ở In-đô-nê-xi-a tạm thời lắng xuống trong khoảng thời gian nào?

- A. Những năm 1929 - 1933. C. Những năm 1932 - 1935.
B. Những năm 1933 - 1937. D. Đầu thập niên 30 thế kỉ XX.

13. Cuối thập niên 30 của thế kỉ XX, những người cộng sản đã kết hợp với Đảng In-đô-nê-xi-a thành lập tổ chức nào?

- A. Mặt trận dân tộc thống nhất In-đô-nê-xi-a.
B. Liên minh chính trị In-đô-nê-xi-a.
C. Liên minh dân tộc In-đô-nê-xi-a.
D. Mặt trận dân chủ In-đô-nê-xi-a.

14. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, nơi nào được coi là thuộc địa quan trọng và giàu có nhất trong các thuộc địa của Pháp?

- A. Đông Nam Á. C. Các nước Đông Dương.
B. Việt Nam. D. Châu Phi.

15. Trong những năm 1936 - 1939, Mặt trận nào được thành lập ở Đông Dương?

- A. Mặt trận Dân chủ Đông Dương.
B. Mặt trận Dân tộc Đông Dương.
C. Mặt trận Phản đế Đông Dương.
D. Mặt trận Dân tộc Thống nhất Phản đế Đông Dương.

16. Đầu thế kỉ XX, phong trào đấu tranh của nhân dân Mã Lai chống bọn thực dân nào?

- A. Thực dân Pháp. C. Thực dân Bồ Đào Nha.
B. Thực dân Tây Ban Nha. D. Thực dân Anh.

17. Đảng Cộng sản Mã Lai được thành lập vào thời gian nào?

- A. Tháng 6 - 1930. C. Tháng 4 - 1930.
B. Tháng 8 - 1930. D. Tháng 2 - 1930.

18. Những năm đầu thế kỉ XX đã diễn ra những cuộc nổi dậy của các giai cấp và tầng lớp nào ở Miến Điện chống thực dân Anh?

- A. Nông dân, công nhân nông nghiệp và binh lính.
B. Nông dân, thợ thủ công và binh lính.
C. Công nhân, nông dân và thợ thủ công.
D. Công nhân, nông dân và thợ thủ công.

19. Trong thập niên 30 thế kỉ XX, tầng lớp nào ở Miến Điện phát động phong trào Tha-kin?

- A. Tiểu tư sản. C. Dân nghèo thành thị.
B. Học sinh, sinh viên. D. Binh lính.

20. Mùa hè năm 1932, một cuộc cách mạng đã xảy ra ở Băng Cốc (Thái Lan) dưới sự lãnh đạo của giai cấp nào?

- A. Tư sản. C. Nông dân.
B. Vô sản. D. Địa chủ phong kiến.

21. Ác-nít Xu-các-nô là lãnh tụ của nước nào?

- A. Xiêm (Thái Lan). C. Miến Điện.
B. In-đô-nê-xi-a. D. Mã Lai.

22. Nhóm ôn hòa Pắc Chuông, Sơn Ngọc Thành thuộc nước nào ở Đông Nam Á?

- A. In-đô-nê-xi-a. C. Cam-Pu-Chia. B. Xiêm (Thái Lan). D. Lào.

23. Ủy ban Cách mạng Có-manh-đan được thành lập để lãnh đạo phong trào cách mạng nước nào ở Đông Nam Á?

- A. Lào. C. Miến Điện. B. Cam-pu-chia. D. Mã Lai.

24. Nhà sư trẻ tuổi Ốt-tô-ma đã khởi xướng phong trào bất hợp tác, không đóng thuế, tẩy chay hàng Anh. Ông là người nước nào?

- A. Miến Điện. C. In-đô-nê-xi-a. B. Mã Lai. D. Xiêm (Thái Lan).

CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1939-1945)

Bài 32

CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1939-1945)

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. CON ĐƯỜNG DẪN ĐẾN CHIẾN TRANH. GIAI ĐOẠN ĐẦU CUỘC CHIẾN TRANH Ở CHÂU ÂU (9-1939 - 6-1941)

1. Con đường dẫn đến chiến tranh (1931 -1939)

a. Liên minh phát xít đẩy mạnh chiến tranh xâm lược

- Từ cuộc khủng hoảng kinh tế (1929-1933), các nước phát xít Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản đã liên kết với nhau thành Liên minh phát xít, còn được gọi là trục Béc-lin - Rô-ma - Tô-ki-ô. Khối này vừa chống lại Quốc tế Cộng sản, vừa gây chiến tranh chia lại thế giới.

- Trong bối cảnh đó, các cường quốc tư bản và Liên Xô lại không có đường lối hành động chung. Các nước phát xít đã lợi dụng tình hình đó để thực hiện mục tiêu gây chiến tranh xâm lược của mình.

- Trước hết Hít-le quyết định sáp nhập Áo vào nước Đức, rồi tiến hành xâm lược các nước khác. Tiếp đó, Hít-le yêu cầu Chính phủ Tiệp Khắc chuyển giao xứ Xuy-đét cho người Đức.

b. Từ Hội nghị Mui-ních đến Chiến tranh thế giới

- Ngày 29-9-1938, Hội nghị Mui-ních được triệu tập với sự tham gia của người đứng đầu các Chính phủ Anh, Pháp, Đức và I-ta-li-a. Một hiệp định đã được kí kết, theo đó Anh, Pháp trao vùng Xuy-đét của Tiệp Khắc cho Đức để đổi lấy sự cam kết của Hít-le về việc chấm dứt mọi cuộc thôn tính ở châu Âu. Đại biểu Tiệp Khắc được mời đến Mui-ních chỉ để tiếp nhận và thi hành hiệp định.

- Sau khi chiếm Xuy-đét, Hít-le thôn tính toàn bộ Tiệp Khắc (tháng 3-1939). Không dừng lại ở đó, Hít-le bắt đầu gây hấn và chuẩn bị tiến hành chiến tranh với Ba Lan.

2. Chiến tranh thế giới bắt đầu giữa Đức với Ba Lan, Anh, Pháp

- Rạng sáng ngày 1-9-1939, quân đội Đức tấn công Ba Lan. Hai ngày sau, Anh và Pháp buộc phải tuyên chiến với Đức. Chiến tranh thế giới thứ hai bắt đầu. Với ưu thế tuyệt đối về sức mạnh, quân Đức áp dụng chiến lược "Chiến tranh chớp nhoáng" và chiếm được Ba Lan sau gần một tháng.

- Liên quân Anh - Pháp dàn trận dọc biên giới phía tây nước Đức, nhưng không tấn công Đức.

- Liên Xô tiến hành một số hoạt động quân sự và chính trị để giành lại lãnh thổ của Nga cũ.

3. Phe Trục xâm chiếm và thống trị phần lớn châu Âu

- Tháng 4-1940, quân Đức chuyển hướng tấn công từ phía đông sang phía tây, chiếm hầu hết các nước tư bản châu Âu như Đan Mạch, Na Uy, Bỉ, Hà Lan, Luc-xăm-bua và đánh thẳng vào nước Pháp.

- Tháng 9-1940, nhằm củng cố khối liên minh phát xít, Hiệp ước Tam cường Đức - I-ta-li-a - Nhật Bản được kí kết tại Béc-lin, thừa nhận sự thống trị của Đức và I-ta-li-a ở châu Âu.

- Từ tháng 10-1940, Hít-le chuyển sang thôn tính các nước Đông và Nam châu Âu. Các nước Ru-ma-ni, Hung-ga-ri, Bun-ga-ri trở thành chư hầu của Đức và bị quân Đức chiếm đóng. Bằng vũ lực, quân Đức và I-ta-li-a thôn tính Nam Tư và Hi Lạp. Đến mùa hè năm 1941, phe phát xít đã thống trị phần lớn châu Âu.

II. CHIẾN TRANH LAN RỘNG KHẮP THẾ GIỚI (TỪ THÁNG 6-1941 ĐẾN THÁNG 6-1944)

1. Đức tấn công Liên Xô (6-1941 - 11-1942). Chiến sự tại Bắc Phi

a. Đức tấn công Liên Xô

- Ngày 22-6-1941, phát xít Đức tấn công Liên Xô bất chấp Hiệp định Xô - Đức. Đức sử dụng chiến thuật "chiến tranh chớp nhoáng" đánh vào Liên Xô theo ba hướng:

+ Đạo quân phía Bắc đánh vào Lê-nin-grát.

+ Đạo quân trung tâm tiến vào ngoại vi Thủ đô Mát-xcơ-va.

+ Đạo quân phía nam chiếm Ki-ép và phần lớn U-crai-na.

- Quân đội và nhân dân Liên Xô kiên quyết chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Tháng 12-1941, Hồng quân Liên Xô do tướng Giu-cốp chỉ huy đã phản công quyết liệt, đẩy lùi quân Đức ra khỏi cửa ngõ thủ đô. Chiến tranh Mát-xcơ-va đã làm phá sản chiến lược "chiến tranh chớp nhoáng" của Hít-le.

- Sau thất bại ở Mát-xcơ-va, quân Đức chuyển mũi nhọn tấn công xuống phía nam nhằm đánh chiếm Xta-lin-grát. Cuộc chiến đấu kéo dài hơn hai tháng nhưng quân Đức không thể chiếm được thành phố này.

b. Chiến sự tại Bắc Phi

- Ngay từ tháng 9-1940 quân đội I-ta-li-a đã tấn công Ai Cập. Cuộc chiến ở đây diễn ra trong thế giằng co, không phân thắng bại giữa liên quân Đức-I-ta-li-a với liên quân Anh-Mĩ.

- Tháng 10-1942, liên quân Anh-Mĩ giành thắng lợi trong trận En A-la-men (Ai Cập), giành lại ưu thế ở Bắc Phi và chuyển sang phản công trên toàn mặt trận.

2. Nhật khai chiến với Mĩ - Anh. Chiến tranh Thái Bình Dương bắt đầu (12-1941- 11-1942)

a. Nhật khai chiến với Mĩ - Anh

- Ngày 7-12-1941, quân Nhật bất ngờ tấn công Trân Châu Cảng - căn cứ hải quân chủ yếu của Mĩ ở Thái Bình Dương. Hạm đội Mĩ bị thiệt hại nặng

nề. Cùng lúc đó, Nhật đổ bộ ở Nam Thái Bình Dương và Bắc Mã Lai. Nhật tuyên chiến với Mĩ - Anh.

- Ngày 1-1-1942, Liên Xô, Mĩ, Anh kí bản Tuyên ngôn Liên hiệp quốc, khẳng định quyết tâm chống phát xít.

b. Chiến tranh Thái Bình Dương

- Khi chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ, Nhật tiến hành đánh chiếm khu vực Đông Nam Á: chiếm Thái Lan, Mã Lai, Xin-ga-po.

- Nhật mở rộng chiến tranh Thái Bình Dương. Đến năm 1942, Nhật đã bành trướng tới đa ở Đông Á, Đông Nam Á và Tây Thái Bình Dương

3. “Trật tự mới” của phe Trục và phong trào kháng chiến chống phát xít

a. “Trật tự mới” của phe Trục

- Ở châu Âu: Sự thống trị của Đức Quốc xã đã tạo ra cái gọi là “Trật tự mới” ở châu:

+ Đối với các nước bị chiếm đóng, Đức thống trị bằng bạo lực và khủng bố. Hít-le thực hiện chính sách phân biệt chủng tộc cực kỳ tàn bạo.

+ Đối với người Do Thái bị Hít-le dành cho “giải pháp cuối cùng” nghĩa là tiêu diệt toàn bộ.

- Ở châu Á: Nhật Bản tuyên bố “Khu vực thịnh vượng chung Đại Đông Á” với khẩu hiệu “Châu Á của người châu Á”. Nhưng Nhật thiết lập ở đây ách thống trị tàn bạo và khủng bố.

b. Phong trào kháng chiến chống phát xít

- Tại Pháp, Đảng Cộng sản và nhiều tổ chức khác đã thành lập lực lượng kháng chiến trong nước

- Tại Nam Tư, phong trào kháng chiến của Đảng Cộng sản diễn ra mạnh mẽ.

- Tại Ba Lan, Đảng Cộng sản thành lập “Quân đội nhân dân”, “Quân đội trong nước” để chống phát xít.

- Tại Liên Xô, chiến tranh du kích trong vùng bị địch chiếm đã làm rung chuyển hậu phương quân đội Đức.

- Phong trào kháng chiến ở Đông Nam Á cũng lên cao, nhất là ở Trung Quốc, Việt Nam, Phi-lip-pin, Mã Lai, Miến Điện...

4. Đồng minh phản công (11-1942 - 6-1944)

- Trận phản công tại Xta-lin-grát (từ tháng 11-1942 đến tháng 2-1943) của quân đội Liên Xô đã tạo nên bước ngoặt của cuộc chiến tranh thế giới. Trong trận đánh vĩ đại này, Hồng quân Liên Xô đã tấn công, bao vây, chia cắt để tiêu diệt và bắt sống toàn bộ đội quân tinh nhuệ của Đức gồm 33 vạn người do Thống chế Pao-lút chỉ huy. Bắt đầu từ đây, Liên Xô và phe Đồng minh chuyển sang tấn công đồng loạt trên các mặt trận.

- Tiếp đó Đồng minh chiếm đảo Xi-xi-li-a (7-1943), chính phủ phát xít I-ta-li-a bị lật đổ, phải kí kết đầu hàng Đồng minh (3-9-1943).

III. GIAI ĐOẠN KẾT THÚC (6-1944 - 8-1945). KẾT CỤC VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA CHIẾN TRANH

1. Tiêu diệt phát xít Đức

a. Mĩ - Anh mở mặt trận thứ hai ở Tây Âu

- Cuộc đổ bộ vào Noóc-măng-đi (Bắc Pháp) từ ngày 6-6-1944 của liên quân Mĩ - Anh và Đồng minh mở “Mặt trận thứ hai”.

- Quân Đồng minh đổ bộ tiến vào giải phóng các nước Pháp, Bỉ, Hà Lan và chuẩn bị tấn công nước Đức.

b. Liên Xô giải phóng Đông Âu

- Từ tháng 7-1944 đến tháng 10-1944, Hồng quân Liên Xô tiến quân vào Đông Âu, giúp nhân dân Đông Âu tiêu diệt phát xít Đức, giải phóng hàng loạt các nước Đông Âu.

c. Quân Đồng minh tấn công Đức Quốc xã đầu hàng

- Từ tháng 1-1945, Hồng quân Liên Xô cũng bắt đầu cuộc tấn công nước Đức ở mặt trận phía Đông.

- Tháng 2-1945, ở mặt trận phía tây, Mĩ - Anh và các nước Đồng minh khác vượt sông Ranh tràn vào nước Đức.

- Từ 16-4 đến 2-5-1945, Hồng quân Liên Xô đã đập tan sự kháng cự của quân phát xít Đức. Ngày 9-5-1945, Đức kí hiệp định đầu hàng không điều kiện. Chiến tranh chấm dứt ở châu Âu.

2. Nhật Bản đầu hàng

- Ở mặt trận Thái Bình Dương, từ năm 1944, liên quân Mĩ-Anh đã triển khai các cuộc tấn công đánh chiếm Miến Điện và quần đảo Phi-líp-pin. Quân Mĩ tăng cường uy hiếp, đánh phá các thành phố lớn của nước Nhật bằng không quân.

- Ngày 6-8-1945, Mĩ ném quả bom nguyên tử đầu tiên xuống thành phố Hi-rô-si-ma. Ngày 8-8, Liên Xô tuyên chiến với Nhật và tấn công đạo quân Quan Đông ở Mãn Châu. Ngày 9-8, Mĩ ném tiếp quả bom nguyên tử thứ hai hủy diệt thành phố Na-ga-xa-ki. Ngày 15-8, Nhật Bản chấp nhận đầu hàng không điều kiện. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

3. Kết cục của Chiến tranh thế giới thứ hai

- Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc với sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa phát xít Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản. Thắng lợi vĩ đại thuộc về các dân tộc trên thế giới đã kiên cường chiến đấu chống chủ nghĩa phát xít. Trong cuộc chiến đấu ấy, ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh là lực lượng trụ cột, giữ vai trò quyết định trong việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít.

- Hậu quả của chiến tranh là vô cùng nặng nề đối với nhân loại. Hơn 70 quốc gia với 1700 triệu người đã bị lôi cuốn vào vòng chiến, khoảng 60 triệu người chết, 90 triệu người bị tàn phế.

- Chiến tranh kết thúc đã dẫn đến những biến đổi căn bản của tình hình thế giới.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Hãy khoanh tròn một chữ in hoa đứng trước câu trả lời đúng.

1. Từ khi Hòa ước Véc-xai được kí kết, đến bao nhiêu năm sau bùng nổ Chiến tranh thế giới thứ hai?
A. 21 năm. C. 18 năm.
B. 20 năm. D. 19 năm.
2. Đức và Nhật đã rút ra khỏi Hội Quốc liên vào năm nào?
A. Năm 1919. C. Năm 1933.
B. Năm 1923. D. Năm 1935.
3. Năm 1937, diễn ra sự kiện lịch sử gì có liên quan đến ba nước Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản?
A. Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản rút ra khỏi Hội Quốc Liên.
B. Đức mở rộng chiến tranh ở châu Âu.
C. Trục Béc-lin, Rô-ma, Tô-ki-ô thành lập.
D. Nhật Bản mở rộng chiến tranh ở châu Á - Thái Bình Dương.
4. Trước các cuộc chiến tranh xâm lược của liên minh phát xít, thái độ của Hoa Kỳ như thế nào?
A. Hợp tác với Anh, Pháp chống lại liên minh phát xít.
B. Coi chủ nghĩa phát xít là kẻ thù nguy hiểm nhất, nên đã chủ trương đoàn kết với các nước tư bản chống phát xít.
C. Rất lo sợ chủ nghĩa phát xít, đồng thời vẫn thù ghét chủ nghĩa cộng sản.
D. Không tham gia Hội Quốc liên và không can thiệp vào các sự kiện ở bên ngoài châu Mỹ.
5. Để thành lập Nhà nước "Đại Đức", trước hết Hít-le quyết định sáp nhập nước nào vào nước Đức?
A. Nước Tiệp. C. Nước Ba Lan.
B. Nước Áo. D. Nước An-ba-ni.
6. Vấn đề Xuy-đet ở Tiệp Khắc đã dẫn đến sự tranh chấp gay gắt giữa:
A. Đức, Tiệp Khắc, Liên Xô, Anh và Pháp.
B. Đức, I-ta-li-a, Nhật, Anh và Pháp.
C. Đức, Mỹ, Liên Xô, Anh và Pháp.
D. Đức, Tiệp Khắc, Liên Xô, Anh và Mỹ.
7. Hội nghị Mui-ních được triệu tập vào thời gian nào? Không có sự tham gia của các nước nào?
A. Ngày 29 - 9 - 1938. Không có Anh, Mỹ tham gia.
B. Ngày 30 - 9 - 1938. Không có Liên Xô, Tiệp Khắc tham gia.
C. Ngày 28 - 9 - 1938. Không có Nhật, I-ta-li-a tham gia.
D. Ngày 29 - 9 - 1938. Không có Liên Xô, Tiệp Khắc tham gia.

8. Trong lúc Hít-le thôn tính toàn bộ Tiệp Khắc (3-1939) thì Mút-xô-li-ni chiếm nước nào?
A. Hung-ga-ri. C. An-ba-ni.
B. Bun-ga-ri. D. Ru-ma-ni.
9. Với chính sách nhượng bộ của Anh và Pháp tại Hội nghị Mui-ních đã có tác động như thế nào đối với chiến tranh thế giới thứ hai?
A. Cứu được tình thế hòa bình ở châu Âu.
B. Khuyến khích bọn phát xít đẩy mạnh chiến tranh xâm lược.
C. Hạn chế quá trình dẫn đến chiến tranh thế giới thứ hai.
D. Đè bẹp âm mưu mở rộng chiến tranh của phát xít.
10. Ngày 23 - 8 - 1939, Liên Xô và Đức kí với nhau hiệp ước gì?
A. Hiệp ước phòng thủ chung châu Âu. B. Hiệp ước Bơ-rét-li-tốp.
C. Hiệp ước không xâm lược nhau. D. Hiệp ước liên minh quân sự.
11. Chiến tranh thế giới lần thứ hai chính thức bùng nổ vào thời gian nào? Gắn với sự kiện gì?
A. Ngày 01 - 9 - 1939. Đức đánh chiếm Pháp.
B. Ngày 01 - 6 - 1940. Đức đánh chiếm Ba Lan.
C. Ngày 09 - 3 - 1939. Đức đánh chiếm Tiệp Khắc.
D. Ngày 01 - 9 - 1939. Đức đánh chiếm Ba Lan.
12. Khi Đức đánh Ba Lan, nước nào tuyên chiến với Đức?
A. Anh và Pháp tuyên chiến với Đức.
B. Anh, Pháp và Mỹ tuyên chiến với Đức.
C. Liên Xô, Anh, Pháp và Mỹ tuyên chiến với Đức.
D. Anh, Pháp, Ba Lan, Mỹ tuyên chiến với Đức.
13. Thủ đô Vác-sa-va của Ba Lan bị Đức chiếm đóng vào thời gian nào?
A. Ngày 20 - 9 - 1939. B. Ngày 28 - 9 - 1939.
C. Ngày 17 - 9 - 1939. D. Ngày 11 - 9 - 1939.
14. Tháng 4 - 1940, Đức Quốc xã chuyển hướng tấn công từ phía đông sang phía tây bằng việc xâm chiếm đầu tiên các nước nào?
A. Anh và Pháp. C. Đan Mạch và Na Uy.
B. Hà Lan và Bỉ. D. Tất cả các nước trên.
15. Khi Đức đánh vào nước Pháp, quân Pháp chiến đấu bao lâu thì bị bại trận?
A. Ba tuần. C. Năm tuần.
B. Bốn tuần. D. Sáu tuần.
16. Lí do khách quan nào làm cho Đức không thực hiện được kế hoạch đổ bộ vào nước Anh năm 1940?
A. Quân đội Đức đã suy yếu do đánh chiếm nhiều nước ở châu Âu.
B. Anh có ưu thế về không quân và hải quân.
C. Liên Xô đã tuyên chiến với Đức ở mặt trận phía Đông.
D. Hoa Kỳ bắt đầu viện trợ cho Anh.

17. Tháng 9 - 1940, Hiệp ước Tam cường Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản được kí kết tại đâu?

- A. Tại Rô-ma.
- B. Tại Tô-ki-ô.
- C. Tại Giơ-ne-vơ.
- D. Tại Béc-lin.

18. Những năm 1940 - 1941, Hít-le đã khôn khéo lôi kéo được các nước nào ở Đông Âu gia nhập Hiệp ước Tam cường?

- A. Hung-ga-ri, Ru-ma-ni, Bun-ga-ri.
- B. Ru-ma-ni, Hung-ga-ri, Bun-ga-ri.
- C. Ru-ma-ni, Ba Lan, Tiệp Khắc.
- D. Ru-ma-ni, An-ba-ni, Bun-ga-ri.

19. Vào thời gian nào Đức mở cuộc tấn công "chớp nhoáng" vào lãnh thổ Liên Xô?

- A. Ngày 22 - 4 - 1941.
- B. Ngày 28 - 4 - 1941.
- C. Ngày 22 - 6 - 1941.
- D. Ngày 30 - 6 - 1941.

20. Trong "chiến tranh chớp nhoáng" của mình, Đức dự định đánh bại Liên Xô trong mấy tuần?

- A. Từ sáu đến tám tuần.
- B. Từ tám đến mười tuần.
- C. Từ hai đến bốn tuần.
- D. Từ ba đến sáu tuần.

21. Chiến lược "Chiến tranh chớp nhoáng" của Đức bị thất bại bởi mặt trận nào ở Liên Xô?

- A. Mặt trận Xta-lin-grát.
- B. Mặt trận Mát-xcơ-va.
- C. Mặt trận Lê-nin-grát.
- D. Mặt trận phía Bắc Liên Xô.

22. Trận Trân Châu Cảng (12 - 1941) mở đầu cuộc chiến tranh Thái Bình Dương giữa các nước nào?

- A. Nhật Bản với Mĩ - Anh.
- B. Nhật Bản với Mĩ - Pháp.
- C. Nhật Bản với Mĩ.
- D. Nhật Bản với Mĩ - Anh - Pháp.

23. Hạm đội của nước nào bị thiệt hại nặng nề nhất ở trận Trân Châu Cảng?

- A. Hạm đội Anh.
- B. Hạm đội Pháp.
- C. Hạm đội Nhật.
- D. Hạm đội Mĩ.

24. Ngày 01 - 01 - 1942 tại Oa-sinh-ton diễn ra sự kiện gì gắn với Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Pháp kí bản Tuyên ngôn Liên hiệp quốc, khẳng định quyết tâm chống phát xít.
- B. Ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Trung Quốc kí Hiệp ước Bảo vệ Hòa bình an ninh thế giới.
- C. Ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh kí bản Tuyên ngôn Liên hiệp quốc, khẳng định quyết tâm chống phát xít.
- D. Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp kí Hiệp ước Phòng thủ chung châu Âu và Bắc Mĩ.

25. Khi chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ, Nhật tiến hành việc đánh chiếm khu vực nào?

- A. Tây Thái Bình Dương.
- B. Đông Nam Á.
- C. Tây Nam Á.
- D. Bắc Á.

26. Năm 1942, đế quốc Nhật Bản đã thống trị các vùng nào ở châu Á - Thái Bình Dương?

- A. Đông Á, Tây Á và tây Thái Bình Dương.
- B. Đông Á, Nam Á và nam Thái Bình Dương.
- C. Tây Á, Đông Á và bắc Thái Bình Dương.
- D. Đông Á, Đông Nam Á và tây Thái Bình Dương.

27. Nhật Bản tuyên bố lập "Khu vực thịnh vượng chung Đại Đông Á" với khẩu hiệu:

- A. "Châu Á của người Nhật Bản".
- B. "Phòng thủ chung châu Á".
- C. "Châu Á của người châu Á".
- D. "Nhật Bản hợp tác toàn diện với châu Á".

28. Trận phản công tại Xta-lin-grát (Liên Xô) diễn ra trong khoảng thời gian nào?

- A. Từ ngày 19 - 11 - 1942 đến ngày 02 - 02 - 1943.
- B. Từ ngày 11 - 9 - 1942 đến ngày 02 - 02 - 1943.
- C. Từ ngày 11 - 6 - 1941 đến ngày 19 - 01 - 1942.
- D. Từ ngày 20 - 9 - 1942 đến ngày 20 - 02 - 1943.

29. Ngày 12 - 5 - 1943 diễn ra sự kiện lịch sử gì ở Tuy-ni-di ?

- A. Toàn bộ quân phát xít I-ta-li-a ở Tuy-ni-di phải đầu hàng quân Đồng minh.
- B. Toàn bộ quân Đức và I-ta-li-a ở Tuy-ni-di đầu hàng Đồng minh.
- C. Quân Đồng minh đổ bộ lên Tuy-ni-di, mở đầu cuộc tấn công quân đội I-ta-li-a.
- D. Quân Mĩ, Anh tiến vào Tuy-ni-di để tiêu diệt phát xít I-ta-li-a.

30. Thủ đô Rô-ma của I-ta-li-a bị quân Đồng minh chiếm đóng vào thời gian nào?

- A. Tháng 9 - 1943.
- B. Tháng 12 - 1943.
- C. Tháng 6 - 1944.
- D. Tháng 8 - 1944.

31. Từ ngày 6-6-1944, quân đội Đức Quốc xã phải chiến đấu cùng một lúc trên hai mặt trận, đó là:

- A. Phía tây chống Liên Xô, phía đông chống Anh - Mĩ.
- B. Phía đông chống Liên Xô, phía tây chống Anh - Pháp.
- C. Phía đông chống các nước Đông Âu và tây chống các nước Anh - Pháp - Mĩ.
- D. Phía đông chống Liên Xô, phía tây chống Anh - Mĩ.

32. Chiến dịch nào của Liên Xô đã đánh tan đạo quân trung tâm mạnh nhất của Đức?

- A. Chiến dịch giải phóng Xta-lin-grát.
- B. Chiến dịch giải phóng Bê-lô-rút-xi-a.
- C. Chiến dịch giải phóng Lát-vi-a.
- D. Chiến dịch giải phóng Mát-xcơ-va.

33. Cuộc tấn công của quân Đồng minh vào sào huyệt Béc-lin diễn ra trong khoảng thời gian nào?

- A. Từ ngày 26 - 4 - 1945 đến ngày 2 - 5 - 1945.
- B. Từ tháng 3 - 1945 đến tháng 4 - 1945.
- C. Từ ngày 16 - 4 - 1945 đến ngày 2 - 5 - 1945.
- D. Từ ngày 4 - 6 - 1945 đến ngày 5 - 2 - 1945.

34. Ngày 9 - 5 - 1945, diễn ra sự kiện lịch sử gì ở mặt trận châu Âu trong Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Nước Đức kí hiệp định đầu hàng Đồng minh không điều kiện, chiến tranh đã chấm dứt ở châu Âu.
- B. Quân Đồng minh vượt sông Ranh vào nước Đức.
- C. Hít-le tự tử dưới hầm chỉ huy.
- D. Hội nghị Pốt-xđam khai mạc.

35. Ngày 15 - 8 - 1945, diễn ra sự kiện lịch sử gì đối với phát xít ở châu Á - Thái Bình Dương?

- A. Mĩ thả bom nguyên tử xuống Nhật Bản, hủy diệt thành phố Hi-rô-si-ma.
- B. Hồng quân Liên Xô đánh bại một triệu quân Quan Đông của Nhật.
- C. Quả bom nguyên tử thứ hai của Mĩ thả xuống phá hủy thành phố Na-ga-sa-ki.
- D. Nhật Bản chấp nhận đầu hàng đồng minh không điều kiện.

36. Nước nào không bị Chiến tranh thế giới thứ hai tàn phá mà ngược lại thu được nhiều lợi nhuận trong chiến tranh?

- A. Liên Xô.
- B. Anh.
- C. Mĩ.
- D. Pháp.

37. Nước nào giữ vai trò quan trọng nhất trong việc đánh bại chủ nghĩa phát xít, kết thúc chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Mĩ.
- B. Anh.
- C. Liên Xô.
- D. Pháp.

ÔN TẬP LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI
(phần từ năm 1917 đến năm 1945)

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN
I. NHỮNG SỰ KIỆN CƠ BẢN CỦA LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI (1917-1945)

- Trong vòng gần 30 năm (1917-1945), hàng loạt sự kiện lịch sử đã diễn ra trên toàn thế giới. Trong số đó, có những sự kiện tác động, ảnh hưởng to lớn đến lịch sử thế giới. Chúng ta cùng nhau chọn lọc các sự kiện lịch sử cơ bản theo bảng thống kê dưới đây:

NƯỚC NGA – LIÊN XÔ

Niên đại	Sự kiện	Diễn biến chính	Kết quả, ý nghĩa
2-1917	Nước Nga-Liên Xô: Cách mạng dân chủ tư sản Nga	- Tổng bãi công chính trị ở Pê-tơ-rô-grát. - Khởi nghĩa vũ trang - Nga hoàng thoái vị	- Lật đổ chế độ Nga hoàng - Hai chính quyền song song tồn tại - Cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới
10 -1917	Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười thắng lợi	Khởi nghĩa vũ trang ở Pê-tơ-rô-grát, tấn công Cung điện Mùa Đông	Thành lập chính quyền Xô viết Nga. Tác dụng to lớn đến phong trào cách mạng thế giới.
1918-1921	Cuộc đấu tranh xây dựng và bảo vệ chính quyền Xô viết.	Xây dựng nhà nước mới, đập tan bộ máy nhà nước cũ, đánh thắng thù trong, giặc ngoài.	Bảo vệ thành quả Cách mạng tháng Mười Nga, giữ chính quyền Xô viết, đập tan âm mưu chống phá cách mạng.
1921-1941	Liên Xô xây dựng chủ nghĩa xã hội.	Công nghiệp hoá XHCN, tập thể hoá nông nghiệp, thực hiện hai kế hoạch 5 năm.	Từ nước nông nghiệp lạc hậu trở thành cường quốc công nghiệp. Đạt được những thành tựu to lớn.

CÁC NƯỚC TƯ BẢN CHỦ NGHĨA

Niên đại	Sự kiện	Diễn biến chính	Kết quả, ý nghĩa
1918-1923	Cao trào cách mạng ở châu Âu. Khủng hoảng kinh tế chính trị ở phần lớn các nước tư bản.	Cao trào cách mạng bùng nổ, lan rộng lên cao ở Đức, Hung, Pháp...Tiêu biểu là cách mạng dân chủ tư sản 11-1918 ở Đức.	Các Đảng Cộng sản và Quốc tế Cộng sản thành lập và lãnh đạo phong trào.

1924-1929	Thời kì ổn định và tăng trưởng của CNTB	Sản xuất tăng trưởng nhanh. Phong trào công nhân tạm thời lắng xuống.	Kinh tế phát triển, tình hình chính trị ổn định.
1929-1933	Khủng hoảng kinh tế trong thế giới TBCN.	Kinh tế suy sụp, công nghiệp đình đốn, tài chính hỗn loạn.	Thất nghiệp tăng cao, mất ổn định chính trị, mâu thuẫn xã hội gay gắt. Khủng hoảng chính trị.
1933-1939	Các nước tư bản tìm cách thoát khỏi khủng hoảng.	- Cải cách kinh tế, xã hội, tiêu biểu là chính sách mới của Mĩ. - Phát xít hoá gây chiến tranh xâm lược (Đức, I-ta-li-a, Nhật)	Vượt qua khủng hoảng, kinh tế phục hồi và tiếp tục phát triển. Nguy cơ chiến tranh, xuất hiện ba lò lửa chiến tranh thế giới.

CÁC NƯỚC CHÂU Á

Niên đại	Sự kiện	Diễn biến chính	Kết quả, ý nghĩa
Thập niên 20	Phong trào giải phóng dân tộc lên cao sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.	- Phong trào dân tộc tư sản có bước tiến mới về tổ chức, phạm vi. - Xuất hiện xu hướng vô sản.	Giai cấp tư sản nắm lấy quyền lãnh đạo phong trào cách mạng một số nước. Các Đảng Cộng sản thành lập.
Thập niên 30	Phong trào Mặt trận nhân dân chống phát xít, chống chiến tranh.	Thành lập Mặt trận dân tộc chống phát xít. Hợp tác giữa các Đảng Cộng sản và các đảng phái khác.	Tập hợp đông đảo các lực lượng cách mạng. Các Đảng Cộng sản trưởng thành.
1939-1945	Chiến tranh thế giới thứ hai.	Diễn ra khắp các mặt trận Tây Âu, Xô-Đức, Bắc Phi, châu Á - Thái Bình Dương, 72 nước trong tình trạng chiến tranh.	Chủ nghĩa phát xít thất bại. Đồng minh thắng lợi. Làm thay đổi căn bản cục diện thế giới.

II. NHỮNG NỘI DUNG CHÍNH CỦA LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI (1917-1945)

1. Những tiến bộ về khoa học-kỹ thuật đã thúc đẩy kinh tế thế giới phát triển với một tốc độ cao. Sự tăng trưởng của kinh tế thế giới đã làm thay đổi đời sống chính trị-xã hội, văn hóa của các quốc gia, dân tộc và thế giới nói chung.

2. Chủ nghĩa xã hội được xác lập ở một số nước đầu tiên trên thế giới, nằm giữa vòng vây của chủ nghĩa tư bản. Tiêu biểu là Liên Xô.

3. Phong trào cách mạng thế giới bước sang một thời kì phát triển mới từ sau thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga và sự kết thúc cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất.

4. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945) là cuộc chiến tranh lớn nhất, khốc liệt nhất và tàn phá nặng nề nhất trong lịch sử nhân loại.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Hãy khoanh tròn một chữ in hoa đứng trước câu trả lời đúng.

1. Cuộc tổng bãi công chính trị ở Pê-tơ-rô-grát gắn liền với cuộc cách mạng nào ở Nga ?

- A. Cuộc cải cách nông nô. B. Cuộc cách mạng tháng Hai.
C. Cuộc cách mạng tháng Mười. D. Cuộc chiến đấu chống phát xít Đức.

2. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 là cuộc cách mạng:

- A. Dân chủ tư sản. B. Dân chủ tư sản kiểu mới.
C. Cách mạng xã hội chủ nghĩa. D. Cách mạng giải phóng dân tộc.

3. Tác dụng to lớn nhất của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 đối với cách mạng thế giới là gì?

- A. Nó mở đường, dẫn lối cho phong trào cách mạng thế giới phát triển.
B. Nó tăng thêm sức mạnh cho hệ thống xã hội chủ nghĩa.
C. Nó góp phần đánh bại chủ nghĩa thực dân xâm lược.
D. Nó tạo điều kiện cho các nước đứng lên giành độc lập dân tộc.

4. Cuộc đấu tranh xây dựng và bảo vệ chính quyền Xô viết ở Nga diễn ra trong thời gian nào?

- A. Từ năm 1917 đến năm 1918. B. Từ năm 1919 đến năm 1920.
C. Từ năm 1918 đến năm 1921. D. Từ năm 1921 đến năm 1941.

5. Từ năm 1921 đến năm 1941, Liên Xô bước vào thời kì:

- A. Xây dựng và bảo vệ chính quyền Xô viết.
B. Xây dựng chủ nghĩa xã hội.
C. Xây dựng hệ thống chính trị - nhà nước mới.
D. Đấu tranh chống phát xít Đức xâm lược.

6. Cuộc cách mạng nào được đánh giá là sự kiện lịch sử tiêu biểu nhất trong cao trào cách mạng ở châu Âu những năm 1918 - 1923?

- A. Cách mạng ở Hung-ga-ri (3 - 1919).
B. Cách mạng ở Tiệp Khắc (5 - 1919).
C. Cách mạng dân chủ tư sản Đức (11 - 1918).
D. Cách mạng dân chủ tư sản ở Pháp (6 - 1919).

7. Tổ chức quốc tế nào ra đời trong khoảng thời gian 1918 - 1923, khi mà cao trào cách mạng ở châu Âu bùng nổ?

- A. Quốc tế thứ nhất. C. Liên hiệp quốc.
B. Quốc tế thứ hai. D. Quốc tế thứ ba (Quốc tế cộng sản).

8. Phong trào công nhân thế giới tạm thời lắng xuống trong khoảng thời gian nào?

- A. 1924 - 1929. C. 1929 - 1933.
B. 1925 - 1927. D. 1923 - 1924.

9. Đặc điểm nổi bật của chủ nghĩa tư bản trong những năm 1924 - 1929 là:

- A. Khủng hoảng kinh tế kéo theo khủng hoảng chính trị.
B. Kinh tế phát triển, chính trị ổn định.
C. Kinh tế chậm phát triển, chính trị - xã hội hỗn loạn.
D. Khủng hoảng kinh tế làm cho mâu thuẫn xã hội gay gắt.

10. Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 bùng nổ đầu tiên ở nước nào, sau đó lan rộng trong thế giới tư bản chủ nghĩa?

- A. Nước Anh. C. Nước Đức.
B. Nước Pháp. D. Nước Mỹ.

11. Phong trào Mặt trận nhân dân chống phát xít, chống chiến tranh diễn ra trong khoảng thời gian nào?

- A. Những năm 1929 - 1933. B. Những năm 1933 - 1935.
C. Những năm 1936 - 1939. D. Những năm 1939 - 1945.

12. Ba lò lửa dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ hai xuất hiện ở các nước nào?

- A. Anh, Pháp, Mỹ. C. Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản.
B. Anh, Pháp, Đức. D. Đức, Áo - Hung, I-ta-li-a.

13. Nước nào ở châu Á diễn ra phong trào Ngũ tứ vào ngày 04 - 5 - 1919?

- A. Ấn Độ. C. Nhật Bản.
B. Trung Quốc. D. Việt Nam.

14. Trong những năm 1918 - 1939, nước nào ở châu Á trở thành thuộc địa lớn nhất của thực dân Anh?

- A. Trung Quốc. C. Thái Lan.
B. In-đô-nê-xi-a. D. Ấn Độ.

15. Mặt trận nào diễn ra đầu tiên trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Mặt trận Xô - Đức. C. Mặt trận châu Á - Thái Bình Dương.
B. Mặt trận Tây Âu. D. Mặt trận Bắc Phi.

16. Số liệu nào dưới đây đúng nhất trong Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Chiến tranh thế giới thứ hai đã làm cho khoảng 60 triệu người bị chết, 90 triệu người bị tàn phế.
B. Chiến tranh thế giới thứ hai đã làm cho khoảng 20 triệu người bị chết, 70 nghìn làng mạc bị phá hủy.
C. Chiến tranh thế giới thứ hai đã lan tỏa ra 198 nước.
D. Chiến tranh thế giới thứ hai đã làm cho khoảng 90 triệu người chết, 60 triệu người bị tàn phế.

17. Hãy nối các sự kiện với niên đại về nước Nga và Liên Xô trong những năm 1917 - 1941 sau đây:

Niên đại	Sự kiện
1) Tháng 2 - 1917	A. Thành lập chính quyền Xô viết, Nhà nước vô sản đầu tiên trên thế giới.
2) Tháng 10 - 1917	B. Lật đổ chế độ Nga hoàng.
3) 1918 - 1921	C. Từ một nước nông nghiệp lạc hậu trở thành cường quốc công nghiệp XHCN.
4) 1921 - 1941	D. Bảo vệ thành quả Cách mạng tháng Mười, giữ vững chính quyền Xô viết. E. Tổng bãi công diễn ra ở Pê-tơ-rô-grát. F. Xây dựng hệ thống chính trị - Nhà nước mới. G. Cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Pê-tơ-rô-grát tấn công cung điện Mùa Đông. H. Thực hiện hai kế hoạch 5 năm lần thứ nhất và lần thứ hai.

18. Ghi thời gian thành lập Đảng Cộng sản ở các nước vào chỗ trống sau đây:

Thời gian	Đảng Cộng sản thành lập
A.	1) Đảng Cộng sản Trung Quốc.
B.	2) Đảng Cộng sản Ấn Độ.
C.	3) Đảng Cộng sản Nhật Bản.
D.	4) Đảng Cộng sản Mỹ.
E.	5) Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a.
F.	6) Đảng Cộng sản Pháp.

19. Hãy ghi các sự kiện chính về chủ nghĩa tư bản trong các thời kỳ sau đây:

Thời kỳ	Sự kiện
1) 1918 - 1923	A.
2) 1924 - 1929	B.
3) 1929 - 1933	C.
4) 1933 - 1939	D.

LỊCH SỬ VIỆT NAM (1858-1918)

Chương I

VIỆT NAM TỪ NĂM 1858 ĐẾN CUỐI THẾ KỈ XIX

Bài 34

VIỆT NAM TRƯỚC NGUY CƠ BỊ PHÁP XÂM LƯỢC

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

- Tình hình kinh tế xã hội Việt Nam giữa thế kỉ XIX**
 - Trước khi thực dân Pháp xâm lược, Việt Nam là nước độc lập, kinh tế có những bước phát triển, nhưng đã bộc lộ những suy yếu.
 - Thời nhà Nguyễn, kinh tế công, nông, thương nghiệp sa sút. Nhà Nguyễn thực hiện đường lối đối ngoại thiên cận khiến cho Việt Nam bị cô lập.
 - Đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra.
 - Khả năng phòng thủ đất nước giảm sút, quốc phòng yếu kém đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc chống lại sự xâm lược của tư bản phương Tây.
- Việt Nam trong bối cảnh các nước phương Đông bị xâm lược (giữa thế kỉ XIX)**
 - Từ thế kỉ XVI, tư bản phương Tây đã ráo riết chạy đua sang phương Đông. Đến giữa thế kỉ XIX, một số nước châu Á và Đông Nam Á đã bị biến thành thuộc địa.
 - Tư bản Pháp đã bám sâu vào Việt Nam. Giữa thế kỉ XVIII, Pháp bị mất thuộc địa ở Ca-na-đa, Ấn Độ... nên càng muốn có thuộc địa ở Viễn Đông, trước hết là Việt Nam.
- Thực dân Pháp tìm cơ can thiệp vào Việt Nam**
 - Từ thế kỉ XVII, XVIII và đầu thế kỉ XIX, nhiều thương nhân Pháp đến buôn bán tại Việt Nam. Các giáo sĩ Pháp gây cơ sở trong Nam và ngoài Bắc.
 - Giữa thế kỉ XIX, Pháp tiến đánh Việt Nam bằng vũ lực.
 - + Tháng 9-1956, Pháp cho tàu chiến đến Đà Nẵng đưa quốc thư cho triều đình Huế.
 - + Tháng 1-1857, tàu Pháp tới Việt Nam xin truyền đạo.
 - + Ngày 31-8-1858, liên quân Pháp, Tây Ban Nha kéo tới cửa biển Đà Nẵng, chuẩn bị nổ súng xâm lược Việt Nam.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Hãy khoanh tròn một chữ in hoa đứng trước câu trả lời đúng.

- Cuối thế kỉ XV đầu thế kỉ XVI, trên thế giới diễn ra sự kiện gì báo hiệu "buổi bình minh của thời đại tư bản chủ nghĩa"?**
 - ☐ A. Những cuộc phát kiến địa lí.
 - ☐ B. Những cuộc thám hiểm vòng quanh thế giới.
 - ☐ C. Những cuộc chiến tranh xâm lược ra các nước.
 - ☐ D. Những phát minh lớn về khoa học - kĩ thuật.
- Trong cuộc chạy đua sang phương Đông, tư bản Pháp đã lợi dụng đạo nào như là một công cụ xâm lược?**
 - ☐ A. Đạo Phật.
 - ☐ B. Đạo Thiên Chúa giáo.
 - ☐ C. Đạo Cao đài.
 - ☐ D. Đạo Hòa hảo.
- Cuối thế kỉ XVIII, khi phong trào nào nổ ra, giám mục Bá Đa Lộc chớp cơ hội nào cho tư bản Pháp can thiệp vào Việt Nam?**
 - ☐ A. Phong trào Cần Vương.
 - ☐ B. Phong trào nông dân Yên Thế.
 - ☐ C. Phong trào chống thuế ở Trung Kì.
 - ☐ D. Phong trào nông dân Tây Sơn.
- Đến giữa thế kỉ XIX, Pháp ráo riết tìm cách xâm chiếm Việt Nam để tranh giành ảnh hưởng với nước nào ở khu vực châu Á?**
 - ☐ A. Nước Bồ Đào Nha.
 - ☐ B. Nước Tây Ban Nha.
 - ☐ C. Nước Anh.
 - ☐ D. Nước Nhật.
- Năm 1857, Na-pô-lê-ông III lập ra Hội đồng gì để bàn cách can thiệp vào nước ta?**
 - ☐ A. Hội đồng Quân hạt.
 - ☐ B. Hội đồng bản xứ.
 - ☐ C. Hội đồng Nam Kì.
 - ☐ D. Hội đồng Bắc Kì.
- Để mở đầu cho cuộc chiến tranh xâm lược nước ta, thực dân Pháp đánh vào đâu?**
 - ☐ A. Đà Nẵng.
 - ☐ B. Huế.
 - ☐ C. Sài Gòn - Gia Định.
 - ☐ D. Hà Nội.
- Thực dân Pháp chính thức đổ bộ xâm lược nước ta vào thời gian nào?**
 - ☐ A. Ngày 9 tháng 1 năm 1858.
 - ☐ B. Ngày 1 tháng 9 năm 1858.
 - ☐ C. Ngày 30 tháng 9 năm 1858.
 - ☐ D. Ngày 1 tháng 9 năm 1885.
- Tháng 2 - 1859, Pháp quyết định đem phần lớn lực lượng đánh ở đâu?**
 - ☐ A. Đánh vào Gia Định.
 - ☐ B. Đánh vào Sơn Trà (Đà Nẵng).
 - ☐ C. Đánh vào Nha Trang.
 - ☐ D. Đánh ra Kinh thành Huế.
- Ngày 17-2-1859, diễn ra sự kiện lịch sử gì ở Việt Nam?**
 - ☐ A. Pháp nổ súng đánh vào Kinh thành Huế.
 - ☐ B. Pháp nổ súng đánh thành Gia Định.
 - ☐ C. Pháp nổ súng đánh vào Sơn Trà (Đà Nẵng).
 - ☐ D. Pháp nổ súng đánh vào Nha Trang.

10. Ngày 24-2-1861, diễn ra sự kiện lịch sử gì ở Nam Bộ?

- A. Quân Pháp đánh chiếm Định Tường.
- B. Quân Pháp đánh chiếm Biên Hòa.
- C. Quân Pháp đánh chiếm Vĩnh Long.
- D. Quân Pháp nổ súng tấn công Đại đồn Chí Hòa.

11. Trung tâm hệ thống chiến lũy Chí Hòa do ai trấn giữ?

- A. Trương Định.
- B. Nguyễn Tri Phương.
- C. Phan Thanh Giản.
- D. Nguyễn Trường Tộ.

12. Hiệp ước Nhâm Tuất giữa ta và Pháp được ký kết vào thời gian nào? Gồm bao nhiêu điều khoản?

- A. Ngày 5 - 6 - 1862. Hiệp ước gồm 12 điều khoản.
- B. Ngày 6 - 5 - 1863. Hiệp ước gồm 14 điều khoản.
- C. Ngày 6 - 5 - 1864. Hiệp ước gồm 16 điều khoản.
- D. Ngày 6 - 5 - 1865. Hiệp ước gồm 21 điều khoản.

13. Theo Hiệp ước Nhâm Tuất, nhà Nguyễn thừa nhận cho Pháp chiếm các tỉnh nào?

- A. Chiếm ba tỉnh Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên.
- B. Chiếm ba tỉnh Gia Định, Định Tường, Biên Hòa.
- C. Chiếm ba tỉnh Đồng Nai, Biên Hòa, Gia Định.
- D. Vĩnh Long, Đồng Nai, Biên Hòa.

14. Ngày 20-6-1867, quân Pháp kéo đến trước thành Vĩnh Long, ép ai phải nộp thành không điều kiện?

- A. Nguyễn Tri Phương.
- B. Nguyễn Trường Tộ.
- C. Phan Thanh Giản.
- D. Trương Định.

15. Từ ngày 20 đến 24 - 6 - 1867, thực dân Pháp đã chiếm thêm ba tỉnh nào ở Nam Kỳ?

- A. Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên.
- B. Vĩnh Long, Đồng Nai, Biên Hòa.
- C. An Giang, Trà Vinh, Sóc Trăng.
- D. Tiền Giang, Long An, Hà Tiên.

16. Đội tàu chiến của Đại úy hải quân Gác-ni-ê ra tới Hà Nội vào thời gian nào?

- A. Ngày 5 - 6 - 1873.
- B. Ngày 5 - 10 - 1873.
- C. Ngày 5 - 11 - 1873.
- D. Ngày 5 - 8 - 1873.

17. Sáng 19 - 11 - 1873, Gác-ni-ê gửi tới hậu thư cho Nguyễn Tri Phương lúc đó đang là Tổng đốc Hà Nội nêu ra yêu cầu gì?

- A. Yêu cầu nộp ngay thành Hà Nội cho chúng.
- B. Yêu cầu phải giải tán quân đội, nộp vũ khí và cho Pháp được đóng quân trong nội thành.
- C. Yêu cầu giải tán lực lượng vũ trang và giao quyền kiểm soát Hà Nội cho chúng.
- D. Yêu cầu cung cấp lương thực cho quân đội Pháp ở Hà Nội.

18. Ngày 12 - 12 - 1873 diễn ra sự kiện gì ở Bắc Kỳ - Việt Nam?

- A. Quân Pháp đánh chiếm Hà Nội.
- B. Quân Pháp đánh chiếm Hưng Yên.
- C. Quân Pháp đánh chiếm Hải Dương.
- D. Quân Pháp đánh chiếm Nam Định.

19. Tại trận Cầu Giấy (Hà Nội) đã gây cho Pháp tổn thất nặng nề nhất là gì?

- A. Quân Pháp bị bao vây, uy hiếp.
- B. Gác-ni-ê bị chết tại trận.
- C. Quân Pháp phải bỏ thành Hà Nội về trấn giữ ở Nam Định.
- D. Quân Pháp phải rút quân khỏi miền Bắc.

20. Theo Hòa ước ngày 15-3-1874 tại Sài Gòn, triều đình Huế tiếp tục nhân nhượng cho Pháp những quyền lợi gì đau đớn nhất?

- A. Triều đình Huế đã nhượng hẳn sáu tỉnh Nam Kỳ cho Pháp.
- B. Nền ngoại giao của nước Việt Nam "chiếu theo" đường lối ngoại giao của chính phủ Pháp.
- C. Pháp được tự do buôn bán, được đóng quân tại những vị trí then chốt ở Bắc Kỳ.
- D. Pháp được sử dụng toàn bộ các tỉnh Bắc Kỳ phục vụ cho mục đích chiến tranh.

21. Ngày 31 - 8 - 1874, Pháp yêu cầu triều đình Huế kí thêm hiệp ước trên lĩnh vực thương mại tiếp tục nhân nhượng cho Pháp quyền lợi gì nữa?

- A. Bảo đảm đặc quyền, đặc lợi của người Pháp trên toàn bộ đất nước Việt Nam.
- B. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để tàu buôn Pháp vào Việt Nam.
- C. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho thương nhân Pháp được tự do buôn bán ở Việt Nam.
- D. Tạo điều kiện cho thương nhân Pháp mở các cảng ở Việt Nam.

22. Lấy cớ gì Pháp đưa quân đánh ra Hà Nội lần thứ hai?

- A. Nước Pháp bắt đầu bước vào giai đoạn đế quốc chủ nghĩa nên phải có thuộc địa.
- B. Triều đình nhà Nguyễn ngang nhiên chống lại Pháp.
- C. Pháp có đặc quyền, đặc lợi ở Việt Nam.
- D. Triều đình Huế vi phạm Hiệp ước 1874.

23. Khi Pháp kéo quân ra Hà Nội lần thứ hai, ai là người trấn thủ thành Hà Nội?

- A. Nguyễn Tri Phương.
- B. Hoàng Diệu.
- C. Phan Thanh Giản.
- D. Tôn Thất Thuyết.

24. Sau thất bại trong trận Cầu Giấy lần thứ hai (19-5-1883), thực dân Pháp làm gì?

- A. Càng củng cố quyết tâm xâm chiếm toàn bộ Việt Nam.
- B. Cho quân rút khỏi Hà Nội để bảo toàn lực lượng.
- C. Tăng viện binh từ Pháp sang để tái chiếm Hà Nội.
- D. Tiến hành đàn áp, khủng bố nhân dân ta.

25. Qua bản Hiệp ước Hác-măng ngày 25-8-1883, triều đình Huế đã tỏ thái độ như thế nào đối với Pháp?

- A. Ra lệnh giải tán phong trào kháng chiến của nhân dân.
- B. Ra lệnh cho nhân dân đứng lên kháng chiến chống Pháp.
- C. Ra lệnh cho quân Pháp rút khỏi Kinh thành Huế.
- D. Tiếp tục xoa dịu tinh thần đấu tranh chống Pháp của nhân dân ta.

26. Chính phủ Pháp cử Pa-tơ-nốt sang Việt Nam và cùng triều đình Huế kí một bản Hiệp ước mới vào thời gian nào?

- A. Ngày 6 - 5 - 1884.
- B. Ngày 6 - 6 - 1884.
- C. Ngày 6 - 6 - 1885.
- D. Ngày 6 - 8 - 1884.

Bài 35

CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1858 – 1884)

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. KHÁNG CHIẾN Ở ĐÀ NẴNG VÀ CÁC TỈNH NAM KÌ

1. Trên mặt trận Đà Nẵng năm 1858

- Chiều ngày 31-8-1858, liên quân Pháp-Tây Ban Nha dàn trận trước cửa biển Đà Nẵng. Chúng âm mưu chiếm Đà Nẵng làm bàn đạp để đánh vào nội địa rồi tấn công lên Huế, nhanh chóng buộc triều đình nhà Nguyễn đầu hàng.

- Sáng 1-9-1858, Pháp gửi tối hậu thư đòi triều đình Huế phải trả lời trong hai giờ. Chưa hết hạn, chúng đã nã đạn lên bờ rồi đổ bộ chiếm bán đảo Sơn Trà.

- Quân dân ta anh dũng chống trả nhưng không cản được chúng.

- Triều đình Nguyễn cử Nguyễn Tri Phương chỉ huy trận Quảng Nam. Sau 5 tháng tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược mà không mở rộng được phạm vi chiếm đóng.

- Tháng 2-1859, Pháp quyết định đem phần lớn lực lượng vào Gia Định.

2. Chiến sự ở Gia Định từ năm 1859 đến 1862

- Ngày 9-2-1859, quân Pháp tập trung ở Vũng Tàu, đến ngày 16-2-1859 quân Pháp đến Gia Định.

- Sáng 17-2-1859, Pháp nổ súng đánh thành Gia Định. Tuy chiếm được thành Gia Định nhưng quân Pháp gặp rất nhiều khó khăn bởi các hoạt động ráo riết của nghĩa quân. Sau đó, chúng chỉ để lại một số ít quân ở Gia Định để chốt giữ, số còn lại thì cấp tốc hành quân ra cứu viện cho mặt trận Đà Nẵng.

- Tháng 3-1860, Nguyễn Tri Phương được điều vào chỉ huy mặt trận Gia Định. Ông đã huy động lực lượng, xây dựng hệ thống phòng ngự kiên cố, lấy đồn Chí Hòa làm trung tâm.

- Ngày 23-2-1861, quân Pháp nổ súng tấn công Đại đồn Chí Hòa, tại đây cuộc chiến đấu diễn ra hết sức ác liệt trong hai ngày liên tiếp, Nguyễn Tri Phương buộc phải rút lui. Sau đó, quân Pháp thừa thắng đánh chiếm Định Tường (12-4-1861), Biên Hòa (18-12-1861) và Vĩnh Long (23-3-1862). Đến tháng 4-1861, ba tỉnh miền Đông và một số tỉnh miền Tây Nam Kỳ bị giặc chiếm.

- Nhân dân Nam Kỳ đã đứng lên kháng chiến. Ngày 10-12-1861, nghĩa quân Nguyễn Trung Trực đánh chìm tàu chiến Pháp trên sông Vàm Cỏ Đông.

- Giữa lúc cuộc kháng chiến đang cao, triều đình Huế lại kí Hiệp ước (5-6-1862) nhượng cho Pháp ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ.

3. Cuộc kháng chiến tiếp tục sau Hiệp ước năm 1862

- Với Hiệp ước 1862 làm cho nhiều sĩ phu bất bình. Trong đó tiêu biểu nhất là Trương Định đã cùng nhân dân đứng lên chống Pháp.

- Được sự ủng hộ của nhân dân, Trương Định đã không nhận chức lãnh binh ở An Giang theo lệnh triều đình mà quyết tâm ở lại cùng nhân dân kháng chiến. Lá cờ “Bình Tây đại nguyên soái” của ông đã củng cố niềm tin trong nhân dân, khiến cho bọn cướp nước và bán nước phải khiếp sợ. Căn cứ Tân Hoà (Gò Công) trở thành đại bản doanh của phong trào toàn miền.

- Ngày 20-8-1864, nhờ có tay sai dẫn đường, thực dân Pháp dò ra nơi ở của Trương Định, chúng mở cuộc tập kích bất ngờ vào căn cứ Tân Hoà. Nghĩa quân chống trả quyết liệt. Trương Định bị thương nặng. Ông đã rút gươm tự sát để bảo toàn khí tiết.

4. Kháng chiến ở ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ

- Từ ngày 20 đến ngày 24-6-1867, thực dân Pháp đã chiếm nốt ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ.

- Trước hành động của Pháp và sự bạc nhược của triều đình, nhân dân ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ đã anh dũng đứng lên chống giặc.

+ Phan Văn Trị dùng thơ văn làm vũ khí đấu tranh.

+ Hai anh em Phan Tôn, Phan Liêm chỉ huy nghĩa quân hoạt động mạnh ở Bến Tre, Vĩnh Long, Sa Đéc, Trà Vinh trong hai năm 1867-1868.

+ Nghĩa quân của Nguyễn Trung Trực đánh chiếm và làm chủ Rạch Giá (6-1867).

+ Nguyễn Hữu Huân tiếp tục chống Pháp ở Tân An, Mỹ Tho.

- Phong trào kháng chiến ở miền Tây vừa chống ngoại xâm kết hợp với chống triều đình phong kiến được đông đảo quần chúng nhân dân hưởng ứng. Đến năm 1875, phong trào bị thất bại.

II. KHÁNG CHIẾN Ở BẮC KÌ LẦN THỨ NHẤT (1873-1874)

1. Thực dân Pháp chuẩn bị đánh Bắc Kỳ lần thứ nhất

- Chiếm xong Nam Kỳ, thực dân Pháp gấp rút chuẩn bị đánh Bắc Kỳ và Trung Kỳ:

+ Củng cố bộ máy chính quyền từ trên xuống dưới.

- + Thực hiện phương châm “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”.
- Triều đình Huế vẫn tiếp tục thương thuyết:
- + Bồi thường chiến phí cho Pháp.
- + Khước từ các đề nghị của cải cách của Viện Thương bạc, Trần Đình Túc, Nguyễn Trường Tộ...

- Nhân dân tiếp tục bất bình với triều Nguyễn, nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra.

- Tình hình càng rối loạn tạo điều kiện cho Pháp đem quân đánh Bắc Kỳ.

2. Cuộc kháng chiến ở Hà Nội và các tỉnh đồng bằng sông Hồng

- Ngày 20-11-1873, Pháp nổ súng tấn công thành Hà Nội. Quân dân ta anh dũng kháng cự. Trong thành Hà Nội, Tổng đốc Nguyễn Tri Phương trực tiếp chỉ huy cuộc chiến đấu. Khi bị trọng thương và bị giặc bắt, ông đã nhịn ăn, nhịn uống cho đến chết. Con trai ông là Nguyễn Lâm cũng bị trúng đạn và hi sinh.

- Sau khi chiếm thành Hà Nội, Gác-ni-ê đưa quân đánh chiếm Hưng Yên, Phủ Lý, Hải Dương, Ninh Bình, Nam Định... quân Pháp cũng vấp phải sức kháng cự quyết liệt của nhân dân ta.

- Sáng ngày 21-12-1873, quân Pháp tiến ra vùng Hoài Đức, bị quân ta phục kích tại Cầu Giấy, Gác-ni-ê bị giết tại trận.

- Chiến thắng Cầu Giấy làm cho thực dân Pháp hết sức hoang mang, lo sợ. Chúng tìm cách thương lượng với triều đình Huế rồi thiết lập bản Hiệp ước 1874, rút quân khỏi Hà Nội và các tỉnh đồng bằng Bắc Kỳ nhưng vẫn tiếp tục xây dựng cơ sở để thực hiện các bước xâm lược sau.

- Bản Hiệp ước 1874 khiến cho đông đảo nhân dân và sĩ phu yêu nước bất bình. Phong trào đấu tranh phản đối Hiệp ước dâng cao trong cả nước.

- Hiệp ước đã làm mất một phần quan trọng chủ quyền độc lập của Việt Nam. Từ nay nước ta đã bị biến thành thị trường riêng của tư bản Pháp.

3. Tình hình nước ta sau Hiệp ước 1874

- Nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra, vừa chống thực dân Pháp, vừa phản đối triều Nguyễn đầu hàng. Tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa ở Nghệ An, Hà Tĩnh do Trần Tấn, Đặng Như Mai, Nguyễn Huy Diên...

- Ở ngoài Bắc thường xuyên xảy ra nạn giặc giã gây khó khăn cho triều đình. Đất nước rơi vào tình trạng rối ren cực độ.

- Nhiều sĩ phu yêu cầu duy tân đất nước nhưng triều đình đã khước từ. Đất nước ngày càng suy yếu thêm

- Từ năm 1878, các nước Anh, Đức, Tây Ban Nha đẩy mạnh việc giao thiệp với triều đình Huế. Tình hình đó càng thôi thúc thực dân Pháp nhanh tay hành động để chiếm lấy nước ta.

III. NHÂN DÂN BẮC KÌ VÀ TRUNG KÌ TIẾP TỤC KHÁNG CHIẾN

1. Thực dân Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ lần thứ hai

- Thực hiện ý đồ chiếm đóng toàn bộ Việt Nam, viện cớ nhà Nguyễn không thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản của Hiệp ước 1874, Pháp đưa quân thêm ra Bắc Kỳ.

- Ngày 3-4-1882, Ri-vi-e chỉ huy một đạo quân Pháp từ Sài Gòn kéo ra Hà Nội. Sau khi giở trò khiêu khích, chúng nổ súng đánh thành (25-4-1882). Quan trấn thủ thành Hà Nội là Hoàng Diệu chỉ huy quân sĩ kiên quyết chống cự, nhưng cuối cùng thành mất.

- Triều đình Huế tiếp tục hoang mang và khiếp nhược, cầu cứu nhà Thanh, nhà Thanh đưa quân sang nước ta rồi bí mật thương thuyết với Pháp để chia nhau quyền lợi ở Việt Nam.

- Về phía Pháp, tháng 3-1883, Ri-vi-e cho quân chiếm đóng vùng mỏ Hồng Gai, Quảng Yên, rồi kéo quân từ Hà Nội xuống đánh chiếm Nam Định.

2. Nhân dân Bắc Kỳ chống Pháp chiếm đóng lần thứ hai

- Khi quân Pháp đánh Bắc Kỳ lần thứ hai, nhân dân ta đã anh dũng chiến đấu chống Pháp:

+ Ở Hà Nội, dọc sông Hồng nhân dân tạo bức tường lửa làm chậm bước tiến của địch.

+ Những nơi khác dân chúng nổi trống, mõ, khoa chiêng, cổ vũ nhân dân chiến đấu.

- Chiếm được Hà Nội, giặc mở rộng phạm vi đánh chiếm các tỉnh đồng bằng, nhưng tới đâu chúng cũng vấp phải sức chiến đấu của quân dân địa phương.

- Tháng 5-1883, trên chiến trường Cầu Giấy, quân ta lại một lần nữa giáng cho giặc một đòn nặng nề, giết tên Tổng chỉ huy Hăng-ri Ri-vi-e.

- Chiến thắng Cầu Giấy lần thứ hai thể hiện rõ ý chí quyết tâm sẵn sàng tiêu diệt giặc của nhân dân ta. Tuy nhiên, triều đình Huế vẫn nuôi ảo tưởng thu hồi Hà Nội bằng con đường thương thuyết.

3. Quân Pháp tấn công vào cửa biển Thuận An - Hiệp ước Hác-măng (1883) và Hiệp ước Pa-tơ-nốt (1884)

- Ngày 17-7-1883, vua Tự Đức qua đời, thực dân Pháp đem quân đánh thẳng vào cửa Thuận An, sát kinh đô Huế.

- Chiều 20-8, quân Pháp đổ bộ lên chiếm Thuận An. Triều đình Huế xin cầu hoà. Hác-măng đưa bản hiệp ước buộc triều đình phải chấp nhận. Bản hiệp ước được hai bên kí kết ngày 25-8-1883 (Hiệp ước Hác-măng).

- Sau Hiệp ước Hác-măng, Pháp tiếp tục mở rộng phạm vi đánh chiếm các tỉnh Bắc Kỳ. Triều đình Mãn Thanh đã kí với Pháp tại Thiên Tân bản Quy ước ngày 11-5-1884, rút quân Thanh khỏi Bắc Kỳ.

- Ngày 6-6-1884, Chính phủ Pháp buộc triều đình Huế kí Hiệp ước Pa-tơ-nốt. Hiệp ước đã đặt cơ sở lâu dài và chủ yếu quyền đô hộ của Pháp ở Việt Nam.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Hãy khoanh tròn một chữ in hoa đứng trước câu trả lời đúng.

1. *Lực lượng tham gia cuộc đấu tranh chống Pháp ở Đà Nẵng vào tháng 9 năm 1858 gồm lực lượng nào?*

- A. Quân chủ lực của triều đình Huế.
- ☒ B. Các đội quân nông dân sát cánh bên quân đội triều đình.
- C. Lực lượng nông dân và công nhân thành phố Đà Nẵng.
- D. Đông đảo nhân dân thành phố Đà Nẵng.

2. *Khi vào Đà Nẵng, các đội quân nào bị ta chặn đánh và giam ở đảo Sơn Trà suốt năm tháng liền?*

- A. Các đội quân lính thủy đánh bộ của Pháp.
- B. Các đội quân tinh nhuệ của Pháp và quân triều đình Huế.
- ☒ C. Đội quân của Pháp - Tây Ban Nha.
- D. Đội quân của Pháp - Anh.

3. *Khi Pháp đánh vào Đà Nẵng, thái độ của triều đình Huế như thế nào?*

- A. Cùng với nhân dân đứng lên chống Pháp đến cùng.
- ☒ B. Hoang mang dao động, thiếu kiên quyết chống giặc.
- C. Chấp nhận đầu hàng giặc ngay từ đầu.
- D. Thỏa hiệp với Pháp để đàn áp, bóc lột nhân dân ta.

4. *"Dân quân gồm tất cả những ai không đau ốm và không tàn tật". Đó là lời thừa nhận của:*

- ☒ A. Thực dân Pháp.
- B. Triều đình nhà Nguyễn.
- C. Nhân dân ta.
- D. Cửa phái chủ chiến trong triều đình nhà Nguyễn.

5. *Tại mặt trận Gia Định, từ tháng 2-1859, quân Pháp bị chặn đánh quyết liệt ở đâu?*

- A. Trên sông Sài Gòn.
- B. Trên đoạn đường dài 100 km, từ Vũng Tàu đi Sài Gòn.
- C. Ngay tại Gia Định.
- ☒ D. Trên sông Cần Giuộc.

6. *Sau khi bị thất bại trong kế hoạch đánh nhanh, thắng nhanh ở Gia Định, Pháp chuyển sang lối đánh nào?*

- A. "Đánh chắc, tiến chắc".
- ☒ B. "Chinh phục từng gói nhỏ".
- C. "Đánh phủ đầu".
- D. "Chinh phục từng địa phương".

7. *Tháng 8-1860, ai là người được điều vào chỉ huy mặt trận Gia Định và cho xây dựng phòng tuyến Chí Hòa?*

- A. Hoàng Diệu.
- ☒ B. Nguyễn Tri Phương.
- C. Nguyễn Trung Trực.
- D. Phan Thanh Giản.

8. *Ngay từ tháng 2-1859, khi Pháp đánh Gia Định, ai là người đưa đội quân của mình đến đóng tại đồn Thuận Kiều?*

- A. Phan Thanh Giản.
- B. Hoàng Diệu.
- C. Nguyễn Tri Phương.
- ☒ D. Trương Định.

9. *Hai lực lượng của ai đã hợp tác chiến đấu ở Gò Công, Tân An, Mỹ Tho trong những năm 1859 - 1862?*

- A. Nguyễn Tri Phương và Nguyễn Trung Trực.
- ☒ B. Trương Định và Nguyễn Tri Phương.
- C. Trương Định và Nguyễn Trung Trực.
- D. Nguyễn Tri Phương và Hoàng Diệu.

10. *Trong năm 1862, phong trào dâng cao khắp nơi, gần như "tổng khởi nghĩa", các tỉnh nào ở Nam Kỳ lần lượt được giải phóng?*

- ☒ A. Gia Định, Định Tường.
- B. Vĩnh Long, An Giang.
- C. Mỹ Tho, Tiền Giang.
- D. Vũng Tàu, Đồng Nai.

11. *Trận đánh lớn nhất trong ngày 22 - 6 - 1861 do ai chỉ huy, đánh vào đâu?*

- A. Do Nguyễn Trung Trực chỉ huy, đánh vào tàu chiến Hy vọng của Pháp trên sông Vàm Cỏ Đông thuộc thôn Nhật Tảo.
- ☒ B. Do Đỗ Trinh Thoại chỉ huy, đánh vào căn cứ Quy Sơn (gần Gò Công).
- C. Do Nguyễn Tri Phương chỉ huy, đánh vào Gò Công Đông.
- D. Do Trương Định chỉ huy, đánh vào Gò Công.

12. *Trong lúc cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta diễn ra như thế nào, thì triều Nguyễn kí kết Hiệp ước 1862 với Pháp?*

- A. Cuộc kháng chiến liên tiếp bị thất bại.
- ☒ B. Cuộc kháng chiến đang dâng cao khiến quân giặc vô cùng bối rối.
- C. Cuộc kháng chiến đã giành được thắng lợi.
- D. Cuộc kháng chiến bắt đầu hình thành.

13. *Thực hiện những điều đã cam kết với Pháp, triều đình Huế ra lệnh giải tán phong trào kháng chiến ở đâu?*

- A. Ở Đà Nẵng và Huế.
- B. Ở Đà Nẵng và các tỉnh miền Trung.
- C. Ở Gia Định và Gò Công.
- ☒ D. Ở Gia Định và Định Tường.

14. *Ai là người phát ngôn cơ "Bình Tây đại nguyên soái" ở An Giang trong sự nghiệp chống Pháp?*

- A. Nguyễn Trung Trực.
- ☒ B. Trương Định.
- C. Hoàng Diệu.
- D. Nguyễn Tri Phương.

15. *Thực dân Pháp chiếm ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ vào thời gian nào?*

- ☒ A. Từ 20 đến 24 - 6 - 1867.
- B. Từ 20 đến 26 - 6 - 1867.
- C. Từ 20 đến 24 - 6 - 1868.
- D. Từ 20 đến 26 - 6 - 1868.

13. Đặc điểm nổi bật của phong trào kháng chiến của nhân dân ta ở các tỉnh miền Tây Nam Kỳ là gì?

- A. Phong trào đã lôi cuốn nhiều văn thân, sĩ phu tham gia.
- B. Phong trào kết hợp giữa chống ngoại xâm với chống phong kiến tay sai.
- C. Phong trào sử dụng hình thức đấu tranh phong phú.
- D. Phong trào do nông dân khởi xướng và lãnh đạo.

17. Ngày 20 - 11 - 1873, diễn ra sự kiện gì ở Bắc Kỳ?

- A. Pháp nổ súng tấn công thành Hà Nội.
- B. Quân dân ta anh dũng đánh bại cuộc tấn công của Pháp ở Hà Nội.
- C. Nhân dân Hà Nội chủ động đốt kho đạn của Pháp.
- D. Thực dân Pháp đánh chiếm Thanh Hóa.

18. Trận đánh gây được tiếng vang lớn nhất năm 1873 ở Bắc Kỳ là trận nào?

- A. Trận bao vây quân địch ở thành Hà Nội.
- B. Trận đánh địch ở Thanh Hóa.
- C. Trận phục kích của quân ta và quân Cờ đen tại Cầu Giấy.
- D. Trận phục kích quân ta và quân Cờ đen tại cầu Hàm Rồng (Thanh Hóa).

19. Vì sao thực dân Pháp tìm cách thương lượng với triều đình Huế thiết lập bản Hiệp ước 1874?

- A. Do Pháp bị thất bại trong việc đánh chiếm thành Hà Nội.
- B. I chúng bị chặn đánh ở Thanh Hóa.
- C. Do chúng bị thất bại ở Cầu Giấy lần thứ nhất.
- D. Do chúng bị thất bại ở Cầu Giấy lần thứ hai.

20. Những ai đã lãnh đạo nhân dân ở Nghệ An, Hà Tĩnh nổi dậy chống Pháp sau khi triều đình Huế kí Hiệp ước 1874 với Pháp?

- A. Trần Tấn, Đặng Như Mai, Nguyễn Huy Điển.
- B. Hoàng Tá Viêm và Lưu Vĩnh Phúc.
- C. Nguyễn Văn Trường và Tôn Thất Thuyết.
- D. Nguyễn Tri Phương và Hoàng Diệu.

21. Vào thời gian nào Ri-vi-e chỉ huy một đạo quân Pháp từ Sài Gòn kéo ra Hà Nội.

- A. Tháng 4 - 1882.
- B. Tháng 6 - 1883.
- C. Tháng 12 - 1882.
- D. Tháng 11 - 1883.

22. Chiến thắng Cầu Giấy lần thứ hai thể hiện điều gì trong cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta?

- A. Thể hiện lòng yêu nước và quyết tâm bảo vệ Tổ quốc nhân dân ta.
- B. Thể hiện ý chí quyết tâm sẵn sàng tiêu diệt giặc của nhân dân ta.
- C. Thể hiện lối đánh tài tình của nhân dân ta.
- D. Thể hiện sự phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ của nhân dân ta trong việc phá thế vòng vây của địch.

23. Để đẩy mạnh việc đánh chiếm toàn bộ Việt Nam bằng mọi giá, sau khi được tăng viện, Pháp đem quân đánh thẳng vào đâu?

- A. Cửa biển Hải Phòng.
- B. Thành Hà Nội.
- C. Cửa biển Thuận An.
- D. Kinh thành Huế.

24. Với việc kí Hiệp ước nào, triều đình Huế thừa nhận nền bảo hộ của Pháp trên toàn bộ đất nước Việt Nam?

- A. Hiệp ước Hác-măng.
- B. Hiệp ước năm 1874.
- C. Hiệp ước Pa-tơ-nốt.
- D. Hiệp ước Hác-măng và Pa-tơ-nốt.

25. Hãy nối thời gian cho phù hợp với sự kiện lịch sử diễn ra ở chiến sự Gia Định trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp từ năm 1859 đến năm 1862 sau đây:

Thời gian	Sự kiện
1) 9 - 2 - 1959	A. Quân Pháp dùng hoá lực tấn công thành Gia Định.
2) 16 - 2 - 1959	B. Nguyễn Tri Phương được cử phụ trách trận Gia Định.
3) 17 - 2 - 1959	C. Quân Pháp tấn công ở Vũng Tàu, rồi chạy theo đường Cần Giuộc ngược lên Sài Gòn.
4) 3 - 1860	D. Pháp chiếm được thành Gia Định.
5) 25 - 10 - 1860	E. Quân Pháp mở đợt tấn công vào Đại đồn Chí Hoà.
6) 23 - 2 - 1861	F. Hiệp ước Bắc Kinh giữa Pháp và Trung Quốc kí kết.
7) 4 - 1861	G. Nghĩa quân Nguyễn Trung Trực đánh chìm tàu Ết-phê-răng của giặc Pháp đậu trên sông Vàm Cỏ Đông tại làng Nhật Tảo.
8) 10 - 12 - 1861	H. Triều đình Huế kí hiệp ước nhượng cho Pháp ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ.
9) 5 - 6 - 1862	I. Ba tỉnh miền Đông và một tỉnh miền Tây Nam Kỳ bị Pháp chiếm.

26. Hãy đánh dấu X vào cột dọc cho phù hợp với cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta ở ba tỉnh miền Đông và miền Tây Nam Kỳ.

Nội dung	Ba tỉnh miền Đông	Ba tỉnh miền Tây
1) Phan Thanh Giản giao tỉnh Vĩnh Long cho Pháp.		
2) Lúc đầu chỉ đơn thuần là cuộc đấu tranh chống ngoại xâm, về sau có sự kết hợp phần nào với cuộc đấu tranh chống triều đình phong kiến.		
3) Hai anh em Phan Tôn, Phan Liêm chỉ huy nghĩa quân hoạt động mạnh trong hai năm 1867 - 1868.		
4) Nguyễn Đình Chiểu dùng thơ văn châm biếm bọn Việt gian ở đây.		

5) Ngọn cờ Bình Tây đại nguyên soái của Trương Định phát lên ở miền này.		
6) Phong trào thu hút được đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia.		
7) Phan Văn Trị dùng thơ văn cổ vũ phong trào đấu tranh ở đây.		
8) Cuối cùng, do bị triều đình bỏ rơi, lực lượng chênh lệch, phong trào đã thất bại.		

27. *Hãy điền sự kiện vào thời gian cho sẵn sau đây cho phù hợp với cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta ở Hà Nội và các tỉnh đồng bằng sông Hồng.*

Thời gian	Sự kiện
1) Cuối 1872	A.
2) Đầu 11 - 1873	B.
3) 19 - 11 - 1873	C.
4) 20 - 11 - 1873	D.
5) 23 - 11 - 1873	E.
6) 21 - 12 - 1873	F.
7) 15 - 3 - 1874	G.

Bài 36. TRÀO LƯU CẢI CÁCH, DUY TÂN Ở VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM CUỐI THẾ KỈ XIX

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN
I. TÌNH HÌNH VIỆT NAM NỬA SAU THẾ KỈ XIX VÀ SỰ XUẤT HIỆN TRÀO LƯU DUY TÂN

- Trong nửa sau thế kỉ XIX, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục rơi vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng: nông nghiệp sa sút, thủ công và thương nghiệp bế tắc, tài chính kiệt quệ.
- Triều đình nhà Nguyễn tăng cường bóc lột nhân dân. Bộ máy chính quyền từ trung ương đến địa phương trở nên sâu mọt.
- Nhiều cuộc khởi nghĩa của nông dân và bạo loạn chống lại triều đình nổ ra.
- Mâu thuẫn giữa các tầng lớp nhân dân với giai cấp thống trị ngày càng trở nên sâu sắc, thực dân Pháp ráo riết chuẩn bị mở rộng xâm lược nước ta.
- Đứng trước vận nước nguy nan, các quan lại, sĩ phu yêu nước và tiến bộ đưa ra đề nghị cải cách, duy tân đất nước.

2. Một số cải cách, duy tân tiêu biểu
- Những người đi tiên phong trong công cuộc cải cách, duy tân: Nguyễn Hiệp, Lê Đình, Phạm Phú Thứ, Đặng Đức Tuấn, Đặng Huy Trứ, Bùi Viện, Nguyễn Lộ Trạch, Đinh Văn Diên, Nguyễn Trường Tộ.

- Quan điểm của họ: nhìn thấy rõ sự trì trệ của đất nước, sự bảo thủ của giới hủ nho và tác hại của chính sách “đóng cửa khoá nước”, sự quay lưng với những tiến bộ kĩ thuật phương Tây. Họ muốn đi theo con đường duy tân Nhật Bản.

- Một số quan điểm cụ thể:
 - + Đinh Điền đề nghị mở mang việc khai mỏ, đóng tàu, biệt đãi người phương Tây, khai thông buôn bán, học tập binh thư, binh pháp, huấn luyện quân đội theo lối mới.
 - + Nguyễn Trường Tộ đề nghị chấn chỉnh bộ máy quan lại, phát triển công thương, tài chính, chấn chỉnh võ bị, ngoại giao, cải tổ giáo dục...

3. Kết cục của những đề nghị cải cách duy tân cuối thế kỉ XIX
- Hầu hết các đề nghị cải cách duy tân không được thực hiện vì triều đình Nguyễn bảo thủ, cố chấp, không chịu thay đổi.
- Dù không được thực hiện, nhưng trào lưu đòi cải cách cuối thế kỉ XIX đã có tác dụng tấn công vào những tư tưởng bảo thủ và chuẩn bị cho sự ra đời của phong trào Duy tân sôi nổi, rộng khắp ở Việt Nam đầu thế kỉ XX.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM
Hãy khoanh tròn một chữ in hoa đứng trước câu trả lời đúng.

- Trong nửa sau thế kỉ XIX, nền kinh tế Việt Nam như thế nào?**
 - A. Ổn định và phát triển.
 - B. Bắt đầu rơi vào tình trạng khủng hoảng.
 - C. Tiếp tục rơi vào khủng hoảng trầm trọng.
 - D. Suy thoái nghiêm trọng.
- Khi chiến sự xảy ra ở Đà Nẵng và Gia Định, ai đã tâu: “Quân và dân của đã hết, sức đã yếu”?**
 - A. Hoàng Diệu.
 - B. Nguyễn Tri Phương.
 - C. Phan Thanh Giản.
 - D. Tôn Thất Thuyết.
- Vào tháng 4 – 1862, cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Thịnh nổ ra ở đâu?**
 - A. Bắc Giang.
 - B. Bắc Ninh.
 - C. Tuyên Quang.
 - D. Thái Nguyên.
- Cuộc bạo loạn nổ ra ở vùng duyên hải Bắc Kỳ, do Tạ Văn Phụng cầm đầu nổ ra trong khoảng thời gian nào?**
 - A. Từ năm 1862 đến năm 1865.
 - B. Từ năm 1861 đến năm 1865.
 - C. Từ năm 1862 đến 1864.
 - D. Từ năm 1861 đến năm 1864.
- Các sĩ phu tiến bộ lúc bấy giờ muốn nước ta đi theo con đường nào?**
 - A. Theo con đường Duy tân của Nhật Bản.
 - B. Theo con đường dân chủ tư sản ở Trung Quốc.
 - C. Theo con đường cải cách của Ấn Độ.
 - D. Theo con đường cách mạng tư sản ở các nước Đông Nam Á.
- Khi đi sứ sang Trung Quốc, ai là người tận mắt chứng kiến sức mạnh và tầm quan trọng của kĩ thuật, công thương?**

- A. Nguyễn Trường Tộ.
C. Nguyễn Tri Phương.

- B. Phan Thanh Giản.
D. Nguyễn Văn Trường.

7. Năm 1872, Viện Thương bạc đề nghị mở ba cửa biển ở đâu?

- A. Đà Nẵng, cam Ranh, Nha Trang. B. Đà Nẵng, Huế, Sai Gòn.
C. Đà Nẵng, Ba Lạt, Đồ Sơn. D. Đà Nẵng, Đồ Sơn, Quy Nhơn.

8. Từ năm 1863 đến năm 1871, ai là người kiên trì gửi đến triều đình Huế gần 60 bản điều trần?

- A. Nguyễn Tri Phương. B. Phan Thanh Giản.
C. Hoàng Diệu. D. Nguyễn Trường Tộ.

Bài 37

PHONG TRÀO CHỐNG PHÁP CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM CUỐI THẾ KỈ XIX

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. CUỘC PHẢN CÔNG CỦA PHÁI CHỦ CHIẾN Ở KINH THÀNH HUẾ, PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG BÙNG NỔ VÀ PHÁT TRIỂN

1. Tình hình Việt Nam sau hai Hiệp ước 1883 và 1884

- Hai Hiệp ước Hác-măng (1883) và Pa-tơ-nốt 1884 đã chấm dứt sự tồn tại của nhà nước phong kiến Việt Nam độc lập. Tuy vậy, phái chủ chiến do vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết đứng đầu vẫn nuôi hi vọng sẽ khôi phục lại chủ quyền.

- Dựa vào phong trào kháng chiến của nhân dân, phái chủ chiến trong triều đình Huế mà đại diện là Tôn Thất Thuyết (Thượng thư Bộ binh) và Nguyễn Văn Tường (Thượng thư Bộ lại) mạnh tay hành động.

- Tình hình đó buộc thực dân Pháp phải tăng thêm lực lượng quân sự, xiết chặt bộ máy kìm kẹp và tìm mọi cách để loại trừ phái chủ chiến ra khỏi triều đình. Biết được âm mưu của Pháp, Tôn Thất Thuyết và lực lượng chủ chiến quyết định nổ súng để giành thế chủ động.

2. Cuộc phản công của phái chủ chiến tại Kinh thành Huế (7-1885)

- Phong trào Cần vương bùng nổ

- Đêm mùng 4 rạng ngày 5-7-1885, trong khi tên Toàn quyền về chính trị và quân sự Pháp tại Việt Nam là Cuorecy đang mải mê yến tiệc tại toà Khâm sứ Pháp tại Huế, Tôn Thất Thuyết đã hạ lệnh cho các đạo quân của mình tấn công. Một số tên Pháp bị tiêu diệt tại đồn Mang Cá, toà Khâm sứ. Cuộc chiến đấu diễn ra vô cùng ác liệt, song do chuẩn bị vội vã, thiếu chu đáo nên sức chiến đấu của quân ta nhanh chóng giảm sút. Sáng 6-7, quân Pháp phản công. Chúng cướp bóc và tàn sát nhân dân ta vô cùng man rợ.

- Tôn Thất Thuyết phải đưa Vua Hàm Nghi và Tam cung ra khỏi Hoàng thành, rồi chạy ra sơn phòng Tân Sở (Quảng Trị). Ngày 13-7-1885, Tôn Thất Thuyết mượn danh Hàm Nghi xuống chiếu Cần vương, kêu gọi văn thân, sĩ

phu và nhân dân cả nước đứng lên, vì vua mà kháng chiến.

- Chiếu Cần vương đã nhanh chóng thổi bùng ngọn lửa yêu nước của nhân dân ta, tạo thành phong trào vũ trang chống Pháp diễn ra sôi nổi, liên tục kéo dài 12 năm, đến cuối thế kỉ XIX mới chấm dứt.

3. Các giai đoạn phát triển của phong trào Cần vương

* Trong giai đoạn từ năm 1885 đến tháng 11-1888, phong trào được đặt dưới sự chỉ huy của Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết.

- Hàng trăm cuộc khởi nghĩa lớn nhỏ đã nổ ra trên phạm vi cả nước, từ Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Ngãi, Bình Định cho tới Khánh Hòa, Phú Yên. Tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của Mai Xuân Thưởng ở Bình Định. Cùng nổi dậy với ông có Bùi Điền, Nguyễn Đức Nhuận, Đào Doãn Địch, Nguyễn Duy Cung ...

- Lúc này, phò tá cho Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết còn có nhiều văn thân, sĩ phu và tướng lĩnh khác như Tôn Thất Đàm, Tôn Thất Thiệp (hai con của Tôn Thất Thuyết), Phạm Tường, Trần Văn Định. Bộ chỉ huy của phong trào đóng tại vùng rừng núi phía tây hai tỉnh Quảng Bình và Hà Tĩnh.

- Cuối năm 1888, do sự phản bội của Trương Quang Ngọc, vua Hàm Nghi rơi vào tay giặc. Nhà vua đã hiện ngang cự tuyệt mọi sự dụ dỗ của Pháp, chịu án lưu đầy sang An-giê-ri (Bắc Phi).

* Trong giai đoạn từ năm 1888 đến năm 1895

- Ở giai đoạn này không còn sự chỉ huy của triều đình kháng chiến, nhưng phong trào vẫn tiếp tục phát triển và quy tụ dần thành các trung tâm lớn, tồn tại bền bỉ và ngày càng có xu hướng đi vào chiều sâu.

- Trước những cuộc hành quân càn quét dữ dội của thực dân Pháp, phong trào ở vùng đồng bằng ngày càng bị thu hẹp và chuyển trọng tâm hoạt động lên vùng trung du và miền núi. Tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa: Hùng Lĩnh do Cao Điền và Tống Duy Tân lãnh đạo, hoạt động ở vùng rừng núi phía tây tỉnh Thanh Hóa; khởi nghĩa Hương Khê do Phan Đình Phùng và Cao Thắng lãnh đạo.

- Khi tiếng súng kháng chiến đã im trên núi Vụ Quang (Hương Khê - Hà Tĩnh) vào cuối năm 1895, phong trào Cần vương coi như chấm dứt.

II. CÁC CUỘC KHỞI NGHĨA LỚN TRONG PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG

1. Khởi nghĩa Bãi Sậy (1883-1892)

Từ năm 1883, Đinh Gia Quế đã lãnh đạo nghĩa quân hoạt động ở vùng Bãi Sậy (Hưng Yên). Năm 1885, hưởng ứng "Chiếu Cần vương" phong trào kháng Pháp lại bùng lên mạnh mẽ dưới sự chỉ huy của Nguyễn Thiện Thuật.

Dựa vào vùng lau lách um tùm và đầm lầy thuộc các huyện Văn Lâm, Văn Giang, Khoái Châu, Yên Mỹ... Nghĩa quân xây dựng căn cứ và triệt để áp dụng chiến thuật đánh du kích.

Sau những trận chống càn quyết liệt, lực lượng nghĩa quân suy giảm và rơi vào thế bị bao vây, cô lập. Năm 1889, Nguyễn Thiện Thuật sang Trung Quốc, phong trào tiếp tục một thời gian rồi tan rã.

2. Khởi nghĩa Ba Đình và khởi nghĩa Hùng Lĩnh

a. Khởi nghĩa Ba Đình (1886-1887)

- Ba Đình thuộc huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá.
- Lãnh đạo là Phạm Bành và Đinh Công Tráng, nghĩa quân lợi dụng địa hình của các làng Mậu Thịnh, Thượng Thọ, Mĩ Khê để xây dựng một chiến tuyến phòng thủ kiên cố.
- Cuộc chiến đấu quyết liệt từ tháng 12-1886 đến tháng 1-1887. Khi giặc Pháp mở cuộc tấn công quy mô vào căn cứ.
- Nghĩa quân đã chiến đấu anh dũng suốt 34 ngày đêm đẩy lùi nhiều đợt tấn công của địch. Cuối cùng để chấm dứt cuộc vây hãm giặc liền chết xông vào. Chúng phun dầu thiêu trụi các lũy tre, triệt hạ và xoá tên ba làng trên bản đồ hành chính.

b. Khởi nghĩa Hùng Lĩnh (1887-1892)

- Căn cứ Hùng Lĩnh ở Vinh Lộc – Thanh Hoá
- Lãnh đạo khởi nghĩa Tống Duy Tân và Cầm Bá Thước.
- Trong hai năm (1889-1890) nghĩa quân chiến đấu anh dũng, gây cho Pháp nhiều thiệt hại.
- Thực dân Pháp tập trung lực lượng truy quét, nghĩa quân phải rút dần lên miền Tây Thanh Hoá. Đến tháng 10-1892 phong trào thất bại.

4. Khởi nghĩa Hương Khê (1885-1895)

- Lãnh đạo Phan Đình Phùng, bên cạnh có các tướng tài nổi bật là Cao Thắng.
- Địa bàn hoạt động: Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình.
- + Từ năm 1885 đến năm 1888, nghĩa quân lo tổ chức, huấn luyện xây dựng công sự, rèn đúc vũ khí và tích trữ lương thực.
- + Từ năm 1888 đến năm 1896, nghĩa quân dựa vào rừng núi, đẩy lùi nhiều cuộc hành quân càn quét của địch.

Để đối phó, thực dân Pháp tập trung binh lực và xây dựng hệ thống đồn bốt dày đặc nhằm bao vây cô lập nghĩa quân. Đồng thời mở nhiều cuộc hành quân tấn công qui mô vào Ngân Trươi căn cứ chính của nghĩa quân.

Lực lượng nghĩa quân suy yếu dần, sau khi Phan Đình Phùng hi sinh (28-12-1895), các thủ lĩnh còn lại tiếp tục chiến đấu thêm một thời gian. Đến năm 1896, phong trào tan rã.

II. KHỞI NGHĨA YÊN THẾ VÀ PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CỦA ĐỒNG BÀO MIỀN NÚI

1. Khởi nghĩa Yên Thế

- Yên Thế nằm ở phía tây tỉnh Bắc Giang là vùng đất đồi núi, cây cối rậm rạp, địa hình hiểm trở. Cư dân ở đây phần lớn là dân ngụ cư trốn tránh phu phen, tạp dịch thiên tai địch họa, yêu cuộc sống tự do, phóng túng.

- Khi thực dân Pháp mở rộng phạm vi chiếm đóng Bắc Kỳ, Yên Thế trở thành mục tiêu bình định của chúng. Để bảo vệ cuộc sống của mình, nông dân Yên Thế đã đứng lên.

* Trong giai đoạn 1884-1892, nghĩa quân hoạt động riêng lẻ chưa có sự chỉ huy thống nhất, thủ lĩnh uy tín nhất là Đề Năm.

Sau khi Đề Năm mất, Đề Thám trở thành thủ lĩnh của phong trào.

* Giai đoạn 1893-1897, nghĩa quân vừa chiến đấu vừa xây dựng cơ sở.

- Thấy tương quan lực lượng chênh lệch, Đề Thám tìm cách giãn hoà.

- Sau khi nhục kích bắt được tên diễn chủ người Pháp Sét-nay. Đề Thám đồng ý thả tên này với điều kiện Pháp phải rút khỏi Yên Thế, Đề Thám cai quản bốn tổng Nhã Nam, Mục Sơn, Yên Lễ, Hữu Thượng.

- Thời gian giãn hoà không kéo dài, thực dân Pháp tấn công trở lại.

Lực lượng của Đề Thám bị tổn thất, suy yếu nhanh chóng.

Để cứu vãn tình thế, Đề Thám xin giãn hoà lần thứ hai.

* Giai đoạn 1898- 1908, tranh thủ thời gian hoà hoãn, Đề Thám cho khai khẩn đồn điền Phồn Xương, tích trữ lương thực, xây dựng đội quân tinh nhuệ, sẵn sàng chiến đấu.

* Giai đoạn 1909-1913, phát hiện thấy Đề Thám có dính líu đến vụ đầu độc trại lính Pháp ở Hà Nội. Thực dân Pháp tập trung lực lượng tấn công quy mô lên Yên Thế. Lực lượng nghĩa quân hao mòn dần. Ngày 10-2-1913, Đề Thám bị sát hại, phong trào tan rã.

2. Phong trào đấu tranh của đồng bào miền núi và các dân tộc thiểu số

* Một số cuộc khởi nghĩa chống Pháp của đồng bào miền núi cuối thế kỉ XIX:

- Ở miền Trung, tiêu biểu là cuộc đấu tranh do Hà Văn Mao và Cầm Bá Thước cầm đầu.

- Ở Tây Nguyên các tù trưởng Nơ-trang Gư, Ama Con, Ama Giơ-hao kêu gọi nhân dân rào làng chiến đấu từ 1889 đến 1905.

- Ở Tây Bắc, đồng bào các dân tộc Thái, Mường, Mông...tập hợp dưới ngọn cờ của Nguyễn Quang Bích, Nguyễn Văn Giáp lập căn cứ chống Pháp ở Lai Châu, Sơn La, hoạt động mạnh trên vùng sông Đà.

- Hoạt động của các toán quân người Thái dưới sự chỉ huy của Đèo Văn Trì, Nông Văn Quang, Cầm Văn Thanh, Cầm Văn Hoan kéo dài từ 1884 đến 1890.

- Đèo Chính Lục, Đặng Phúc Thành cầm đầu đồng bào Thái ở Sơn La phục kích quân Pháp ở nhiều nơi.

- Đồng Bào Mông ở Hà Giang do Hà Quốc Thượng lãnh đạo nổi dậy chống Pháp từ năm 1894 đến năm 1896.

- Tại vùng Đông Bắc bùng nổ phong trào của người Dao, người Hoa tiêu biểu nhất là đội quân của Lưu Kỳ.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Hãy khoanh tròn một chữ in hoa đứng trước câu trả lời đúng.

1. *Thực dân Pháp hoàn thành cơ bản cuộc xâm lược Việt Nam khi nào?*

- A. Sau khi đánh chiếm thành Hà Nội lần thứ hai.
- B. Sau khi Hiệp ước Hác-măng và Pa-tơ-nốt kí kết.
- C. Sau khi đánh chiếm Kinh thành Huế.
- D. Sau khi đánh chiếm Đà Nẵng.

2. *Sau khi đã hoàn thành về cơ bản cuộc xâm lược Việt Nam, thực dân Pháp bắt đầu làm gì?*

- A. Khai thác thuộc địa lần thứ nhất.
- B. Khai thác thuộc địa lần thứ hai.
- C. Bắt đầu xúc tiến việc thiết lập bộ máy chính quyền thực dân và chế độ bảo hộ lên phần lãnh thổ Bắc Kỳ và Trung Kỳ.
- D. Bắt đầu xúc tiến việc lập bộ máy cai trị trên toàn Việt Nam.

3. *Sau khi đã hoàn thành về cơ bản cuộc xâm lược Việt Nam, thực dân Pháp gặp phải sự phản kháng quyết liệt của lực lượng nào?*

- A. Một số quan lại yêu nước và nhân dân ở các địa phương, cả trong Nam lẫn ngoài Bắc.
- B. Một số văn thân, sĩ phu yêu nước trong triều đình Huế.
- C. Một số quan lại và nhân dân yêu nước ở Trung Kỳ.
- D. Toàn thể dân tộc Việt Nam.

4. *Dựa vào phong trào kháng chiến của nhân dân, phái chủ chiến trong triều đình Huế đại diện là những ai mạnh tay hành động chống Pháp?*

- A. Nguyễn Trường Tộ, Phan Thanh Giản.
- B. Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường.
- C. Tôn Thất Thuyết và vua Hàm Nghi.
- D. Nguyễn Văn Tường và Nguyễn Đức Nhuận.

5. *Tôn Thất Thuyết mượn danh Hàm Nghi xuống chiếu Cần vương, kêu gọi văn thân, sĩ phu và nhân dân cả nước đứng lên, vì vua mà kháng chiến vào thời gian nào?*

- A. Ngày 20 tháng 7 năm 1885.
- B. Ngày 02 tháng 7 năm 1885.
- C. Ngày 13 tháng 7 năm 1885.
- D. Ngày 17 tháng 3 năm 1885.

6. *Trong giai đoạn từ năm 1885 đến năm 1888, phong trào Cần vương được đặt dưới sự chỉ huy của ai?*

- A. Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường.
- B. Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết.
- C. Nguyễn Văn Tường và Trần Xuân Soạn.
- D. Nguyễn Đức Nhuận, Đào Doãn Dịch.

7. *Tiêu biểu nhất cho phong trào Cần vương từ Thanh Hóa đến Phú Yên là phong trào nào?*

- A. Cuộc khởi nghĩa của Mai Xuân Thưởng ở Bình Định.
- B. Cuộc khởi nghĩa của Lê Trung Đình ở Quảng Ngãi.

C. Cuộc nổi dậy của Bùi Diễm, Nguyễn Đức Nhuận.

D. Cuộc khởi nghĩa của Đào Doãn Dịch, Nguyễn Duy Cung.

8. *Bộ chỉ huy của phong trào Cần vương đóng tại vùng rừng núi phía tây hai tỉnh nào?*

- A. Quảng Ngãi và Bình Định.
- B. Quảng Nam và Quảng Trị.
- C. Quảng Bình và Quảng Trị.
- D. Quảng Bình và Hà Tĩnh.

9. *Cuối năm 1888, do sự phản bội của ai, vua Hàm Nghi rơi vào tay giặc Pháp?*

- A. Của Nguyễn Quang Ngọc.
- B. Của Tôn Thất Thuyết.
- C. Của Trương Quang Ngọc.
- D. Của Nguyễn Duy Cung.

10. *Sau khi bắt được vua Hàm Nghi, thực dân Pháp đưa ông đi đày ở đâu?*

- A. Ở Tuy-ni-di.
- B. Ở An-giê-ri.
- C. Ở Mê-hi-cô.
- D. Ở Nam Phi.

11. *Cuộc khởi nghĩa Hùng Lĩnh diễn ra ở vùng nào, do ai lãnh đạo?*

- A. Ở vùng rừng núi phía tây tỉnh Thanh Hóa, do Cao Diễm và Tống Duy Tân lãnh đạo.
- B. Ở vùng rừng núi Nghệ An, do Cao Diễm và Hoàng Hoa Thám lãnh đạo.
- C. Ở vùng rừng núi Quảng Bình, do Tống Duy Tân và Cao Thắng lãnh đạo.
- D. Ở đồng bằng và trung du Thanh Hóa, do Phan Đình Phùng và Tống Duy Tân lãnh đạo.

12. *Cuộc khởi nghĩa Hương Khê do ai lãnh đạo?*

- A. Cao Diễm và Tống Duy Tân lãnh đạo.
- B. Tống Duy Tân và Cao Thắng lãnh đạo.
- C. Phan Đình Phùng và Hoàng Hoa Thám lãnh đạo.
- D. Phan Đình Phùng và Cao Thắng lãnh đạo.

13. *Cuộc khởi nghĩa Ba Đình diễn ra trong khoảng thời gian nào?*

- A. Từ năm 1886 đến năm 1888.
- B. Từ năm 1887 đến năm 1888.
- C. Từ năm 1886 đến năm 1887.
- D. Từ năm 1886 đến năm 1889.

14. *Cử điểm của khởi nghĩa Ba Đình được xây dựng ở đâu?*

- A. Ở Tân Sở Phòng tỉnh Quảng Trị.
- B. Ở khắp các huyện thuộc tỉnh Thanh Hóa.
- C. Ở ba làng Mậu Thịnh, Thượng Thọ, Mĩ Khê thuộc Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- D. Ở Thung Voi, Thung Khoai tỉnh Thanh Hóa.

15. *Chỉ huy khởi nghĩa Ba Đình là ai?*

- A. Tống Duy Tân và Hoàng Hoa Thám.
- B. Phan Đình Phùng và Cao Thắng.
- C. Phạm Bành, Đinh Công Tráng.
- D. Đinh Công Tráng và Cao Diễm.

16. *Dựa vào địa hình ở đâu, nghĩa quân đã xây dựng một căn cứ chống Pháp độc đáo?*

- A. Ba làng Mậu Thịnh, Thượng Thọ, Mĩ Khê.
- B. Ở Thung Voi, Thung Khoai tỉnh Thanh Hóa.
- C. Ở Quảng Hóa và căn cứ Mã Cao.
- D. Ở huyện Nga Sơn tỉnh Thanh Hóa.

17. Hoạt động chủ yếu của nghĩa quân Ba Đình là gì?

- A. Tấn công vào 500 quán Pháp đang đóng ở Ba Đình.
- B. Tập hợp lực lượng gồm người Kinh, người Thái, người Mường để chống Pháp.
- C. Chặn đánh các đoàn xe vận tải của địch và tập kích vào các toán lính hành quân qua căn cứ Ba Đình.
- D. Dùng hỏa lực liên tiếp dội vào quân địch.

18. Cuộc khởi nghĩa Ba Đình bị thất bại vào thời gian nào?

- A. Ngày 6 - 1 - 1887.
- B. Ngày 15 - 1 - 1887.
- C. Ngày 21 - 1 - 1887.
- D. Ngày 22 - 2 - 1887.

19. Cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy diễn ra trong khoảng thời gian nào?

- A. Từ năm 1885 đến năm 1887.
- B. Từ năm 1887 đến năm 1889.
- C. Từ năm 1885 đến năm 1892.
- D. Từ năm 1885 đến năm 1888.

20. Cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy do ai lãnh đạo?

- A. Đinh Công Tráng.
- B. Nguyễn Thiện Thuật.
- C. Phan Đình Phùng.
- D. Đinh Gia Quế.

21. Khởi nghĩa Hương Khê diễn ra trong thời gian nào?

- A. Từ năm 1885 đến năm 1895.
- B. Từ năm 1885 đến năm 1890.
- C. Từ năm 1884 đến năm 1894.
- D. Từ năm 1886 đến năm 1896.

22. Lãnh đạo khởi nghĩa Hương Khê là ai?

- A. Hoàng Hoa Thám và Phan Đình Phùng.
- B. Nguyễn Thiện Thuật và Đinh Công Tráng.
- C. Phan Đình Phùng và Cao Thắng.
- D. Phan Đình Phùng và Đinh Công Tráng.

23. Giai đoạn từ năm 1885 đến năm 1888, khởi nghĩa Hương Khê làm nhiệm vụ gì?

- A. Tập trung lực lượng đánh thực dân Pháp.
- B. Chuẩn bị lực lượng, xây dựng cơ sở chiến đấu của nghĩa quân.
- C. Xây dựng hệ thống chiến lũy để chiến đấu.
- D. Tất cả các nhiệm vụ trên.

24. Được Phan Đình Phùng giao nhiệm vụ, Cao Thắng đã tích cực làm những việc gì cho khởi nghĩa Hương Khê?

- A. Chiêu tập binh sĩ, trang bị và huấn luyện quân sự.
- B. Xây dựng căn cứ thuộc vùng rừng núi các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình.
- C. Chiêu tập binh sĩ, trang bị và huấn luyện quân sự, xây dựng căn cứ thuộc vùng rừng núi các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình.
- D. Chuẩn bị lực lượng và vũ khí cho khởi nghĩa.

25. Phong trào nông dân Yên Thế diễn ra trong thời gian nào?

- A. Từ năm 1884 đến năm 1913.
- B. Từ năm 1885 đến năm 1895.
- C. Từ năm 1885 đến năm 1913.
- D. Từ năm 1884 đến năm 1895.

26. Lực lượng nào tham gia đông nhất trong khởi nghĩa nông dân Yên Thế?

- A. Công nhân.
- B. Nông dân.
- C. Các dân tộc sống ở miền núi.
- D. Nông dân và công nhân.

27. Đến năm 1891, từ Yên Thế, nghĩa quân mở rộng hoạt động sang vùng nào?

- A. Yên Lẽ, Mực Sơn, Nhã Nam, Hữu Thượng.
- B. Phủ Lạng Thương.
- C. Tiên Lữ (Hưng Yên),
- D. Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa, Hưng Yên, Hải Dương.

28. Trong giai đoạn từ năm 1893 đến năm 1897, ai là lãnh tụ tối cao của khởi nghĩa Yên Thế?

- A. Đề Nắm.
- B. Đề Thám.
- C. Nguyễn Trung Trực.
- D. Phan Đình Phùng.

29. Nghĩa quân Yên Thế hòa hoãn với thực dân Pháp trong thời gian nào?

- A. Từ năm 1898 đến năm 1908.
- B. Từ năm 1889 đến năm 1898.
- C. Từ năm 1890 đến năm 1913.
- D. Từ năm 1909 đến năm 1913.

30. Hãy nối địa danh ở cột B cho phù hợp với các nhân vật lịch sử ở cột A về phong trào Cần vương sau đây:

A	B
1) Mai Xuân Thưởng	A. Quảng Ngãi
2) Lê Trung Đình	B. Quảng Nam
3) Nguyễn Tự Tân	C. Nghệ An
4) Nguyễn Duy Hiệu	D. Hà Tĩnh
5) Trương Đình Hội	E. Quảng Bình
6) Lê Trực	F. Bắc Kỳ
7) Cao Thắng	G. Bình Định
8) Đinh Công Tráng	H. Thanh Hoá
9) Nguyễn Quang Bích	I. Quảng Trị
10) Phan Đình Phùng	

31. Hãy nối sự kiện ở cột A (tên cuộc khởi nghĩa) với cột B (tên người lãnh đạo) cho đúng.

Cột A Tên cuộc khởi nghĩa	Cột B Tên người lãnh đạo
1. Cuộc phản công quân Pháp ở Kinh thành Huế	A. Phạm Bành
2. Khởi nghĩa Ba Đình	B. Tôn Thất Thuyết
3. Khởi nghĩa Bãi Sậy	C. Phan Đình Phùng
4. Khởi nghĩa Hương Khê	D. Nguyễn Thiện Thuật

32. Hãy đánh dấu X vào cột dọc dưới đây cho đúng với các cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy, Ba Đình, Hùng Lĩnh, Hương Khê.

Nội dung	Khởi nghĩa Bãi Sậy	Khởi nghĩa Ba Đình	Khởi nghĩa Hùng Lĩnh	Khởi nghĩa Hương Khê
1) Khởi nghĩa nổ ra trong những năm 1885 – 1895.				
2) Lãnh đạo khởi nghĩa là Đinh Công Tráng.				
3) Là cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất của nhân dân vùng châu thổ Bắc Bộ cuối thế kỉ XIX.				
4) Địa bàn khởi nghĩa ở Vĩnh Lộc (Thanh Hoá).				
5) Địa bàn khởi nghĩa thuộc ba làng Mậu Thịnh, Thượng Thọ, Mĩ Khê, huyện Nga Sơn (Thanh Hoá).				
6) Lãnh đạo khởi nghĩa là Phan Đình Phùng.				
7) Lãnh đạo khởi nghĩa là Nguyễn Thiện Thuật.				
8) Lãnh đạo chính của cuộc khởi nghĩa này là Tống Duy Tân và một số thủ lĩnh người Thái là Cầm Bá Thước.				

Chương II

VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX
ĐẾN HẾT CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

BÀI 38. SỰ CHUYỂN BIẾN VỀ KINH TẾ, XÃ HỘI
VÀ TƯ TƯỞNG Ở VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỈ XX

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Sự chuyển biến về kinh tế - xã hội Việt Nam trong cuộc khai thác lần thứ nhất của thực dân Pháp (1879 – 1914)

- Sau khi bình định xong nước ta về quân sự, Pháp tiến hành khai thác lần thứ nhất ở Việt Nam.

- Cuộc khai thác này đã bước đầu làm cho cơ cấu kinh tế thay đổi, tác động đến những chuyển biến của xã hội:

+ Nông dân bị mất ruộng đất ngày càng nhiều và phải chịu nhiều loại thuế, khổ cực trăm bề.

+ Công nhân, chủ yếu xuất thân từ nông dân bị tước đoạt ruộng đất.

+ Tầng lớp tư sản dân tộc ra đời nhưng bị thực dân Pháp chèn ép nên số lượng còn ít, thế lực yếu ớt.

+ Tầng lớp tiểu tư sản như những người buôn bán nhỏ, chủ xưởng nhỏ...cũng ra đời với sự mở rộng khai thác của thực dân Pháp.

+ Các sĩ phu có nhiều chuyển biến về tư tưởng chính trị.

2. Ảnh hưởng của trào lưu dân chủ tư sản từ bên ngoài vào Việt Nam

- Phong trào cải cách chính trị - văn hoá ở Trung Quốc với những nhân vật như Lương Khải Siêu, Khang Hữu Vi.

- Tư tưởng của cách mạng Pháp với những tác phẩm của Rút-xô, Mông-te-xki-ơ.

- Cách mạng Tân Hợi (1911) ở Trung Quốc đã ảnh hưởng đến tư tưởng của các sĩ phu Việt Nam.

- Đặc biệt là cuộc cải cách Minh Trị ở Nhật Bản năm 1868.

3. Sự ra đời của phong trào giải phóng dân tộc mang tính chất cách mạng theo khuynh hướng tư sản ở Việt Nam

- Nguyên nhân:

+ Sự chuyển biến của kinh tế - xã hội ở Việt Nam.

+ Ảnh hưởng trào lưu tư tưởng từ bên ngoài vào.

- Xu hướng: giải phóng dân tộc gắn với duy tân và thay đổi chế độ theo khuynh hướng dân chủ tư sản.

- Những người tiên phong: Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh.

- Hình thức đấu tranh: không chỉ có đấu tranh vũ trang mà còn có hình thức khác như đấu tranh chính trị, ngoại giao, lập ra các tổ chức cách mạng, các hội...

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Hãy khoanh tròn một chữ in hoa đứng trước câu trả lời đúng.

- 1. Thực dân Pháp tiến hành khai thác thuộc địa lần thứ nhất ở Việt Nam trong khoảng thời gian nào?**
A. Từ năm 1897 đến năm 1913. B. Từ năm 1898 đến năm 1914.
C. Từ năm 1899 đến năm 1914. D. Từ năm 1897 đến năm 1916.
- 2. Chính sách nào dưới đây mà thực dân Pháp áp dụng ở Việt Nam ngay từ khi tiến hành khai thác thuộc địa lần thứ nhất?**
A. Chính sách "Chia để trị".
B. Chính sách "dùng người Pháp trị người Việt".
C. Chính sách "đồng hoá" dân tộc Việt Nam.
D. Chính sách "khủng bố trắng" đối với dân tộc Việt Nam.
- 3. Trong quá trình khai thác trên lĩnh vực công nghiệp ở Việt Nam, thực dân Pháp chú trọng khai thác ngành nào?**
A. Ngành công nghiệp nặng. B. Ngành công nghiệp nhẹ.
C. Ngành khai thác mỏ. D. Ngành luyện kim và cơ khí.
- 4. Chính sách thâm độc nhất của thực dân Pháp trên lĩnh vực nông nghiệp ở Việt Nam trong quá trình khai thác thuộc địa là chính sách nào dưới đây?**
A. Đẩy mạnh việc cướp đoạt ruộng đất của nông dân Việt Nam.
B. Lập các đồn điền để trồng các loại cây công nghiệp.
C. Thu mua lương thực với giá rẻ mạt đối với nông dân.
D. Tăng các loại thuế đối với sản xuất nông nghiệp.
- 5. Giai cấp, tầng lớp nào ở Việt Nam ngày càng gánh chịu nhiều thứ thuế và bị khổ cực trăm bề?**
A. Giai cấp tư sản dân tộc. B. Tầng lớp tiểu tư sản.
C. Giai cấp công nhân làm thuê. D. Giai cấp nông dân.
- 6. Thành phần xuất thân của giai cấp công nhân Việt Nam chủ yếu từ:**
A. Giai cấp tư sản bị thực dân Pháp đình chỉ hoạt động kinh doanh.
B. Giai cấp nông dân bị tước ruộng đất.
C. Tầng lớp tiểu tư sản bị thất nghiệp.
D. Giai cấp địa chủ nhỏ bị thực dân Pháp thu toàn bộ ruộng đất.
- 7. Trước Chiến tranh thế giới thứ nhất, số lượng công nhân Việt Nam có khoảng bao nhiêu người?**
A. Khoảng mười vạn người. B. Khoảng hai mươi vạn người.
C. Khoảng năm vạn người. D. Khoảng mười lăm vạn người.
- 8. Mầm mống ra đời của tầng lớp tư sản dân tộc xuất phát từ đâu?**
A. Từ một số người đứng ra hoạt động công thương nghiệp.
B. Từ một số người nông dân giàu có chuyển hướng kinh doanh.
C. Từ một số tiểu tư sản có ít vốn chuyển hướng kinh doanh.
D. Tất cả các thành phần trên.

9. Những năm cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, những thông tin về tình hình thế giới, mà trước hết là các nước nào đã xâm nhập vào Việt Nam?

- A. Các nước ở khu vực Đông Nam Á.
- B. Các nước như Nhật Bản và Trung Quốc.
- C. Các nước như Anh, Pháp.
- D. Các nước ở châu Á như Ấn Độ và Trung Quốc.

10. Phong trào cải cách chính trị - văn hoá ở Trung Quốc với những nhân vật nào đã có tác động mạnh mẽ đến nước ta những năm cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX?

- A. Tôn Trung Sơn. B. Mao Trạch Đông.
- C. Lương Khải Siêu. D. Lương Khải Siêu và Khang Hữu Vi.

11. Những năm cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, những tác phẩm nổi tiếng của ai được dịch sang tiếng Hán rồi du nhập vào nước ta?

- A. Của Rút-xô. B. Của Mông-te-xki-ơ.
- C. Của Rút-xô và Mông-te-xki-ơ. D. Của Rút-xô, Mông-te-xki-ơ và Phu-ri-ê.

12. Đầu thế kỉ XX, trong nhận thức của các sĩ phu Việt Nam, muốn đất nước phát triển phải đi theo con đường nào?

- A. Đi theo con đường cải cách của Trung Quốc.
- B. Đi theo con đường duy tân của Nhật Bản.
- C. Đi theo cách mạng vô sản ở Pháp.
- D. Đi theo con đường Cách mạng tháng Mười Nga.

13. Những người đi tiên phong trong phong trào yêu nước và cách mạng ở Việt Nam đầu thế kỉ XX là ai?

- A. Nguyễn Thái Học, Phạm Tuấn Tài, Nguyễn Khắc Nhu.
- B. Nguyễn Ái Quốc.
- C. Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh.
- D. Nguyễn Ái Quốc, Phan Bội Châu.

14. Cuộc vận động giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX đã gắn việc đánh đuổi thực dân Pháp với:

- A. Đánh đuổi phong kiến tay sai. B. Cải biến xã hội.
- C. Giành độc lập dân tộc. D. Giải phóng giai cấp nông dân.

15. Hình thức đấu tranh nào dưới đây gắn với phong trào yêu nước của các sĩ phu Việt Nam đầu thế kỉ XX?

- A. Đấu tranh đơn thuần bằng vũ trang.
- B. Đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị, ngoại giao.
- C. Đấu tranh chủ yếu bằng hình thức chính trị.
- D. Dùng biện pháp cải cách yêu cầu thực dân Pháp trả độc lập.

PHONG TRÀO YÊU NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG Ở VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỈ XX

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Hoạt động cứu nước của Phan Bội Châu

- Phan Bội Châu chủ trương bạo động vũ trang đánh đuổi Pháp, xây dựng một chế độ chính trị mới ở Việt Nam.
- Năm 1904, Phan Bội Châu thành lập hội Duy tân.
- Là người tổ chức phong trào Đông du, đưa thanh thiếu niên sang Nhật học tập để chuẩn bị lực lượng chống Pháp.
- Tháng 3-1909, Phan Bội Châu bị trục xuất khỏi nước Nhật.
- Tháng 6-1912, ông thành lập Việt Nam Quang phục hội.
- Phan Bội Châu là người vươn lên liên tục để đạt mục tiêu giải phóng dân tộc nhưng tất cả đều bị thất bại.

2. Hoạt động cứu nước của Phan Châu Trinh

- Là lãnh tụ của phong trào cải cách dân chủ. Ông chủ trương phê phán chế độ thuộc địa, vua quan, hô hào cải cách xã hội; nâng cao dân trí, dân quyền, tiến tới cứu nước.
- Phan Châu Trinh đã đi khắp tỉnh Quảng Nam và đến các tỉnh Trung Kỳ để vận động cải cách.
- Cuộc vận động duy tân của Phan Châu Trinh diễn ra dưới nhiều hình thức phong phú.
- Phong trào Duy tân đang phát triển ngày càng sâu rộng thì bị thực dân Pháp đàn áp dữ dội. năm 1908, Phan Châu Trinh bị án tù ba năm ở Côn Đảo. Năm 1911, thực dân Pháp đưa ông sang Pháp. Suốt 14 năm sống ở trung tâm châu Âu, Phan Châu Trinh vẫn giữ đường lối cải cách, kêu gọi dân quyền, dân sinh, dân trí.

3. Đông Kinh nghĩa thực

- Đông Kinh nghĩa thực do các sĩ phu yêu nước lập ra, đứng đầu là Lương Văn Can.
- Mục đích của Đông Kinh nghĩa thực nhằm tuyên truyền, giáo dục lòng yêu nước, chí tiến thủ cho quần chúng; truyền bá một nền học thuật mới và nếp sống văn minh, tiến bộ, góp phần làm cho đất nước thoát khỏi lạc hậu, thoát khỏi ách thống trị ngoại bang, trở thành một quốc gia độc lập.
- Nội dung học rất phong phú:
 - + Dạy chương trình văn hoá trên lớp.
 - + Chủ trương chống tư tưởng phong kiến lạc hậu.
 - + Thực hiện cải cách văn hoá – xã hội.
- Phương pháp học:
 - + Chú trọng đến phương pháp học mới.
 - + Cho phép học sinh tự bàn bạc, thảo luận.

+ Giảng sách, đọc báo, bình văn...

- Ảnh hưởng của Đông Kinh nghĩa thực không chỉ ở Hà Nội mà lan đến nhiều địa phương.

- Đông Kinh nghĩa thực không chỉ là trường học mà còn là một tổ chức cách mạng để hưởng ứng cuộc vận động giải phóng dân tộc theo khuynh hướng dân chủ tư sản đầu thế kỉ XX.

4. Vụ đầu độc binh lính Pháp tại Hà Nội

- Nguyên nhân:

- + Do sự đối xử tồi tệ của thực dân Pháp đối với binh lính người Việt.
- + Do binh lính đã được giác ngộ và thức tỉnh trước sự phát triển của phong trào yêu nước.

- Kế hoạch đầu độc: Nghĩa quân Yên Thế kéo về phục sẵn xung quanh Hà Nội; bôi bết bỏ thuốc độc vào thức ăn, đầu độc trại lính Pháp. Khi có pháo lệnh, binh sĩ người Việt sẽ nổi dậy và từ trong đánh ra; quân của Hoàng Hoa Thám từ ngoài đánh vào, nhanh chóng chiếm thành Hà Nội. Nhưng cuối cùng bị lộ và bị thực dân Pháp ngăn chặn.

- Vụ đầu độc tuy thất bại nhưng đã gây nên sự hoang mang trong sĩ quan và binh lính Pháp.

5. Những năm cuối cùng của cuộc khởi nghĩa Yên Thế

- Tranh thủ thời gian hoà hoãn, Hoàng Hoa Thám củng cố, phát triển lực lượng, phá thế bao vây, liên hệ với các sĩ phu và binh lính yêu nước để phối hợp hành động.

- Cuối tháng giêng năm 1909, thực dân Pháp tập trung lực lượng tấn công vào các vị trí quan trọng, nhằm xoá bỏ căn cứ Yên Thế.

- Nghĩa quân Yên Thế đã anh dũng chống lại âm mưu của thực dân Pháp, giành được một số thắng lợi nhưng lực lượng ngày càng hao mòn dần, sức đề kháng suy giảm và cuối cùng đã thất bại.

- Mặc dầu thất bại, phong trào nông dân Yên Thế thể hiện tinh thần yêu nước mãnh liệt và sức mạnh tiềm tàng của nông dân Việt Nam.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Hãy khoanh tròn một chữ in hoa đứng trước câu trả lời đúng.

1. Là lãnh tụ tiêu biểu nhất trong phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX, Phan Bội Châu đã đề ra chủ trương gì để cứu nước, cứu dân?

- A. Chủ trương dùng cải cách kinh tế để nâng cao đời sống nhân dân.
- B. Chủ trương dùng bạo động vũ trang đánh đuổi Pháp.
- C. Chủ trương thoả hiệp với Pháp để Pháp trao trả độc lập.
- D. Chủ trương phê phán chế độ thuộc địa, vua quan, hô hào cải cách xã hội.

2. Trong quá trình hoạt động cách mạng của mình, Phan Bội Châu đã tranh thủ sự viện trợ từ bên ngoài, trước hết là nước nào?

- A. Trung Quốc.
- B. Ấn Độ.
- C. Thái Lan.
- C. Nhật Bản.

3. Đầu năm 1904, Phan Bội Châu cùng một số đồng chí của mình thành lập hội Duy tân để làm gì?

- A. Tập hợp đông đảo quần chúng thực hiện cuộc cải cách.
- B. Đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập dân tộc.
- C. Đưa người Việt Nam sang Nhật học tập kinh nghiệm về đánh Pháp.
- D. Tất cả đều đúng.

4. Mục đích cơ bản trong phong trào Đông du của Phan Bội Châu là gì?

- A. Đưa người Việt Nam sang các nước phương Đông để học tập kinh nghiệm về đánh Pháp.
- B. Đưa thanh niên Việt Nam sang Trung Quốc học tập để chuẩn bị lực lượng lãnh đạo cho cách mạng Việt Nam.
- C. Phan Bội Châu trực tiếp sang Nhật, cầu viện Nhật giúp Việt Nam đánh Pháp.
- D. Đưa thanh thiếu niên Việt Nam sang Nhật học tập để chuẩn bị lực lượng chống Pháp.

5. Phan Bội Châu bị trục xuất khỏi đất nước Nhật vào thời gian nào?

- A. Tháng 8 năm 1908.
- B. Tháng 9 năm 1908.
- C. Tháng 3 năm 1909.
- D. Tháng 9 năm 1909.

6. Phan Bội Châu và các đồng chí của mình thành lập ra Việt Nam Quang Phục hội và thời gian nào?

- A. Tháng 6 năm 1912.
- B. Tháng 8 năm 1912.
- C. Tháng 5 năm 1909.
- D. Tháng 6 năm 1911.

7. Mục đích của tổ chức Việt Nam Quang Phục hội là gì?

- A. Đánh đuổi thực dân Pháp, xoá bỏ ngôi vua, thiết lập dân quyền.
- B. Đánh đuổi thực dân Pháp và chế độ phong kiến ở Việt Nam.
- C. Đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, thành lập nước Cộng hoà dân quốc Việt Nam.
- D. Đánh đuổi thực dân Pháp, xây dựng nước Việt Nam hoà bình thống nhất.

8. Để đánh đuổi giặc Pháp bằng bạo lực cách mạng, Việt Nam Quang Phục hội đã thành lập tổ chức có tên gọi là gì?

- A. "Việt Nam Quang Phục quân".
- B. "Việt Nam Cứu quốc quân."
- C. "Việt Nam Bạo lực quân".
- D. "Quang Phục quân".

9. Trong quá trình hoạt động cách mạng của mình, Phan Châu Trinh nêu chủ trương cứu nước, cứu dân bằng cách nào?

- A. Tiến hành bạo động đánh đuổi thực dân Pháp.
- B. Nâng cao dân trí, dân quyền.
- C. Thiết lập quan hệ ngoại giao đơn phương với Pháp để Pháp trao trả độc lập.
- D. Câu A, B, C đều đúng.

10. Phan Châu Trinh đã đề cao phương châm gì đối với nhân dân Việt Nam?

- A. "Tự lực, tự cường".
- B. "Tự lực cánh sinh".
- C. "Tự lực khai hoá".
- D. "Tự do dân chủ".

11. Phan Châu Trinh đã từng đi đến những đâu để vận động cải cách theo phương châm của mình?

- A. Khắp Quảng Nam và các tỉnh Trung Kỳ.
- B. Khắp các tỉnh Trung Kỳ và Bắc Kỳ.
- C. Khắp trong nước và nước ngoài.
- D. Khắp Trung Quốc và Nhật Bản.

12. Phong trào Duy tân của Phan Châu Trinh đã làm bùng lên trong quần chúng ngọn lửa đấu tranh:

- A. Chống thực dân Pháp và bọn vua quan phong kiến mạnh mẽ.
- B. Chống đi phu, đòi giảm sưu thuế.
- C. Chống chính sách chia để trị của Pháp.
- D. Chống chiến tranh, bảo vệ hoà bình ở Việt Nam.

13. Phong trào Duy tân của Phan Châu Trinh bùng nổ vào thời gian nào, khởi điểm của phong trào ở tỉnh nào?

- A. Bùng nổ vào tháng 2 - 1908, khởi điểm ở Quảng Ngãi.
- B. Bùng nổ vào tháng 3 - 1908, khởi điểm ở Quảng Nam.
- C. Bùng nổ vào tháng 5 - 1908, khởi điểm ở Bình Định.
- D. Bùng nổ vào tháng 3 - 1908, khởi điểm ở Phú Yên.

14. Điểm nào dưới đây là điểm giống nhau của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh trong quá trình hoạt động cách mạng của mình?

- A. Điều thực hiện chủ trương dùng bạo lực cách mạng để đánh đuổi thực dân Pháp.
- B. Điều noi theo gương Nhật Bản để tự cường.
- C. Điều chủ trương thực hiện cải cách dân chủ.
- D. Điều chủ trương gương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc.

15. Trường Đông Kinh nghĩa thực ra đời vào thời gian nào, do ai làm Thực trưởng?

- A. Vào tháng 2 - 1907, do Lương Văn Can làm Thực trưởng.
- B. Vào tháng 5 - 1906, do Lương Văn Quyền làm Thực trưởng.
- C. Vào tháng 3 - 1907, do Lương Văn Can làm Thực trưởng.
- D. Vào tháng 4 - 1908, do Phan Châu Trinh làm Thực trưởng.

16. Chương trình học gồm các bài về địa lý, lịch sử, khoa học thường thức. Bên cạnh hình thức mở trường, các nhà Nho tiến bộ còn tổ chức các buổi bình văn và xuất bản sách báo. Đó là hoạt động của tổ chức nào?

- A. Hội Duy tân.
- B. Cuộc vận động Duy tân.
- C. Đông Kinh nghĩa thực.
- D. Câu A và C đúng.

17. Tính chất tiến bộ của Đông Kinh nghĩa thực biểu hiện ở điểm nào?

- A. Chống nền giáo dục cũ mà thực dân Pháp muốn lợi dụng để ngu dân.
- B. Cổ vũ cái mới (học chữ Quốc ngữ).
- C. Lên án phong tục, tập quán lạc hậu.
- D. Cả 3 ý trên đều đúng.

18. **Đông Kinh nghĩa thực đã phối hợp hoạt động với tổ chức nào của Phan Bội Châu dưới đây?**

- A. Việt Nam Quang Phục hội.
- B. Phong trào Đông du.
- C. Phong trào bạo động chống Pháp.
- D. Phong trào tự lực khai hoá.

19. **Đông Kinh nghĩa thực là một trường học và là một tổ chức cách mạng do các sĩ phu tiến bộ tổ chức để làm gì?**

- A. Hưởng ứng cuộc vận động giải phóng dân tộc theo khuynh hướng dân chủ tư sản đầu thế kỉ XX.
- B. Đào tạo các sĩ phu văn thân yêu nước nhằm lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.
- C. Hưởng ứng cuộc vận động giải phóng dân tộc theo khuynh hướng vô sản đầu thế kỉ XX.
- D. Chống lại ách áp bức, bóc lột của thực dân, phong kiến ở Việt Nam.

20. **Vào thời điểm nào Đông Kinh nghĩa thực chấm dứt hoạt động?**

- A. Đến tháng 12 năm 1907.
- B. Đến tháng 11 năm 1908.
- C. Đến tháng 11 năm 1907.
- D. Đến tháng 8 năm 1907.

21. **Vì sao dẫn đến vụ đầu độc binh lính Pháp ở Hà Nội vào đầu thế kỉ XX?**

- A. Sự đối xử tàn tệ của thực dân Pháp đối với họ.
- B. Sự bất bình trước chính sách cai trị của thực dân Pháp đối với nhân dân Việt Nam.
- C. Sự giác ngộ của họ trước sự phát triển của phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX.
- D. Câu A và C đúng.

22. **Vụ đầu độc binh lính Pháp tại Hà Nội cuối cùng bị thất bại nhưng nó đã thể hiện điều gì?**

- A. Tinh thần yêu nước và ý chí đấu tranh bất khuất của binh lính người Việt.
- B. Ý thức dân tộc và khả năng tham gia vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của bộ phận người Việt đi lính cho Pháp.
- C. Vai trò nòng cốt của binh lính người Việt trong quân đội Pháp.
- D. Tính dân tộc và tính dân chủ đang bùng lên trong binh lính người Việt.

23. **Những năm đầu thế kỉ XX, giữa Phan Bội Châu và Hoàng Hoa Thám đã có cam kết như thế nào?**

- A. Tổ chức vụ đầu độc binh lính người Việt trong quân đội Pháp.
- B. Cùng hưởng ứng cuộc vận động giải phóng dân tộc theo khuynh hướng dân chủ tư sản.
- C. Khi nghĩa quân Yên Thế nổi dậy thì Việt Nam Quang phục hội sẽ hưởng ứng.
- D. Khi Trung Kỳ nổi dậy thì nghĩa quân Yên Thế sẽ hưởng ứng, phối hợp hành động.

24. **Mặc dầu bị thất bại, khởi nghĩa Yên Thế thể hiện điều gì?**

- A. Khí phách đấu tranh của nhân dân Yên Thế.
- B. Tinh thần yêu nước và ý chí đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta.
- C. Tinh thần yêu nước và sức mạnh tiềm tàng của nông dân Việt Nam.
- D. Câu A, B, C đều đúng.

25. **Ghi đúng (Đ) hoặc sai (S) vào ô trống đặt trước các câu dưới đây:**

- A ☐ Sau khi bình định về quân sự, thực dân Pháp tiến hành khai thác thuộc địa lần thứ nhất ở Việt Nam.
- B ☐ Trong quá trình khai thác mỏ ở nước ta, thực dân Pháp chú trọng nhiều nhất đến mỏ vàng.
- C ☐ Thực dân Pháp đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng các ngành công nghiệp nặng ở nước ta.
- D ☐ Trong lĩnh vực nông nghiệp, thực dân Pháp đẩy mạnh việc cướp đoạt ruộng đất của nông dân để xây dựng các nhà máy, xí nghiệp phục vụ cho sản xuất công nghiệp nặng.
- E ☐ Một bộ phận nông dân bị phá sản trở thành công nhân.
- F ☐ Trước Chiến tranh thế giới thứ nhất, ở Việt Nam có khoảng 5 vạn công nhân.

26. **Điền vào chỗ trống mệnh đề sau đây:**

“Phong trào cải cách chính trị - văn hoá ở.....A.....với những nhân vật như.....B.....; tư tưởng của cách mạng.....C..... với những tác phẩm của.....D..... được dịch sang tiếng Hán du nhập vào nước ta; Cách mạng.....E..... nổ ra ở.....F.....đã làm ảnh hưởng đến tư tưởng của các sĩ phu Việt Nam”.

27. **Nối nội dung ở cột A cho phù hợp với cột B về quá trình hoạt động cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh.**

A	B
1) Phan Bội Châu	A. Là sĩ phu nổi tiếng đất Quảng Nam.
2) Phan Châu Trinh	B. Người sáng lập ra tổ chức Việt Nam Quang Phục hội.
	C. Lấy hiệu là Tây Hồ, sinh năm 1872.
	D. Chủ trương dùng bạo động vũ trang đánh đuổi Pháp.
	E. Đã từng làm quan trong triều đình Huế nhưng rồi cáo quan về quê vào năm 1904.
	F. Sang Nhật tham quan các trường học, khảo cứu tình hình giáo dục, chính trị của Nhật Bản.
	G. Là người gương cao ngọn cờ dân chủ, cải cách xã hội.

**Bài 40. VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM CHIẾN TRANH
THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914-1918)**

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ- XÃ HỘI VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM CHIẾN TRANH

1. Chính sách cai trị thời chiến của Pháp

- Trong những năm chiến tranh, thực dân Pháp nới rộng quyền hạn cho chính quyền Nam triều, củng cố hệ thống quan lại ở Bắc Kỳ mà quyền hành tập trung trong tay Thống sứ người Pháp.
- Mở rộng thương thuyết với chính phủ Trung Hoa để phối hợp đàn áp cách mạng Việt Nam.
- Chính sách cai trị thời chiến nhằm giữ yên Việt Nam để huy động tối đa sức của, sức người phục vụ chiến tranh.

2. Những biến động về kinh tế

- Toàn quyền Đông Dương tuyên bố: Việt Nam phải có nghĩa vụ đóng góp sức của, sức người phục vụ cho “nước mẹ” tham chiến.
- Chính quyền thực dân cố gắng khôi phục, duy trì, mở rộng nhiều cơ sở công nghiệp để bù đắp cho công nghiệp chính quốc; phục hồi các ngành phục vụ trực tiếp cho chiến tranh.
- Do chiến tranh, các cơ sở sản xuất, buôn bán, giao thông vận tải của người Việt Nam được củng cố, mở rộng và xuất hiện nhiều cơ sở mới. Nông nghiệp chuyên canh lúa đã chuyển một phần sang trồng cây phục vụ cho chiến tranh.

3. Tình hình phân hoá xã hội

- Chính sách cai trị và những biến động về kinh tế ở Việt Nam trong những năm chiến tranh đã đẩy mạnh sự phân hoá xã hội.
 - + Nông dân bị kiệt quệ, bần cùng.
 - + Giai cấp công nhân tăng lên về số lượng.
 - + Tư sản Việt Nam phát triển cả về số lượng và thế lực kinh tế.
 - + Tầng lớp tiểu tư sản thành thị phát triển nhưng bị chèn ép, bạc đãi, nguy cơ thất nghiệp đe dọa.

II. PHONG TRÀO YÊU NƯỚC TRONG NHỮNG NĂM CHIẾN TRANH

1. Hoạt động của Việt Nam Quang phục hội

- Khi chiến tranh bùng nổ, thấy hoàn cảnh mới, Hội đã tổ chức hoạt động trở lại.
- Từ cuối năm 1914, Việt Nam Quang phục hội chuyển hướng về hoạt động trong nước.
- Việt Nam Quang Phục hội đã vận động được nhiều tầng lớp tham gia một số cuộc bạo động như tấn công binh lính Pháp ở tỉnh lỵ Phú Thọ, Lục Giang (Bắc Giang); phối hợp với tù nhân ở Lao Bảo khởi nghĩa nhưng bị thất

bại. Cuối cùng Việt Nam Quang phục hội tan rã sau đợt khủng bố lớn của giặc Pháp và tay sai vào năm 1916.

2. Cuộc vận động khởi nghĩa của Thái Phiên và Trần Cao Vân (1916)

- Lợi dụng sự phản ứng của binh lính người Việt và nhân dân Quảng Nam, Quảng Ngãi, Huế đối với chính quyền thực dân, Thái Phiên và Trần Cao Vân đã vận động họ tiến hành khởi nghĩa và mời vua Duy Tân tham gia.
- Khởi nghĩa dự định vào giữa tháng 5-1916, nhưng kế hoạch bị lộ. Ở Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Pháp đóng chặt cửa trại lính, tước vũ khí của binh lính người Việt, lùng bắt những người yêu nước. Thái Phiên và Trần Cao Vân đưa được vua Duy Tân ra ngoài Hoàng thành, nhưng mấy hôm sau cả ba người đều bị giặc bắt. Nghĩa binh ở Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi đều nổi dậy, nhưng thiếu người lãnh đạo nên tan vỡ nhanh chóng.

3. Khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên (1917)

- Thái Nguyên lại là nơi dày ải những người yêu nước bị bắt trong các phong trào Đông Du, Đông Kinh nghĩa thực, Duy tân, khởi nghĩa Yên Thế... Giữa những người tù chính trị bị giam giữ với số binh lính yêu nước làm việc trong nhà tù dần dần có sự gặp gỡ tiếp xúc bí mật. Một âm mưu bạo động được chuẩn bị.
- Những người lãnh đạo cuộc bạo động là Trịnh Văn Cấn (Đội Cấn) một binh sĩ yêu nước và Lương Ngọc Quyến- một hội viên của Quang Phục hội bị giam ở nhà tù Thái Nguyên.
- Cuộc khởi nghĩa nổ ra đêm 30 rạng sáng 31-8-1917. Giám binh Nô-en bị giết ngay tại trận. Quân khởi nghĩa làm chủ các công sở, phá nhà tù, giải phóng tất cả tù nhân. Trừ trại lính Pháp vẫn ngoan cố chống cự, toàn bộ thị xã đã do quân khởi nghĩa chiếm giữ. Ngọn cờ khởi nghĩa “Nam bình phục quốc” bay cao trên bầu trời tỉnh lỵ Thái nguyên. Lãnh đạo nghĩa quân phát hịch tuyên bố Thái Nguyên độc lập, đặt quốc hiệu là Đại Hùng, vạch tội ác của giặc Pháp, kêu gọi đồng bào vùng lên khôi phục nền độc lập của đất nước.
- Thực dân Pháp quyết định đưa 2.000 quân lên Thái Nguyên. Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt. Sau một tuần lễ làm chủ tỉnh lỵ, cuối cùng để thoát khỏi thế bao vây o ép của quân thù, nghĩa quân phải rút ra ngoài và kéo dài cuộc chiến đấu được sáu tháng thì tan rã.

4. Những cuộc khởi nghĩa vũ trang của đồng bào các dân tộc thiểu số

- Tại Tây Bắc, vào đầu tháng 11-1914 đã bùng nổ cuộc khởi nghĩa của người Thái. Nghĩa quân đánh chiếm nhiều đồn giặc dọc biên giới Việt-Lào và đến cuối năm 1915 đã làm chủ cả vùng Tây Bắc.
- Năm 1918, đồng bào Mông ở Lai Châu khởi nghĩa dưới sự lãnh đạo của Giàng Tả Chay.
- Vùng Đông Bắc, binh lính đồn Bình Liêu nổi dậy (tháng 11-1918) lôi cuốn đông đảo đồng bào các dân tộc Hán, Nùng, Dao ở địa phương vào phong trào, hoạt động trên một địa bàn rất rộng, từ sông Yên Tiên ra đến biển.

Quân khởi nghĩa uy hiếp cả vùng mỏ Quảng Yên, lan sang các hải đảo Móng Cái đến Hải Phòng. Đến giữa năm 1919, giặc Pháp mới đàn áp nổi.

- Ở Tây Nguyên, cao nguyên Tây Nam Trung Bộ, đồng bào các dân tộc thiểu số đã nhiều lần vùng dậy chống thực dân Pháp. Cuộc khởi nghĩa có ảnh hưởng lớn nhất là của đồng bào Mơ-nông do Nơ-trang Long chỉ huy. Nghĩa quân thắng nhiều trận lớn, buộc thực dân Pháp phải bỏ cả vùng cao nguyên Mơ-nông rộng lớn. Từ năm 1916, thực dân Pháp tổ chức bao vây chặt vùng Mơ-nông, triệt đường tiếp tế muối. Mặc dù vậy, cuộc khởi nghĩa vẫn kéo dài đến nhiều năm sau chiến tranh, cho tới năm 1935 mới chấm dứt.

5. Phong trào Hội kín ở Nam Kỳ

- Phong trào yêu nước của nhân dân Nam Kỳ tồn tại trong các tổ chức hội kín như Thiên địa hội, Nghĩa hòa hội, Thái bình hội, Phục hưng hội... Các hội kín thường khoác áo tôn giáo mê tín để dễ tuyên truyền vận động và hoạt động trong quần chúng, chủ yếu là nông dân.

- Trong dân gian hồi đó lan truyền rằng Phan Xích Long là dòng dõi nhà trời, sai xuống làm vua nước Nam.

- Trong những năm chiến tranh, phong trào Hội kín phát triển rầm rộ ở tất cả các tỉnh miền Nam. Đáng chú ý nhất là vụ đột nhập vào Sài Gòn, mưu phá khám lớn để cứu Phan Xích Long.

- Phong trào Hội kín ở Nam Kỳ thực chất là phong trào đấu tranh của nông dân Nam Bộ bị đè nén đến cùng cực đã vùng lên quyết liệt, nhưng vì thiếu sự lãnh đạo của giai cấp tiên tiến nên nhanh chóng thất bại.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Hãy khoanh tròn một chữ in hoa đứng trước câu trả lời đúng.

1. Trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất, thực dân Pháp củng cố hệ thống quan lại ở đâu?

- A. Ở Nam triều. B. Ở Bắc Kỳ. C. Ở Trung Kỳ. D. Ở Nam Kỳ.

2. Với chính sách cai trị theo kiểu thực dân cũ của Pháp thì mọi quyền hành ở Việt Nam tập trung trong tay:

- A. Thống sứ người Pháp.
B. Vua quan Nam triều.
C. Chính phủ Pháp.
D. Thống sứ người Pháp và chính quyền Nam triều.

3. Trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất, thực dân Pháp đã mở rộng thương thuyết với Chính phủ nước nào để phối hợp đàn áp cách mạng Việt Nam?

- A. Chính phủ nước Anh. B. Chính phủ nước Mỹ.
C. Chính phủ nước Trung Quốc. D. Chính phủ nước Thái Lan.

4. Trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất, Toàn quyền Đông Dương tuyên bố điều gì trên lĩnh vực kinh tế ở Việt Nam?

- A. Việt Nam phải có nghĩa vụ nộp hết ruộng đất cho địa chủ người Pháp.

B. Việt Nam phải có nghĩa vụ đóng góp sức người, sức của cho “nước mẹ tham chiến”.

C. Việt Nam phải chi phí cho chiến trường nước Pháp trong lúc có chiến tranh.

D. Tất cả các tuyên bố trên.

5. Chính quyền thực dân đã cố gắng khôi phục, duy trì và mở rộng cơ sở công nghiệp ở Việt Nam để làm gì?

- A. Để thu được nhiều lợi nhuận phục vụ cho chiến tranh.
B. Để bù đắp cho công nghiệp chính quốc.
C. Để có cơ sở đầu tư ngày càng nhiều vào Việt Nam.
D. Để khai thác tối đa tài nguyên, thiên nhiên ở Việt Nam.

6. Chính quyền thực dân đã chú trọng phục hồi các ngành công nghiệp nào ở Việt Nam?

- A. Công nghiệp nặng. B. Công nghiệp nhẹ.
C. Công nghiệp phục vụ chiến tranh. D. Công nghiệp khai khoáng.

7. Do đâu các cơ sở sản xuất, buôn bán, giao thông vận tải của người Việt Nam được củng cố, mở rộng và xuất hiện nhiều cơ sở mới?

- A. Do Chiến tranh thế giới thứ nhất làm cho hàng hoá từ Pháp chở sang Việt Nam giảm sút.
B. Do Việt Nam có điều kiện phát triển các ngành nghề trên.
C. Do thực dân Pháp không vận chuyển hàng hoá từ chính quốc sang Việt Nam.
D. Do Việt Nam có thị trường rộng lớn.

8. Vì sao trong Chiến tranh thế giới thứ nhất sức sản xuất của nông dân ở nông thôn Việt Nam bị giảm sút?

- A. Do thực dân Pháp bóc lột nặng nề, nạn đói thường xuyên xảy ra.
B. Do nông dân bị đói khổ, không còn sức sản xuất.
C. Do nông dân bị tước đoạt ruộng đất nên không có đất để sản xuất.
D. Do thực dân Pháp bắt nông dân đi lính đánh thuê cho chúng.

9. Trong Chiến tranh thế giới thứ nhất, giai cấp nào ở Việt Nam tăng nhanh về số lượng?

- A. Giai cấp công nhân. B. Giai cấp nông dân.
C. Giai cấp tư sản dân tộc. D. Tầng lớp tiểu tư sản.

10. Trong Chiến tranh thế giới thứ nhất, tư sản Việt Nam như thế nào?

- A. Bị thực dân chèn ép nên không phát triển nổi.
B. Có điều kiện phát triển cả về số lượng và thế lực kinh tế.
C. Bị phá sản vì không cạnh tranh nổi với tư sản mại bản.
D. Bị thực dân Pháp và phong kiến kìm hãm nên không phát triển.

11. Các tầng lớp tiểu tư sản thành thị ở Việt Nam trong Chiến tranh thế giới thứ nhất bao gồm những thành phần nào trong xã hội?

- A. Tiểu chủ, tiểu thương, tiểu nông.
B. Học sinh, sinh viên, dân nghèo.

- C. Tiểu chủ, tiểu thương, công chức, học sinh, sinh viên.
D. Trí thức, tiểu thương, tiểu công, tiểu nông, thợ thủ công.

12. Tên tuổi của Bạch Thái Bưởi gắn liền với giai tầng nào trong xã hội Việt Nam trong Chiến tranh thế giới thứ nhất?

- A. Giai cấp nông dân.
B. Giai cấp công nhân.
C. Tầng lớp tư sản dân tộc.
D. Tầng lớp tiểu tư sản thành thị.

13. Tổ chức Việt Nam Quang Phục hội mở hoạt động trở lại khi nào?

- A. Khi Phan Bội Châu bị bắt.
B. Khi Phan Bội Châu bị giam lỏng ở Huế.
C. Khi Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ.
D. Khi Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc.

14. Lực lượng chủ yếu của Việt Nam Quang Phục hội trong những năm đầu của Chiến tranh thế giới thứ nhất là lực lượng nào?

- A. Công nhân, nông dân, thợ thủ công.
B. Công nhân và viên chức hoá xạ trên tuyến đường sắt Hà Nội – Vân Nam.
C. Công nhân và binh lính người Việt trong quân đội Pháp.
D. Tất cả các lực lượng trên.

15. Trong kế hoạch hành động của mình, Việt Nam Quang Phục hội liên kết với thành phần nào để đánh úp thành Hà Nội?

- A. Với công nhân ở Hà Nội.
B. Với nông dân ở Hà Nội, Thái Nguyên.
C. Với binh lính người Việt ở Hà Nội.
D. Với đông học sinh, sinh viên ở Hà Nội.

16. Việt Nam Quang Phục hội chuyển hướng về hoạt động trong nước khi nào?

- A. Khi Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ.
B. Khi Chiến tranh thế giới bước vào giai đoạn quyết liệt.
C. Khi Việt Nam bị ảnh hưởng nặng nề của Chiến tranh thế giới thứ nhất.
D. Khi Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc.

17. Năm 1915, Việt Nam Quang Phục hội phối hợp với tù nhân ở đâu tiến hành khởi nghĩa?

- A. Tù nhân ở Phú Thọ.
B. Tù nhân ở Lục Giang (Bắc Giang).
C. Tù nhân ở Hà Nội.
D. Tù nhân ở Lao Bảo (Quảng Trị).

18. Lợi dụng sự phản ứng của binh lính người Việt và nhân dân ở các địa phương nào mà Thái Phiên và Trần Cao Vân đã vận động họ tiến hành khởi nghĩa?

- A. Ở Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên.
B. Ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, Huế.
C. Ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định.
D. Ở Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà.

19. Vì sao khởi nghĩa của Thái Phiên và Trần Cao Vân không thành?

- A. Vì bị thực dân Pháp đàn áp ngay từ lúc khởi nghĩa chưa bùng nổ.
B. Vì kế hoạch khởi nghĩa bị lộ.
C. Vì số lượng người tham gia khởi nghĩa quá ít không thể tiến hành được.
D. Vì Thái Phiên và Trần Cao Vân mời vua Duy Tân tham gia khởi nghĩa.

20. Lãnh đạo cuộc khởi nghĩa của binh lính ở Thái Nguyên năm 1917 là những ai?

- A. Thái Phiên và Trịnh Văn Cấn.
B. Trịnh Văn Cấn và Lương Ngọc Quyến.
C. Trần Cao Vân và Lương Ngọc Quyến.
D. Trịnh Văn Cấn và vua Duy Tân.

21. Khởi nghĩa Thái Nguyên tan rã vào thời gian nào?

- A. Ngày 31 - 8 - 1917.
B. Ngày 11 - 1 - 1918.
C. Ngày 31 - 1 - 1918.
D. Ngày 13 - 1 - 1918.

22. Âm mưu “dùng người Việt trị người Việt” của thực dân Pháp bị giáng một đòn nặng nề bởi các sự kiện nào ở Việt Nam trong những năm 1908 đến 1917?

- A. Khởi nghĩa của binh lính Hà Nội, binh lính Huế và binh lính Thái Nguyên.
B. Khởi nghĩa của binh lính Hà Nội, binh lính miền Trung và binh lính Thái Nguyên.
C. Khởi nghĩa của binh lính Hà Nội, binh lính miền Nam và binh lính Thái Nguyên.
D. Khởi nghĩa của binh lính Hà Nội, binh lính Quảng Nam và binh lính Thái Nguyên.

23. Trong các cuộc khởi nghĩa vũ trang của đồng bào dân tộc thiểu số chống thực dân Pháp, cuộc khởi nghĩa của người Thái ở Tây Bắc diễn ra trong khoảng thời gian nào?

- A. Từ năm 1916 đến năm 1917.
B. Từ năm 1916 đến năm 1918.
C. Từ năm 1918 đến năm 1922.
D. Từ năm 1917 đến năm 1918.

24. Từ năm 1912 đến năm 1935 diễn ra cuộc nổi dậy của đồng bào dân tộc nào, ở đâu?

- A. Đồng bào Thái, ở Tây Bắc.
B. Đồng bào Mông ở Lai Châu.
C. Đồng bào Nùng ở Quảng Bình.
D. Đồng bào Mơ-nông ở Tây Nguyên.

25. Phong trào Hội kín ở Nam Kỳ trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất phát triển mạnh nhất ở các tỉnh nào?

- A. Biên Hoà, Long An, Bến Tre.
B. Bến Tre, Đồng Nai, Châu Đốc.
C. Biên Hoà, Bến Tre, Châu Đốc.
D. Bến Tre, Biên Hoà, Sóc Trăng.

26. Thành phần tham gia đông đảo nhất trong phong trào Hội kín ở Nam Kỳ là:

- A. Nông dân và dân nghèo thành thị.
B. Công nhân và binh lính người Việt.
C. Nông dân và công nhân.
D. Công nhân, thợ thủ công và dân nghèo thành thị.

27. Hãy hoàn thành nốt các câu sau đây cho đúng với những biến chuyển về kinh tế ở Việt Nam trong Chiến tranh thế giới thứ nhất.

1. Toàn quyền Đông Dương tuyên bố.....
2. Chính quyền thực dân cố gắng khôi phục, duy trì, mở rộng nhiều cơ sở công nghiệp để bù đắp cho công nghiệp chính quốc; phục hồi.....
3. Do chiến tranh, các cơ sở sản xuất, buôn bán, giao thông vận tải của.....

28. Nối thời gian ở cột A cho phù hợp với sự kiện ở cột B phong trào yêu nước ở Việt Nam những năm trong Chiến tranh thế giới thứ nhất.

A	B
1) Cuối năm 1914.	A. Ở vùng Đông Bắc, binh lính đồn Bông Liêu nổi dậy, kéo theo đồng bào các dân tộc Hán, Nùng, Dao tham gia.
2) Ngày 28 - 9 - 1915.	B. Cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên bùng nổ vào thời điểm này.
3) Năm 1916.	C. Khởi nghĩa Thái Nguyên tan rã.
4) Năm 1917.	D. Khởi nghĩa của người Thái ở Tây Bắc.
5) Ngày 31 - 8 - 1917.	E. Khởi nghĩa của đồng bào Mông ở Lai Châu.
6) Ngày 11- 1- 1918.	F. Khởi nghĩa của đồng bào Mông ở Tây Nguyên.
7) Năm 1914 - 1916.	G. Cuộc vận động khởi nghĩa của Thái Phiên và Trần Cao Vân.
8) Năm 1918 - 1922.	H. Việt Nam Quang Phục hội chuyển hướng hoạt động trong nước.
9) Năm 1912 - 1935.	I. Việt Nam Quang phục hội nổi dậy giết lính canh ở nhà tù Lao Bảo.
10) Đêm 16 - 11 - 1918.	K. Khởi nghĩa của binh lính ở Thái Nguyên.

BÀI 41

SỰ KHỞI ĐẦU CỦA MỘT KHUYNH HƯỚNG CỨU NƯỚC MỚI TRONG PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VIỆT NAM

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. PHONG TRÀO CÔNG NHÂN VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN HẾT CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

- Nguồn gốc của công nhân Việt Nam chủ yếu là nông dân bị tước ruộng đất, bị phá sản.

- Công nhân Việt Nam sống và làm việc trong điều kiện khắc nghiệt, bị tư bản Pháp áp bức bóc lột nặng nề, giá lao động rẻ mạt, đời sống khó khăn nên sớm đấu tranh chống lại tư bản Pháp.

- Các hình thức đấu tranh phổ biến của công nhân Việt Nam trong giai đoạn này là: bỏ việc, phá giao kèo, đánh lại cai, kí, tổ chức bãi công... Đây là hình thức đấu tranh mới của một lực lượng xã hội mới.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC TỪ NĂM 1911 ĐẾN NĂM 1918

- Vài nét về tiểu sử:

+ Nguyễn Ái Quốc sinh ngày 19-5-1890, tại làng Kim Liên, huyện Nam Đàn, Nghệ An. Sinh ra trong một gia đình nhà nho nghèo yêu nước, lớn lên trên quê hương giàu truyền thống cách mạng. Lúc nhỏ là Nguyễn Sinh Cung, sau đổi thành Nguyễn Tất Thành.

+ Nguyễn Ái Quốc sớm có lòng yêu nước, thương dân, muốn cứu nước, cứu dân, nhưng Người không đi theo con đường cứu nước của các bậc tiền bối.

- Quá trình hoạt động:

+ Năm 1904, Nguyễn Ái Quốc theo cha vào Huế, học tại trường Quốc học.

+ Ngày 5-6-1911, Nguyễn Ái Quốc rời cảng Sài Gòn đi tìm đường cứu nước.

+ Tháng 7-1911, Người đến cảng Mác-xây, sau đó qua nhiều nước châu Phi, châu Mỹ, châu Âu và trở lại Pháp vào tháng 12-1917.

+ Trong thời gian ở Pháp, Nguyễn Ái Quốc hăng hái hoạt động trong phong trào yêu nước của Việt kiều và phong trào công nhân Pháp. Người nhanh chóng trở thành nhân vật lãnh đạo chủ chốt của tổ chức Hội người Việt Nam yêu nước ở Pa-ri.

- Quá trình hoạt động của Nguyễn Ái Quốc là quá trình khảo sát, lựa chọn. Quá trình ấy đã giúp Nguyễn Ái Quốc tìm ra được con đường cách mạng đúng đắn cho dân tộc sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Hãy khoanh tròn một chữ in hoa đứng trước câu trả lời đúng.

1. Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời từ khi nào?

A. Trong quá trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp ở Việt Nam.

B. Trong Chiến tranh thế giới thứ nhất.

C. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam.

D. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.

2. Giai cấp công nhân Việt Nam có nguồn gốc chủ yếu từ đâu?

A. Từ giai cấp tư sản bị phá sản.

B. Từ giai cấp nông dân bị tước đoạt ruộng đất.

C. Từ thợ thủ công bị thất nghiệp.

D. Tất cả đều đúng.

3. Trước Chiến tranh thế giới thứ nhất, công nhân Việt Nam có khoảng bao nhiêu người?

A. Khoảng 5 vạn người.

B. Khoảng 6 vạn người.

C. Khoảng 10 vạn người.

D. Khoảng 8 vạn người.

4. Vừa mới ra đời, giai cấp công nhân Việt Nam đã tiếp thu được điều gì?

A. Học thuyết của chủ nghĩa Mác – Lê-nin.

B. Tư tưởng của Cách mạng tháng Mười Nga.

- C. Truyền thống yêu nước và ý chí đấu tranh bất khuất của dân tộc ta.
D. Tư tưởng của các trào lưu cứu nước ở các nước thuộc địa.
- 5. Vì sao giai cấp công nhân Việt Nam sớm bước lên vũ đài đấu tranh chống thực dân Pháp?**
A. Vì họ là lực lượng cách mạng đông đảo và hăng hái nhất ở Việt Nam.
B. Vì họ bị thực dân Pháp áp bức, bóc lột nặng nề nhất.
C. Vì họ đại diện cho giai cấp tiên tiến nhất.
D. Tất cả các lí do trên đều đúng.
- 6. Trước Chiến tranh thế giới thứ nhất, ở Việt Nam đã từng diễn ra khoảng bao nhiêu cuộc đấu tranh của công nhân?**
A. 46 cuộc đấu tranh. B. 62 cuộc đấu tranh.
C. 70 cuộc đấu tranh. D. 61 cuộc đấu tranh.
- 7. Hình thức đấu tranh đầu tiên của giai cấp công nhân Việt Nam là gì?**
A. Đập phá máy móc, đốt công xưởng.
B. Bãi công đòi tăng lương giảm giờ làm.
C. Bỏ việc, phá giao kèo, đánh lại cai kí, đưa đơn yêu cầu, tham gia khởi nghĩa, bãi công.
D. Từ bãi công tiến đến tổng bãi công để đòi quyền lợi về kinh tế.
- 8. Tháng 5 - 1909, ở Việt Nam diễn ra cuộc đấu tranh của công nhân ở đâu?**
A. Ở xưởng sửa chữa và đóng tàu Ba Son.
B. Ở hãng Liên hiệp thương mại Đông Dương (Hà Nội).
C. Ở mỏ thiết Tinh Túc (Cao Bằng).
D. Ở công ti than Hòn Gai.
- 9. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, công nhân Việt Nam tiếp thu được tư tưởng nào để chuyển sang đấu tranh tự giác?**
A. Tư tưởng Tam dân của Tôn Trung Sơn ở Trung Quốc.
B. Tư tưởng yêu nước của dân tộc ta.
C. Tư tưởng chủ nghĩa Mác - Lê-nin.
D. Tư tưởng của chủ nghĩa xã hội không tưởng.
- 10. Nguyễn Ái Quốc sinh ra và lớn lên trong một gia đình như thế nào?**
A. Gia đình trí thức yêu nước. B. Gia đình nông dân nghèo yêu nước.
C. Gia đình công nhân nghèo yêu nước. D. Gia đình địa chủ nhỏ yêu nước.
- 11. Vì sao Nguyễn Ái Quốc không đi theo con đường cứu nước của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và các bậc tiền bối yêu nước đầu thế kỉ XX?**
A. Con đường của họ không có nước nào áp dụng.
B. Con đường của họ là con đường cách mạng tư sản.
C. Nguyễn Ái Quốc nhìn thấy sự bế tắc của các con đường cứu nước đó.
D. Con đường cứu nước của họ chỉ đóng khung trong nước, không thoát khỏi sự bế tắc của chế độ phong kiến.

- 12. Năm 1904, Nguyễn Ái Quốc theo cha là Nguyễn Sinh Sắc đi đâu?**
A. Đi vào Cao Lãnh (Đồng Tháp). B. Đi vào Bến cảng Nhà Rồng (Sài Gòn).
C. Đi vào Huế. D. Đi vào Phan Thiết.
- 13. Trong thời gian học ở trường Quốc học Huế, Nguyễn Ái Quốc thường chứng kiến khẩu hiệu gì của Pháp?**
A. "Tự do, dân chủ, cơm áo, hoà bình".
B. "Tự do ngôn luận và tự do báo chí".
C. "Tự do, bình đẳng, bác ái".
D. "Độc lập dân tộc cho các nước thuộc địa".
- 14. Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước vào thời gian nào?**
A. Ngày 6 tháng 5 năm 1911. B. Ngày 5 tháng 6 năm 1911.
C. Ngày 10 tháng 5 năm 1911. D. Ngày 19 tháng 5 năm 1911.
- 15. Tháng 7 - 1911, Nguyễn Ái Quốc đến địa danh nào của nước Pháp?**
A. Cảng Mác-xây. B. Thành phố Véc-xai.
C. Thủ đô Pa-ri. D. Thành phố Phong-ten-blô.
- 16. Sau nhiều năm bôn ba ở các nước châu Phi, châu Mỹ, châu Âu, Nguyễn Ái Quốc trở lại nước Pháp vào thời gian nào?**
A. Tháng 11 năm 1917. B. Tháng 12 năm 1917.
C. Tháng 2 năm 1918. D. Tháng 6 năm 1919.
- 17. Trong thời gian trở lại Pháp, Nguyễn Ái Quốc hăng hái hoạt động trong các phong trào nào?**
A. Phong trào giải phóng dân tộc của các nước thuộc địa.
B. Phong trào đấu tranh của công nhân Pháp.
C. Phong trào yêu nước của Việt kiều ở Pháp.
D. Phong trào yêu nước của Việt kiều và phong trào đấu tranh của công nhân Pháp.
- 18. Trong những năm trở lại Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã nhanh chóng trở thành nhân vật lãnh đạo của tổ chức nào?**
A. Hội người Việt Nam yêu nước ở Pa-ri.
B. Hội Việt kiều yêu nước tại Véc-xai.
C. Phong trào đấu tranh của công nhân Pháp.
D. Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa.
- 19. Vào tháng 7 - 1920, đánh dấu mốc lịch sử quan trọng như thế nào trong quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc?**
A. Nguyễn Ái Quốc đưa yêu sách đến Hội nghị Véc-xai đòi các quyền dân tộc cơ bản.
B. Nguyễn Ái Quốc đọc sơ thảo Luận cương của Quốc tế Cộng sản về vấn đề dân tộc và thuộc địa.
C. Nguyễn Ái Quốc dự Đại hội của Đảng Xã hội Pháp họp ở Tua.
D. Nguyễn Ái Quốc đọc sơ thảo Luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa.

20. Nguyễn Ái Quốc gia nhập vào Đảng Cộng sản Pháp vào thời gian nào?

A. Tháng 7 năm 1920.

B. Tháng 2 năm 1921.

C. Tháng 12 năm 1920.

D. Tháng 12 năm 1921.

BÀI 42

SƠ KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM 1858-1918

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN.

1. Việt Nam giữa thế kỉ XIX trước cuộc xâm lược của thực dân Pháp

- Tình hình xã hội phong kiến Việt Nam thế kỉ XVIII- XIX:

+ Bước vào giai đoạn khủng hoảng trầm trọng.

+ Mâu thuẫn xã hội nảy sinh.

+ Hàng loạt cuộc khởi nghĩa và chiến tranh nông dân bùng nổ.

- Yêu cầu lịch sử đặt ra:

+ Thống nhất đất nước, tạo điều kiện cho nền kinh tế hàng hoá và thị trường dân tộc phát triển.

+ Giải phóng sức sản xuất và cải thiện đời sống nhân dân.

- Sự cai trị đất nước của triều Nguyễn:

+ Tư tưởng bảo thủ, cố chấp, nên không theo kịp xu thế thời đại.

+ Thi hành hàng loạt chính sách hẹp hòi, đi ngược lại quyền lợi dân tộc.

+ Đẩy đất nước vào tình trạng suy yếu, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, quốc phòng yếu kém, tài chính kiệt quệ.

- Lợi dụng cơ hội này, các nước tư bản phương Tây, nhất là Pháp dòm ngó rồi xâm lược Việt Nam.

2. Thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam

- Ngày 1-9-1858, Liên quân Pháp - Tây Ban Nha nổ súng đánh vào cửa biển Đà Nẵng, mở màn cuộc chiến tranh xâm lược nước ta.

- Thái độ của triều Nguyễn: đi từ thoả hiệp này đến thoả hiệp khác và cuối cùng phải kí Hiệp ước Pa-tơ-nốt (6-6-1884) chấp nhận sự thống trị của thực dân Pháp trên đất nước ta.

- Thái độ của nhân dân ta: chiến đấu ngoan cường vì nền độc lập, tự do của Tổ quốc, vì cuộc sống bình yên của quê hương. Cuộc chiến tranh nhân dân bền bỉ, dẻo dai, đều khắp với tinh thần dũng cảm vô song.

- Từ giữa năm 1885, sau khi triều Nguyễn đầu hàng hoàn toàn, một phong trào yêu nước mới dưới khẩu hiệu "Cần vương" đã được phát động. Phong trào đã thể hiện tinh thần quật khởi, bất khuất của nhân dân ta.

- Mặc dầu cuối cùng bị thất bại, nhưng phong trào yêu nước cuối thế kỉ XIX đã đánh một dấu son trong trang sử chống ngoại xâm oai hùng của dân tộc ta và để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý giá.

3. Những biến đổi trong đời sống kinh tế - xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX

- Về kinh tế:

+ Việt Nam trở thành một nước thuộc địa nửa phong kiến và bị biến thành nơi cung cấp sức người, sức của rẻ mạt.

+ Kinh tế Việt Nam bị cột chặt vào nền kinh tế Pháp

+ Đã xuất hiện những thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa dưới hình thái thực dân.

- Về xã hội:

+ Giai cấp công nhân ra đời.

+ Tầng lớp tư sản dân tộc và tiểu tư sản xuất hiện nhưng chưa trở thành giai cấp thực thụ.

4. Phong trào yêu nước và cách mạng

- Cuối thế kỉ XIX, ngọn cờ phong kiến đã không thể giương cao được nữa.

- Một trào lưu tư tưởng cách mạng mới bắt đầu dội vào Việt Nam.

- Các sĩ phu yêu nước Việt Nam đã đón nhận những ảnh hưởng của trào lưu tư tưởng dân chủ tư sản, nhất là của Nhật Bản, Trung Quốc và Pháp. Họ đã thực hiện cuộc vận động cứu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản.

- Tuy nhiên, do tầm nhìn hạn chế và những trở lực không thể vượt qua, cuối cùng cuộc vận động yêu nước của họ bị thất bại.

- Bên cạnh cuộc vận động yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản còn có cuộc đấu tranh của nông dân, điển hình là khởi nghĩa Yên Thế.

- Trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào cách mạng Việt Nam rơi vào tình trạng khủng hoảng sâu sắc về đường lối và giai cấp lãnh đạo. Trong bối cảnh đó, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước. Từ chủ nghĩa yêu nước, Người đến chủ nghĩa Lê-nin và tìm ra con đường cứu nước đúng đắn.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Hãy khoanh tròn một chữ in hoa đứng trước câu trả lời đúng.

1. Chế độ phong kiến Việt Nam bước vào giai đoạn khủng hoảng trầm trọng từ khi nào?

A. Từ thế kỉ XVII.

B. Từ thế kỉ XVIII.

C. Từ thế kỉ XIX.

D. Từ thế kỉ XX.

2. Sau khi đánh bại triều Tây Sơn, ai là người đầu tiên củng cố chế độ phong kiến tập quyền?

A. Gia Long.

B. Minh Mạng.

C. Thiệu Trị.

D. Tự Đức.

3. Dưới thời nhà Nguyễn có bao nhiêu đời vua, bao nhiêu đời chúa?

A. Chín đời vua, chín đời chúa.

B. Mười đời vua Mười chín đời chúa.

C. Chín đời vua, mười ba đời chúa.

C. Tám đời vua, mười đời chúa.

- 4. Lợi dụng các điều khoản của Hiệp ước nào, thực dân Pháp định đem quân xâm lược Việt Nam một cách hợp Pháp?**
A. Hiệp ước Mác-xai (1788). B. Hiệp ước Véc-xai (1787).
C. Hiệp ước Hác-măng (1883). D. Hiệp ước Pa-tơ-nốt (1884).
- 5. Vì sao cuối thế kỉ XVIII, thực dân Pháp không thực hiện được ý đồ xâm lược Việt Nam?**
A. Vì chúng chưa chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cho cuộc chiến tranh xâm lược.
B. Vì triều đại phong kiến Việt Nam còn mạnh.
C. Vì chúng chưa có thế lực nội ứng ở Việt Nam.
D. Vì những diễn biến chính trị năm 1789 và điều kiện khó khăn về kinh tế tài chính.
- 6. Mở màn cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp ở Việt Nam bằng sự kiện lịch sử nào?**
A. Ngày 9 - 1 - 1858, Liên quân Pháp – Tây Ban Nha nổ súng đánh vào cửa biển Đà Nẵng.
B. Ngày 1 - 9 - 1858, Liên quân Pháp – Anh nổ súng đánh vào cửa biển Đà Nẵng.
C. Ngày 1 - 9 - 1858, Liên quân Pháp – Tây Ban Nha nổ súng đánh vào cửa biển Đà Nẵng.
D. Ngày 9 - 1 - 1858, Liên quân Pháp – Bồ Đào Nha nổ súng đánh vào cửa biển Đà Nẵng.
- 7. Người được cử làm tổng chỉ huy mặt trận Quảng Nam – Đà Nẵng để lo việc chống giặc trong những ngày đầu thực dân Pháp xâm lược Việt Nam là ai?**
A. Tôn Thất Thuyết. B. Hoàng Diệu.
C. Phan Thanh Giản. D. Nguyễn Tri Phương.
- 8. Chính quyền nhà Nguyễn thương lượng rồi đi đến kí kết Hoà ước Nhâm Tuất với Pháp vào thời gian nào?**
A. Ngày 5 tháng 6 năm 1862. B. Ngày 6 tháng 5 năm 1862.
C. Ngày 5 tháng 6 năm 1864. D. Ngày 6 tháng 5 năm 1864.
- 9. Thực dân Pháp đánh chiếm thành Hà Nội lần thứ nhất vào năm nào, lúc đó ai là Tổng đốc thành Hà Nội?**
A. Năm 1873, Tổng đốc thành Hà Nội là Nguyễn Tri Phương.
B. Năm 1874, Tổng đốc thành Hà Nội là Hoàng Diệu.
C. Năm 1875, Tổng đốc thành Hà Nội là Tôn Thất Thuyết.
D. Năm 1874, Tổng đốc thành Hà Nội là Lưu Vĩnh Phúc.
- 10. Thực dân Pháp đánh chiếm thành Hà Nội lần thứ hai vào năm nào, lúc đó ai là Tổng đốc thành Hà Nội?**
A. Năm 1883, Tổng đốc thành Hà Nội là Nguyễn Tri Phương.
B. Năm 1882, Tổng đốc thành Hà Nội là Hoàng Diệu.

- C. Năm 1885, Tổng đốc thành Hà Nội là Tôn Thất Thuyết.
D. Năm 1884, Tổng đốc thành Hà Nội là Lưu Vĩnh Phúc.
- 11. Người tổ chức thành công hai trận phục kích giết hai sĩ quan chỉ huy Pháp là Gác-ni-e và Ri-vi-e tại Cầu Giấy trong hai lần Pháp tấn công Bắc Kỳ là ai?**
A. Lưu Vĩnh Phúc. B. Phan Bá Vành.
C. Hoàng Diệu. D. Nguyễn Tri Phương.
- 12. Quyền “bảo hộ” của Pháp ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ được triều đình Huế chính thức thừa nhận qua việc:**
A. Kí Hiệp ước Giáp Tuất (1874). B. Kí Hiệp ước Hác-măng (1883).
C. Kí Hiệp ước Pa-tơ-nốt (1884). D. Kí Hiệp ước Thiên Tân (1884).
- 13. Sau khi triều Huế kí Hiệp ước Hác-măng (1883) và Hiệp ước Pa-tơ-nốt, phái chủ chiến trong triều đình do ai đứng đầu vẫn hi vọng khôi phục chủ quyền và chờ thời cơ tới?**
A. Vua Hàm Nghi. B. Nguyễn Văn Tường.
C. Vua Duy Tân. D. Tôn Thất Thuyết.
- 14. Chiếu Cần vương kêu gọi đồng bào, tướng lĩnh, sĩ phu ra sức giúp vua cứu nước được ban hành bởi:**
A. Vua Hàm Nghi. B. Vua Duy Tân.
C. Vua Thành Thái. D. Vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết.
- 15. Mục tiêu của phong trào Cần vương là gì?**
A. Phò vua, cứu nước.
B. Giải phóng dân tộc.
C. Chống triều đình Huế.
D. Chống các thế lực phản động ở các địa phương.
- 16. Hưởng ứng phong trào Cần vương, cuộc khởi nghĩa nào dưới đây nổ ra đầu tiên?**
A. Khởi nghĩa Hùng Lĩnh. B. Khởi nghĩa Hương Khê.
C. Khởi nghĩa Ba Đình. D. Khởi nghĩa Bãi Sậy.
- 17. Trong phong trào Cần vương, chống Pháp cuối thế kỉ XIX, cuộc khởi nghĩa nào có quy mô lớn nhất?**
A. Khởi nghĩa Hùng Lĩnh. B. Khởi nghĩa Hương Khê.
C. Khởi nghĩa Ba Đình. D. Khởi nghĩa Bãi Sậy.
- 18. Trong các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần vương, cuộc khởi nghĩa nào kéo dài lâu nhất?**
A. Khởi nghĩa Hùng Lĩnh. B. Khởi nghĩa Hương Khê.
C. Khởi nghĩa Ba Đình. D. Khởi nghĩa Bãi Sậy.

19. Sắp xếp theo thứ tự thời gian kết thúc (từ trước đến sau) các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần vương:

- A. Khởi nghĩa Ba Đình – Bãi Sậy – Hương Khê.
- B. Khởi nghĩa Bãi Sậy – Ba Đình – Hương Khê.
- C. Khởi nghĩa Bãi Sậy – Hương Khê – Ba Đình.
- D. Khởi nghĩa Hương Khê – Ba Đình – Bãi Sậy.

20. Một vị tướng tài trên lĩnh vực vừa chế tạo vũ khí, vừa tham gia khởi nghĩa Hương Khê. Ông là ai?

- A. Phan Đình Phùng.
- B. Đinh Công Tráng.
- C. Cao Thắng.
- D. Nguyễn Thiện Thuật.

21. Cuộc khởi nghĩa nào trong phong trào Cần vương đầu thế kỉ XIX được đánh dấu là bước phát triển cao nhất và khi nó thất bại cũng đánh dấu sự kết thúc của phong trào Cần vương trên phạm vi cả nước?

- A. Khởi nghĩa Hùng Lĩnh.
- B. Khởi nghĩa Hương Khê.
- C. Khởi nghĩa Ba Đình.
- D. Khởi nghĩa Bãi Sậy.

22. Cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất của nông dân Việt Nam cuối thế kỉ XIX là cuộc khởi nghĩa nào?

- A. Khởi nghĩa Hương Khê.
- B. Khởi nghĩa Yên Thế.
- C. Khởi nghĩa của Cao Bá Quát.
- D. Khởi nghĩa của Phan Bá Vành.

23. Nguyên nhân cơ bản nhất làm cho phong trào đấu tranh của nhân dân ta đến năm 1918 cuối cùng đều bị thất bại?

- A. Do thiếu sự liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân.
- B. Do thiếu sự lãnh đạo của một giai cấp tiên tiến cách mạng.
- C. Do thực dân Pháp còn mạnh, lực lượng cách mạng còn non yếu.
- D. Do ý thức hệ phong kiến trở nên lỗi thời, lạc hậu.

24. Cuối thế kỉ XIX, trào lưu tư tưởng cách mạng mới ở các nước nào bắt đầu dội vào Việt Nam?

- A. Của Trung Quốc và Ấn Độ.
- B. Của Trung Quốc, Nhật Bản và các nước Đông Nam Á.
- C. Của Trung Quốc, Nhật Bản và Pháp.
- D. Của Trung Quốc, Ấn Độ và Pháp.

25. Hội Duy tân ở Trung Kỳ do ai sáng lập ra, vào năm nào?

- A. Phan Châu Trinh, vào năm 1908.
- B. Vua Duy Tân, vào năm 1907.
- C. Lương Văn Can, vào năm 1905.
- D. Phan Bội Châu, vào năm 1904.

26. Ai là người khởi xướng phong trào yêu nước của Việt Nam theo khuynh hướng vô sản?

- A. Phan Bội Châu.
- B. Phan Châu Trinh.
- C. Nguyễn Ái Quốc.
- D. Lương Văn Can.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Bài 1

1C 2D 3A 4B 5C 6C 7B 8A 9A 10B

Bài 2

1C 2C 3A 4D 5B 6C 7B 8A
9C 10B 11D 12C 13D 14A 15B 16A

Bài 3

1A 2B 3B 4A 5. 1:F; 2:B, C, D, I; 3:A, E, G, H, K 6A
7B 8C 9A 10A 11C 12C

Bài 4

1D 2B 3C 4D 5B 6C 7A 8C 9D 10D
11B 12B 13B 14D 15A 16. 1:C; 2:D; 3:B; 4:A; 5:H; 6:G; 7:F; 8:E
17A 18B 19D 20D

Bài 5

1A 2C 3C 4B 5A 6D 7C 8B

Bài 6

1A 2C 3B 4B 5D 6. 1:C; 2:D; 3:A; 4:E; 5:B 7B 8D
9A 10D 11. 1:A, B, D, F; 2:A, E, F; 3:C, F 12A 13B 14A

Bài 7

1A 2D 3B 4B 5C 6B 7D 8C 9A
10D 11C 12B 13C 14D 15D 16C 17A 18B
19C 20D 21C 22B 23D 24A 25C 26B

Bài 8

1C 2A 3B 4D 5C 6A 7D
8C 9B 10D 11C 12B 13A 14B

Bài 9

1B 2C 3B 4A 5D 6C 7A 8A 9B
10A 11B 12C 13C 14D 15B 16B 17A 18D
19C 20A 21B 22D 23C 24D 25B 26A

Bài 10

1C 2A 3B 4D 5C 6A 7C 8B
9B 10D 11D 12B 13C 14D 15A 16B

Bài 11

1D 2B 3D 4B 5A 6C 7A 8B
9B 10C 11A 12D 13B 14C 15C 16D

Bài 12

1C 2B 3C 4D 5A 6B 7C 8C 9D 10B 11B 12A
13C 14D 15D 16B 17C 18C
19.1B; 2:A; 3:E; 4:C; 5:D; 6:G; 7:F

Bài 13

1B 2D 3D 4A 5B 6C 7B 8A 9D 10B
11A 12C 13D 14C 15A 16B 17C 18A 19D

Bài 14

1B 2C 3B 4D 5B 6A 7C 8B 9D 10D
11C 12D 13A 14C 15D 16D 17A 18B 19D

Bài 15

1B 2B 3C 4A 5D 6C 7B 8D 9C
10B 11A 12B 13A 14D 15C 16B 17D 18C

Bài 16

1A 2B 3B 4C 5D 6C 7C 8A 9B 10B
11C 12B 13C 14D 15C 16A 17B 18C 19C 20C
21C 22D 23A 24B

25. 1:B; 2:A; 3:D; 4:C; 5:E; 6:G; 7:F

Bài 17

1C 2B 3A 4C 5D 6C 7A 8C 9A 10B 11C 12D
13C 14D 15C 16A 17B 18C 19B 20C 21D 22B 23A 24C
25C 26B 27A

28. 1:B; 2:A; 3:D; 4:C; 5:E; 6: G; 7:F; 8:I; 9:H

Bài 18

1B 2C 3D 4B 5C 6A 7B 8C 9A 10C
11B 12C 13A 14B 15C 16C 17C 18A 19D
20D 21B 22D 23A 24D 25D 26A 27B 28C

Bài 19

1B 2A 3D 4C 5B 6A 7D
8C 9B 10D 11A 12C 13A 14B

Bài 20

1B 2C 3A 4B 5D 6D 7B
8C 9A 10B 11B 12A 13D 14C

Bài 21

1B 2D 3B 4C 5B 6D 7A 8B 9A 10B 11C 12B
13B 14D 15C 16B 17C 18A 19B 20D 21A 22C 23C 24A

Bài 22

1B 2B 3D 4C 5D 6B 7B 8D 9B 10C 11B 12C
13D 14B 15A 16A

Bài 23

1B 2B 3C 4D 5A 6B 7C 8D 9C
10B 11A 12C 13C 14C 15D 16B 17A 18C
19B 20C 21A 22D 23B 24C 25B 26C

Bài 24

1B 2C 3A 4C 5B 6D 7A 8B 9C 10B 11A
12C 13D 14D 15B 16A 17C 18B 19D 20C 21C 22B

Bài 25

1B 2A 3D 4B 5C 6B 7D 8C 9C
10A 11C 12B 13C 14B 15D 16B 17C 18A

Bài 26

1B 2C 3A 4B 5C 6D 7A 8C 9D 10C 11A
12B 13C 14B 15C 16A 17B 18A 19A 20B 21D 22C

Bài 27

1B 2A 3C 4D 5A 6B 7A 8C
9B 10B 11A 12D 13D 14C 15B 16A

Bài 28

1A 2D 3C 4B 5C 6D 7C
8A 9C 10D 11A 12B 13D 14B

Bài 29

1D 2A 3D 4B 5C 6A 7A
8C 9B 10C 11B 12A 13D 14B

Bài 30

1D 2B 3A 4C 5D 6B 7D
8C 9D 10B 11D 12B 13C 14A

Bài 31

1C 2B 3B 4C 5B 6D 7A 8C 9D 10B 11C 12B
13B 14C 15A 16D 17C 18A 19B 20A 21B 22C 23D 24A

Bài 32

1B 2C 3C 4D 5B 6A 7D 8C 9B 10C
11D 12A 13B 14C 15D 16D 17D 18B 19C
20A 21B 22A 23D 24C 25B 26D 27C 28A
29B 30C 31D 32B 33C 34A 35D 36C 37C

Bài 33

1B 2C 3A 4C 5B 6C 7D 8A 9B 10D
11C 12C 13B 14D 15B 16A 17. 1:B, E; 2:A, G; 3:D, F; 4:C, H
18. A. Tháng 7 - 1921 B. Tháng 12 - 1925 C. Tháng 7 - 1922
D. Tháng 5 - 1921 E. Tháng 5 - 1920 F. Tháng 12 - 1920
19. A. Phần lớn các nước tư bản chủ nghĩa khủng hoảng kinh tế, chính trị.
B. Thời kì ổn định và tăng trưởng của chủ nghĩa tư bản.
C. Khủng hoảng kinh tế trong thế giới tư bản chủ nghĩa.
D. Các nước tư bản thoát khỏi khủng hoảng.

Bài 34

1A 2B 3D 4C 5C 6A 7B 8A 9B
 10D 11B 12A 13B 14C 15A 16C 17B 18D
 19B 20A 21A 22D 23B 24A 25A 26B

Bài 35

1B 2C 3B 4A 5D 6B 7B 8D 9B 10A 11B 12B
 13D 14B 15A 16B 17A 18C 19C 20A 21A 22B 23C 24D

25. 1C; 2D; 3A; 4B; 5F; 6E; 7I; 8G; 9H

26. 1,2,3,6,7,8: Ba tỉnh miền Tây.

2,4,5,6,8: Ba tỉnh miền Đông.

27.

A. Duyệt ngược sông Hồng lên buôn bán với Trung Quốc, bắt người trái phép, cướp phá thuyền bè trên sông... nhưng triều đình phong kiến vẫn không dám chống lại.

B. Gác-ni-e đến Hà Nội cho quân Pháp khiêu khích.

C. Gác-ni-e gửi tối hậu thư cho Nguyễn Tri Phương yêu cầu nộp thành.

D. Gác-ni-e cho nổ súng đánh thành Hà Nội.

E. Gác-ni-e chiếm tỉnh Hưng Yên.

F. Quân Pháp bị phục kích tại Cầu Giấy, Gác-ni-e bị chết tại trận.

G. Hiệp ước Giáp Tuất được kí kết tại Sài Gòn.

Bài 36

1C 2B 3B 4B 5A 6B 7C 8D

Bài 37

1B 2C 3A 4B 5C 6B 7A 8D 9C 10B
 11A 12D 13C 14C 15C 16A 17C 18A 19C 20B
 21A 22C 23B 24C 25A 26B 27B 28B 29A

30. 1G, 2A, 3A, 4B, 5I, 6E, 7D, 8H, 9F, 10D

31. 1B, 2A, 3D, 4C

32. 3,7: Khởi nghĩa Bãi Sậy.

2,5: Khởi nghĩa Ba Đình.

4,8: Khởi nghĩa Hùng Lĩnh.

1,6: Khởi nghĩa Hương Khê.

Bài 38

1A 2A 3C 4A 5D 6B 7C 8A 9B 10D 11C 12B
 13C 14B 15B

Bài 39

1B 2C 3B 4D 5C 6A 7C 8D 9B 10C 11A 12B 13B
 14B 15C 16C 17D 18B 19A 20C 21D 22B 23D 24C

25. A,E,F: Đúng; B,C,D: Sai

26. A. Trung Quốc.

B. Lương Khải Siêu, Khang Hữu Vi.

C. Pháp.

D. Rút-xô, Mông-te-xki-ơ.

E. Tân Hợi (1911).

F. Trung Quốc.

27. 1: B,D,F;

2: A,C,E,F,G.

Bài 40

1B 2A 3C 4B 5B 6C 7A 8D 9A
 10B 11C 12C 13C 14B 15C 16B 17C 18B
 19B 20B 21B 22B 23A 24D 25C 26A

27.

1. Việt Nam phải có nghĩa vụ đóng góp sức của, sức người phục vụ cho "nước mẹ" tham chiến.

2. Các ngành phục vụ trực tiếp cho chiến tranh.

3. Người Việt Nam được củng cố, mở rộng và xuất hiện nhiều cơ sở mới.

28. 1H 2I 3G 4K 5B 6C 7D 8E 9F 10A

Bài 41

1A 2B 3C 4C 5B 6D 7C 8B 9C 10A
 11C 12C 13C 14B 15A 16B 17D 18A 19D 20C

Bài 42

1B 2A 3C 4B 5D 6C 7D 8A 9A
 10B 11A 12B 13D 14D 15B 16C 17B 18B
 19A 20C 21B 22B 23B 24C 25C 26C

MỤC LỤC

Phần một. LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI

Trang

Chương I. CÁC CUỘC CÁCH MẠNG TƯ SẢN

(GIỮA THẾ KỈ XVI ĐẾN CUỐI THẾ KỈ XVIII)

Bài 1. Cách mạng Hà Lan giữa thế kỉ XVI.....	5
Bài 2. Cuộc cách mạng tư sản Anh giữa thế kỉ XVII.....	8
Bài 3. Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mĩ nửa sau thế kỉ XVIII.....	11
Bài 4. Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII.....	14

Chương II. CÁC NƯỚC ÂU - MĨ (THẾ KỈ XIX - ĐẦU THẾ KỈ XX)

Bài 5. Châu Âu từ chiến tranh Na-pô-lê-ông đến hội nghị viên.....	21
Bài 6. Cách mạng công nghiệp (cuối thế kỉ XVIII - giữa thế kỉ XIX).....	23
Bài 7. Hoàn thành cách mạng tư sản ở châu Âu và Mĩ (giữa thế kỉ XIX).....	26
Bài 8. Các nước tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.....	32
Bài 9. Các nước tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa (tiếp theo).....	35

Chương III. PHONG TRÀO CÔNG NHÂN (GIỮA THẾ KỈ XIX - ĐẦU THẾ KỈ XX)

Bài 10. Phong trào đấu tranh của công nhân vào nửa đầu thế kỉ XIX.....	42
Bài 11. Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học - Quốc tế thứ nhất.....	45
Bài 12. Công xã Pa-ri (1871).....	48
Bài 13. Phong trào công nhân quốc tế.....	53
Bài 14. Lê-nin và phong trào công nhân Nga đầu thế kỉ XX.....	56

Chương IV. CÁC NƯỚC CHÂU Á (TỪ GIỮA THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX)

Bài 15. Nhật Bản.....	60
Bài 16. Ấn Độ.....	64
Bài 17. Trung Quốc.....	69
Bài 18. Các nước Đông Nam Á (cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX).....	75

Chương V. CÁC NƯỚC CHÂU PHI, MĨ LA-TINH THỜI CẬN ĐẠI

Bài 19. Châu Phi.....	83
Bài 20. Khu vực Mĩ La-tinh.....	85

Chương VI. CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914-1918)

Bài 21. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918).....	88
--	----

Chương VII. NHỮNG THÀNH TỰU VĂN HÓA THỜI CẬN ĐẠI

Bài 22. Những thành tựu văn hóa thời cận đại.....	93
Bài 23. Ôn tập lịch sử thế giới cận đại.....	97

Phần hai. LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI (1917-1945)

Chương VIII. CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGA NĂM 1917 VÀ CÔNG CUỘC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở LIÊN XÔ (1921-1941)

Bài 24. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 và cuộc đấu tranh bảo vệ Cách mạng (1917-1921).....	103
Bài 25. Liên Xô xây dựng chủ nghĩa xã hội (1921-1941).....	108

Chương IX. CÁC NƯỚC TƯ BẢN CHỦ NGHĨA GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918-1939)

Bài 26. Khái quát các nước tư bản chủ nghĩa giữa hai cuộc Chiến tranh thế giới (1918 - 1939).....	112
Bài 27. Nước Đức giữa hai cuộc Chiến tranh thế giới (1918-1939).....	117
Bài 28. Nước Mĩ giữa hai cuộc Chiến tranh thế giới (1918-1939).....	120
Bài 29. Nhật Bản giữa hai cuộc Chiến tranh thế giới (1918-1939).....	123

Chương X. CÁC NƯỚC CHÂU Á GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918-1939)

Bài 30. Phong trào cách mạng ở Trung Quốc và Ấn Độ (1918-1939).....	127
Bài 31. Các nước Đông Nam Á giữa hai cuộc Chiến tranh thế giới (1918-1939).....	130

Chương VI. CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1939-1945)

Bài 32. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945).....	136
Bài 33. Ôn tập lịch sử thế giới hiện đại (1917-1945).....	145

Phần ba. LỊCH SỬ VIỆT NAM (1858-1918)

Chương I. VIỆT NAM TỪ NĂM 1858 ĐẾN CUỐI THẾ KỈ XIX

Bài 34. Việt Nam trước nguy cơ bị Pháp xâm lược.....	150
Bài 35. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam từ năm 1858 đến năm 1884.....	154
Bài 36. Trào lưu cải cách duy tân ở Việt Nam Trong những năm cuối thế kỉ XIX.....	162
Bài 37. Phong trào yêu nước chống pháp của nhân dân Việt Nam trong những năm cuối thế kỉ XIX.....	164

Chương II. VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN HẾT CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

Bài 38. Sự chuyển biến về kinh tế, xã hội và tư tưởng ở Việt Nam đầu thế kỉ XX.....	173
Bài 39. Phong trào yêu nước và cách mạng ở Việt Nam đầu thế kỉ XX.....	176
Bài 40. Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918).....	182
Bài 41. Sự khởi đầu của một khuynh hướng cứu nước mới trong phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam.....	188
Bài 42. Tổng kết lịch sử Việt Nam 1858-1918.....	192
ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM.....	197